

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM**



**ĐÀO VIỆT HÀ**

**QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO NĂNG LỰC THỰC HIỆN  
NGHỀ KỸ THUẬT XÂY DỰNG  
Ở CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC**

**HÀ NỘI, 2014**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM**

---

**ĐÀO VIỆT HÀ**

**QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO NĂNG LỰC THỰC HIỆN**  
**NGHỀ KỸ THUẬT XÂY DỰNG**  
**Ở CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG**

*Chuyên ngành:* **Quản lý giáo dục**

*Mã số:* **62 14 05 14**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**

**GS.TSKH. Nguyễn Minh Đường**

**TS. Phan Chính Thức**

**HÀ NỘI, 2014**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan, những gì mà tôi viết trong luận án này là do sự tìm hiểu và nghiên cứu của bản thân tôi. Mọi kết quả nghiên cứu cũng như ý tưởng của các tác giả khác nếu có đều được trích dẫn nguồn gốc cụ thể.

Luận án này cho đến nay chưa được bảo vệ tại bất kỳ một hội đồng bảo vệ luận án tiến sĩ nào ở trong nước cũng như ở nước ngoài và cho đến nay chưa hề được công bố trên bất kỳ một phương tiện thông tin nào.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về những gì mà tôi đã cam đoan ở trên.

*Hà Nội, ngày 6 tháng 8 năm 2014*

**NCS. Đào Việt Hà**

## LỜI CẢM ƠN

Xin chân thành cảm ơn Thầy GS.TSKH. Nguyễn Minh Đường và Thầy TS. Phan Chính Thức đã trực tiếp hướng dẫn tôi hoàn thành luận án này;

Xin chân thành cảm ơn quý Thầy Cô, cán bộ Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam;

Xin chân thành cảm ơn Vụ Tổ chức cán bộ (Bộ Xây dựng), tập thể Ban Giám hiệu, cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh của các cơ sở đào tạo thuộc Bộ Xây dựng, tập thể lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật và công nhân lao động của các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng đã hỗ trợ tôi thực hiện luận án này;

Xin chân thành cảm ơn Ban Giám hiệu, tập thể cán bộ, giáo viên Trường Cao đẳng Xây dựng công trình đô thị đã tạo điều kiện, giúp đỡ, động viên để tôi hoàn thành luận án này;

Với tất cả yêu thương dành trọn cho gia đình.

Xin chân thành cảm ơn!

**NCS. Đào Việt Hà**

## MỤC LỤC

<b>LỜI CAM ĐOAN</b> .....	i
<b>LỜI CẢM ƠN</b> .....	ii
<b>DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT</b> .....	vi
<b>DANH MỤC CÁC BẢNG</b> .....	vii
<b>DANH MỤC CÁC HÌNH VÀ BIỂU ĐỒ</b> .....	x
<b>DANH MỤC PHỤ LỤC</b> .....	xi
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Lý do lựa chọn đề tài .....	1
2. Mục đích nghiên cứu .....	3
3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu .....	3
4. Giả thuyết khoa học .....	4
5. Nhiệm vụ nghiên cứu .....	4
6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu .....	4
7. Phương pháp tiếp cận và phương pháp nghiên cứu .....	4
8. Luận điểm để bảo vệ .....	6
9. Những đóng góp mới của luận án .....	7
10. Cấu trúc của luận án .....	7
<b>CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO NGHỀ THEO NĂNG LỰC THỰC HIỆN</b> .....	9
<b>1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề</b> .....	9
1.1.1. Ở nước ngoài .....	9
1.1.2. Ở trong nước .....	14
<b>1.2. Một số khái niệm cơ bản</b> .....	20
1.2.1. Năng lực và năng lực thực hiện .....	20
1.2.2. Quản lý đào tạo .....	23
1.2.3. Chuẩn nghề nghiệp và chuẩn đầu ra .....	26
<b>1.3. Đào tạo nghề theo năng lực thực hiện</b> .....	29
1.3.1. Triết lý của đào tạo theo năng lực thực hiện .....	29
1.3.2. Đặc điểm của đào tạo theo năng lực thực hiện .....	31
1.3.3. Nội dung của đào tạo theo năng lực thực hiện .....	36
1.3.4. Đào tạo theo năng lực thực hiện trong mối quan hệ với thị trường lao động .....	39
1.3.5. Tổ chức đào tạo nghề theo năng lực thực hiện .....	40

1.3.6. Điều kiện để đào tạo nghề theo năng lực thực hiện .....	41
<b>1.4. Quản lý đào tạo nghề theo năng lực thực hiện .....</b>	<b>43</b>
1.4.1. Quản lý đào tạo nghề hướng tới chất lượng .....	43
1.4.2. Vận dụng mô hình CIPO trong quản lý đào tạo nghề theo năng lực thực hiện .....	47
1.4.3. Ma trận các chức năng quản lý và nội dung quản lý đào tạo nghề theo năng lực thực hiện .....	55
<b>Kết luận chương 1 .....</b>	<b>55</b>
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO NĂNG LỰC THỰC HIỆN NGHỀ KỸ THUẬT XÂY DỰNG Ở CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG .....</b>	<b>57</b>
<b>2.1. Đặc điểm của lao động kỹ thuật trong ngành Xây dựng .....</b>	<b>57</b>
<b>2.2. Mạng lưới cơ sở đào tạo nghề của ngành Xây dựng .....</b>	<b>60</b>
<b>2.3. Khảo sát điều tra thực trạng quản lý đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện .....</b>	<b>61</b>
2.3.1. Mục đích khảo sát .....	61
2.3.2. Nội dung khảo sát .....	61
2.3.3. Đối tượng khảo sát .....	61
2.3.4. Thời gian khảo sát .....	62
<b>2.4. Thực trạng về đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện .....</b>	<b>62</b>
2.4.1. Lĩnh vực nghề đào tạo ở các cơ sở đào tạo ngành Xây dựng .....	62
2.4.2. Dạy và học các năng lực thực hiện nghề Kỹ thuật xây dựng .....	63
2.4.3. Đánh giá và xác nhận các năng lực thực hiện nghề Kỹ thuật xây dựng .....	64
<b>2.5. Thực trạng về quản lý đào tạo theo năng lực thực hiện nghề Kỹ thuật xây dựng ở các trường cao đẳng xây dựng .....</b>	<b>69</b>
2.5.1. Quản lý đầu vào .....	69
2.5.2. Quản lý quá trình dạy học nghề kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện .....	87
2.5.3. Quản lý đầu ra .....	96
2.5.4. Khả năng thích ứng với các yếu tố tác động của bối cảnh đến quản lý đào tạo theo năng lực thực hiện nghề Kỹ thuật xây dựng .....	101
<b>2.6. Những yếu kém, nguyên nhân .....</b>	<b>102</b>
2.6.1. Những yếu kém .....	102
2.6.2. Nguyên nhân .....	104
<b>Kết luận chương 2 .....</b>	<b>105</b>

<b>CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO NĂNG LỰC THỰC HIỆN NGHỀ KỸ THUẬT XÂY DỰNG</b> .....	107
<b>3.1. Định hướng phát triển nhân lực ngành Xây dựng đến năm 2020</b> .....	107
<b>3.2. Nguyên tắc đề xuất các giải pháp</b> .....	109
3.2.1. Bảo đảm tính đồng bộ .....	110
3.2.2. Bảo đảm tính thực tiễn .....	110
3.2.3. Bảo đảm tính khả thi .....	111
<b>3.3. Giải pháp quản lý đào tạo theo năng lực thực hiện nghề Kỹ thuật xây dựng</b> .....	111
3.3.1. Giải pháp 1: Quản lý công tác tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện .....	111
3.3.2. Giải pháp 2: Quản lý phát triển chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện đáp ứng chuẩn nghề nghiệp .....	116
3.3.3. Giải pháp 3: Quản lý các điều kiện bảo đảm chất lượng đáp ứng yêu cầu đào tạo theo năng lực thực hiện nghề Kỹ thuật xây dựng .....	121
3.3.4. Giải pháp 4: Quản lý quá trình dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện .....	126
3.3.5. Giải pháp 5: Quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện .....	131
3.3.6. Giải pháp 6: Quản lý thông tin đầu ra nghề Kỹ thuật xây dựng .....	135
<b>3.4. Khảo sát lấy ý kiến chuyên gia và thử nghiệm một số giải pháp</b> .....	139
3.4.1. Khảo sát lấy ý kiến chuyên gia .....	139
3.4.2. Thử nghiệm một số giải pháp đã đề xuất .....	142
<b>Kết luận chương 3</b> .....	156
<b>KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ</b> .....	158
1. Kết luận .....	158
2. Khuyến nghị .....	159
<b>DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ</b> .....	162
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	163
<b>PHỤ LỤC</b> .....	173

**DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

<b>Viết tắt</b>	<b>Xin đọc là</b>
CBKT	Cán bộ kỹ thuật
CBQL	Cán bộ quản lý
CĐN	Cao đẳng nghề
CĐXD	Cao đẳng xây dựng
CSĐT	Cơ sở đào tạo
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐTĐN	Đào tạo nghề
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
KHCN	Khoa học công nghệ
KNN	Kỹ năng nghề
NCS	Nghiên cứu sinh
NLTH	Năng lực thực hiện
QLĐT	Quản lý đào tạo
TTLĐ	Thị trường lao động



## DANH MỤC CÁC BẢNG

<b>Tên bảng</b>	<b>Trang</b>
<b>Bảng 1.1:</b> Các mức trình độ của kỹ năng .....	34
<b>Bảng 1.2:</b> Các mức trình độ về kiến thức .....	34
<b>Bảng 1.3:</b> Các mức độ về thái độ .....	34
<b>Bảng 1.4:</b> Sự khác biệt giữa dạy học theo NLTH và dạy học truyền thống dưới góc độ người học .....	37
<b>Bảng 1.5:</b> So sánh giữa dạy học theo NLTH và dạy học truyền thống .....	38
<b>Bảng 1.6:</b> Ma trận các chức năng quản lý và nội dung quản lý theo CIPO trong ĐTN theo NLTH .....	54
<b>Bảng 2.1:</b> Tỷ lệ lao động bậc cao và bậc trung bình trong các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng năm 2011 .....	59
<b>Bảng 2.2:</b> Danh mục các trường CĐXD ngành Xây dựng năm 2013 .....	60
<b>Bảng 2.3:</b> Đánh giá về chất lượng đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN .....	66
<b>Bảng 2.4:</b> Tình trạng việc làm sau khi tốt nghiệp của HS học nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN .....	67
<b>Bảng 2.5:</b> Mức độ khó khăn mà HS tốt nghiệp nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN gặp phải trong thời gian đầu làm việc tại doanh nghiệp .....	68
<b>Bảng 2.6:</b> Những khó khăn của các CSĐT nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp .....	68
<b>Bảng 2.7:</b> Số lượng HS học nghề ở các trường CĐXD .....	69
<b>Bảng 2.8:</b> Cách thức tuyển sinh học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH .....	70
<b>Bảng 2.9:</b> Cơ sở tiến hành hiệu chỉnh CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH .....	74
<b>Bảng 2.10:</b> Đánh giá của CSĐT về mức độ phù hợp của mục tiêu, CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN so với yêu cầu thực tiễn sản xuất .....	74
<b>Bảng 2.11:</b> Số lượng GV dạy nghề cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn của các trường CĐXD .....	76
<b>Bảng 2.12:</b> Số lượng GV dạy nghề cơ hữu của các trường CĐXD .....	

<i>phân loại theo trình độ chuyên môn</i> .....	77
<b>Bảng 2.13:</b> <i>Đánh giá của CSĐT về quản lý chất lượng đội ngũ GV dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH</i> .....	79
<b>Bảng 2.14:</b> <i>Tự đánh giá của GV về điểm yếu của GV khi dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH</i> .....	81
<b>Bảng 2.15:</b> <i>Mức độ hạn chế của đội ngũ CBQL khi tổ chức đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH</i> .....	82
<b>Bảng 2.16:</b> <i>Đánh giá về khả năng đáp ứng của cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH</i> .....	85
<b>Bảng 2.17:</b> <i>Đánh giá về mức độ hiện đại so với thực tế sản xuất của cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH</i> ...	85
<b>Bảng 2.18:</b> <i>Các hoạt động về lập kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH</i> .....	88
<b>Bảng 2.19:</b> <i>Đánh giá của HS về tổ chức quá trình học các mô đun nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH</i> .....	89
<b>Bảng 2.20:</b> <i>Khả năng bảo đảm NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng của HS đúng theo mục tiêu đào tạo khi không tổ chức dạy học tích hợp</i> ...	89
<b>Bảng 2.21:</b> <i>Mức độ sử dụng các phương pháp dạy học trong đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH</i> .....	90
<b>Bảng 2.22:</b> <i>Đánh giá của CSĐT về chất lượng các hoạt động quản lý học tập và HS</i> .....	92
<b>Bảng 2.23:</b> <i>Nguyên nhân dẫn đến năng lực tự học của HS không tốt</i> .....	92
<b>Bảng 2.24:</b> <i>Cơ sở để GV đánh giá kết quả học tập của HS học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH</i> .....	93
<b>Bảng 2.25:</b> <i>Các hình thức GV sử dụng để đánh giá kết quả học tập của HS học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH</i> .....	93
<b>Bảng 2.26:</b> <i>Tự đánh giá của HS sau khi học xong một môn học, mô đun nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH</i> .....	95
<b>Bảng 2.27:</b> <i>Mức độ quan tâm của doanh nghiệp đối với các yêu cầu cơ bản của lao động kỹ thuật nghề Kỹ thuật xây dựng</i> .....	97
<b>Bảng 2.28:</b> <i>Mức độ phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp trong QLĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH</i> .....	99
<b>Bảng 2.29:</b> <i>Những khó khăn trong việc thiết lập và phát triển mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp trong phối hợp đào tạo</i>	

<i>ngành Kỹ thuật xây dựng theo NLTH</i> .....	101
<b>Bảng 3.1:</b> <i>Một số chỉ tiêu chủ yếu phát triển nhân lực thời kỳ 2011 – 2020</i> .....	107
<b>Bảng 3.2:</b> <i>Quy trình quản lý hiệu chỉnh nội dung CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng theo NLTH đáp ứng chuẩn nghề nghiệp</i> .....	117
<b>Bảng 3.3:</b> <i>Quy trình tổ chức quá trình dạy học ngành Kỹ thuật xây dựng theo NLTH</i> .....	129
<b>Bảng 3.4:</b> <i>Tổng hợp ý kiến đánh giá về tính thực tiễn và tính khả thi của các giải pháp</i> .....	140
<b>Bảng 3.5:</b> <i>Tổng hợp ý kiến đánh giá về thực nghiệm giải pháp “Quản lý phát triển CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng theo NLTH đáp ứng chuẩn nghề nghiệp”</i> .....	148
<b>Bảng 3.6:</b> <i>Tổng hợp ý kiến đánh giá về thực nghiệm giải pháp “Quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ ngành Kỹ thuật xây dựng theo NLTH”</i> .....	153
<b>Tổng số: 40 bảng</b>	

## DANH MỤC CÁC HÌNH VÀ BIỂU ĐỒ

<b>Tên hình và biểu đồ</b>	<b>Trang</b>
<b>Hình 1.1:</b> <i>Mối quan hệ giữa thế giới việc làm và thế giới giáo dục .....</i>	28
<b>Hình 1.2:</b> <i>Khái quát về mối quan hệ giữa quá trình đào tạo theo NLTH và TTLĐ .....</i>	39
<b>Hình 1.3:</b> <i>Mô hình quản lý đào tạo theo quá trình .....</i>	45
<b>Hình 1.4:</b> <i>Mô hình CIPO về quản lý đào tạo .....</i>	46
<b>Hình 1.5:</b> <i>Vận dụng mô hình CIPO trong QLĐT nghề theo NLTH .....</i>	47
<b>Hình 2.1:</b> <i>Phân bố lực lượng lao động ngành Xây dựng do Bộ Xây dựng quản lý theo ngành nghề năm 2011 .....</i>	57
<b>Hình 2.2:</b> <i>Xếp loại học tập và rèn luyện của HS CĐN Kỹ thuật xây dựng .....</i>	65
<b>Hình 2.3:</b> <i>Đánh giá của GV về tỉ trọng lý thuyết và thực hành trong CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN .....</i>	75
<b>Hình 2.4:</b> <i>Đánh giá của HS về tỉ trọng lý thuyết và thực hành trong CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN .....</i>	75
<b>Hình 2.5:</b> <i>Số lượng GV dạy nghề cơ hữu ở các trường CĐXD phân chia theo trình độ chuyên môn .....</i>	77
<b>Hình 2.6:</b> <i>Tỷ lệ GV có khả năng dạy học tích hợp theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng .....</i>	80
<b>Hình 3.1:</b> <i>Chu trình quản lý phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH .....</i>	116
<b>Hình 3.2:</b> <i>Chu trình quản lý phát triển đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH .....</i>	122
<b>Hình 3.3:</b> <i>Chu trình quản lý trang thiết bị dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH .....</i>	122
<b>Hình 3.4:</b> <i>Chu trình quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra (NLTH) nghề Kỹ thuật xây dựng .....</i>	133
<b>Tổng số: 15 hình</b>	

## DANH MỤC PHỤ LỤC

<b>Tên phụ lục</b>	<b>Trang</b>
<b>Phụ lục 1:</b> <i>Các cơ sở đào tạo thực hiện khảo sát, điều tra</i> .....	173
<b>Phụ lục 2:</b> <i>Các doanh nghiệp thực hiện khảo sát, điều tra</i> .....	174
<b>Phụ lục 3:</b> <i>Phiếu điều tra dành cho CBQL của các cơ sở đào tạo</i> .....	175
<b>Phụ lục 4:</b> <i>Phiếu điều tra dành cho giáo viên trực tiếp giảng dạy nghề Kỹ thuật xây dựng</i> .....	184
<b>Phụ lục 5:</b> <i>Phiếu điều tra dành cho HS nghề Kỹ thuật xây dựng của các cơ sở đào tạo</i> .....	192
<b>Phụ lục 6:</b> <i>Phiếu điều tra dành cho CBKT và công nhân kỹ thuật của doanh nghiệp</i> .....	195
<b>Phụ lục 7:</b> <i>Phiếu thăm dò ý kiến chuyên gia về các giải pháp</i> .....	198
<b>Phụ lục 8:</b> <i>Phiếu trưng cầu ý kiến đánh giá kết quả trước thử nghiệm và sau khi áp dụng các giải pháp thử nghiệm</i> .....	200
<b>Phụ lục 9:</b> <i>Quyết định thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chuẩn đầu ra và phát triển CTĐT các chuyên ngành đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và ĐTN</i> .....	202
<b>Phụ lục 10:</b> <i>Kế hoạch xây dựng, điều chỉnh chuẩn đầu ra và phát triển CTĐT các chuyên ngành đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và ĐTN</i> .....	204
<b>Phụ lục 11:</b> <i>Quyết định điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra các chuyên ngành đào tạo</i> .....	208
<b>Phụ lục 12:</b> <i>Chuẩn đầu ra dạy nghề trình độ CĐN điều chỉnh, bổ sung theo đề xuất của giải pháp thử nghiệm</i> .....	209
<b>Phụ lục 13:</b> <i>Trích CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng hiện hành</i> .....	230
<b>Phụ lục 14:</b> <i>Trích dẫn nội dung một mô đun mới bổ sung sau khi phát triển CTĐT</i> .....	234
<b>Phụ lục 15:</b> <i>Mẫu đề thi số 1 nghề Kỹ thuật xây dựng</i> .....	238

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do lựa chọn đề tài

Ở Việt Nam, chất lượng giáo dục là một trong những mối quan tâm bậc nhất trong chính sách giáo dục của Đảng và Nhà nước ta những năm gần đây. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI chỉ rõ: “Chất lượng GD&ĐT chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, nhất là đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao vẫn còn hạn chế; chưa chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của xã hội... Chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học lạc hậu, đổi mới chậm; cơ cấu giáo dục không hợp lý giữa các lĩnh vực, ngành nghề đào tạo; chất lượng giáo dục toàn diện giảm sút, chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Quản lý nhà nước về giáo dục còn bất cập...” [12, tr.18]

Nghị quyết 29-NQ/TW về “Đổi mới căn bản và toàn diện GD&ĐT” tại Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI khẳng định quan điểm chỉ đạo: “Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.” [13]

Đào tạo theo NLTH đang là xu thế mới của GD&ĐT và đã tạo ra những thay đổi căn bản của quá trình dạy học. Ưu điểm nổi bật của đào tạo theo NLTH là đáp ứng được nhu cầu của cả người học và người sử dụng lao động. Với người học, sau khi tốt nghiệp sẽ có đủ năng lực để thực hiện thành thạo được các công việc của nghề đạt chuẩn quy định và gia tăng cơ hội tìm được việc làm. Với người sử dụng lao động, những “sản phẩm của quá trình đào tạo” đáp ứng được yêu cầu thực tiễn sản xuất sẽ là yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Xây dựng là một lĩnh vực kinh tế đa ngành, liên quan đến nhiều lĩnh vực như chế tạo vật liệu, san ủi mặt bằng, thi công xây lắp nhà dân dụng, công

trình công nghiệp,... Những thập kỷ gần đây, KHCN xây dựng có nhiều thành tựu mới đang được ứng dụng rộng rãi trên thế giới và cũng đã bắt đầu được ứng dụng ở nước ta. Những công nghệ mới này đòi hỏi người lao động phải được đào tạo một cách bài bản, nghiêm túc; hội tụ đủ năng lực và phẩm chất để lao động có chất lượng trong việc thiết kế và thi công những công trình xây dựng phức tạp. Nhu cầu về nhân lực chất lượng cao của ngành Xây dựng ở nước ta hiện nay là rất lớn. Nhiều tập đoàn xây dựng lớn đã và đang hiện đại hóa công nghệ xây dựng nên cần một lực lượng lao động kỹ thuật lớn đáp ứng được những yêu cầu công việc. Tuy nhiên, do “sản phẩm đào tạo” trong nước chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của sản xuất, nhiều công ty đang phải nhập khẩu lao động kỹ thuật. Đây là một thách thức lớn, đồng thời cũng là động lực để các CSĐT phải chủ động tìm các giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo đáp ứng nhu cầu lao động kỹ thuật của ngành Xây dựng.

Mạng lưới các CSĐT của ngành Xây dựng gồm 33 trường thực hiện chức năng và nhiệm vụ đào tạo nhân lực trực tiếp cho Ngành. Trong nhiều năm qua các trường đã tích cực đổi mới công tác đào tạo, đã bắt đầu áp dụng đào tạo theo NLTH hoặc theo học chế tín chỉ. Đối với đào tạo nghề, các trường CĐXD đã tiếp cận và triển khai đào tạo theo NLTH. Tuy nhiên, quá trình triển khai gặp nhiều khó khăn, kết quả chưa đạt được mục tiêu mong muốn. Điều này do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ yếu là do các trường chưa đổi mới cách thức QLĐT, vẫn lấy quản lý hành chính áp đặt vào quá trình đào tạo nên dẫn đến sự vận hành rời rạc, thiếu đồng bộ trong từng bộ phận và toàn bộ hệ thống QLĐT, gây ra những mâu thuẫn nội tại trong quá trình QLĐT. Quản lý tuyển sinh thiếu tính hệ thống và đa dạng; quản lý phát triển CTĐT chưa sát với yêu cầu của thực tế sản xuất; quản lý các điều kiện bảo đảm chất lượng xuất phát từ khả năng đáp ứng của nhà trường; quản lý quá trình dạy học triển khai theo kiểu truyền thống; quản lý đầu ra chưa theo chuẩn NLTH; chưa triển khai quản lý thông tin đầu ra dạy nghề... Các trường

cũng đã nhận ra những khiếm khuyết này nhưng không dễ dàng tìm được mô hình và các giải pháp QLĐT phù hợp đối với thực tiễn của trường.

Với những lý do nêu trên, tác giả chọn đề tài “*Quản lý đào tạo theo năng lực thực hiện nghề Kỹ thuật xây dựng ở các trường cao đẳng xây dựng*” làm đề tài luận án tiến sĩ với mong muốn đóng góp các giải pháp QLĐT vừa thực tiễn, vừa khả thi để nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất và nhu cầu doanh nghiệp ngành Xây dựng.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

Đề xuất các giải pháp QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng ở các trường CĐXD nhằm từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất và nhu cầu doanh nghiệp ngành Xây dựng.

## **3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu**

**3.1. Khách thể nghiên cứu:** Đào tạo nghề theo NLTH ở các trường cao đẳng xây dựng.

**3.2. Đối tượng nghiên cứu:** Quản lý đào tạo theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng ở các trường CĐXD.

## **4. Giả thuyết khoa học**

Hiện nay, ĐTN theo NLTH đang được triển khai ở các trường CĐXD; tuy nhiên, cách thức QLĐT nghề nói chung và QLĐT nghề Kỹ thuật xây dựng nói riêng chưa được đổi mới nên đang tồn tại những yếu kém, bất cập: quản lý đầu vào thiếu tính hệ thống và chưa bám sát vào yêu cầu của thực tiễn sản xuất; quản lý quá trình dạy học triển khai kiểu đào tạo theo niên chế; quản lý đầu ra chưa theo chuẩn NLTH; khả năng thích ứng chưa cao với tác động của bối cảnh mới do còn xuất hiện “độ trễ” và “lỗ hổng” trong triển khai; do vậy, chất lượng đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp.

Nếu thực hiện đồng bộ QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng gồm quản lý các yếu tố đầu vào, quản lý quá trình dạy học, quản lý các yếu tố đầu



ra,... thì sẽ từng bước nâng cao được chất lượng và hiệu quả đào tạo, đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp ngành Xây dựng.

### **5. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Nghiên cứu, phát triển cơ sở lý luận về đào tạo và QLĐT theo NLTH.
- Đánh giá thực trạng đào tạo và QLĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH ở các trường CĐXD.
- Đề xuất các giải pháp QLĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất và nhu cầu doanh nghiệp.
- Khảo sát lấy ý kiến chuyên gia về các giải pháp và thử nghiệm một số giải pháp tại Trường cao đẳng Xây dựng công trình đô thị làm minh chứng cho tính khả thi và tính thực tiễn của các giải pháp.

### **6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu**

- Đề tài giới hạn nghiên cứu QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN ở các trường CĐXD.
- Việc khảo sát, đánh giá thực trạng được thực hiện tại các trường CĐXD thuộc Bộ Xây dựng có đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng.
- Việc thử nghiệm được giới hạn với hai giải pháp về “Quản lý phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH đáp ứng chuẩn nghề nghiệp” và “Quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH”; và tiến hành tại Trường CĐXD công trình đô thị (Bộ Xây dựng).

### **7. Phương pháp tiếp cận và phương pháp nghiên cứu**

#### ***7.1. Phương pháp tiếp cận***

Để nghiên cứu đề tài, tác giả sử dụng các phương pháp tiếp cận sau đây:

*7.1.1. Phương pháp tiếp cận thị trường:* Trong cơ chế thị trường, nhà trường cần được quản lý và vận hành theo các quy luật cung - cầu, quy luật giá trị và quy luật cạnh tranh của thị trường để nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Chất lượng là yếu tố quyết định sự sống còn của CSĐT

trong nền kinh tế thị trường; do vậy, các CSĐT phải không ngừng nâng cao chất lượng để đáp ứng nhu cầu khách hàng và để đủ sức cạnh tranh, tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Tóm lại, QLĐT phải hướng tới chất lượng.

### *7.1.2. Phương pháp tiếp cận mục tiêu đầu ra: Năng lực thực hiện*

Đào tạo lao động kỹ thuật phải chuyển từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận mục tiêu, lấy mục tiêu đầu ra làm đích, hướng tới việc hình thành những năng lực cần thiết cho người học để sau khi tốt nghiệp họ có thể thực hiện được nhiệm vụ ở vị trí lao động của mình theo chuẩn nghề nghiệp và có cơ hội tìm được việc làm.

### *7.1.3. Phương pháp tiếp cận quá trình*

Chất lượng là cả quá trình! Để QLĐT hướng tới chất lượng cần quản lý từ đầu vào, quản lý quá trình dạy học đến quản lý các yếu tố đầu ra của quá trình đào tạo, đồng thời phải quan tâm đến tác động của bối cảnh mới, đặc biệt là công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện GD&ĐT của nước nhà, tiến bộ KHCN của ngành Xây dựng và nền kinh tế thị trường.

## **7.2. Phương pháp nghiên cứu**

### *7.2.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận*

Thu thập thông tin có liên quan, phân tích, tổng hợp, đánh giá và vận dụng vào việc xây dựng cơ sở lý luận của luận án.

### *7.2.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn*

Phân tích hoạt động QLĐT theo NLTH để nhận thức được thực trạng tổ chức, quản lý quá trình đào tạo nhằm xác định mặt mạnh, mặt yếu kém và nguyên nhân, làm cơ sở cho việc xác định các giải pháp đổi mới quản lý nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Một số phương pháp sử dụng là:

- *Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi*: Điều tra, khảo sát ở các trường CĐXD và một số doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng để có thông tin làm cơ sở cho việc phân tích đánh giá thực trạng về đào tạo và quản lý đào tạo đáp

ứng nhu cầu doanh nghiệp ở các trường CĐXD. NCS đã tiến hành khảo sát 9 CSĐT, 6 doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng; đồng thời gửi phiếu điều tra đến 150 GV, 50 CBQL, 175 HS của 5 trường CĐXD thuộc Bộ Xây dựng đang đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng; 30 CBKT, 120 công nhân kỹ thuật của 6 doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng có tuyển dụng người học sau khi tốt nghiệp nghề Kỹ thuật xây dựng của các trường CĐXD trên địa bàn Hà Nội.

- *Phương pháp tổng kết kinh nghiệm thực tiễn giáo dục*: Tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, phân tích các số liệu thống kê hàng năm để đánh giá thực trạng các hoạt động đào tạo và QLĐT đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất và nhu cầu doanh nghiệp.

- *Phương pháp thử nghiệm*: Tiến hành thử nghiệm hai giải pháp về “Quản lý phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH đáp ứng chuẩn nghề nghiệp” và “Quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH” để minh chứng cho tính khả thi, tính thực tiễn của giải pháp và tính đúng đắn của giả thuyết khoa học được đề ra.

### 7.2.3. Các phương pháp khác

- *Phương pháp chuyên gia*: Tác giả đã sử dụng phương pháp chuyên gia để khảo sát thăm dò ý kiến 14 nhà khoa học trong lĩnh vực quản lý giáo dục; 7 chuyên gia, CBQL ở Bộ ngành liên quan; 33 lãnh đạo, CBQL các trường CĐXD; 12 lãnh đạo quản lý các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực xây dựng về tính thực tiễn và tính khả thi của các giải pháp được đề xuất.

- *Phương pháp thống kê toán học*: Sử dụng phương pháp thống kê toán học để xử lý các số liệu khảo sát và thử nghiệm.

## 8. Luận điểm để bảo vệ

1) QLĐT có tính quyết định đến sự thành bại của các CSĐT trong cơ chế thị trường. Để nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp thì khâu then chốt và bước đi đột phá của các CSĐT là phải đổi mới QLĐT phù hợp với sự vận hành của nền kinh tế thị trường; theo đó, các

trường CDXD cần vận dụng các quan điểm và mô hình quản lý hiện đại vào quản lý quá trình đào tạo.

2) Vận dụng mô hình CIPO: QLĐT theo NLTH các yếu tố đầu vào, quá trình dạy học, các yếu tố đầu ra, đồng thời quan tâm đến tác động của bối cảnh mới, đặc biệt là đổi mới căn bản và toàn diện GD&ĐT, tiến bộ KHCN của ngành Xây dựng và nền kinh tế thị trường là phù hợp với QLĐT nghề Kỹ thuật xây dựng hướng tới chất lượng.

3) Thực hiện phương thức đào tạo theo NLTH ở các trường CDXD là cần thiết để các trường có thể nhanh chóng đổi mới đào tạo theo hướng tiếp cận đầu ra, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng được yêu cầu của khách hàng và góp phần phát triển ngành Xây dựng của nước nhà.

## **9. Những đóng góp mới của luận án**

### ***9.1. Về lý luận***

Vận dụng mô hình CIPO và triết lý, nguyên tắc của đào tạo theo NLTH, tác giả đã xây dựng được cơ sở lý luận về QLĐT nghề theo NLTH.

### ***9.2. Về thực tiễn***

- Đánh giá được thực trạng đào tạo và QLĐT nghề Kỹ thuật xây dựng ở các trường CDXD trên các mặt: Chất lượng và hiệu quả đào tạo; Quản lý công tác tuyển sinh, phát triển đội ngũ GV, cải thiện cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học, tổ chức quá trình dạy học, đánh giá kết quả đầu ra và thông tin đầu ra làm cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất các giải pháp.

- Đề xuất được 6 giải pháp có tính thực tiễn và tính khả thi cao để QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng với các nhóm: quản lý đầu vào, quản lý quá trình dạy học, quản lý đầu ra.

## **10. Cấu trúc của luận án**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và khuyến nghị, luận án gồm 3 chương và các Phụ lục:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý đào tạo nghề theo năng lực thực hiện

Chương 2: Thực trạng quản lý đào tạo theo năng lực thực hiện nghề Kỹ thuật xây dựng ở các trường cao đẳng xây dựng

Chương 3: Giải pháp quản lý đào tạo theo năng lực thực hiện nghề Kỹ thuật xây dựng.

## CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO NGHỀ THEO NĂNG LỰC THỰC HIỆN

### 1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

#### 1.1.1. Ở nước ngoài

##### 1.1.1.1. Về đào tạo theo năng lực thực hiện

Cùng với sự phát triển của thuyết hành vi trong học tập và tiếp cận đào tạo theo mục tiêu đầu ra, đào tạo dựa trên NLTH đã được tiến hành rất sớm ở một số nước công nghiệp phát triển. Người ta cho rằng, để nâng cao chất lượng dạy nghề cần phải dựa trên phân tích quá trình lao động để khám phá ra những quy tắc, những cách thức tốt nhất giúp cho việc học nghề ngày càng hiệu quả hơn. Kết quả là khoảng giữa thế kỷ XIX có nhiều hệ thống dạy nghề xuất hiện, đáng kể là hệ thống dạy nghề Nga, hệ thống dạy nghề Đức và hệ thống dạy nghề các nước Bắc Âu (Thụy điển, Na Uy, Đan Mạch, Phần Lan).

Từ 1868, Victor Karlovich Della-Vos, Giám đốc Học viện Kỹ thuật Hoàng Gia Matxcova (Nga) đã đề xuất sáng kiến phân tích nghề. Ông chủ trương, muốn dạy nghề cho có hiệu quả thì phải phân tích nghề, tổ chức xưởng theo nghề chuyên môn và dạy nghề “phải có phương pháp thiết thực” [87]. Về chương trình học, Della Vos cho rằng chương trình học được thiết lập dựa trên cơ sở của sự phân tích nghề, phải phân tích mỗi nghề ra thành các động tác cơ bản, xếp đặt những động tác đó theo thứ tự từ dễ đến khó và tổ chức cho người học học theo thứ tự đó. Về phương pháp dạy nghề, Della Vos khuyến cáo người học thực tập theo mẫu nào thì phải vẽ mẫu đó. Hoàn tất mẫu trước cho thật hoàn hảo rồi mới bắt đầu mẫu kế tiếp. Người học chỉ được phép làm việc trong các xưởng sau khi đã hoàn thành các khóa học lý thuyết theo yêu cầu. Kết quả đạt được của phương pháp này là người học nắm vững những nguyên tắc thiết yếu, cơ bản của ngành nghề họ học. Sáng kiến của

Della Vos đặt nền tảng khoa học về phương pháp dạy nghề và phát triển CTĐT theo NLTH.

Ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX, do yêu cầu phát triển công nghiệp, dịch vụ và thương mại nên tư tưởng cải cách giáo dục nghề nghiệp đã xuất hiện ở một số nước công nghiệp phát triển. Người ta nhận thấy rằng phương thức đào tạo truyền thống theo hệ bài - lớp - khoá học - niên chế đã có những biểu hiện không đáp ứng được nhu cầu của xã hội lúc đó. Nhiều nơi, nhiều ngành nghề đã thực hiện nguyên tắc “cần gì học nấy” không nhất thiết phải học hoàn chỉnh một nghề. Người học có nhu cầu đến đâu thì học đến đó và cũng không nhất thiết phải quy định cứng nhắc về thời gian học tập, khai giảng, bế giảng khoá học.

Trong những năm 70 của thế kỷ XX, một phương thức mới là giáo dục - dạy học theo NLTH được quan tâm phát triển mạnh và đã được chấp nhận, vận dụng một cách phổ biến ở Bắc Mỹ, nhu cầu về *giáo dục* và *dạy học* dựa trên NLTH đã tạo thành một áp lực và thách thức đối với GD&ĐT. [78]

Tại trường ĐH Ohio của Mỹ từ những thập niên 1970 đã có những nghiên cứu triển khai trong việc xây dựng các bộ mô đun đào tạo GV kỹ thuật nghề nghiệp dựa trên *sự thực hiện* (Performance Based Teachers' Education Modules - PBTE Modules). Kết quả đã đưa ra được 600 mô đun kỹ năng trong đào tạo GV kỹ thuật - dạy nghề. [46]

Năm 1982, William E. Blank đã cho xuất bản tài liệu “*Sổ tay phát triển chương trình đào tạo dựa trên NLTH*” [94], cuốn sách đã đề cập những vấn đề cơ bản của GD&ĐT dựa trên NLTH, phân tích nghề và phân tích nhu cầu người học, xây dựng hồ sơ năng lực người học, phát triển công cụ đánh giá sự hiểu biết và sự thực hiện, phát triển các gói học tập, cải tiến và quản lý chương trình đào tạo. Tài liệu nghiên cứu của ông được ứng dụng rộng rãi và mang lại kết quả to lớn trong đào tạo nghề ở Mỹ vào những năm 1980.

Năm 1983, Viện hàn lâm khoa học Quốc gia Mỹ đã có một báo cáo đề cập đến yêu cầu thay đổi của GD&ĐT trong đó nhấn mạnh, “CTĐT dựa trên năng lực hơn là dựa theo thời gian”. [84]

Năm 1995, các tác giả như Roger Harris, Hugh Guthrie, Bary Hobart, David Lundberg [69] đã xuất bản cuốn “*Competency-Based Education and Training: Between a Rock and a Whirlpool*” nghiên cứu khá toàn diện về GD&ĐT dựa trên NLTH ở Úc, đặc biệt nhấn mạnh đến bối cảnh và lịch sử của GD&ĐT dựa trên NLTH, tiêu chuẩn NLTH, phát triển chương trình, đánh giá và người học - hoạt động học theo tiêu chuẩn NLTH. Ở Úc vào cuối thập kỉ 80 thế kỷ XX đã bắt đầu một cuộc cải cách đào tạo, thiết lập một hệ thống đào tạo dựa trên NLTH, tạo ra phương pháp công nhận các kỹ năng của người nhập cư, thành lập hội đồng quốc gia về đào tạo dựa trên NLTH để xúc tiến việc xây dựng tiêu chuẩn năng lực ổn định trong toàn quốc. [61] và [89]

Năm 1995, John W. Burke đã xuất bản tài liệu “*Giáo dục và đào tạo dựa trên NLTH*” [76], trong tài liệu này tác giả đã trình bày nguồn gốc của GD&ĐT dựa trên NLTH, quan niệm về NLTH và tiêu chuẩn NLTH, về vấn đề đánh giá dựa trên NLTH và cải tiến CTĐT dựa trên NLTH.

Năm 1995, tác giả Shirley Fletcher viết cuốn “*Các kỹ thuật đánh giá dựa trên năng lực thực hiện*” [88], trong đó phân tích sự khác biệt về đào tạo theo NLTH ở Anh và Mỹ, các nguyên tắc và thực hành đánh giá theo tiêu chuẩn, mục tiêu và sử dụng đánh giá dựa trên NLTH, việc thiết lập các tiêu chí cho *sự thực hiện*, thu thập bằng chứng cho đánh giá NLTH. Tuy nhiên, tác giả mới chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu đánh giá dựa trên NLTH, một khâu của quá trình dạy học.

Đến 1997, Shirley Fletcher cho ra đời tiếp tài liệu “*Thiết kế đào tạo dựa trên năng lực thực hiện*” [89], trong đó đề cập các cơ sở khoa học của việc thiết lập các tiêu chuẩn đào tạo, các kỹ thuật phân tích nhu cầu người học và phân tích công việc, xây dựng mô đun dạy học và khung chương trình.



Trong cuốn sách “*GD&ĐT dựa trên NLTH: Huyền thoại và thực tiễn*” [79] của tác giả Sandra Kerka xuất bản năm 1997 đã tổng kết về đào tạo dựa trên NLTH vốn phát triển mạnh mẽ trong những năm 1990 với hàng loạt các tổ chức có tầm cỡ ở Mỹ, Anh, Úc, New Zealand, xứ Wales v.v...

Ở nhiều nước châu Á như Singapore, Ấn Độ, Philippin, Bruney, Malaysia,... phương thức đào tạo dựa trên NLTH cũng đã và đang được vận dụng ở các mức độ khác nhau [45]. Các bộ chương trình kế hoạch ĐTN theo NLTH cho các trường chuyên nghiệp, nhất là các trường kỹ thuật đã được soạn thảo và sử dụng có kết quả trong một vài năm trở lại đây. Đó là các nội dung đào tạo có kiểu cấu trúc theo hệ thống các mô đun. Đặc biệt, có loại tài liệu mô đun kỹ năng hành nghề tích hợp một cách chặt chẽ giữa các lĩnh vực kiến thức, kỹ năng cho người học, chúng được xây dựng thành “ngân hàng”, có thể xếp chồng và “lắp ghép” lẫn nhau theo phần công việc trọn vẹn của nghề mà người học cần đến. Đây được coi là mô hình rõ ràng về ĐTN theo NLTH.

Tác giả Thomas Deissinger và Slilke Hellwig (Đức) trong tài liệu xuất bản năm 2011: “*Structures and functions of competency-based education and training (CBET): a comparative perspective*” [91] đã dựa trên những kinh nghiệm ĐTN mà mình đang trực tiếp tiến hành để đưa ra quan điểm về cấu trúc và chức năng của CTĐT dựa trên NLTH. Việc xây dựng cấu trúc và chức năng của CTĐT theo NLTH cần phải được thảo luận rõ bao gồm cả kế hoạch xây dựng chương trình, phát triển chương trình và kiểm định chương trình trước khi thực thi. Ngoài ra, cũng cần xem xét sự khác biệt, ưu điểm, nhược điểm của việc xây dựng cấu trúc, chức năng CTĐT theo NLTH với các lý thuyết xây dựng CTĐT nghề khác. Một điều nữa là những chương trình xây dựng theo NLTH cần có sự đối sánh với hệ thống GD&ĐT ở Úc, Anh, xứ Wales, Bắc Ireland và Scotland; như vậy, mới bảo đảm chất lượng đào tạo và được công nhận ở quốc tế.

Tác giả Leesa Wheelahan (Úc) trong tác phẩm “*The problem with competency-based training, Educating for the knowledge economy: critical perspectives?*” [80] đã phát triển và mở ra một góc nhìn thực tế khác về đào tạo theo NLTH. Luận cứ quan trọng mà tác giả đưa ra là sự hiểu biết (kiến thức) của người học phải được đặt vào vị trí trung tâm của CTĐT nhưng đào tạo theo NLTH lại không làm được điều đó. Bằng việc mô tả lại những yêu cầu của xã hội đối với một hoạt động nghề nghiệp, cách tiếp cận này đặt *thực hiện* công việc nghề nghiệp của người học vào vị trí trung tâm thay cho việc phải bắt đầu từ việc tiếp nhận hệ thống tri thức khoa học chuyên sâu. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả đã chỉ ra hạn chế của phương pháp xây dựng CTĐT theo NLTH và đề xuất cần phải có những nghiên cứu sâu hơn trong các lý thuyết xây dựng CTĐT...

Tác giả Tian Ye (Trung Quốc) đề cập đến chương trình phát triển NLTH cho GV trong các CSĐT nghề ở Bắc Kinh (Trung Quốc), đây là một dự án đặc biệt của chính quyền địa phương nhằm mục đích cải thiện việc giảng dạy ở bậc chuyên nghiệp [92]. Trong đó, năng lực thực hành sư phạm của giảng viên được đặc biệt quan tâm. Ủy ban giáo dục thành phố Bắc Kinh (Trung Quốc) và Sở tài chính hợp tác tiến hành các dự án từ năm 2007 đến năm 2010. Chương trình phát triển NLTH có một số kế hoạch như: đào tạo tại chức, xây dựng đội ngũ GV, tuyển dụng GV trợ giảng, xây dựng cơ sở vật chất,... Chương trình được tiến hành trong tất cả các trường dạy nghề ở Bắc Kinh để nâng cao chất lượng tổng thể và phát triển ĐTN.

Điểm qua những nghiên cứu trên có thể nhận thấy: đào tạo theo NLTH là một xu hướng được nhiều quốc gia, nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu ở nhiều góc độ khác nhau và ứng dụng vào quá trình dạy học ở các trường đại học, chuyên nghiệp và dạy nghề. Lý thuyết về đào tạo theo NLTH được vận dụng phù hợp tùy theo đặc điểm của mỗi quốc gia.

#### 1.1.1.2. Về quản lý đào tạo nghề

QLĐT nghề là lĩnh vực đã được nhiều chuyên gia, nhà khoa học nghiên cứu với nhiều góc độ, cách thức tiếp cận khác nhau ứng với từng thể chế quốc gia, từng giai đoạn phát triển. Gần đây, QLĐT nghề đang được nghiên cứu theo hướng tiếp cận thị trường và được các chuyên gia về quản lý quan tâm.

Năm 1996, tác giả Heinz Weihrich và đồng nghiệp trong một báo cáo dự án khoa học “Managing vocational training as a joint venture - can the German approach of cooperative education serve as a model for the United States and other countries?” (tạm dịch là *Quản lý đào tạo nghề như một công ty liên doanh - cách tiếp cận hợp tác đào tạo của Đức như một mô hình cho Mỹ và các nước khác?*) [77] đã giới thiệu các phương pháp ĐTN truyền thống của Đức và mô hình QLĐT nghề cần phải được bổ sung hướng tới một mức độ cao hơn, đào tạo theo hệ thống kép được tích hợp lý thuyết và thực hành, lấy năng lực người học làm trung tâm của hoạt động QLĐT. Tác giả cho rằng đổi mới mô hình ĐTN là một nhu cầu quan trọng và một cách tiếp cận QLĐT mới là mô hình đào tạo kiểu liên doanh, không chỉ ở Mỹ mà còn ở các nước khác, bằng cách làm cho các tổ chức kinh doanh và chính phủ cạnh tranh hơn trên thị trường toàn cầu.

Năm 2000, tác giả V.Gasskov trong cuốn sách “Managing vocational training systems” (tạm dịch là *Quản lý hệ thống đào tạo nghề*) [93] đã trình bày một hệ thống khoa học và nghệ thuật về quản lý và tổ chức ĐTN trong cơ sở công lập, bao gồm: quản lý cơ cấu tổ chức, thiết lập mục tiêu, kế hoạch, tài chính, QLĐT; đồng thời đưa ra biện pháp phát triển năng lực quản lý của các quản trị viên cao cấp; khuyến khích họ xem xét, phản biện các thủ tục hành chính của cơ sở mình để tiến tới mức độ chuyên nghiệp cao.

Như vậy, các công trình nêu trên đều khẳng định cần có sự cải tiến trong QLĐT nghề hướng đến tính chuyên nghiệp cao và khả năng đáp ứng TTLĐ.

### **1.1.2. Ở trong nước**

#### **1.1.2.1. Về đào tạo theo năng lực thực hiện**

Ở nước ta, vào những năm 1987-1990, đào tạo theo mô đun kỹ năng hành nghề đã được Viện Nghiên cứu khoa học dạy nghề và Trung tâm Phương tiện kỹ thuật dạy nghề nghiên cứu, đã tổ chức nhiều hội thảo và bắt đầu thử nghiệm đào tạo ngắn hạn ở một số trung tâm dạy nghề.

Năm 1993, tác giả Nguyễn Minh Đường đã cho xuất bản cuốn sách "*Mô đun kỹ năng hành nghề - Phương pháp tiếp cận, hướng dẫn biên soạn và áp dụng*" [16]. Công trình đã đề cập đến phương pháp xây dựng chương trình và tổ chức ĐTN theo mô đun kỹ năng hành nghề (Module of Employable Skills), thực chất là ĐTN theo mô đun NLTH các công việc của nghề.

Năm 1994, tác giả Nguyễn Minh Đường và đồng nghiệp đã biên soạn tài liệu "*Phương pháp đào tạo nghề theo mô đun kỹ năng hành nghề*" để bồi dưỡng GV Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề [17]. Trên cơ sở đó, Vụ Trung học chuyên nghiệp - Dạy nghề (Bộ GD&ĐT) đã tổ chức biên soạn gần 20 bộ CTĐT nghề theo mô đun kỹ năng hành nghề được chia thành các đơn nguyên học tập tích hợp giữa lý thuyết và thực hành cho các Trung tâm dạy nghề, tuy nhiên những chương trình này chỉ áp dụng cho ĐTN ngắn hạn.

Năm 1996, tác giả Nguyễn Đức Trí đã chủ trì thực hiện đề tài cấp Bộ về "*Tiếp cận đào tạo nghề dựa trên NLTH và xây dựng tiêu chuẩn nghề*" [45]. Đây có thể xem là công trình đầu tiên nghiên cứu khá toàn diện về hệ thống ĐTN theo NLTH ở Việt Nam. Đề tài đã góp phần làm sáng tỏ lý luận của phương thức đào tạo dựa trên NLTH đặc biệt là các giai đoạn xây dựng chương trình và xây dựng tiêu chuẩn KNN quốc gia.

Năm 2000, trong đề tài cấp Bộ "*Nghiên cứu xây dựng mô hình đào tạo giáo viên kỹ thuật ở trình độ đại học cho các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề*" [46] tác giả Nguyễn Đức Trí đã đề xuất các mô hình đào tạo GV dạy kỹ thuật trong đó có đề cập đến triết lý, các đặc điểm cơ bản; ưu điểm, nhược điểm của phương thức đào tạo theo NLTH; vận dụng phương thức đào tạo này vào đào tạo GV ở Việt Nam.

Năm 2002, tác giả Nguyễn Minh Đường biên soạn tài liệu tập huấn cho GV và CBQL các trường dạy nghề: “*Đào tạo theo năng lực thực hiện*” [19].

Năm 2011, Tổng cục dạy nghề phối hợp với Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) xuất bản cuốn “*Kỹ năng dạy học - Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho GV và người dạy nghề*” [44]; tài liệu mô tả khá đầy đủ về quan điểm dạy học theo NLTH, cấu trúc và các tiêu chí đánh giá NLTH.

Một số luận án tiến sĩ có liên quan đến đào tạo theo NLTH đã được thực hiện như: luận án của Hoàng Ngọc Trí (2005) về “*Nghiên cứu các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo công nhân kỹ thuật xây dựng ở Thủ đô Hà Nội*” [51]; luận án của Nguyễn Quang Việt (2006) về “*Kiểm tra đánh giá trong dạy học thực hành theo tiếp cận NLTH*” [54]; luận án của Nguyễn Thanh Hà (2008) về “*Dạy học thực hành trang bị điện theo tiếp cận NLTH trong đào tạo giáo viên dạy nghề hệ cao đẳng*” [23]; luận án của Vũ Xuân Hùng (2011) về “*Rèn luyện năng lực dạy học cho sinh viên đại học sư phạm kỹ thuật trong thực tập sư phạm theo tiếp cận NLTH*” [27]; luận án của Cao Danh Chính (2013) về “*Dạy học theo tiếp cận NLTH ở các trường sư phạm kỹ thuật*” [5]; luận án của Lê Thùy Linh (2013) về “*Dạy học giáo dục học ở đại học sư phạm theo tiếp cận NLTH*” [32] v.v... Những luận án này đề cập đến vận dụng phương thức đào tạo theo NLTH trong dạy học cho HS học nghề và sinh viên sư phạm.

Các đề tài cấp Bộ như: B2000-19-20, tác giả Phan Long về “*Xây dựng chương trình giảng dạy nghiệp vụ sư phạm kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng đào tạo GV kỹ thuật, dạy nghề đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*” [30]; B2003-19-28, tác giả Võ Thị Xuân về “*Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo kỹ năng sư phạm kỹ thuật*” [60] đều đưa ra những luận điểm cơ bản về kiến thức, kỹ năng chủ yếu trong đào tạo thực hành, thực tập sư phạm kỹ thuật. Tuy nhiên các nghiên cứu này cũng dừng ở phạm vi hẹp hoặc là về phương pháp đào tạo kỹ năng hoặc là về

chương trình giảng dạy nghiệp vụ sư phạm, chứ chưa có những giải pháp đồng bộ được tiếp cận với phương thức đào tạo theo NLTH.

Hiện nay, đào tạo theo NLTH cũng đã bắt đầu nhận được sự quan tâm và được sử dụng trong những nỗ lực phát triển nhân lực trong xu thế mở cửa hội nhập của đất nước. Phương thức đào tạo này đã và đang được sử dụng rất thành công ở các dự án như: Dự án phát triển năng lực Mekong (MKDF) của Công ty tài chính quốc tế (IFC); Dự án hỗ trợ lâm nghiệp xã hội (SFSP); Dự án tăng cường năng lực cho các trung tâm dạy nghề của Swisscontact và ở một số tổ chức tư vấn và đào tạo phát triển nguồn nhân lực, [40] và [41] v.v...

Trong những năm qua, Tổng cục dạy nghề đã cùng với một số trường tổ chức xây dựng chương trình dạy nghề theo mô đun dựa trên NLTH. Năm 2007 đã xây dựng được 48 chương trình dạy nghề; năm 2008 có 60 chương trình dạy nghề; năm 2010, có 200 chương trình trình độ CĐN, 300 chương trình trình độ trung cấp nghề được triển khai xây dựng. Tuy nhiên trong thực tế, các trường đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc tổ chức triển khai thực hiện, do việc QLĐT theo NLTH đang còn nhiều bất cập, đặc biệt là các điều kiện tổ chức thực hiện không bảo đảm. Cùng với đó, đến hết năm 2011, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với các Bộ ngành liên quan tổ chức xây dựng được 148 Tiêu chuẩn KNN quốc gia và đã ban hành được 109 Tiêu chuẩn KNN trong số đó. [43]

#### *1.1.2.2. Về quản lý đào tạo nghề*

QLĐT nghề ở Việt Nam cũng là đề tài được các nhà khoa học quản lý, các chuyên gia nghiên cứu, tìm hướng vận dụng trong hàng chục năm qua ứng với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Gần đây, xu thế đổi mới QLĐT nghề ở Việt Nam cũng đã tiếp cận với thế giới; đặc biệt là khi chúng ta hội nhập sâu rộng, nhiều cơ hội phát triển mở ra cùng với những thách thức có tác động tiêu cực đến hệ thống GD&ĐT.

Năm 2002, tác giả Trần Khánh Đức xuất bản cuốn “*Giáo dục kỹ thuật - nghề nghiệp và phát triển nguồn nhân lực*” [14]; năm 2004, tác giả Đỗ Minh Cương và Mạc Văn Tiên xuất bản cuốn “*Phát triển lao động kỹ thuật ở Việt Nam – Lý luận và thực tiễn*” [10]; năm 2005, tác giả Nguyễn Việt Sự xuất bản cuốn “*Giáo dục nghề nghiệp – Những vấn đề và giải pháp*” [34].

Các cuốn chuyên khảo này là tập hợp các bài viết của các tác giả về cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn, phương pháp luận quản lý và phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp, kinh nghiệm trong và ngoài nước về phát triển giáo dục nghề nghiệp... trong đó có bàn luận tới công tác QLĐT nghề và phát triển nguồn nhân lực.

Năm 2006, tác giả Nguyễn Minh Đường và Phan Văn Kha xuất bản cuốn “*Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*” [20] giới thiệu cơ sở lý luận và thực trạng về đào tạo nhân lực; đồng thời đề xuất các giải pháp về đào tạo nhân lực, trong đó có bàn tới QLĐT nghề đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Năm 2010, tác giả Nguyễn Đức Trí và Phan Chính Thức xuất bản cuốn “*Một số vấn đề về quản lý cơ sở dạy nghề*” [50] đề cập tổng quan và toàn diện các hoạt động quản lý cơ sở dạy nghề và có giới thiệu tương đối chi tiết đến công tác quản lý quá trình đào tạo trong cơ sở dạy nghề.

Những cuốn chuyên khảo trên đã góp phần định hướng phương thức QLĐT theo cách tiếp cận mới hướng tới chất lượng và tiếp cận thị trường.

Năm 1998 và 2005, Tổng cục dạy nghề thực hiện 2 đề tài về “*Nghiên cứu đánh giá hệ thống các cơ sở đào tạo nghề, kiến nghị biện pháp nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về công tác dạy nghề*” [39] và “*Hệ thống dạy nghề của Việt Nam trong tiến trình hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới*” [42] với nội dung chủ yếu khảo sát thực trạng hệ thống các

CSĐT nghề của nước ta, từ đó kiến nghị biện pháp nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về dạy nghề. Đây là những giải pháp có tính vĩ mô nhằm định hướng công tác QLĐT nghề trong giai đoạn mới.

Cũng đã có một số luận án tiến sĩ liên quan đến công tác QLĐT như: luận án của Phan Chính Thức (2003) về “*Những giải pháp phát triển đào tạo nghề góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá*” [37]; luận án của Nguyễn Ngọc Hùng (2006) với đề tài “*Quản lý dạy học thực hành theo tiếp cận NLTH cho sinh viên sư phạm kỹ thuật*” [26]; luận án của Nguyễn Đức Tĩnh (2007) về “*Quản lý nhà nước về đầu tư phát triển ĐTN ở nước ta - thực trạng và giải pháp*” [38]; luận án của Đào Thị Thanh Thủy (2012), “*Quản lý đào tạo nhân lực kỹ thuật đáp ứng nhu cầu phát triển các khu công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm miền Trung*” [36]; luận án của Phạm Minh Phương (2013) về “*Quản lý đào tạo nhân lực tại doanh nghiệp may Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*” [35]; luận án của Nguyễn Thị Hằng (2013) về “*Quản lý đào tạo nghề ở các trường dạy nghề theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội*” [24]; luận án của Nguyễn Chí Trường (2013) về “*Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến công tác dạy nghề Việt Nam: Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giai đoạn 2013-2020*” [52]... Những luận án này đã trình bày cơ sở lý luận và thực trạng của QLĐT nhân lực nói chung và QLĐT nghề nói riêng, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến công tác dạy nghề và đưa ra một số giải pháp góp phần đổi mới công tác quản lý nhà nước, QLĐT và quản lý dạy học nghề, với mục đích “sản phẩm của quá trình ĐTN” đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, TTLĐ và xã hội.

*Tóm lại*, đào tạo theo NLTH là một phương thức đào tạo không mới đối với thế giới nhưng mới vận dụng vào thực tiễn đào tạo ở Việt Nam và chủ yếu được vận dụng vào lĩnh vực ĐTN. Nhiều công trình của các học giả trên thế giới đã triển khai có hiệu quả trong thực tiễn đào tạo. Các công trình nghiên cứu ở Việt Nam chưa nhiều và chưa có hệ thống; hơn nữa hầu hết các công



trình nghiên cứu mới chỉ đề cập đến quan điểm, định hướng chung hoặc mới chỉ đi vào nghiên cứu vận dụng trong một phạm vi hẹp, một khâu của quá trình dạy học, một số công trình đã đề cập đến các vấn đề quản lý dạy học thực hành khi vận dụng phương thức đào tạo theo NLTH. Những ưu điểm của tổ chức đào tạo theo NLTH cần được vận dụng rộng rãi hơn. QLĐT nghề theo NLTH chưa có, vì vậy, đó là một hướng đi mới góp phần triển khai có hiệu quả đào tạo theo NLTH trong ĐTN. Trong quá trình thực hiện luận án, tác giả đã nghiên cứu, kế thừa, đối chiếu nhiều luận điểm, số liệu từ các công trình nghiên cứu kể trên.

## **1.2. Một số khái niệm cơ bản**

### ***1.2.1. Năng lực và năng lực thực hiện***

#### ***1.2.1.1. Năng lực (ability)***

Đối với mỗi ngành khoa học, tùy vào đối tượng nghiên cứu của từng lĩnh vực mà khái niệm “năng lực” được định nghĩa khác nhau.

“... McClelland mô tả “năng lực như là một đặc tính cơ bản để thực hiện công việc”. Boyatzis mở rộng thêm định nghĩa của McClelland và quan niệm rằng “năng lực như là các đặc tính của một cá nhân có liên quan đến việc thực hiện công việc đạt hiệu quả cao”. Spencer and Spencer dựa trên định nghĩa về năng lực của Boyatzis và mô tả “năng lực như là đặc tính cơ bản của một cá nhân (kiến thức, kỹ năng, thái độ, động cơ, nét tiêu biểu và ý niệm về bản thân) có liên quan đến các tiêu chí đánh giá hiệu suất công việc”. Tương tự, Dubois định nghĩa “năng lực là các đặc tính mà cá nhân có được và sử dụng chúng trong những ngữ cảnh thích hợp và nhất quán để đạt được kết quả mong muốn”. Những đặc tính này bao gồm kiến thức, kỹ năng, động cơ, nét tiêu biểu, cách suy nghĩ, cảm nghĩ, hành động...” [32, tr.21]

Dưới góc độ Tâm lý học, tác giả Nguyễn Quang Uẩn [53] cho rằng, năng lực là tổ hợp các thuộc tính độc đáo của cá nhân phù hợp với những yêu cầu đặc trưng trong của một hoạt động nhất định, nhằm đảm bảo có kết quả tốt

trong lĩnh vực hoạt động ấy. Các nhà nghiên cứu tâm lý học khẳng định: năng lực của con người luôn gắn liền với hoạt động của chính con người, nội dung, tính chất của hoạt động được quy định bởi nội dung, tính chất của đối tượng mà hoạt động hướng dẫn. Vì vậy, khi nói đến năng lực không phải là một thuộc tính tâm lý duy nhất nào đó (ví dụ: khả năng tri giác, khả năng ghi nhớ,...) mà là sự tổng hợp các thuộc tính tâm lý của cá nhân đáp ứng được yêu cầu của hoạt động và đảm bảo cho hoạt động đó đạt kết quả mong muốn.

Theo tác giả Nguyễn Văn Giao [22] thì năng lực, khả năng, được hình thành hoặc phát triển cho phép một con người đạt thành công trong một hoạt động thể lực, trí lực hoặc nghề nghiệp. Năng lực được thể hiện vào khả năng thi hành một hoạt động, thực hiện một nhiệm vụ.

Như vậy, năng lực được hiểu là *khả năng hay tiềm năng để thực hiện tốt một công việc* như năng lực chuyên môn, năng lực tổ chức hoặc là “những điều kiện đủ hoặc vốn có để làm một việc gì” như năng lực tư duy nhưng *không quy định rõ ràng công việc cụ thể cũng như những quy định chuẩn cần đạt để có thể giáo dục hình thành nó cũng như để đánh giá mức độ đạt được của nó.*

#### 1.2.1.2. Năng lực thực hiện

*Năng lực thực hiện* là thuật ngữ dịch từ tiếng Anh (Competence hoặc Competency) hoặc từ tiếng Đức (Handlungskompetenz).

Hiện nay, trên thế giới tồn tại rất nhiều quan niệm khác nhau về NLTH.

Theo tác giả G. Debling [68] định nghĩa NLTH là khả năng thực hiện được các hoạt động trong phạm vi nghề nghiệp đạt tới các trình độ, mức độ thực hiện mong đợi cần thiết. Đó là một quan niệm rộng bao gồm cả kiến thức, kỹ năng vào các tình huống mới trong phạm vi nghề đó; nó bao gồm cả sự tổ chức và kế hoạch làm việc, sự thay đổi, cách tân và cả hoạt động không như thường lệ liên quan tới chất lượng công việc và tính hiệu quả cá nhân cần

thiết để làm việc với đồng nghiệp, với cán bộ lãnh đạo, CBQL cũng như với khách hàng của mình.

Theo tác giả Bob Mansfield [62] thì NLTH được hiểu là:

- + Khả năng thực hiện được toàn bộ vai trò lao động hay phạm vi công việc; tức là thực hiện chúng chứ không phải chỉ biết về chúng; thực hiện trọn vẹn toàn bộ vai trò lao động hay phạm vi công việc chứ không phải là từng kỹ năng, từng công việc riêng rẽ của chúng.
- + Theo các tiêu chuẩn mong đợi ở công việc đó.
- + Trong môi trường làm việc thực, nghĩa là với toàn bộ các áp lực và những thay đổi liên quan đến lao động thực tế - môi trường và điều kiện thực tế.

Theo tác giả McLagan [82] thì NLTH được hiểu là một tập hợp các kiến thức, kỹ năng và thái độ, hoặc các chiến lược tư duy mà tập hợp này là cốt lõi và quan trọng cho việc tạo ra những sản phẩm đầu ra quan trọng.

Tác giả Kim Jackson, trong cuốn sách “Tiêu chuẩn năng lực cho các nhà đánh giá” [11, tr.61], đã đưa ra quan niệm khá đầy đủ, theo đó, NLTH bao gồm các đặc điểm về kiến thức, kỹ năng và sự áp dụng các kiến thức và kỹ năng đó đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu của sự thực hiện trong việc làm. Khái niệm NLTH bao gồm tất cả các khía cạnh của sự thực hiện công việc.

Theo tác giả Nguyễn Minh Đường, NLTH là những kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để người lao động có thể thực hiện được công việc của nghề đạt chuẩn quy định trong những điều kiện cho trước. Nếu không có những điều kiện cho trước như phương tiện, thiết bị, công cụ lao động phù hợp, nguyên vật liệu, môi trường lao động phù hợp thì người lao động không thể thực hiện công việc đạt chuẩn quy định. [19]

Theo tác giả Nguyễn Đức Trí [45, tr.14]: “NLTH là khả năng thực hiện được các hoạt động (nhiệm vụ, công việc) trong công việc theo tiêu chuẩn đặt ra đối với từng nhiệm vụ, công việc đó. NLTH là các kiến thức, kỹ năng, thái độ đòi hỏi với một người để thực hiện hoạt động có kết quả ở một công việc

hay một nghề.” NLTH bao gồm: các kỹ năng thực hành, giao tiếp, giải quyết vấn đề và các kỹ năng trí tuệ; thể hiện đạo đức lao động nghề nghiệp tốt; có khả năng thích ứng để thay đổi; có khả năng áp dụng các kiến thức của mình vào công việc; có khát vọng học tập và cải thiện; có khả năng làm việc cùng người khác trong tổ, nhóm, v.v...

Mặc dù có nhiều quan niệm khác nhau nhưng có thể thấy thuật ngữ NLTH được các tác giả sử dụng với ý nghĩa tương đối thống nhất, đó là *sự thực hiện* được các hoạt động (nhiệm vụ, công việc) trong nghề theo tiêu chuẩn đặt ra đối với từng nhiệm vụ, công việc đó.

Từ những kết quả đã nghiên cứu, khái niệm NLTH dùng trong nghiên cứu của luận án này được hiểu như sau: *Năng lực thực hiện là các tổ hợp của ba thành tố kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp mà mỗi cá nhân cần có để hoàn thành được những nhiệm vụ và công việc của một nghề đạt chuẩn quy định trong những điều kiện nhất định.*

### **1.2.2. Quản lý đào tạo**

#### **1.2.2.1. Quản lý**

Tác giả Phan Văn Kha cho rằng: “Quản lý là một tập hợp các hoạt động lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra các quá trình tự nhiên, xã hội, khoa học, kỹ thuật và công nghệ để chúng phát triển hợp quy luật, các nguồn lực (hiện hữu và tiềm năng) vật chất và tinh thần, hệ thống tổ chức và các thành viên thuộc hệ thống để đạt được các mục đích đã định.” [28, tr.10].

Theo tác giả Trần Khánh Đức: “Quản lý là hoạt động có ý thức của con người nhằm định hướng, tổ chức, sử dụng các nguồn lực và phối hợp hành động của một nhóm người hay một cộng đồng người để đạt được các mục tiêu đề ra một cách có hiệu quả nhất.” [15, tr.328]

Trong quan niệm, định nghĩa trên, cần lưu ý:

- Quản lý bao giờ cũng là một tác động có hướng đích, có mục tiêu xác định.

- Quản lý thể hiện mối quan hệ giữa chủ thể quản lý và đối tượng quản lý, đây là quan hệ ra lệnh - phục tùng, không đồng cấp và có tính bắt buộc.
- Quản lý bao giờ cũng là quản lý con người.
- Quản lý là sự tác động, mang tính chất chủ quan nhưng phải phù hợp với quy luật khách quan.
- Quản lý xét về mặt công nghệ là sự vận động của thông tin.
- Quản lý có khả năng thích nghi giữa chủ thể với đối tượng quản lý và ngược lại.

Các khái niệm, định nghĩa trên đây tuy khác nhau về cách diễn đạt, song đều có chung những nét đặc trưng cơ bản chủ yếu sau đây: *Hoạt động quản lý là sự tác động của chủ thể quản lý đến khách thể bị quản lý trong một môi trường cụ thể bằng những công cụ và phương pháp quản lý phù hợp để đạt được mục tiêu đề ra.*

Tập hợp các chức năng quản lý là nội dung của quản lý với tư cách là một quá trình. Mỗi tác giả có cách xác định các chức năng quản lý khác nhau, tuy nhiên có thể khái quát lại như sau:

- Ít nhất có thể phân chia thành hai chức năng: đối nội và đối ngoại;
- Có thể chia ra nhiều chức năng: dự báo, kế hoạch hóa, tổ chức, động viên, phối hợp, điều chỉnh, kiểm tra, đánh giá...

Theo tác giả Phan Văn Kha [28] và tác giả Nguyễn Lộc [31], quản lý có 4 chức năng: Lập kế hoạch; Tổ chức thực hiện; Lãnh đạo, chỉ đạo; Kiểm tra, đánh giá.

#### 1.2.2.2. Đào tạo

Theo tác giả Nguyễn Minh Đường, đào tạo là một quá trình hoạt động có mục đích, có tổ chức nhằm hình thành và phát triển có hệ thống các kiến thức, kỹ năng, thái độ... để hoàn thiện nhân cách cho mỗi cá nhân, tạo tiền đề cho họ có thể vào đời hành nghề một cách có năng suất và hiệu quả. [18]

Đào tạo cùng với nghiên cứu khoa học và dịch vụ phục vụ cộng đồng là

hoạt động đặc trưng của các CSĐT. Đó là hoạt động chuyển giao có hệ thống, có phương pháp, những kinh nghiệm, những tri thức, những kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp chuyên môn, đồng thời bồi dưỡng những phẩm chất đạo đức cần thiết để chuẩn bị cho người học bước vào cuộc sống lao động tự lập và góp phần xây dựng, bảo vệ đất nước.

Đào tạo là hoạt động mang tính phối hợp giữa các chủ thể dạy học (người dạy và người học), là sự thống nhất hữu cơ giữa hai mặt dạy và học tiến hành trong một cơ sở giáo dục. Trong đó, tính chất, phạm vi, cấp độ, cấu trúc và quy trình của hoạt động được quy định một cách chặt chẽ, cụ thể, về mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đánh giá kết quả đào tạo, cũng như thời gian và đối tượng đào tạo cụ thể.

*Như vậy, đào tạo là làm cho một cá nhân trở thành người có NLTH theo những tiêu chuẩn nhất định thông qua các hoạt động giảng dạy và học tập gắn với việc giáo dục đạo đức, nhân cách người học đáp ứng yêu cầu nhân lực của TTLĐ.*

Quá trình đào tạo là quá trình phối hợp hoạt động của CBQL, GV và HS nhằm phát triển trí tuệ và nhân cách của HS do nhà trường tổ chức, chỉ đạo và thực hiện. Quá trình đào tạo bao gồm quá trình dạy học và quá trình giáo dục, là bộ phận cấu thành chủ yếu nhất trong toàn bộ hoạt động của một nhà trường.

Quá trình đào tạo mang đặc trưng của một quá trình xã hội, là quá trình cơ bản nhất để hình thành, phát triển, hoàn thiện nhân cách con người. Đối tượng của quá trình đào tạo chính là nhân cách người học. Do đó, mục đích, nội dung, phương tiện và hình thức đào tạo phải phù hợp với đặc điểm tâm lý của người học trong hoàn cảnh cụ thể. Nhiệm vụ cơ bản của quá trình đào tạo là cung cấp kiến thức, rèn luyện kỹ năng, hình thành ý thức thái độ cho người học.

### 1.2.2.3. Quản lý đào tạo

*Quản lý đào tạo* là quản lý việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch đào tạo, nội dung CTĐT, kết quả nhân cách nghề nghiệp, tri thức về chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp đồng thời cần phải coi trọng công tác quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác đào tạo. Ngày nay, với tiếp cận quản lý theo chất lượng, quản lý đào tạo là hệ thống các biện pháp nhằm bảo đảm chất lượng đào tạo.

Theo tác giả Đặng Quốc Bảo, QLĐT có thể được coi là một hệ thống quản lý 10 nhân tố tác động đến đào tạo là: Mục tiêu đào tạo; Nội dung đào tạo; Phương pháp đào tạo; Lực lượng đào tạo - GV; Đối tượng đào tạo - Trò; Hình thức tổ chức đào tạo; Điều kiện đào tạo; Môi trường đào tạo; Bộ máy tổ chức đào tạo; và Quy chế đào tạo. [1]

Như vậy, *quản lý đào tạo là sự tác động của chủ thể quản lý đến khách thể bị quản lý trong quá trình đào tạo thông qua các chức năng của quản lý và bằng những công cụ, phương pháp quản lý phù hợp để đạt được mục tiêu chung của quá trình đào tạo và người học có được NLTH theo chuẩn quy định.*

### 1.2.3. Chuẩn nghề nghiệp và chuẩn đầu ra

#### 1.2.3.1. Chuẩn nghề nghiệp (hay chuẩn năng lực thực hiện)

Theo tác giả Nguyễn Đức Trí [50], hiện nay cả trong tiếng Việt và tiếng Anh có ba thuật ngữ hay cụm từ được sử dụng đồng nghĩa, đó là:

- Chuẩn nghề nghiệp (occupational standard).
- Chuẩn KNN (occupational skill standard).
- Chuẩn năng lực nghề nghiệp (occupational competency standard).

“Tiêu chuẩn KNN là một tập hợp các quy định tối thiểu về các công việc mà người lao động cần phải làm, mức độ cần đạt được khi thực hiện các công việc đó tại chỗ làm việc thực tế ở cấp trình độ KNN tương ứng và những kiến thức cần thiết làm cơ sở cho việc thực hiện các công việc trên.” [50, tr.99]

Mục 4, điều 5, luật Dạy nghề 2006 chỉ rõ: Tiêu chuẩn KNN quy định về mức độ thực hiện và yêu cầu kiến thức, kỹ năng, thái độ cần có để thực hiện các công việc của một nghề. [33]

Trong đào tạo theo NLTH, khái niệm chuẩn NLTH (cũng chính là chuẩn nghề nghiệp) được hiểu tương đối thống nhất như sau:

*Chuẩn NLTH là một tập hợp các quy định về các công việc cần làm và mức độ cần đạt được trong việc thực hiện các công việc đó tại vị trí lao động ứng với các trình độ của nghề.*

Việc xác định chuẩn NLTH trong mỗi nhiệm vụ, công việc lao động nghề nghiệp phải được cụ thể hoá qua các chuẩn NLTH và các điều kiện thực hiện, và phải xuất phát từ yêu cầu của sản xuất nên còn được gọi là chuẩn công nghiệp. Để xác định được các NLTH cần thiết đối với người lao động, người ta phải tiến hành *Phân tích nghề* (Occupational Analysis). Việc *Phân tích nghề* thực chất là nhằm xác định được mô hình hoạt động của người lao động, bao hàm trong đó những *Nhiệm vụ* (Duties) và những *Công việc* (Tasks) mà người lao động phải thực hiện trong quá trình làm việc. Kết quả của *Phân tích nghề* được thể hiện trong *Sơ đồ phân tích nghề*. Sau đó, tiến hành *Phân tích công việc* (Tasks Analysis) của nghề để xác định: Chuẩn thực hiện; Điều kiện thực hiện; Kiến thức, kỹ năng, thái độ cần có... để thực hiện công việc. Trên cơ sở đó người ta xây dựng CTĐT tương ứng với trình độ yêu cầu.

#### 1.2.4.2. Chuẩn đầu ra

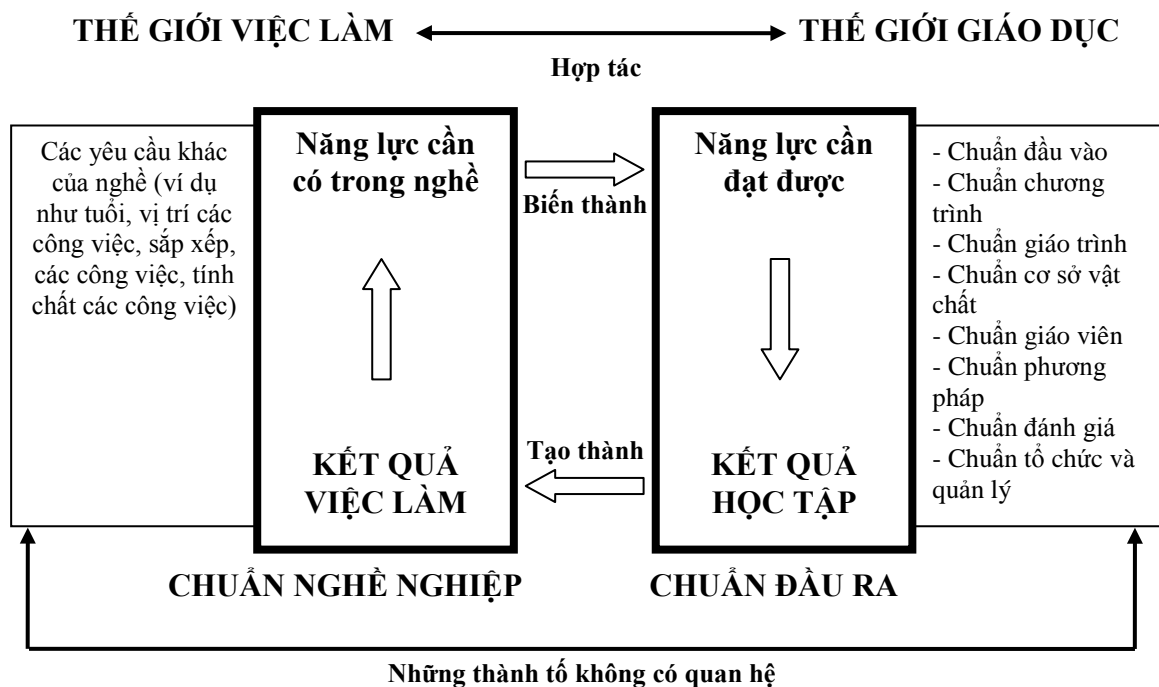
Trong tài liệu của ACED (Australian Council of Engineering Deans – tạm dịch là Hội đồng các Trường khoa kỹ thuật/ công trình của Úc) [96] có sử dụng khái niệm “Chuẩn đầu ra của chương trình” (Program Output Standards) được hiểu là những mẫu mực/chuẩn mực về đặc điểm của người học tốt nghiệp hay có thể hiểu là những đặc điểm (về năng lực) mà các tổ chức kiểm định yêu cầu ở người tốt nghiệp ra trường.



Như vậy, có thể hiểu chuẩn đầu ra là những quy định về mục tiêu cụ thể của một chương trình hoặc các học phần/ mô đun một cách chi tiết nhằm mô tả những nội dung kiến thức chuyên môn; kỹ năng tư duy, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết vấn đề; thái độ học tập, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; những công việc mà người học có thể đảm nhận được sau khi hoàn thành thành công chương trình hoặc các học phần, mô đun cùng các yêu cầu đặc thù khác đối với từng trình độ, ngành nghề đào tạo.

Như vậy, chuẩn đầu ra là bản cam kết của nhà trường đối với xã hội về mục tiêu đào tạo (kiến thức, kỹ năng, thái độ) của một chương trình đào tạo, qua đó khẳng định năng lực thực hiện những công việc cụ thể mà người học sẽ làm được theo chuẩn quy định trong lĩnh vực nghề nghiệp sau khi được đào tạo tại nhà trường.

Ở Việt Nam hiện nay, chuẩn đầu ra do chính CSĐT tự tuyên bố và tự chỉnh sửa nếu cần thiết chứ không bị một ràng buộc nào khác khi xây dựng và thực hiện chuẩn đầu ra. Và thực tế, chuẩn đầu ra của mỗi CTĐT chính là cụ thể hóa mục tiêu đào tạo của ngành nghề mà CSĐT đang thực hiện đào tạo.



**Hình 1.1: Mối quan hệ giữa thế giới việc làm và thế giới giáo dục**

Hình 1.1 [63, tr.32] biểu diễn mối quan hệ giữa chuẩn nghề nghiệp và chuẩn đầu ra tương ứng với thế giới việc làm và thế giới giáo dục. Có thể nhận thấy, chuẩn đầu ra chỉ có thể tiệm cận gần nhất với chuẩn nghề nghiệp và hai chuẩn này không thể trùng nhau hoặc thay thế cho nhau, bởi vì có nhiều yếu tố tác động khác nhau giữa thế giới việc làm và thế giới giáo dục. Chuẩn nghề nghiệp hình thành từ phân tích, tổng kết các kết quả từng công việc ứng với từng vị trí việc làm, tính chất công việc... Chuẩn đầu ra được hình thành trên cơ sở của chuẩn nghề nghiệp khi được “chuyển hóa” để tổ chức trong môi trường giáo dục; và để đạt được chuẩn đầu ra mong muốn thì CSĐT phải bảo đảm các chuẩn khác như: chuẩn đầu vào, chuẩn chương trình, chuẩn giáo viên, chuẩn đánh giá,...

Việc các CSĐT bằng cách nào đó xây dựng, công bố chuẩn đầu ra và chuẩn đầu ra này được các doanh nghiệp chấp nhận hoặc tiệm cận gần nhất với chuẩn nghề nghiệp thì đó là một thành công mở đường cho một quá trình đào tạo hướng tới chất lượng.

### **1.3. Đào tạo theo năng lực thực hiện**

#### ***1.3.1. Triết lý của đào tạo theo năng lực thực hiện***

“Quan niệm đào tạo “Lấy người học làm trung tâm” hay “Tập trung vào người học”, quan điểm phải có đủ thời gian cho từng người học (do khả năng học của từng người là khác nhau) trong thuyết “Học thông thạo” (Mastery Learning)... dẫn đến một phương thức ĐTN khác với truyền thống, đó là phương thức đào tạo theo NLTH với triết lý: Đào tạo dựa chủ yếu vào những tiêu chuẩn quy định cho một nghề và đào tạo theo những tiêu chuẩn đó chứ không dựa vào thời gian”. [50, tr.88]

Đặc điểm cơ bản nhất, có ý nghĩa trung tâm của đào tạo theo NLTH là định hướng và chú trọng vào kết quả đầu ra của quá trình đào tạo, nghĩa là: Cá nhân người học có thể làm được cái gì trong một tình huống lao động nhất định theo tiêu chuẩn nghề nghiệp quy định. Vì vậy, người có NLTH là người:

- Có khả năng làm được những gì (liên quan tới nội dung CTĐT),
- Có thể làm được tốt như mong đợi (liên quan tới việc đánh giá kết quả học tập của người học).

Đây là sự khác biệt cơ bản so với triết lý đào tạo truyền thống định hướng tập trung chủ yếu vào chương trình học tập theo kế hoạch cố định về thời gian. Khi đào tạo theo NLTH, người học được phép tích lũy tín chỉ, không phải học lại những điều đã học một khi đã được công nhận là thông thạo, có khả năng thực hiện chúng theo tiêu chuẩn quy định.

Mục tiêu của đào tạo theo truyền thống là cơ bản, toàn diện và tiềm năng phát triển thì mục tiêu đào tạo theo NLTH là khả năng thích ứng và giải quyết vấn đề trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.

Nội dung đào tạo: Đào tạo theo NLTH dựa trên cơ sở phân tích nghề, phân tích công việc và đặt trọng tâm vào các nội dung chủ yếu sau:

- Việc giải quyết vấn đề, hơn là tập trung vào giải quyết nội dung.
- Việc đánh giá kết quả học tập của học viên dựa vào các tiêu chuẩn quy định đối với từng nhiệm vụ và công việc (các tiêu chuẩn này xuất phát từ thực tế sản xuất, kinh doanh; tiêu chuẩn có thể là mức độ chất lượng của sản phẩm hoặc thời gian đòi hỏi để hoàn thành hoặc cả tích hợp cả hai nội dung này).
- Sự thành công của chương trình được đánh giá theo tỉ lệ người học tìm được việc làm đúng nghề, hơn là dựa trên tỷ lệ học sinh tốt nghiệp đạt khá giỏi.

Khi đào tạo theo NLTH, các tiêu chuẩn theo kết quả hay đầu ra (chính là các NLTH) luôn được sử dụng làm cơ sở để lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá quá trình cũng như kết quả học tập. Đào tạo nghề theo NLTH chứa đựng trong nó những yếu tố cải cách, thể hiện ở chỗ nó gắn rất chặt chẽ với yêu cầu của chỗ làm việc, của người sử dụng lao động, của các ngành nghề.

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên có thể nhận thấy rằng triết lý của đào tạo theo truyền thống chú ý vào nhân cách và toàn diện, còn triết lý của đào tạo theo NLTH lại quan tâm đến việc làm và năng lực kiếm sống.

Theo triết lý trên, ưu điểm của đào tạo theo NLTH là đáp ứng được nhu cầu của cả người học lẫn người sử dụng lao động; tuy nhiên mặt hạn chế của đào tạo theo NLTH là năng lực sáng tạo có phần bị hạn chế khi hành nghề.

### ***1.3.2. Đặc điểm của đào tạo theo năng lực thực hiện***

Theo công trình nghiên cứu của các tác giả Boyatzis [64], Whetten và Cameron [95], Nguyễn Minh Đường [19], Nguyễn Đức Trí [46], để phát triển các CTĐT theo NLTH cần xử lý một cách có hệ thống ba khía cạnh: Xác định các năng lực, Phát triển các năng lực và Đánh giá các năng lực một cách khách quan. Để xác định được các năng lực, điểm bắt đầu là những kết quả đầu ra (outcomes) và *định hướng đầu ra* là đặc điểm cơ bản nhất, có ý nghĩa trung tâm của đào tạo theo NLTH; nó định hướng và chú trọng vào kết quả, vào đầu ra của quá trình đào tạo, nghĩa là: Mỗi người học có thể làm được cái gì trong một tình huống lao động nhất định theo tiêu chuẩn đề ra.

Quá trình dạy học theo NLTH được đặc trưng bởi hai thành phần:

- Dạy và học các “năng lực thực hiện”.
- Đánh giá và xác nhận các “năng lực thực hiện”.

#### ***1.3.2.1. Dạy và học các năng lực thực hiện***

Việc dạy và học các NLTH được thiết kế và thực hiện theo nguyên tắc:

- Kiến thức lý thuyết được học ở mức độ cần thiết đủ để hỗ trợ cho việc hình thành và phát triển các NLTH. Lý thuyết và thực hành được dạy và học tích hợp với nhau. Học liệu được soạn thảo và chuẩn bị thích hợp với các NLTH;
- Mỗi người học phải liên tục có được các thông tin phản hồi cụ thể về sự hình thành và phát triển NLTH của mình, trên cơ sở đó điều chỉnh nhịp độ học tập phù hợp với từng người học;
- Người học phải có đủ điều kiện học tập cần thiết, đặc biệt là điều kiện thực hành nghề;
- Người học có thể học hết CTĐT của mình ở các mức độ kết quả khác nhau.

Thông thường, nội dung CTĐT theo NLTH được cấu trúc thành các mô đun. *Mô đun ở đây được hiểu là một đơn vị học tập liên kết tất cả các thành phần kiến thức liên quan trong các môn học lý thuyết (ít nhất là các môn lý thuyết chuyên môn nghề) với các kỹ năng để tạo ra một năng lực chuyên môn nhằm thực hiện một công việc nhất định trong nghề.*

Mô đun có những đặc trưng chủ yếu sau:

- + Định hướng vấn đề cần giải quyết, đó là NLTH công việc.
- + Định hướng trọn vẹn vấn đề thông qua tích hợp nội dung.
- + Định hướng làm được theo nhịp độ người học.
- + Định hướng đánh giá liên tục, hiệu quả trong quá trình dạy học nhằm bảo đảm học tập thành công, không rủi ro.
- + Định hướng cá nhân hoặc nhóm nhỏ người học.
- + Định hướng lắp ghép phát triển bảo đảm sự kế thừa, liên thông.

#### *1.3.2.2. Đánh giá và xác nhận năng lực thực hiện*

Trong GD&ĐT nói chung, trong đào tạo theo NLTH nói riêng, *đánh giá và xác nhận kết quả học tập (NLTH)* là thành phần cực kỳ quan trọng, là một trong những khâu có ý nghĩa quyết định đến chất lượng và hiệu quả đào tạo.

- *Đánh giá là một quá trình thu thập chứng cứ và đưa ra những phán xét về một NLTH nào đó đã đạt được hay chưa ở người học tại một thời điểm nhất định theo những yêu cầu thực hiện đã xác định trong Tiêu chuẩn nghề hoặc Chuẩn đầu ra/Mục tiêu dạy học.*

- *Việc đánh giá trong đào tạo theo NLTH phải được thực hiện theo tiêu chí (Criteria Referenced Assessment), nghĩa là nó đo sự thực hiện hay thành tích của một cá nhân người học trong mối liên hệ so sánh với các tiêu chí và chuẩn chứ không liên hệ so sánh với sự thực hiện hay thành tích của người khác. Các tiêu chí đánh giá NLTH được xác định từ các chuẩn nghề quốc gia và một số quy định chuẩn riêng khác. Theo lý thuyết phát triển NLTH, trọng*

tâm đánh giá *không phải tri thức tái hiện* mà là *khả năng vận dụng và giải quyết vấn đề thực tiễn*.

Để đánh giá và xác nhận NLTH, người ta thường sử dụng kết hợp các dạng minh chứng trực tiếp, gián tiếp và phụ trợ trong một phạm vi rộng thu thập được trong quá trình đào tạo thông qua các hoạt động sau:

- Quan sát sự thực hiện công việc tại chỗ làm việc hoặc ở hoàn cảnh tương tự;
- Đo lường các sản phẩm hoặc quan sát, theo dõi các dịch vụ, các quá trình được thực hiện trong thực tế;
- Quan sát, lượng giá các thái độ được thể hiện;
- Kiểm tra, trắc nghiệm kiến thức và hiểu biết;
- Thu thập các chứng cứ phụ trợ bao gồm những thông tin về người học từ hồ sơ, sổ sách giáo vụ, các báo cáo,... và từ những người có liên quan đến sự học tập của người học.

Sự thông thạo các NLTH của người học được đánh giá và xác nhận theo các quan điểm sau:

- Đánh giá riêng rẽ từng cá nhân người học khi họ hoàn thành công việc;
- Người học phải thực hiện các công việc theo cách thức giống như của người lao động thực hiện trong thực tế lao động nghề nghiệp;
- Kiến thức liên quan và thái độ cần có đều là những bộ phận cấu thành cần được đánh giá;
- Các tiêu chuẩn dùng trong việc đánh giá là những yêu cầu đặt ra ở mức độ tối thiểu để đảm bảo rằng sau khi học xong thì người học bước vào làm việc được. Những kỹ năng hoặc kiến thức mà người học đã thông thạo trước đó có thể được công nhận hoặc miễn trừ khi học sau này;
- Các tiêu chí và chỉ báo dùng cho đánh giá được công bố cho người học biết trước khi đánh giá.

**Bảng 1.1: Các mức trình độ của kỹ năng**

Mức trình độ	Sự thực hiện để đánh giá
1- Bắt chước được	Quan sát và làm theo được
2- Làm được (bước đầu hình thành kỹ năng)	Tự hoàn thành được công việc với sai sót nhỏ
3- Làm được chính xác (có kỹ năng)	Hoàn thành được công việc đạt chuẩn quy định
4- Làm được thuần thục (có kỹ xảo)	Hoàn thành được công việc đạt chuẩn, thuần thục
5- Biến hóa được (có sáng tạo)	Hoàn thành được công việc vượt chuẩn, có cải tiến

**Bảng 1.2: Các mức trình độ về kiến thức**

Mức trình độ	Sự thực hiện để đánh giá
1- Biết	Mô tả, nhắc lại được sự kiện, sự việc
2- Hiểu	Trình bày, giải thích được nội dung sự kiện, tính chất đặc trưng của sự vật...
3- Vận dụng	Vận dụng được một kiến thức để hiểu một kiến thức khác phức tạp hơn, vận dụng trường hợp chung vào trường hợp riêng...
4- Phân tích, tổng hợp	Vận dụng các quy luật, nguyên lý chung để lý giải, nhận thức các sự kiện, sự việc, các trường hợp riêng; Khái quát được các trường hợp riêng lẻ để nêu lên một kết luận chung.
5- Đánh giá	Vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc đã học để phân tích, so sánh được một giải pháp (phương án, cơ cấu...) với các giải pháp (phương án, cơ cấu...) khác đã biết.
6- Sáng tạo	Vận dụng được những kiến thức đã có để sáng tạo ra cái mới.

**Bảng 1.3: Các mức độ về thái độ**

Mức độ	Sự thực hiện để đánh giá
1- Chấp nhận	Thừa nhận một cách thụ động nhưng không phản kháng, chống đối.
2- Có phản ứng	Thừa nhận một cách tích cực, có quan tâm đến vấn đề.
3- Có ý kiến đánh giá	Đã nhập cuộc, có nhận xét về vấn đề được đặt ra.
4- Cam kết thực hiện	Thực hiện một cách chủ động, tự nguyện.
5- Thành thói quen	Đã trở thành tác phong, lối sống của bản thân.

Theo tác giả Nguyễn Minh Đường: Các mức đánh giá trình độ về kỹ năng ở bảng 1.1; các mức đánh giá trình độ về kiến thức được thể hiện ở bảng 1.2, vì “Theo Bloom, kiến thức có 6 mức trình độ là: Biết; Hiểu; Vận dụng; Phân tích; Tổng hợp; Đánh giá. Tuy nhiên, phân tích và tổng hợp thường là hai mặt của một vấn đề và có mức độ khó tương đương nhau; mặt khác, ngày

nay trong cơ chế thị trường cạnh tranh, sự sáng tạo đã trở thành một yêu cầu quan trọng đối với mỗi người lao động ở mọi trình độ được đào tạo.”; các mức độ về thái độ được đánh giá theo bảng 1.3 [19. tr.121 - 124].

Theo NCS, đào tạo theo NLTH có những ưu điểm sau:

- Người học có thể hoàn thành một hoặc nhóm NLTH đủ để tham gia vào TTLĐ. Người học được công nhận hoàn thành CTĐT của một cấp trình độ khi chứng tỏ đã thông thạo tất cả NLTH quy định trong chương trình ứng với cấp trình độ đó.
- CTĐT mềm dẻo, linh hoạt và có thể áp dụng dễ dàng cho dạy và học NLTH ở trong nhà trường và ngoài doanh nghiệp. CTĐT cũng nhanh chóng đáp ứng nhu cầu của TTLĐ bằng cách dễ dàng bổ sung, thay thế các mô đun mới. CTĐT còn thể hiện được những mục tiêu ngắn hạn vốn rất có lợi cho những người học chưa xác định chắc chắn được kế hoạch dài hạn của họ do các nguyên nhân khác nhau mang đến.
- Hiệu quả học tập cao do sự ghi nhận kịp thời và liên tục năng lực của từng cá nhân người học để điều chỉnh quá trình dạy và học phù hợp. Người học có thể học theo năng lực và nhịp độ riêng của từng cá nhân; vì vậy, người học có thể nhập học và kết thúc quá trình học tập ở bất kỳ thời điểm nào, không phụ thuộc vào thời lượng học tập.
- Quá trình đào tạo chú trọng hình thành NLTH (các công việc, nhiệm vụ chuyên môn của nghề) theo các tiêu chuẩn hành nghề đặt ra; nghĩa là, *đầu ra* được có thể đo lường theo tiêu chí rõ ràng cho nên có thể đáp ứng yêu cầu lao động kỹ thuật đúng trình độ, đúng nghề của doanh nghiệp.
- Bằng cấp, chứng chỉ của người học được thể hiện đầy đủ nội dung và kết quả học tập theo CTĐT tạo cơ sở để chuyển đổi, liên thông với những chương trình kế tiếp có liên quan hoặc ở trình độ cao hơn, đồng thời tạo điều kiện cho người học di chuyển vị trí làm việc dễ dàng hơn.

Tuy nhiên, đào tạo theo NLTH cũng có những hạn chế nhất định:



- Nội dung chương trình được cấu trúc thành các mô đun “tích hợp” nên có thể gây ra “sự cắt vụn kiến thức”; người học không được trang bị một cách cơ bản, toàn diện và có hệ thống các kiến thức theo logic khoa học, không có đủ cơ hội hiểu sâu sắc bản chất lý thuyết của các sự vật, hiện tượng như “truyền thống” lâu nay khi học theo các môn học lý thuyết, vì vậy năng lực sáng tạo ở người học sẽ có thể bị hạn chế phần nào khi hành nghề thực tế.
- Do đào tạo theo hướng chuyên sâu vào một nhiệm vụ hoặc một vài công việc cụ thể khi hoàn thành một mô đun nên người học khó thích ứng nhanh với sự thay đổi của công việc trong lao động nghề nghiệp.
- Tổ chức đào tạo phức tạp do CTĐT linh hoạt và tính cá nhân hóa cao. Phải có điều kiện (trang thiết bị, vật liệu, tài liệu kỹ thuật) và môi trường gắn đào tạo với việc làm trực tiếp thì mới đạt hiệu quả đào tạo.
- Quá trình đào tạo không còn tồn tại *một thời điểm đầu vào và một thời điểm đầu ra* chung cho cả khóa có nhiều người học như đào tạo truyền thống mà sẽ xuất hiện nhiều thời điểm cần phải quản lý; vì vậy, QLĐT sẽ gặp trở ngại lớn nếu không có quy trình quản lý tối ưu và công cụ quản lý hiện đại.

### ***1.3.3. Nội dung của đào tạo theo năng lực thực hiện***

Nội dung chủ yếu của đào tạo theo NLTH chính là việc dạy và học các NLTH để khi được công nhận hoàn thành quá trình đào tạo người học làm được trọn vẹn một nhiệm vụ hoặc công việc như thực tế lao động sản xuất. Như vậy, nội dung này đã thay thế hoàn toàn cho kiểu nội dung các chương, bài, mục... trong đào tạo truyền thống trước đây. Nội dung của đào tạo theo NLTH chính là sự tích hợp của hệ thống tri thức khoa học, kỹ thuật, phương pháp liên quan đến nghề nghiệp; hệ thống kỹ năng về nghề nghiệp; hệ thống kinh nghiệm hoạt động sáng tạo và hệ thống tri thức về thái độ đối với nghề nghiệp bảo đảm cho người học có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thực tiễn sản xuất. Ngoài hệ thống kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp, nội dung đào tạo phải bao gồm kỹ năng mềm như các hoạt động rèn luyện

phương pháp tư duy, tìm tòi trí thức mới vừa mang tính cơ bản, vừa mang tính chuyên sâu. Bảng 1.4 và 1.5 thể hiện sự khác biệt giữa dạy học theo NLTH và dạy học truyền thống.

**Bảng 1.4: Sự khác biệt giữa dạy học theo NLTH và dạy học truyền thống dưới góc độ người học**

<b>Đặc trưng</b>	<b>Dạy học theo NLTH</b>	<b>Đào tạo theo truyền thống</b>
HS học như thế nào?	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo các kết quả riêng biệt, được mô tả chính xác (thường gọi là NLTH hoặc công việc). Chúng đã được xác định là then chốt để làm việc thành công.</li> <li>- Tài liệu được thiết lập một cách có tổ chức, vì vậy từng cá nhân HS có thể dừng lại, đi chậm lại, tăng tốc, hoặc học lại theo nhu cầu một cách hiệu quả.</li> <li>- Sử dụng các hoạt động dạy học tích cực <i>lấy người học làm trung tâm</i>.</li> <li>- Trong quá trình giảng dạy những thông tin phản hồi theo từng kỳ học xuyên suốt quá trình học tập với những cơ hội mở ra để HS tự hoàn chỉnh <i>sự thực hiện</i> mà họ có thể.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông thường theo tiếp cận sách vở, tài liệu tham khảo, đề cương hoặc những tài liệu được chuyển tiếp từ chính chuyên ngành.</li> <li>- Học theo lớp, nhóm với thời gian cố định của học kỳ, năm học.</li> <li>- Hầu hết theo tiếp cận căn bản của GV, thông qua diễn giảng, thuyết trình, thảo luận, và các hoạt động giảng dạy <i>lấy người dạy làm trung tâm</i>. Chỉ một số ít HS nắm được vấn đề của bài giảng.</li> <li>- Trong quá trình giảng dạy thường có một số ít ý kiến phản hồi theo định kỳ.</li> </ul>
HS học cái gì?	Chương trình thiết kế cẩn thận, phương tiện truyền thông và tài liệu thiết kế giúp HS thông thạo trong từng công việc theo chuẩn quy định.	Chương trình học thường xây dựng xung quanh chương, bài, khối hoặc mảng đề tài, có nghĩa là GV đã gói gọn toàn bộ tài liệu trong phạm vi nghề nghiệp. HS thường hiếm khi biết chính xác sẽ học cái gì trong từng phần kế tiếp của chương trình.
Tiến trình học tập của HS	Cung cấp cho mỗi HS đủ thời gian (trong phạm vi thích đáng) để làm thông thạo đầy đủ từng công việc, trước khi được chấp nhận hoặc bắt buộc chuyển sang phần kế tiếp.	Thông thường yêu cầu nhóm HS bỏ ra một khoảng thời gian giống nhau trong mỗi bài giảng. HS được cho phép (và thường bị thúc đẩy) để chuyển sang phần kế tiếp khi chưa nắm được vấn đề, hoặc thậm chí “chưa đạt” ở phần hiện tại.
Đánh giá, xác nhận kết quả học tập của HS	Đòi hỏi mỗi cá nhân HS thực hiện từng công việc thành thạo theo chuẩn trước khi được xác nhận hoàn thành từng công việc. Việc thực hiện này được so sánh để sửa đổi, điều chỉnh tiêu chuẩn.	Phụ thuộc hoàn toàn vào bài kiểm tra. Mỗi công việc HS thực hiện thường so sánh với tiêu chuẩn của nhóm.

**Bảng 1.5: So sánh giữa dạy học theo NLTH và dạy học truyền thống**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Dạy học theo NLTH</b>	<b>Dạy học truyền thống</b>
1. Triết lý dạy học	Tạo khả năng và cơ hội cho người học tìm kiếm và tự tạo việc làm khi hoàn thành NLTH	Phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và khả năng lao động cho người học
2. Mục tiêu dạy học	HS đạt được các mục tiêu cụ thể của NLTH theo chuẩn quy định để thích ứng với nghề nghiệp	HS có được hệ thống kiến thức cơ bản, toàn diện với các mục tiêu khái quát
3. Căn cứ xác định nội dung dạy học	Dựa trên kết quả phân tích nghề, phân tích công việc của người hành nghề	Dựa trên triết lý đào tạo, logic khoa học và logic nhận thức của người học
4. Cấu trúc nội dung dạy học	Dựa vào các NLTH hình thành mô đun tích hợp lý thuyết và thực hành	Dựa vào nội dung truyền đạt hình thành hệ thống môn học với các chương, bài
5. Thời gian dạy học	Tùy chỉnh dựa vào <i>sự thực hiện</i> của cá thể HS	Cố định thời gian theo niên chế với nhóm, lớp
6. Nhịp độ dạy học	Theo nhịp độ cá thể	Theo nhịp độ của nhóm, lớp
7. Tốc độ phản hồi thông tin	Thông tin phản hồi ngay lập tức	Thông tin phản hồi thường chậm
8. Tài liệu học tập	Tài liệu là các mô đun, phương tiện hỗ trợ cá thể	Tài liệu là giáo trình, sách giáo khoa
9. Địa điểm dạy học	Học nhiều trong thực địa, thực tế	Học chủ yếu ở trong trường (hạn chế về kinh nghiệm thực tế)
10. Phương pháp dạy học	Học với sự trợ giúp của người hướng dẫn và phương tiện hỗ trợ	Chủ yếu tiếp thu “một chiều” thông qua thuyết trình, trình diễn...
11. Cơ sở xây dựng hệ thống đánh giá	Các tiêu chí khách quan theo chuẩn nghề nghiệp	Các tiêu chí chủ quan của người được giao nhiệm vụ xây dựng hệ thống đánh giá
12. Cách thức đánh giá	Đánh giá theo chuẩn NLTH	Đánh giá theo chuẩn tương đối giữa người học với nhau
13. Kết quả đánh giá đầu ra	NLTH của người học đạt được	Điểm xếp hạng

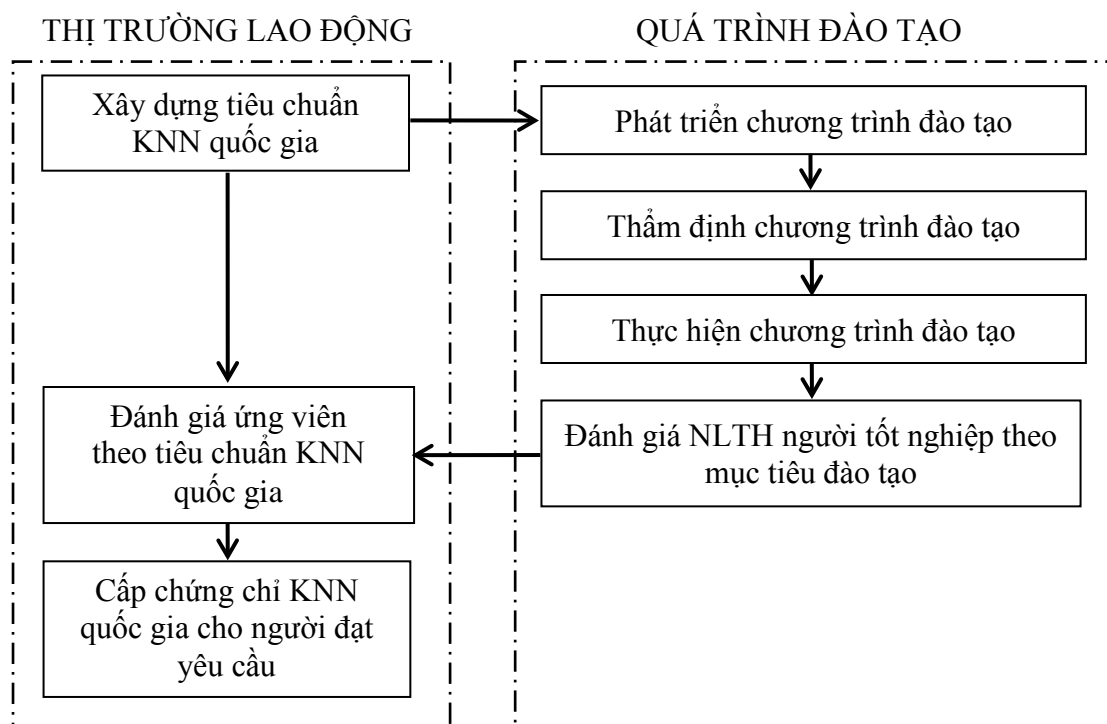
Một số nguyên tắc khi xác định nội dung đào tạo theo NLTH:

- Ngoài một số môn học riêng, nội dung đào tạo phải có sự tích hợp giữa các khối kiến thức chung, kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành theo các mô đun trong chương trình nhằm hình thành các NLTH theo chuẩn nghề nghiệp cho người học.

- Nội dung đào tạo phải có phần cứng và phần mềm, có các mô đun bắt buộc và mô đun tự chọn, các mô đun này có thể thay đổi hoặc bổ sung theo yêu cầu thay đổi của kỹ thuật, công nghệ, tổ chức sản xuất và TTLĐ.
- Nội dung đào tạo cần đan xen kết hợp các kỹ năng mềm phù hợp với nghề nghiệp để người học sau khi tốt nghiệp chẳng những hành nghề được mà còn có ý chí, năng lực tự học, tự bồi dưỡng liên tục để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- Nội dung đào tạo phải bảo đảm sự đánh giá kết quả học tập theo NLTH một cách liên tục bằng nhiều hình thức và phương pháp khác nhau; kết hợp giữa đánh giá của GV và tự đánh giá của HS, tạo điều kiện và cơ hội cho HS được bình đẳng trong đánh giá.

#### ***1.3.4. Đào tạo theo năng lực thực hiện trong mối quan hệ với thị trường lao động***

Quá trình đào tạo theo NLTH có mối quan hệ chặt chẽ với TTLĐ thông qua hệ thống Tiêu chuẩn KNN và công nhận KNN, xem hình 1.2. [49, tr.320]



**Hình 1.2: Khái quát về mối quan hệ giữa quá trình đào tạo theo NLTH và TTLĐ**

Hiện nay, Tổng cục dạy nghề phối hợp với các Bộ ngành liên quan xây dựng hệ thống Tiêu chuẩn KNN, đánh giá và công nhận KNN quốc gia; còn trong hệ thống CSĐT, quá trình đào tạo được tiến hành từ khâu phát triển CTĐT dựa vào bộ Tiêu chuẩn KNN đến khâu đánh giá NLTH người tốt nghiệp theo mục tiêu đào tạo. Người tốt nghiệp khi tham gia vào TTLĐ phải qua các bước tuyển chọn của người sử dụng lao động hoặc/và có thể cần phải được đánh giá và công nhận KNN quốc gia.

Xây dựng và ban hành Tiêu chuẩn KNN quốc gia sẽ giúp cho:

- Người lao động định hướng phấn đấu nâng cao trình độ về kiến thức và kỹ năng của bản thân thông qua việc học tập và/hoặc tích lũy kinh nghiệm trong quá trình làm việc để có cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp;
- Người sử dụng lao động có cơ sở để tuyển chọn lao động, bố trí công việc và trả lương hợp lý cho người lao động;
- Các CSĐT có căn cứ để xây dựng CTĐT tiếp cận chuẩn KNN quốc gia;
- Cơ quan có thẩm quyền có căn cứ để tổ chức thực hiện việc đánh giá, công nhận và cấp chứng chỉ KNN quốc gia cho người lao động.

### ***1.3.5. Tổ chức đào tạo theo năng lực thực hiện***

Để xác định một người đã hoàn thành CTĐT, người ta căn cứ vào sự thông thạo được tất cả các NLTH đã xác định trong CTĐT theo chuẩn đầu ra.

“Phát triển CTĐT theo NLTH đáp ứng được các xu hướng của CTĐT là: hướng tới người học; liên thông; linh hoạt và mở; hình thành năng lực hành nghề cụ thể.” [15, tr.226]

Không đặt ra yêu cầu về thời lượng dành cho học tập vì người học có thể học theo khả năng và nhịp độ của riêng mình, không phụ thuộc vào người khác, miễn là đủ thời gian để tiếp thu và thông thạo được các NLTH. Điều đó cho phép người học có thể vào học và kết thúc việc học bất kỳ thời điểm nào.

Đào tạo theo NLTH đặt trọng tâm vào việc giải quyết vấn đề hình thành NLTH cho người học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học dựa vào

các tiêu chí thực hiện (Performance Criteria), chúng được xác định chủ yếu từ các tiêu chuẩn nghề. Chỉ khi nào người học đã “đạt” tất cả các tiêu chí đặt ra thì mới được công nhận đã học xong CTĐT.

Xây dựng đầy đủ các căn cứ pháp lý như quy chế, quy định, quy trình hướng dẫn để làm cơ sở phục vụ công tác quản lý; đồng thời để người học biết được cách thức đạt mục tiêu học tập.

Cụ thể hóa CTĐT thành bản kế hoạch tổng thể cho một khóa đào tạo kèm theo các điều kiện tối thiểu để việc tổ chức đào tạo được chủ động (phần cứng, phần mềm) và người học cũng có thể chủ động về tiến trình học tập của mình tùy theo nhịp độ và nguyện vọng của từng người.

Hồ sơ học tập của từng cá nhân và của tất cả mọi người học được lưu trữ đầy đủ. Người học có thể học chuyển tiếp hoặc ra khỏi chương trình học không cần học lại những NLTH đã thông thạo nhờ có hệ thống các tín chỉ đã được cấp trước đây.

Thống nhất phối hợp giữa đơn vị tổ chức đào tạo và các đơn vị phục vụ đào tạo để chuẩn bị các điều kiện tốt nhất cho đào tạo theo NLTH như trang thiết bị, dụng cụ, vật tư, nhà xưởng, phòng thí nghiệm, thư viện,...

Tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát quá trình đào tạo đúng quy định để tiếp nhận phản hồi nhanh chóng từ GV và HS, qua đó có những đánh giá và điều chỉnh kịp thời hoạt động dạy học đạt mục tiêu đào tạo.

Đào tạo theo NLTH khác biệt với đào tạo kiểu truyền thống ở mọi yếu tố từ *đầu vào, quá trình dạy học đến đầu ra* dưới tác động của môi trường kinh tế - xã hội và sự tiến bộ của KH-CN mà các doanh nghiệp đang áp dụng.

### ***1.3.6. Điều kiện để đào tạo theo năng lực thực hiện***

Điều kiện tiên quyết để tổ chức đào tạo theo NLTH là phải xác định được một hệ thống NLTH làm kết quả đầu ra của quá trình đào tạo và làm cơ sở định hướng cho tất cả các hoạt động tiếp theo của GV và HS. Kết quả đầu ra (những NLTH) phải được mô tả tường minh, chi tiết thành các cấp độ

(trong mỗi cấp độ lại mô tả rõ những mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ) mà người học cần đạt được sau khi kết thúc quá trình dạy học. Đây được coi là chuẩn đầu ra của quá trình dạy học. Vì vậy, cần chú ý các yêu cầu (điều kiện) cụ thể sau đây để tổ chức đào tạo theo NLTH:

1) Xây dựng và phát triển CTĐT theo NLTH ứng với từng cấp trình độ trên cơ sở chuẩn nghề nghiệp. Nghĩa là, các NLTH mà người học sẽ tiếp thu trong quá trình đào tạo cần phải:

- Được xác định từ việc phân tích nghề một cách khách quan, nghiêm ngặt, chính xác và đầy đủ;
- Được trình bày dưới dạng các công việc thực hành mà những người hành nghề thực tế phải làm hoặc dưới dạng các hành vi về mặt nhận thức (kiến thức) và về thái độ liên quan đến nghề;
- Được công bố cho người học biết trước khi vào học.

CTĐT phải thể hiện rõ các mục tiêu thực hiện của HS trong mỗi công đoạn của quá trình học tập. Có khả năng phân hóa việc tổ chức dạy học cho phù hợp với nhịp độ học tập của từng cá nhân, giúp họ tự lựa chọn khối lượng, nhịp độ học tập theo nguyện vọng và khả năng của mình.

CTĐT phải có sự tích hợp giữa các khối kiến thức chung, cơ sở và chuyên ngành, tích hợp giữa kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề (phần cứng) và kiến thức, kỹ năng mềm theo các mô đun trong chương trình. Nên hình thành các mô đun bắt buộc và mô đun tự chọn, các mô đun này có thể thay đổi hoặc bổ sung theo yêu cầu thay đổi của kỹ thuật, công nghệ, tổ chức sản xuất và TTLĐ.

Xây dựng và công bố công khai chuẩn đầu ra để người học có căn cứ làm định hướng trong toàn bộ quá trình học tập và CSĐT có căn cứ bảo đảm các điều kiện cần và đủ cho đào tạo đáp ứng mục tiêu đầu ra.

2) Bảo đảm các điều kiện cần thiết về đội ngũ GV, cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu đào tạo theo NLTH.

Quá trình dạy học theo NLTH là dạy học tích hợp trên cơ sở các mô đun của CTĐT, nghĩa là, đội ngũ GV phải có năng lực dạy học tích hợp (lý thuyết và thực hành) để dạy một HS thực hiện trọn vẹn một NLTH trong cùng một thời điểm và cùng một không gian (thay vì dạy lý thuyết và thực hành tách rời kiểu truyền thống). Đồng thời, CSĐT phải có phòng dạy học tích hợp với hệ thống trang thiết bị đầy đủ và hiện đại để cả GV và HS đều có điều kiện dạy và học các NLTH theo mục tiêu đào tạo và đạt chuẩn NLTH quy định. Nghĩa là, để người học hoàn thành được các NLTH đạt chuẩn quy định thì môi trường dạy và học phải được đầu tư và thiết kế tiệm cận gần với thực tế công việc. Ví dụ, cần có một mô hình (vật thật) khung nhà dân dụng cao tầng chuyên phục vụ dạy và học trực tiếp các NLTH của nghề Kỹ thuật xây dựng... kèm theo các thiết bị, máy móc, dụng cụ, vật tư đang được sử dụng phổ biến ở các công trường xây dựng để tiến hành quá trình dạy học theo NLTH.

3) Sử dụng các công cụ quản lý phù hợp để quản lý quá trình đào tạo theo nhu cầu và khả năng của người học. Việc lựa chọn, đăng ký số lượng môn học hay mô đun trong một học kỳ hay năm học, tiến độ học tập (tốc độ học nhanh hay chậm) của từng người học... cần được tổ chức và quản lý theo hướng đơn giản, dễ dàng và đúng quy định. Hiện nay, một số CSĐT đã sử dụng các phần mềm quản lý kết hợp với hỗ trợ từ kết nối mạng (Internet, LAN...) để tạo những cổng thông tin điện tử phục vụ cho quá trình “giao dịch” giữa CSĐT và người học. Khi đó, người học có thể tự lập “kế hoạch điện tử” qua mạng để đăng ký học tập với CSĐT.

#### **1.4. Quản lý đào tạo nghề theo năng lực thực hiện**

##### ***1.4.1. Quản lý đào tạo nghề hướng tới chất lượng***

QLĐT nhằm mục tiêu lớn nhất là không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, bởi vì, chất lượng đào tạo là vấn đề sống còn của CSĐT trong cơ chế thị trường. Để QLĐT hướng tới chất lượng đáp ứng yêu cầu



chuẩn nghề nghiệp và nhu cầu của TTLĐ trong cơ chế thị trường, cần nghiên cứu, xem xét các mô hình QLĐT và lựa chọn mô hình QLĐT phù hợp.

Báo cáo của Chính phủ về tình hình giáo dục Việt Nam, tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội XI ngày 15/11/2004 nêu rõ: Cơ chế quản lý giáo dục chưa tương thích với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của đất nước. Quản lý nhà nước về giáo dục còn nặng tính quan liêu, chưa thoát khỏi tình trạng ô mồm, sự vụ. Công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch còn nhiều bất cập... Chi đạo Bộ GD&ĐT, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cải tiến công tác quản lý, điều hành, tập trung vào chức năng quản lý nhà nước, lấy việc quản lý chất lượng làm nhiệm vụ trọng tâm. [6]

Trong quản lý GD&ĐT, một số mô hình quản lý đào tạo hướng tới chất lượng đã được nghiên cứu và vận dụng.

#### *1.4.2.1. Mô hình quản lý đào tạo theo quá trình*

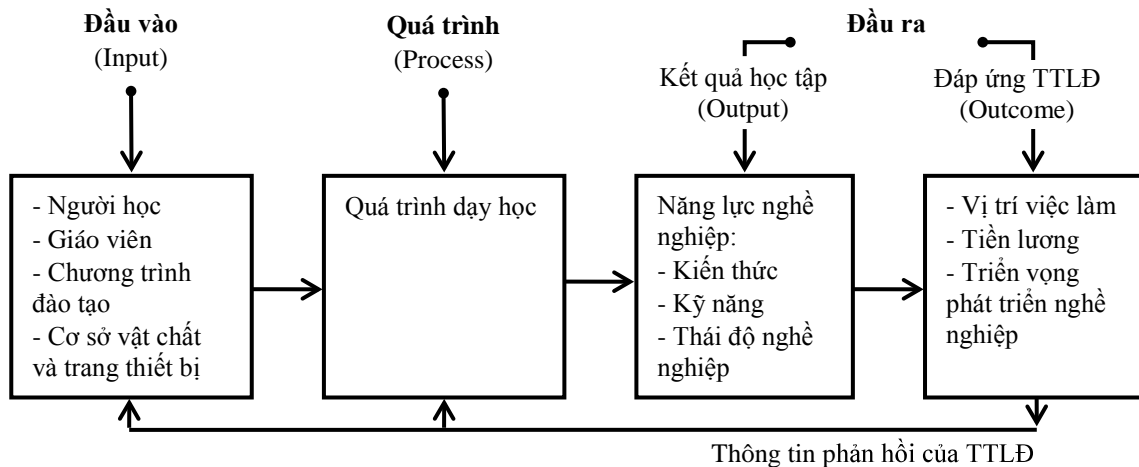
Tác giả Phan Văn Kha [28] cho rằng, QLĐT gồm quản lý các thành tố cơ bản theo các khâu: đầu vào - quá trình dạy học - đầu ra:

- *Quản lý đầu vào*: Quản lý đội ngũ GV, CBQL, nhân viên; Quản lý tuyển sinh; Quản lý HS; Quản lý cơ sở vật chất (nhà xưởng, phòng học, thư viện...); Quản lý tài chính (nguồn vốn tài chính và phân bổ, chi tiêu).

- *Quản lý quá trình dạy học*: là dạng hoạt động quản lý cơ bản trong công tác quản lý ở nhà trường, nó góp phần quyết định đối với chất lượng giáo dục, trong đó đối tượng quản lý chính là: Hoạt động của đội ngũ GV và hoạt động học tập, nền nếp sinh hoạt của HS; Quản lý hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS trong quá trình dạy học.

- *Quản lý đầu ra*: Quản lý đầu ra có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với hệ thống đào tạo nhân lực, bởi vì nó không chỉ thuần túy đánh giá kết quả học tập và kết quả tốt nghiệp của người học, mà điều quan trọng theo dõi công ăn việc làm của người tốt nghiệp, khả năng thăng tiến nghề nghiệp trong quá

trình họ hành nghề, qua đó đánh giá chất lượng và hiệu quả đào tạo, điều chỉnh quá trình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu TTLĐ và các đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng nhân lực sau đào tạo.



**Hình 1.3: Mô hình quản lý đào tạo theo quá trình**

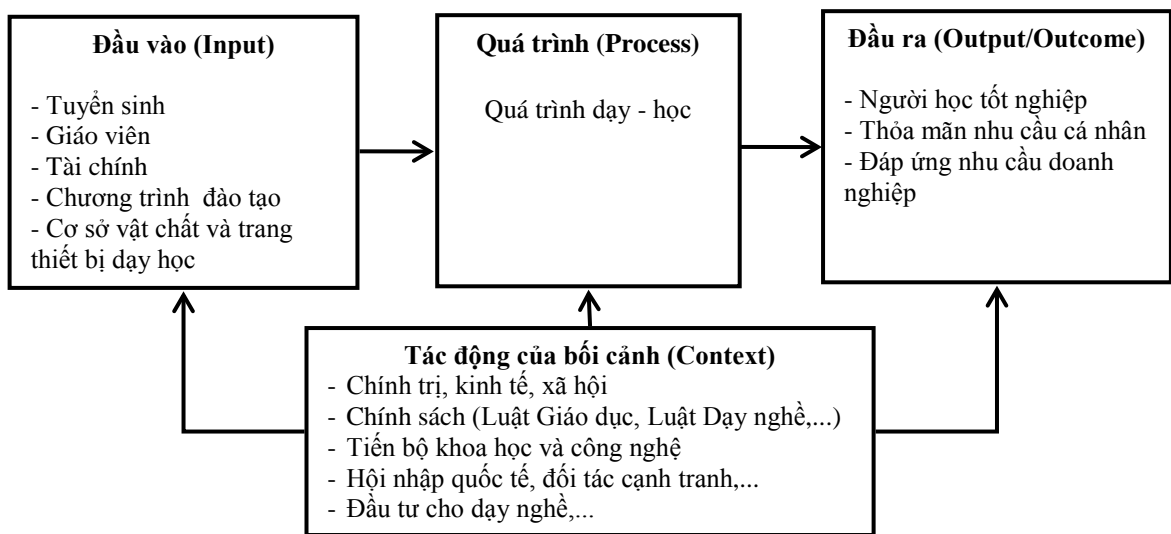
Trong mô hình hình 1.3, khi quản lý cần chú ý một số yêu cầu:

- Thực hiện trước, trong và sau quá trình đào tạo với việc tập trung vào phát hiện, phòng ngừa sự xuất hiện những yếu tố làm giảm chất lượng đào tạo.
- Bảo đảm chất lượng đầu ra với việc xác định các chuẩn và quy trình, quy định để mọi người (CBQL, GV, nhân viên...) có trách nhiệm cao khi tham gia quá trình đào tạo.
- Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với cơ sở sử dụng nhân lực, hệ thống thu nhận và xử lý thông tin phản hồi từ những người tốt nghiệp, các doanh nghiệp về chất lượng và hiệu quả đào tạo; nắm bắt nhu cầu nhân lực của các doanh nghiệp về cơ cấu ngành nghề và trình độ nhân lực; điều chỉnh mục tiêu, nội dung, quy mô, cơ cấu đào tạo, tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng.

#### 1.4.2.2. Mô hình CIPO

Với quan điểm chất lượng đào tạo là một quá trình, năm 2000, UNESCO đưa ra mô hình CIPO được mô tả như hình 1.4 khi áp dụng cho QLĐT nghề, trong đó có các thành phần: Đầu vào (Input), Quá trình (Process), Đầu ra

(Output/Outcome), Tác động của bối cảnh (Context). Để QLĐT hướng tới chất lượng cần *quản lý các yếu tố đầu vào, quản lý quá trình thực hiện đến quản lý các yếu tố đầu ra*; đồng thời, cần quan tâm đến *tác động của bối cảnh* với phạm vi rộng và đa dạng hơn như các vấn đề liên quan đến thể chế, chính sách, dân cư, môi trường phát triển kinh tế - xã hội (tiền bộ KHCN, hội nhập quốc tế, đối tác cạnh tranh, đầu tư cho dạy nghề...).



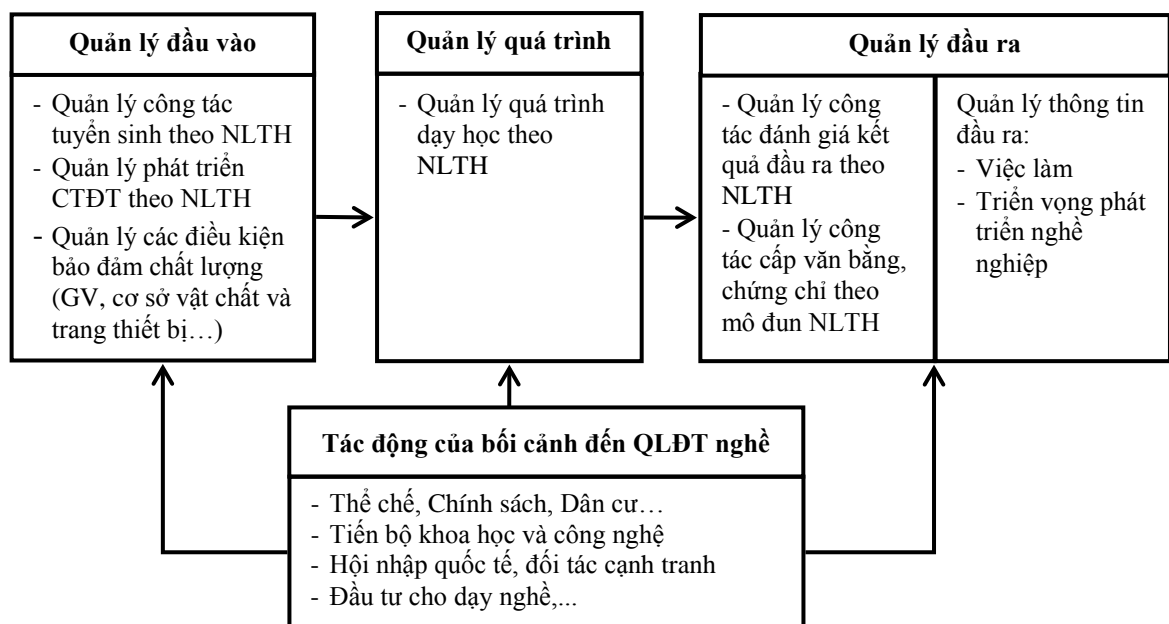
**Hình 1.4: Mô hình CIPO về quản lý đào tạo nghề**

Như vậy, cùng với cách tiếp cận *quản lý theo quá trình*, CIPO đã đưa thêm thành phần về *Tác động của bối cảnh* (Context); nghĩa là, khi vận dụng vào QLĐT nghề, mô hình CIPO có tính chất kiểm soát quá trình đào tạo và tất cả các yếu tố tác động từ môi trường kinh tế - xã hội lên quá trình đào tạo để *hướng tới chất lượng* đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn sản xuất và nhu cầu doanh nghiệp. Vì vậy, xu thế sử dụng CIPO trong QLĐT nghề đang được quan tâm và tìm hướng vận dụng. Khi đó, QLĐT nghề được đặt trong một môi trường “vận động” có ý nghĩa toàn diện hơn, chứ không chỉ là vấn đề thông tin phản hồi từ người lao động đã tốt nghiệp, từ các doanh nghiệp sử dụng lao động hoặc vấn đề bảo đảm chất lượng của tổ chức, CSĐT.

*Tóm lại*, QLĐT nói chung và QLĐT nghề nói riêng đều nhằm đến mục tiêu lớn nhất là nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Các mô hình trên đây cho chúng ta những hướng vận dụng nhất định, phù hợp với từng điều kiện cụ thể trong quá trình QLĐT. Từ đó, chúng ta có những cách tiếp cận trong QLĐT nghề nhằm tạo ra “sản phẩm của quá trình đào tạo” đáp ứng yêu cầu của thực tiễn sản xuất và TTLĐ, đó là: *Tiếp cận theo quá trình; Tiếp cận theo định hướng đầu ra - NLTH; Tiếp cận thị trường - hướng tới chất lượng.*

#### **1.4.2. Vận dụng mô hình CIPO trong quản lý đào tạo nghề theo năng lực thực hiện**

Theo hình 1.5, các nhóm nội dung quản lý gồm: *quản lý đầu vào, quản lý quá trình, quản lý đầu ra*, đồng thời cần quan tâm đến các yếu tố *tác động của bối cảnh đến QLĐT nghề*.



**Hình 1.5: Vận dụng mô hình CIPO trong quản lý đào tạo nghề theo NLTH**

##### **1.4.2.1. Quản lý đầu vào**

a) *Quản lý công tác tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề theo NLTH*, bao gồm: Quản lý chính sách tuyển sinh, quá trình tuyển sinh (phân

nhóm HS, ghép lớp,...) và hướng nghiệp cho HS phổ thông chọn nghề phù hợp để học nghề theo NLTH. Một hội đồng tư vấn tuyển sinh có sự tham gia của doanh nghiệp sẽ góp phần định hướng tuyển sinh người học theo các yêu cầu của thực tiễn sản xuất hoặc nhu cầu của doanh nghiệp. Khi đó sẽ hình thành kênh tuyển sinh người học đang làm việc tại các doanh nghiệp để chủ động trong công tác bồi dưỡng, đào tạo lại lao động kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của phát triển sản xuất và công nghệ; nghĩa là, nhà trường cũng đã góp phần giúp các doanh nghiệp tăng năng suất lao động và lợi nhuận. Tuyển sinh trong một khóa học là một thỏa thuận giữa một cá nhân hay một tổ chức (có thể gọi chung là *khách hàng*) với CSĐT mà theo đó CSĐT sẽ cung cấp dịch vụ đào tạo cho khách hàng theo yêu cầu về CTĐT, khung thời gian, địa điểm đào tạo và chi phí mà hai bên thỏa thuận để khách hàng có được các NLTH cần thiết như mong muốn. Để bảo đảm người học quyết định đăng ký học sau khi đã lựa chọn kỹ càng, CSĐT cần phải *hướng nghiệp và tư vấn lựa chọn ngành nghề* qua đó cung cấp thông tin công khai về tên khóa học, nội dung của CTĐT, thời gian, kinh phí, loại văn bằng, chứng chỉ... và hỗ trợ người học tìm hiểu các yêu cầu về tham gia khóa học, yêu cầu về đánh giá cũng như nắm được các cơ hội phát triển khi khóa học kết thúc thành công. Đối với khách hàng là một tổ chức (doanh nghiệp), CSĐT cần phối hợp với doanh nghiệp để thực hiện hợp đồng đào tạo bảo đảm CTĐT, số lượng người học, thời gian, địa điểm đào tạo và thỏa thuận kinh phí đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

b) *Quản lý phát triển CTĐT nghề theo NLTH.* Trong đó, mục tiêu là tầm nhìn, là tuyên bố trạng thái mong đợi của CSĐT về sản phẩm đào tạo (HS tốt nghiệp), nó mang tính định tính xuất phát từ ý muốn chủ quan của người xây dựng chương trình. Chuẩn đầu ra là việc cụ thể hóa mục tiêu đào tạo thành các yêu cầu về năng lực, phẩm chất của HS tốt nghiệp xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn sản xuất và doanh nghiệp. Nói cách khác, chuẩn đầu ra phải thể

hiện được kiến thức, kỹ năng, thái độ, và năng lực phát triển cá nhân, nghề nghiệp mà người thiết kế chương trình kỳ vọng người học sẽ đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Các yêu cầu này được diễn giải cụ thể và định lượng được; vì vậy, chuẩn đầu ra phải là các tiêu chí cụ thể để HS, GV và CBQL biết và phấn đấu đạt được. Nội dung đào tạo là toàn bộ kiến thức, kỹ năng mà người học cần đạt được sau khi học để có thể vận dụng trong thực tiễn nghề ứng với từng trình độ. Phương pháp đào tạo bao gồm hệ thống phương pháp giảng dạy của GV và hệ thống phương pháp học tập của HS khi tham gia vào quá trình dạy học tích hợp theo NLTH; trong đó, vai trò của GV như người hướng dẫn, định hướng quá trình học tập cho HS lựa chọn phương pháp học tập phù hợp để tự tích lũy kiến thức, kỹ năng cần thiết của nghề. Thông qua mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp để thường xuyên cải tiến nội dung, CTĐT phù hợp với yêu cầu thực tế của TTLĐ, cập nhật công nghệ sản xuất tiên tiến, thực tiễn sản xuất, truyền đạt kinh nghiệm làm việc, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp cho người học vào CTĐT nhằm chuyển từ *đào tạo dựa trên những gì CSĐT có sẵn* sang *đào tạo dựa trên những gì doanh nghiệp cần* và thu hẹp khoảng cách cung - cầu giữa đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực. Tạo cơ hội cho các doanh nghiệp được tham gia định hướng mục tiêu, nội dung, CTĐT; các chuyên gia có kinh nghiệm ở các doanh nghiệp có thể được mời tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào quá trình xây dựng, điều chỉnh chuẩn đầu ra và phát triển CTĐT. Trên quan điểm tiếp cận thị trường, để phát triển CTĐT nghề theo NLTH, các CSĐT phải bám sát nhu cầu của doanh nghiệp, cập nhật những thành tựu KH-CN tiên tiến liên quan đến nghề và ý kiến phản hồi từ người sử dụng lao động, HS sau tốt nghiệp đã đi làm, để cải tiến hoàn thiện từng môn học, mô đun NLTH của nghề phù hợp yêu cầu mới của TTLĐ. Khi điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và CTĐT cần có khảo sát thực tế kết hợp với tham khảo ý kiến của CBKT và công nhân kỹ thuật của doanh nghiệp có uy tín trong lĩnh vực hành nghề.

c) *Quản lý các điều kiện bảo đảm chất lượng đáp ứng yêu cầu của đào tạo nghề theo NLTH*, bao gồm: Quản lý quá trình tuyển chọn, sử dụng, đào tạo và bồi dưỡng GV dạy học theo NLTH; Quản lý quá trình mua sắm, xây lắp, bảo quản và sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cần thiết để phục vụ đào tạo theo NLTH. Thông qua mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp, nhà trường tận dụng được các nguồn lực (chuyên gia của doanh nghiệp, cơ sở vật chất, trang thiết bị,...) nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực hành nghề cho HS, mang lại lợi ích cho cả nhà trường, người học và doanh nghiệp.

#### 1.4.2.2. *Quản lý quá trình*

*Quản lý quá trình* thực chất là quản lý quá trình dạy và học nghề - một quá trình kết hợp đan xen liên tục, mềm dẻo, linh hoạt giữa quá trình dạy và học với quá trình đánh giá kết quả dạy và học nhằm bảo đảm *sự thực hiện* các NLTH được hoàn thành trọn vẹn từ khâu chuẩn bị ban đầu cho đến khi có kết quả cuối cùng.

Để quản lý quá trình dạy và học nghề theo NLTH cần lập kế hoạch, chỉ đạo, điều hành quá trình dạy học theo CTĐT đã thiết kế đáp ứng yêu cầu của dạy học nghề theo NLTH. Việc lập kế hoạch này cần căn cứ vào kế hoạch học tập do chính HS tự thiết lập theo năng lực và nhịp độ của từng cá nhân; nghĩa là kế hoạch không còn ấn định theo thời gian mà theo các môn học, mô đun đào tạo cụ thể. Phối hợp với doanh nghiệp để tổ chức quá trình dạy học các mô đun nghề theo NLTH tại nơi sản xuất của doanh nghiệp và có sự tham gia trợ giảng của chính các chuyên gia của doanh nghiệp, đặc biệt trong rèn luyện kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cho HS. Trong đó, quản lý các hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS phải được triển khai với quy trình thống nhất; tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá rõ ràng nhằm điều chỉnh kịp thời các hoạt động này để đạt mục tiêu dạy học.

Trong quá trình tổ chức quá trình dạy học cần chú ý công tác đánh giá

kết quả dạy và học nghề theo NLTH nhằm bảo đảm kết quả được đánh giá *theo quá trình* và thông qua các *chuẩn NLTH*. Việc mời các chuyên gia của doanh nghiệp tham gia vào quá trình chuẩn hóa các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của HS theo NLTH rất quan trọng; đặc biệt, mời các doanh nghiệp trực tiếp tham gia vào hội đồng đánh giá kết quả để khẳng định giá trị “đầu ra” bảo đảm đúng chuẩn mà chính doanh nghiệp mong muốn.

#### 1.4.2.3. Quản lý đầu ra

a) *Quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra theo NLTH*. Kết quả đầu ra (chính là các NLTH) được đánh giá với tổ hợp về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Việc có các chuyên gia của doanh nghiệp tham gia vào quá trình này có giá trị như công đoạn kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS) trước khi xuất xưởng.

b) *Quản lý công tác cấp chứng chỉ, văn bằng tốt nghiệp học nghề theo NLTH*. Cần chú ý mức độ linh hoạt của chứng chỉ (tín chỉ) mỗi mô đun và sự lắp ghép các chứng chỉ của tất cả các mô đun đã hoàn thành để có được văn bằng tương ứng với trình độ đào tạo theo quy định.

c) *Quản lý thông tin đầu ra*. Thông qua nhu cầu của doanh nghiệp như: việc làm (vị trí, số lượng, trình độ yêu cầu...), triển vọng phát triển nghề nghiệp...; thông qua quản lý thông tin đa chiều từ môi trường phát triển kinh tế - xã hội, từ các doanh nghiệp và người học đã tốt nghiệp, từ khảo sát điều tra theo dấu vết người học tốt nghiệp... CSĐT có thể phát triển hệ thống thông tin TTLĐ, triển khai công tác tư vấn và hỗ trợ người học tốt nghiệp tìm việc làm, thực hiện điều chỉnh các hoạt động QLĐT khác... Cụ thể như:

- Trên cơ sở các hội đồng tư vấn có sự tham gia của đại diện doanh nghiệp, các hợp đồng cam kết đào tạo lao động đủ về số lượng, chất lượng,... thì các doanh nghiệp sẽ có cơ sở tin cậy để tuyển dụng HS tốt nghiệp vào làm việc; người học sẽ tích cực học tập để có tay nghề vững vàng và có cơ hội được làm nghề mà họ được đào tạo với mức thu nhập hợp lý.



- Theo dõi nắm bắt thông tin về năng lực của HS tốt nghiệp và thu thập ý kiến phản ánh của khách hàng để kịp thời điều chỉnh mục tiêu, bổ sung, chỉnh sửa chương trình, giáo trình để đảm bảo chuẩn đầu ra của nghề đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn sản xuất và nhu cầu doanh nghiệp.

- Vì mục tiêu quảng bá hình ảnh và góp phần tham gia vào quá trình dạy học, các doanh nghiệp có thể đầu tư kinh phí, các hợp đồng tài trợ trang thiết bị, máy móc... phục vụ đào tạo theo NLTH tại nhà trường. Các nghề có tính công nghệ kỹ thuật chứa đựng nhiều yếu tố công nghệ và thực tế sản xuất rất cần có sự duy trì và phát triển tốt mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp nhằm giúp cho HS có điều kiện tiếp cận công nghệ và làm việc trực tiếp tại công trường xây dựng nhiều hơn trong quá trình học tập và rèn luyện KNN cũng như hoàn thành các NLTH theo chuẩn quy định.

Như vậy, hệ thống thông tin đa chiều có thể cung cấp những thông tin về hoạt động đào tạo của nhà trường và quá trình phát triển của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế - xã hội chung, ví dụ như: danh mục ngành, nghề đào tạo; nhu cầu về lao động kỹ thuật của các doanh nghiệp trên từng lĩnh vực... Trên cơ sở đó xác định được tiềm năng và xu hướng phát triển của nhà trường; đồng thời, nắm rõ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, đào tạo lại lao động kỹ thuật của doanh nghiệp. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng là nguồn cung cấp thông tin phản hồi về năng lực đội ngũ đã qua đào tạo để nhà trường kịp thời điều chỉnh công tác quản lý và tổ chức thực hiện các CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp. Quản lý tốt thông tin đa chiều sẽ tránh lãng phí không cần thiết cho xã hội; đồng thời cũng tránh việc các doanh nghiệp phải sử dụng lao động kỹ thuật một cách “cưỡng bức” do chưa đáp ứng được yêu cầu. Các CSĐT sẽ nắm bắt được nhu cầu của các doanh nghiệp để chủ động xây dựng kế hoạch, mua sắm trang thiết bị, vật tư phục vụ đào tạo và chuẩn bị tốt các phòng học, xưởng thực hành... phù hợp với nội dung, CTĐT, góp phần nâng cao hiệu quả trong đầu tư. Người học sẽ yên tâm hơn trong quá trình học

tập do đã được hướng nghiệp và có địa chỉ làm việc sau tốt nghiệp nên có động cơ học tập đúng đắn; tỷ lệ bỏ học, lưu ban giảm; tỷ lệ tốt nghiệp và học lực khá, giỏi tăng. Doanh nghiệp sẽ chủ động hơn trong bố trí lực lượng lao động kỹ thuật mới tuyển dụng vào đúng vị trí làm việc, tránh lãng phí thời gian và kinh phí cho việc bồi dưỡng, đào tạo lại.

#### *1.4.2.4. Tác động của bối cảnh đến quản lý đào tạo nghề theo năng lực thực hiện*

a) *Về thể chế, chính sách:* những tác động từ nghị quyết Trung ương Đảng, luật Giáo dục, luật Dạy nghề, nghị định, thông tư,... là định hướng tạo điều kiện mở đường cho giáo dục nói chung và ĐTN nói riêng phát triển đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội.

b) *Về sự tiến bộ của khoa học và công nghệ:* những tác động được cập nhật, ứng dụng,... làm cho quá trình ĐTN thích ứng với sự biến động của TTLĐ khi quá trình sản xuất, dịch vụ đã có sự nâng cấp và phát triển nhanh chóng của công nghệ. Đôi khi, việc tranh thủ thời cơ tốt từ tác động này giúp cho CSĐT nắm bắt được một phần xu hướng, nhu cầu ĐTN và thậm chí biết chắc chắn “một số nghề sẽ mất đi và một số nghề mới sẽ sinh ra” để kịp thời có sự điều chỉnh phù hợp trong quá trình ĐTN theo NLTH.

c) *Về hội nhập quốc tế, đối tác cạnh tranh:* biết tranh thủ cơ hội từ tác động của yếu tố này sẽ giúp cho CSĐT có điều kiện so sánh, tự xác định vị trí, giá trị, thương hiệu của mình không chỉ trong nước mà cả khu vực và thế giới; đồng thời, sẽ tạo ra cầu nối để tận dụng triệt để những thời cơ quý giá trong quá trình liên kết, hợp tác đào tạo, chuyển giao công nghệ đào tạo, tiếp cận CTĐT nghề tiên tiến của thế giới.

Ngoài ra, các CSĐT cần quan tâm đến các yếu tố khác như dân cư, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư cho dạy nghề... để có những định hướng phát triển phù hợp, mặc dù những tác động này có thể mang tâm vĩ mô, nhưng ít nhiều có ảnh hưởng nhất định đến QLĐT nghề theo NLTH.

### 1.4.3. Ma trận các chức năng quản lý và nội dung quản lý đào tạo nghề theo năng lực thực hiện

Đề định hướng và chủ động triển khai QLĐT nghề theo NLTH trên cơ sở vận dụng mô hình CIPO; để dễ dàng trong tiếp cận những điểm đặc trưng và những vấn đề cốt lõi cần tập trung nghiên cứu, tác giả lập ma trận các chức năng quản lý và nội dung quản lý theo CIPO trong ĐTN theo NLTH.

**Bảng 1.6. Ma trận các chức năng quản lý và nội dung quản lý theo CIPO trong đào tạo nghề theo NLTH**

TT	Các nội dung quản lý theo CIPO	Các chức năng quản lý			
		Lập kế hoạch	Tổ chức thực hiện	Chỉ đạo/ Lãnh đạo	Kiểm tra/ Giám sát
<b>1</b>	<b>Quản lý đầu vào</b>				
1.1	Quản lý công tác tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề theo NLTH	Lập kế hoạch tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề theo NLTH	Tổ chức công tác tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề theo NLTH	Chỉ đạo công tác tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề theo NLTH	Kiểm tra công tác tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề theo NLTH
1.2	Quản lý phát triển CTĐT nghề theo NLTH	Lập kế hoạch phát triển CTĐT nghề theo NLTH	Tổ chức phát triển CTĐT nghề theo NLTH	Chỉ đạo phát triển CTĐT nghề theo NLTH	Kiểm tra công tác phát triển CTĐT nghề theo NLTH
1.3	Quản lý các điều kiện bảo đảm chất lượng đáp ứng yêu cầu của đào tạo nghề theo NLTH	- Lập kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng đội ngũ GV; - Lập kế hoạch cải thiện trang thiết bị dạy học	- Tổ chức tuyển dụng, bồi dưỡng đội ngũ GV; - Tổ chức cải thiện trang thiết bị dạy học	- Chỉ đạo công tác tuyển dụng, bồi dưỡng đội ngũ GV; - Chỉ đạo cải thiện trang thiết bị dạy học	- Kiểm tra công tác tuyển dụng, bồi dưỡng đội ngũ GV; - Kiểm tra công tác cải thiện trang thiết bị dạy học
<b>2</b>	<b>Quản lý quá trình</b>				
	Quản lý quá trình dạy học nghề theo NLTH	Lập kế hoạch dạy học nghề, đánh giá kết quả dạy học theo NLTH	Tổ chức quá trình dạy học và đánh giá kết quả dạy học theo NLTH	Chỉ đạo hoạt động dạy học và đánh giá kết quả dạy học theo NLTH	Kiểm tra quá trình dạy học và đánh giá kết quả dạy học theo NLTH
<b>3</b>	<b>Quản lý đầu ra</b>				
3.1	Quản lý công tác đánh giá	Lập kế hoạch đánh giá kết	Tổ chức đánh giá kết quả	Chỉ đạo công tác đánh giá	Kiểm tra công tác đánh giá kết

	kết quả đầu ra theo NLTH	quả đầu ra theo NLTH	đầu ra theo NLTH	kết quả đầu ra theo NLTH	quả đầu ra theo NLTH
3.2	Quản lý cấp văn bằng, chứng chỉ nghề theo NLTH	Lập kế hoạch cấp văn bằng, chứng chỉ nghề theo NLTH	Tổ chức cấp văn bằng, chứng chỉ nghề theo NLTH	Chỉ đạo công tác cấp văn bằng, chứng chỉ nghề theo NLTH	Kiểm tra công tác cấp văn bằng, chứng chỉ nghề theo NLTH
3.3	Quản lý thông tin đầu ra	Lập kế hoạch thu nhận và xử lý thông tin đa chiều về đầu ra của ĐTN	Tổ chức thu nhận và xử lý thông tin đa chiều về đầu ra của ĐTN	Chỉ đạo công tác thu nhận và xử lý thông tin đa chiều về đầu ra của ĐTN	Kiểm tra công tác thu nhận và xử lý thông tin đa chiều về đầu ra của ĐTN
<b>4</b>	<b><i>Thích ứng với tác động của bối cảnh đến quản lý đào tạo</i></b>	Lập kế hoạch chủ động thích ứng với những tác động của bối cảnh	Tổ chức phương án thích ứng với những tác động của bối cảnh	Chỉ đạo sẵn sàng thích ứng với những tác động của bối cảnh	Kiểm tra hoạt động thích ứng với những tác động của bối cảnh

### **Kết luận chương 1**

Đào tạo theo NLTH khác biệt với đào tạo kiểu truyền thống ở mọi yếu tố từ đầu vào, quá trình dạy học đến đầu ra dưới tác động của bối cảnh. Đào tạo theo NLTH đã hình thành và phát triển từ lâu và hiện nay đang được vận dụng vào điều kiện phát triển của Việt Nam. Ưu điểm lớn nhất của phương thức đào tạo này là quá trình đào tạo tiến hành dựa trên năng lực của người học chứ không phải theo thời gian và “đầu ra” của quá trình đào tạo luôn được tiệm cận gần nhất với yêu cầu của thực tiễn sản xuất và nhu cầu doanh nghiệp; nghĩa là quá trình đào tạo hết sức linh hoạt, lấy người học học làm trung tâm. Tuy nhiên, để phát huy tốt những ưu điểm của phương thức đào tạo này đòi hỏi các điều kiện đi kèm (đội ngũ GV, trang thiết bị dạy học, CTĐT...) phải đồng bộ và đáp ứng những yêu cầu của quá trình đào tạo; đồng thời, lựa chọn được mô hình quản lý tối ưu để quản lý có hiệu quả quá trình đào tạo theo NLTH đáp ứng yêu cầu chuẩn nghề nghiệp và nhu cầu doanh nghiệp là một yêu cầu quan trọng.

Đối với các CSĐT hiện nay, một số ngành nghề đã được đổi mới về nội dung CTĐT theo NLTH, tuy nhiên, cách thức thực hiện chưa đồng bộ cũng như chưa có mô hình QLĐT nghề phù hợp. Đó cũng là một vấn đề mà các chuyên gia giáo dục và lãnh đạo các trường cần quan tâm giải quyết. QLĐT nghề hướng tới chất lượng hiện có nhiều cấp độ và mô hình quản lý có thể vận dụng tùy thuộc vào quy mô, điều kiện thực tế của mỗi CSĐT. Mô hình CIPO là phù hợp để các CSĐT vận dụng trong QLĐT nghề theo NLTH, bởi cách tiếp cận trong mô hình vận dụng này là *tiếp cận theo quá trình, tiếp cận theo định hướng đầu ra và tiếp cận thị trường - hướng tới chất lượng*, đồng thời, trong mô hình vận dụng, vai trò của doanh nghiệp như là một đối tác trong quá trình quản lý của chủ thể (nhà trường) và qua đó doanh nghiệp đã tham gia vào các hoạt động đào tạo và QLĐT nghề.

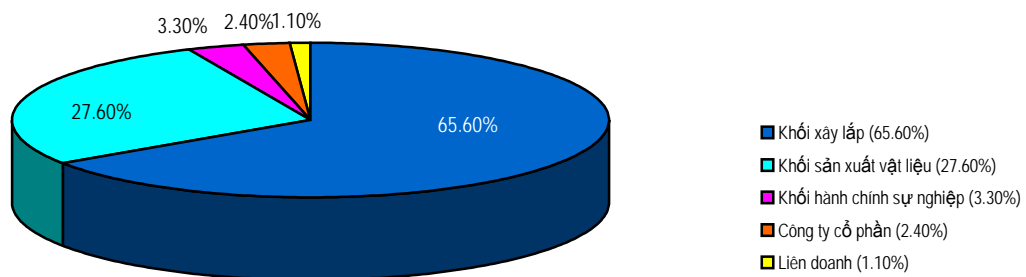
Việc xây dựng ma trận các chức năng quản lý và nội dung quản lý theo CIPO đã định hướng và tạo điều kiện tiếp cận những điểm đặc trưng và những vấn đề cốt lõi của QLĐT nghề theo NLTH cần tập trung nghiên cứu thực tiễn và đề xuất giải pháp QLĐT nghề phù hợp.

## CHƯƠNG 2:

### THỰC TRẠNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO NĂNG LỰC THỰC HIỆN NGHỀ KỸ THUẬT XÂY DỰNG Ở CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG

#### 2.1. Đặc điểm của lao động kỹ thuật trong ngành Xây dựng

Lao động kỹ thuật trong luận án này được hiểu là công nhân kỹ thuật và kỹ thuật viên các trình độ trung cấp, trung học và cao đẳng. Theo báo cáo năm 2012, lực lượng lao động trong lĩnh vực xây dựng có gần 1 triệu người, trong đó, Bộ Xây dựng quản lý trực tiếp 180.000 người. Phân bố lực lượng lao động do Bộ Xây dựng quản lý (180.000 người, 240 đơn vị) thuộc 15 Tổng công ty, 13 Công ty trực thuộc Bộ, 39 đơn vị Hành chính sự nghiệp (các Viện nghiên cứu, CSĐT, trung tâm...). [57]



**Hình 2.1: Phân bố lực lượng lao động ngành Xây dựng do Bộ Xây dựng quản lý theo ngành nghề năm 2011**

Nguồn: Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Xây dựng [57]

Lao động của ngành Xây dựng mang tính chất đặc thù, ngành nghề đa dạng, trình độ không đồng đều. Một số lượng lớn là lao động phổ thông tranh thủ lúc nông nhàn đi tìm kiếm thu nhập bằng nghề “phụ hồ”, đào móng, chuyển gạch... Một bộ phận khác là các kỹ sư, lao động kỹ thuật có tay nghề cao làm các công việc ổn định và đòi hỏi phải có trình độ chuyên môn, đảm đương một số lĩnh vực quan trọng trong dây chuyền sản xuất...

Cơ cấu ngành nghề trong lĩnh vực xây dựng có nhiều nghề nặng nhọc, nguy hiểm, thường xuyên phải trèo cao hoặc lao động trong điều kiện địa hình địa thế phức tạp, thời tiết khắc nghiệt... (chiếm tới 40% tổng số danh mục nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trong các ngành sản xuất vật chất của cả nước). Theo thống kê của Bộ Xây dựng, có đến 45% số lao động phải tiếp xúc trực tiếp với các yếu tố độc hại như: bụi, tiếng ồn, độ rung chuyển, hơi khí độc, các bức xạ ion hóa, các hóa chất độc hại... dẫn đến nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp ở người lao động là khá cao.

Trong cơ chế thị trường, các đơn vị xây dựng phải chấp nhận bỏ giá thấp để thắng thầu xây lắp. Để bảo đảm giá thầu xây dựng, một trong những biện pháp bắt buộc dĩ là giảm giá nhân công bằng cách thuê nhân công tại chỗ, lao động thời vụ không ký hợp đồng lao động, không qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật. Không thể phủ nhận tính cơ động, tiện ích và giá nhân công thấp với lực lượng lao động này. Họ lại có tính cần cù, không ngại khó khăn nguy hiểm, không ngại vất vả nắng mưa nhưng họ không có tính ngăn nắp, không quen với công việc trên cao, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường yếu kém,... Kết quả là mỗi đơn vị xây dựng chỉ có một bộ khung lãnh đạo, cán bộ chuyên môn kỹ thuật nghiệp vụ và một số lao động kỹ thuật được đào tạo để sử dụng để vận hành máy móc thiết bị chuyên ngành xây lắp; còn lại là lao động được thuê tại chỗ, xong công trình là thanh lý hợp đồng.

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển của đất nước, nhiều dự án xây dựng đã được triển khai với nhiều công nghệ xây dựng mới; nhiều công cụ lao động, thiết bị hiện đại; nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng đã cơ giới hóa, tự động hóa để cải thiện điều kiện làm việc, phòng tránh tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp; đồng thời sự phát triển về KHCN trong xây dựng, trong công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; đó cũng là động lực thúc đẩy người lao động nâng cao trình độ tay nghề, tác phong và kỷ luật công nghiệp trong thời kỳ cạnh tranh về lao động của cơ chế thị trường. Một

số không ít lao động của các Tổng công ty lắp máy đã có trình độ đạt tầm quốc tế với những nghề đặc thù như cầu chuyển, lắp đặt thiết bị siêu trường siêu trọng, hàn cao cấp, hàn trong buồng kín... Đội ngũ này được học tập, huấn luyện, bồi dưỡng tay nghề với các chuyên gia nước ngoài trong quá trình chuyển giao công nghệ nhằm phục vụ xây dựng các công trình trọng điểm quốc gia; chỉ sau một thời gian ngắn chuyển giao công nghệ, lao động kỹ thuật Việt Nam đã có thể làm chủ công nghệ với các thiết bị cơ giới hóa, tự động hóa nhập khẩu từ các nước phát triển, thực hiện được việc vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng theo quy trình công nghệ.

**Bảng 2.1: Tỷ lệ lao động bậc cao và bậc trung bình trong các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng năm 2011** (tính theo % so với tổng số lao động trực tiếp)

<i>TT</i>	<i>Tên đơn vị</i>	<i>Tỷ lệ lao động bậc cao (từ bậc 5/7 trở lên)</i>	<i>Tỷ lệ lao động bậc trung bình (bậc 3/7, 4/7)</i>
1	Tổng công ty Xây dựng số 1	33	38
2	Tổng công ty Xây dựng Hà Nội	21	38
3	Tổng công ty Sông Hồng	28	34
4	Tổng công ty Nước và Môi trường Việt Nam	22	42
5	Tổng công ty Xây dựng Bạch Đằng	25	37
6	Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam	32	48
7	Tổng công ty Cơ khí xây dựng	27	52
8	Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị	35	49
9	Tổng công ty Sông Đà	19	41
10	Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1	25	59
11	Tổng công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng	33	42
12	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	45	45
13	Tổng công ty Xi măng Việt Nam	50	43
14	Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng	26	62
15	Tổng công ty cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng	20	57
	<b>Bình quân:</b>	<b>30</b>	<b>44</b>

*Nguồn:* Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Xây dựng [57]

## 2.2. Mạng lưới các cơ sở đào tạo nghề của ngành Xây dựng

Theo trang Thông tin tuyển sinh [59], năm 2013 cả nước có 161 trường cao đẳng; hệ thống dạy nghề cả nước có 83 trường CĐN. Hệ thống các trường CĐXD ở Việt Nam có 15 trường (5 trường cao đẳng và 10 trường CĐN);



trong đó, 11 trường CĐXD thuộc Bộ Xây dựng quản lý (có thể quản lý trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các Tổng Công ty).

**Bảng 2.2: Danh mục các trường CĐXD của ngành Xây dựng năm 2013**

<i>TT</i>	<i>Tên trường</i>	<i>Năm thành lập</i>	<i>Cấp quản lý</i>	<i>Địa chỉ</i>
1	CĐXD số 1	1958	Bộ Xây dựng	Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội
2	CĐXD số 2	1977	Bộ Xây dựng	190 Võ Văn Ngân, P.Bình Thọ, Q.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh
3	CĐXD công trình đô thị	1976	Bộ Xây dựng	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội
4	CĐXD Nam Định	1962	Bộ Xây dựng	Quốc lộ 10, P.Lộc Vượng, TP.Nam Định
5	CĐN Việt Xô số 1	1978	Bộ Xây dựng	Đường Phạm Văn Đồng, P.Xuân Hòa, TX.Phúc Yên, Vĩnh Phúc
6	CĐN Lilama-1	1986	Tổng công ty lắp máy Việt Nam	Đường Lê Hồng Phong, P.Đông Thành, TX.Ninh Bình, Ninh Bình
7	CĐN Lilama-2	1986	Bộ Xây dựng	Km 32 Quốc lộ 51, Long Phước, Long Thành, Đồng Nai
8	CĐN Sông Đà	1985	Tổng công ty Sông Đà	P.Thịnh Lang, TX. Hòa Bình, Hòa Bình
9	CĐN Kỹ thuật Simco Sông Đà	2006	Tổng công ty Sông Đà	Xã Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội
10	CĐN Licogi	1974	Tổng công ty Licogi	Thị trấn Sao Đỏ, Chí Linh, Hải Dương
11	CĐN Viglacera	1998	Tổng công ty Viglacera	92 Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội

*Nguồn:* Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Xây dựng [56]

Theo thông báo tuyển sinh, có 5 trường thuộc Bộ Xây dựng đang tổ chức đào tạo nghề *Kỹ thuật xây dựng* trình độ CĐN: CĐXD số 1, CĐXD số 2, CĐXD công trình đô thị, CĐXD Nam Định, CĐN Viglacera.

Hiện nay, mạng lưới CSĐT công lập của ngành Xây dựng có 33 trường, trong đó có: 1 Học viện Quản lý cán bộ ngành Xây dựng; 4 trường đại học (Kiến trúc Hà Nội, Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh, Xây dựng Miền trung, Xây dựng Miền tây); 4 trường cao đẳng, 7 trường CĐN, 9 trường trung cấp chuyên nghiệp, 7 trường TCN. Có thể nhận thấy, tất cả 4 trường cao đẳng đều

do Bộ Xây dựng quản lý trực tiếp, còn phần lớn trường CDN (5/7 trường) do các Tổng công ty quản lý. Tuy nhiên, nếu nhìn ở góc độ vùng miền, thì có đến 22/28 trường (không kể 1 học viện và 4 trường đại học) nằm ở miền Bắc, chiếm tỉ lệ 78,6%; trong đó, 9/11 trường cao đẳng và CDN (chiếm tỉ lệ 81,8%). Đây là sự mất cân đối vùng miền rất rõ ràng.

### **2.3. Khảo sát điều tra về thực trạng quản lý đào tạo theo năng lực thực hiện nghề Kỹ thuật xây dựng**

#### **2.3.1. Mục đích khảo sát**

Thu nhận thông tin làm cơ sở đánh giá về thực trạng công tác đào tạo và QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng ở các trường CĐXD.

#### **2.3.2. Nội dung khảo sát**

Khảo sát thực tế, trao đổi trực tiếp và phát phiếu điều tra về thực trạng công tác đào tạo và QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng với bốn nhóm nội dung: quản lý đầu vào (tuyển sinh, đội ngũ GV, trang thiết bị dạy học, CTĐT); quản lý quá trình (quá trình dạy học, đánh giá kết quả dạy học); quản lý đầu ra (đánh giá kết quả đầu ra; công tác cấp văn bằng, chứng chỉ nghề; thông tin đầu ra); khả năng thích ứng với các tác động của bối cảnh (chính sách, cập nhật tiến bộ KH-CN, hội nhập quốc tế...) tại các CSĐT.

Khảo sát thực tế, trao đổi trực tiếp và phát phiếu điều tra về thực trạng sử dụng lao động kỹ thuật xây dựng và những đánh giá chủ quan của doanh nghiệp trong một số vấn đề như: đánh giá chất lượng đào tạo, các yêu cầu cơ bản của lao động kỹ thuật nghề Kỹ thuật xây dựng, mối quan hệ với CSĐT,... tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng.

Mẫu phiếu điều tra xem tại phụ lục 3, 4, 5, 6.

#### **2.3.3. Đối tượng khảo sát**

NCS đã tiến hành khảo sát 7 trường CĐXD, ngoài ra, để có cái nhìn tổng quan, NCS đã khảo sát và trao đổi thêm với đại diện 2 trường cao đẳng được nâng cấp lên đại học năm 2011 (Xây dựng miền Trung, Xây dựng miền Tây),

xem phụ lục 1; đồng thời gửi phiếu điều tra đến 150 GV, 50 CBQL, 175 HS của 5 trường CĐXD thuộc Bộ Xây dựng đang ĐTN Kỹ thuật xây dựng; mỗi trường 75 phiếu (trong đó, 10 phiếu cho CBQL, 30 phiếu cho GV và 35 phiếu cho HS). Tuy trường cao đẳng và trường CĐN thuộc hai hệ thống quản lý nhà nước khác nhau, nhưng trong thực tế, nhiều trường cao đẳng đã được phép đào tạo CĐN. Việc khảo sát thực hiện ở các trường CĐXD được phép tuyển sinh và đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN (kể cả trường cao đẳng và trường CĐN).

Đối với doanh nghiệp, NCS tiến hành khảo sát điều tra thực tế tại 06 doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng (xem phụ lục 2); gửi phiếu điều tra đến 30 CBKT, 120 công nhân kỹ thuật của 6 doanh nghiệp trên đây, vốn là những doanh nghiệp đang sử dụng phần lớn người học tốt nghiệp nghề Kỹ thuật xây dựng ở các trường CĐXD trên địa bàn Hà Nội; mỗi doanh nghiệp 25 phiếu (trong đó 5 phiếu cho CBKT, 20 phiếu cho công nhân kỹ thuật).

Với số phiếu nhận được, tác giả đã đưa vào tổng hợp, phân tích số liệu với 361 phiếu nhận được từ các trường và 137 phiếu từ các doanh nghiệp.

#### ***2.3.4. Thời gian khảo sát***

Thời gian khảo sát thực hiện từ tháng 6/2012 đến tháng 12/2012.

### **2.4. Thực trạng về đào tạo theo năng lực thực hiện nghề Kỹ thuật xây dựng ở các trường cao đẳng xây dựng**

#### ***2.4.1. Lĩnh vực nghề đào tạo ở các trường cao đẳng xây dựng***

Các trường CĐXD đào tạo nguồn nhân lực chủ yếu phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của ngành Xây dựng, ngoài ra, các trường còn tham gia đào tạo lao động kỹ thuật phục vụ xuất khẩu lao động sang các nước Đông Âu, Trung Đông, Bắc Phi, Hàn Quốc, Nhật Bản... Vì vậy, các lĩnh vực đào tạo của các trường cũng đa ngành, đa lĩnh vực. Hiện nay, các CSĐT của ngành Xây dựng đang đào tạo các nhóm ngành nghề chủ yếu sau đây:

2.4.1.1. *Nhóm ngành nghề công nghệ kỹ thuật xây dựng*, gồm 13 nghề: Cấp nước; Thoát nước; Kỹ thuật xây dựng; Xây gạch; Bê tông; Cốp pha - giàn giáo; Cốt thép - hàn; Nề - hoàn thiện; Ốp lát; Chạm khắc đá; Mộc mỹ nghệ; Mộc xây dựng và trang trí nội thất; Nở mìn; Sơn mài - khắc trai.

2.4.1.2. *Nhóm ngành nghề kỹ thuật*, gồm 21 nghề: Cắt gọt kim loại; Chế tạo thiết bị cơ khí; Công nghệ ô tô; Điện công nghiệp; Điện dân dụng; Điện tử công nghiệp; Gia công lắp dựng kết cấu thép; Hàn; Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Lái xe; Lắp đặt ống công nghệ; Lắp đặt thiết bị cơ khí; Quản trị mạng máy tính; Sửa chữa, bảo trì máy xây dựng; Sửa chữa máy công cụ; Trắc địa công trình; Vận hành cần trục; Vận hành máy đóng cọc; Vận hành máy ủi cạp san; Vận hành máy xúc đào.

2.4.1.3. *Nhóm ngành nghề sản xuất vật liệu xây dựng*, gồm 7 nghề: Khai thác mỏ nguyên liệu xi măng; Phân tích cơ lý; Sản xuất gạch Ceramic; Sản xuất gốm; Sản xuất kính xây dựng; Sản xuất vật liệu chịu lửa; Sản xuất xi măng.

2.4.1.4. *Các ngành nghề khác*, gồm 4 nghề: Kế toán doanh nghiệp; Quản lý khu đô thị; Quản lý cây xanh đô thị; Vận hành nhà máy xử lý chất thải rắn.

### **2.4.2. *Dạy và học các năng lực thực hiện nghề Kỹ thuật xây dựng***

Hiện nay, các trường CĐXD đang tổ chức ĐTN Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN hệ chính quy với chương trình dạy nghề do Tổng cục dạy nghề ban hành. Mặc dù, CTĐT đã được xây dựng dưới dạng mô đun (tích hợp giữa lý thuyết và thực hành) nhưng theo đánh giá chủ quan thì các chương trình này vẫn tồn tại một số vấn đề chưa phù hợp với yêu cầu thực tế. Ví dụ như một số yêu cầu đặt ra quá rộng (không còn tính chuyên sâu vào nghề) hoặc yêu cầu quá cao nếu đào tạo trong nhà trường. Vì vậy, các trường đều hiệu chỉnh

CTĐT để bảo đảm việc tổ chức đào tạo được tiến hành theo năng lực thực tiễn của các trường.

Tuy nhiên, sau khi hiệu chỉnh CTĐT, các trường vẫn xây dựng kế hoạch đào tạo và áp dụng cách thức QLĐT theo niên chế đối với hệ chính quy. Kết quả là sản phẩm “đầu ra” của quá trình đào tạo không có nhiều khác biệt, chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp.

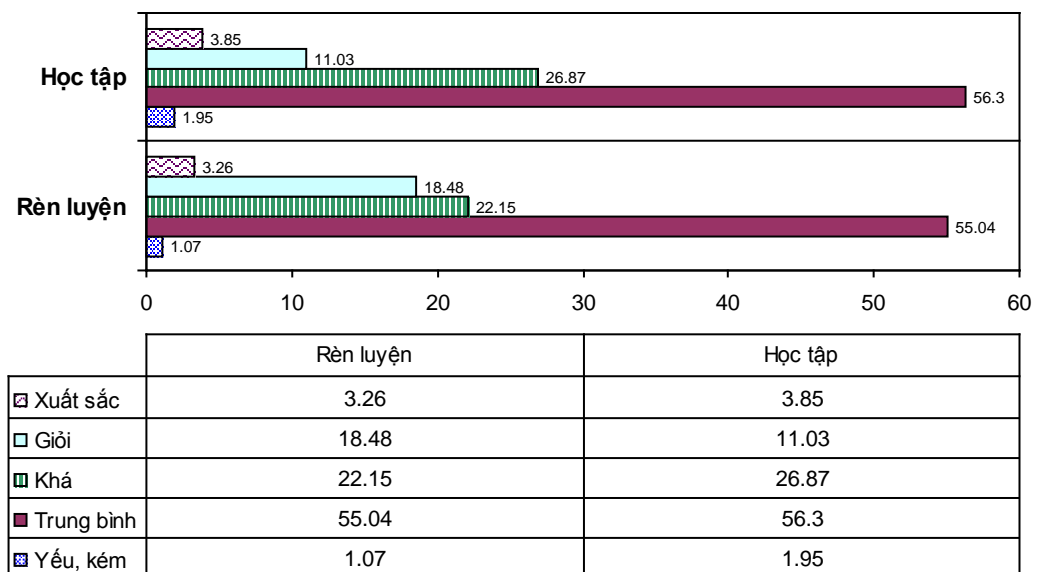
Tham chiếu sang ĐTN ngắn hạn, quá trình đào tạo được triển khai linh hoạt và các trường sẵn sàng đáp ứng “đầu ra” theo yêu cầu của “khách hàng” kể từ khâu xây dựng CTĐT, định lượng thời gian đào tạo cho đến trang bị phương tiện dạy học, đội ngũ GV... với khả năng cao nhất. Như vậy, ở một phạm vi hẹp, các trường đã đáp ứng một phần cách thức đào tạo theo “cái xã hội cần”, hay đào tạo theo NLTH. Tuy nhiên, ở phạm vi rộng hơn các trường chưa thể đáp ứng ngay những yêu cầu, đòi hỏi của phương thức đào tạo mới. Đó là lý do mà các trường lựa chọn cách tiếp cận dần dần với đào tạo theo NLTH, chuyển đổi phương thức đào tạo theo từng giai đoạn, từng khóa học, vừa làm vừa đánh giá tổng kết, rút kinh nghiệm.

Qua khảo sát, các trường CĐXD đã nhận ra được khiếm khuyết khi triển khai dạy và học không phù hợp với đào tạo theo NLTH nhưng vẫn loay hoay với cái gọi là “mô hình” QLĐT nghề theo NLTH phù hợp với thực tế nhà trường. Quy trình, phương tiện, công cụ QLĐT hầu như không thay đổi nên chỉ đáp ứng cho đào tạo được một vài mô đun. Kết quả là quá trình dạy và học các NLTH thiếu đồng bộ, QLĐT vẫn áp đặt kiểu quản lý hành chính như đào tạo truyền thống dẫn đến mâu thuẫn nội tại trong tổ chức thực hiện.

### ***2.4.3. Đánh giá và xác nhận các năng lực thực hiện nghề Kỹ thuật xây dựng***

Việc đánh giá và xác nhận các NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng của các trường CĐXD cũng chưa được thực hiện như yêu cầu của phương thức đào tạo theo NLTH. Do tổ chức quá trình dạy học thực hiện như đào tạo truyền

thống (theo niên chế) nên quá trình đánh giá cũng chưa được đổi mới. Các trường vẫn áp dụng cách thức đánh giá kiểu truyền thống thay vì lấy NLTH nghề làm căn cứ để triển khai. Vì vậy, kết quả đánh giá cũng không thể hiện rõ ràng các tiêu chí cơ bản về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Thay vào đó là những tổng kết điểm xếp loại và báo cáo tổng kết năm học như cách thức đào tạo truyền thống.



**Hình 2.2:** Xếp loại học tập và rèn luyện của HS CDN Kỹ thuật xây dựng (tính theo %)

Qua tổng hợp các báo cáo tổng kết năm học [2] và [55] của 2 năm học 2011-2013 từ các trường CDXD về xếp loại học tập và rèn luyện của HS học nghề chính quy (hình 2.2); và những đánh giá chủ quan từ CBQL, GV của CSĐT và CBKT, công nhân kỹ thuật của doanh nghiệp (bảng 2.3), có thể kết luận: *chất lượng đào tạo nhìn từ góc độ đánh giá chủ quan chỉ ở mức trung bình, đáp ứng được yêu cầu của nền sản xuất sử dụng công cụ lao động thủ công và nửa cơ giới; với những phương tiện sản xuất hiện đại, dây chuyền công nghệ tiên tiến, tỷ lệ tự động hóa cao thì khả năng đáp ứng của HS sau tốt nghiệp vẫn là một thách thức lớn.*

Tuy nhiên, điều đáng quan tâm là những tổng kết trên đây đều dựa trên “sản phẩm đào tạo” được “xuất xưởng” với “quá trình công nghệ theo niên chế”. Chưa có CSĐT nào triển khai trọn vẹn “quy trình đào tạo theo NLTH”.

Qua khảo sát tại các doanh nghiệp, HS sau tốt nghiệp thường yếu ở các “kỹ năng mềm” như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lập kế hoạch công việc, kỹ năng kiểm tra giám sát, kỹ năng tự đánh giá, kỹ năng làm việc nhóm, văn hóa doanh nghiệp,... Điều này phản ánh đúng thực tế chất lượng giáo dục đạo đức nghề nghiệp ở các CSĐT do việc tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của HS vẫn mang tính hình thức, thiếu chính xác.

**Bảng 2.3: Đánh giá về chất lượng ĐTN Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN**

	Các tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá									
		Rất tốt		Tốt		Khá		Trung bình		Kém	
		Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %
Cơ sở đào tạo	Về kiến thức	0	0,00	10/193	5,18	36/193	18,65	128/193	66,32	19/193	9,84
	Về kỹ năng tay nghề	0	0,00	21/193	10,88	55/193	28,50	110/193	57,00	7/193	3,62
	Về thái độ, tác phong nghề nghiệp	10/193	5,18	92/193	47,67	60/193	31,09	27/193	13,99	4/193	2,07
Doanh nghiệp	Về kiến thức	0	0,00	14/137	10,22	40/137	29,20	79/137	57,66	4/137	2,92
	Về kỹ năng tay nghề	0	0,00	20/137	14,60	48/137	35,04	66/137	48,18	3/137	2,20
	Về thái độ, tác phong nghề nghiệp	12/137	8,76	25/137	18,25	77/137	56,20	23/137	16,79	0	0,00

Về hiệu quả đào tạo, theo tác giả Nguyễn Minh Đường [20], *hiệu quả trong* của đào tạo được đánh giá qua tỉ số giữa tổng số HS tốt nghiệp và tổng số chi phí của một khóa học (giá thành)... *Hiệu quả trong* của đào tạo không chỉ tính đến chất lượng và số lượng HS tốt nghiệp của khóa học mà còn tính đến việc phân bổ và sử dụng các nguồn lực trong QTĐT hợp lý hay không. Kết quả khảo sát cho thấy: Chúng ta chưa hề biết đến khái niệm *Hiệu quả* -

*Giá thành* (Cost - Effectiveness); chưa hề quan tâm đến giá thành của sản phẩm đào tạo cũng như chưa có hệ thống thống kê tỷ lệ HS tốt nghiệp có việc làm. Do vậy, không thể tính toán đầy đủ *hiệu quả trong* của quá trình đào tạo cũng như hiệu quả kinh tế mà hệ thống đào tạo mang lại cho xã hội.

**Bảng 2.4: Tình trạng việc làm sau khi tốt nghiệp của HS học nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN**

TT	Tình trạng việc làm sau khi tốt nghiệp		Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Sau tốt nghiệp bao lâu thì có việc làm	Dưới 6 tháng	78	56,93
		6 – 12 tháng	41	29,93
		Trên 12 tháng	18	13,14
2	Việc làm có đúng với ngành/nghề đào tạo không	Hoàn toàn trái nghề	15	10,95
		Đúng một phần	53	38,69
		Hoàn toàn đúng nghề	69	50,36
3	Việc làm có phù hợp với trình độ đào tạo không	Thấp hơn	30	21,90
		Phù hợp	97	70,80
		Cao hơn	10	7,30

“*Hiệu quả ngoài* được đánh giá theo 3 tiêu chí cơ bản là: 1/ Tỷ lệ số HS tốt nghiệp tìm được việc làm/tổng số HS tốt nghiệp; 2/ Tỷ lệ số HS tốt nghiệp có việc làm đúng ngành, nghề và trình độ đào tạo/ tổng số HS có việc làm; 3/ Khả năng thích ứng nghề nghiệp trong môi trường thực tiễn, khả năng phát triển và thăng tiến trong nghề nghiệp của HS tốt nghiệp.” [20, tr.114]

Kết quả khảo sát 6 doanh nghiệp thể hiện ở bảng 2.4, với 56,93% người lao động có việc làm sau khi tốt nghiệp dưới 6 tháng; 50,36% làm việc hoàn toàn đúng ngành nghề và 70,80% có việc làm phù hợp với trình độ đào tạo. So với các nghề khác, những con số trên đây ít nhiều cũng là điều đáng khích lệ trong đánh giá *hiệu quả ngoài* của ĐTN Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN.

Bảng 2.5 cho ta đánh giá được một phần chất lượng đào tạo thông qua những khó khăn mà HS tốt nghiệp nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN gặp phải trong thời gian đầu làm việc tại doanh nghiệp; trong đó, mức độ xa rời thực tiễn sản xuất của quá trình đào tạo là vấn đề cần quan tâm.



**Bảng 2.5: Mức độ khó khăn mà HS tốt nghiệp nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN gặp phải trong thời gian đầu làm việc tại doanh nghiệp**

Những khó khăn	Mức độ							
	Rất khó khăn		Khó khăn		Ít khó khăn		Không khó khăn	
	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %
1) Môi trường làm việc khác nhiều so với môi trường học tập	0	0,00	50	36,50	71	51,82	16	11,68
2) Kiến thức, kỹ năng ít so với thực tiễn sản xuất	15	10,95	20	14,60	83	60,58	19	13,87
3) Khó khăn do kỹ thuật và công nghệ sản xuất hiện đại	14	10,22	36	26,28	80	58,39	7	5,11
4) Khó khăn do quan hệ và hợp tác khi làm việc	0	0,00	42	30,66	83	60,58	12	8,76
5) Đòi hỏi ý thức, tác phong làm việc quá cao	0	0,00	26	18,98	99	72,26	12	8,76

**Bảng 2.6: Những khó khăn của các CSĐT nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp**

	Số phiếu	Tỷ lệ %
1) Tuyển sinh không đủ số lượng	193	100
2) HS (đầu vào) có trình độ quá yếu	172	89,12
3) Ngành/ngành đang đào tạo không có sức hấp dẫn	159	82,38
4) CTĐT không sát thực tế, ít cập nhật kiến thức, công nghệ mới	106	54,92
5) Đội ngũ GV thiếu về số lượng và yếu về năng lực	110	57,00
6) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thiếu và lạc hậu	141	73,06
7) Thời gian đào tạo quá dài	47	24,35
8) HS ít được tiếp xúc với thực tế công việc	122	63,21
9) Phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp còn yếu	182	94,30
10) Ít/ không tham gia các hội chợ việc làm, tư vấn hướng nghiệp	193	100
11) Ít hoặc không có thông tin về TTLĐ - việc làm	193	100
12) Nguồn kinh phí của trường cho đào tạo còn eo hẹp (ngân sách nhà nước, học phí, hỗ trợ doanh nghiệp, vốn vay...)	193	100

Kết quả bảng 2.6 cho thấy những khó khăn của các trường nhằm nâng cao chất lượng ĐTN Kỹ thuật xây dựng, có nhiều yếu tố khó khăn được lựa chọn với tỷ lệ cao liên quan đến tuyển sinh, sức hấp dẫn của nghề, phối hợp nhà trường và doanh nghiệp...

*Tóm lại*, quá trình dạy và học các NLTH; đánh giá và xác nhận các NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng ở các trường CĐXD chưa được triển khai trọn vẹn như yêu cầu của đào tạo theo NLTH, mới chỉ tiếp cận những bước đi ban đầu hoặc tiến hành ở một vài mô đun để làm thử nghiệm.

## **2.5. Thực trạng về quản lý đào tạo theo năng lực thực hiện nghề Kỹ thuật xây dựng ở các trường cao đẳng xây dựng**

### **2.5.1. Quản lý đầu vào**

*2.5.1.1. Quản lý công tác tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện*

Do sự biến động trong hoạt động tuyển sinh của cả nước nên càng ngày số lượng tuyển sinh học nghề chính quy càng khó khăn, thậm chí một số nghề không có HS đăng ký học (nghề Nề - hoàn thiện, nghề Xây gạch...). Báo cáo của Bộ Xây dựng về tình hình tuyển sinh dạy nghề 3 năm gần đây ở các trường CĐXD (bao gồm trình độ CĐN, TCN, sơ cấp nghề, dạy nghề ngắn hạn) như bảng 2.7 cho thấy số lượng tuyển sinh HS học nghề suy giảm mạnh.

**Bảng 2.7: Số lượng HS học nghề ở các trường CĐXD**

<i>TT</i>	<i>Tên trường</i>	<i>Số lượng HS học nghề thực tế</i>		<i>Ước thực hiện năm 2012</i>
		<i>2009</i>	<i>2011</i>	
1	CĐXD số 1	186	279	500
2	CĐXD số 2	300	0	50
3	CĐXD công trình đô thị	331	650	1790
4	CĐXD Nam Định	130	179	960
5	CĐN Việt Xô số 1	2180	1655	2900
6	CĐN LILAMA-1	4107	939	1450
7	CĐN LILAMA-2	4009	2590	3877
8	CĐN Sông Đà	1872	1460	1082
9	CĐN Kỹ thuật SIMCO Sông Đà	2510	665	1195
10	CĐN LICOGI	1764	1392	1840
11	CĐN VIGLACERA	4003	2181	4415
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>21392</b>	<b>11990</b>	<b>20059</b>

*Nguồn:* Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Xây dựng [56]

*a) Lập kế hoạch*

Các trường CDXD hiện nay vẫn chỉ tiến hành lập kế hoạch và thông báo tuyển sinh một lần trong năm. Qua khảo sát, các thông báo tuyển sinh vẫn có phần ghi chú “tuyển sinh liên tục hoặc nhiều lần trong năm học” nhưng một thực tế là hiệu quả của dòng ghi chú trên không cao. Điều đó được minh chứng rất rõ là nguồn đầu vào của tuyển sinh ĐTN nói chung và nghề Kỹ thuật xây dựng nói riêng chỉ diễn ra vào tháng 9 đầu năm học. Tương tự như vậy, các trường triển khai tư vấn hướng nghiệp cũng chỉ xây dựng kế hoạch tập trung vào tháng 3, tháng 4 hàng năm chứ không thực hiện liên tục trong năm. Đây rõ ràng là một khiếm khuyết trong khâu lập kế hoạch tuyển sinh và tư vấn hướng nghiệp khi áp dụng đào tạo theo NLTH.

*b) Tổ chức thực hiện*

Các cách thức để quảng bá hình ảnh nhà trường, giới thiệu ngành nghề mà các nhà trường thường sử dụng là: thông báo phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên website của nhà trường, gửi công văn đến doanh nghiệp, làm tờ rơi... để thu hút người học. Tất cả các trường đều thực hiện cách quản lý bằng biểu mẫu, giấy tờ kết hợp máy tính. Hiện tại có 4/11 trường mở cổng đăng ký tuyển sinh trực tuyến trên website của trường dành cho tuyển sinh học nghề (CDXD công trình đô thị, CDXD số 1, CDN Viglacera, CDN Sông Đà); tuy nhiên, quản lý tuyển sinh trực tuyến của các trường tiến hành chưa hiệu quả nên tỷ lệ người nhập học thực tế rất thấp so với số lượng đăng ký trực tuyến (chỉ ước khoảng dưới 10%).

**Bảng 2.8: Cách thức tuyển sinh học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH**

	<i>Số phiếu</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
1) Quảng bá, thông báo tuyển sinh trên các phương tiện thông tin đại chúng	50	100
2) Gửi thông báo kèm CTĐT/ bồi dưỡng đến các doanh nghiệp	22	44,00
3) Tiếp nhận học viên theo nhu cầu doanh nghiệp (hoặc cá nhân)	36	72,00
4) Hướng nghiệp và tư vấn chọn nghề cho HS phổ thông	10	20,00

Như vậy, cách thức tuyển sinh chính quy của các trường vẫn tương đối bị động, chưa theo phương thức đào tạo theo NLTH; đặc biệt là *hướng nghiệp và tư vấn chọn nghề cho HS phổ thông* thì rất ít trường chú ý. Qua khảo sát, không trường nào có hội đồng tư vấn tuyển sinh có sự tham gia của đại diện doanh nghiệp trong lĩnh vực liên quan. Về công cụ, phương tiện quản lý, tất cả các trường CĐXD đều vận dụng và ban hành thêm các văn bản quy định, quy trình như thông báo tuyển sinh, hướng dẫn đăng ký nhập học... nhằm cụ thể hóa công tác tuyển sinh, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học đăng ký và phục vụ quản lý tuyển sinh.

Tuyển sinh theo năng lực đầu vào hệ chính quy được quy định rõ trong CTĐT các trình độ tương ứng, trong đó hai nhóm đối tượng là: HS tốt nghiệp trung học cơ sở và HS tốt nghiệp trung học phổ thông. Tuyển sinh theo năng lực đầu vào đối với đào tạo ngắn hạn cũng được quy định cụ thể trong thông báo tuyển sinh hoặc trong các thỏa thuận với doanh nghiệp khi tiến hành xây dựng CTĐT ngắn hạn theo yêu cầu doanh nghiệp. Nhìn chung, các CTĐT đều có phần “mở” để hỗ trợ người học bảo đảm năng lực đầu vào nếu chưa đạt so với quy định, ví dụ như phải hoàn thành các môn học, mô đun bổ sung trước khi bắt đầu đào tạo.

Kết quả điều tra cho thấy sau khi nhập học, 100% các trường CĐXD không tiến hành khảo sát phân loại “đầu vào” của người học để chia lớp, chia nhóm. Căn cứ duy nhất để phân chia lớp, nhóm là làm sao chia số lượng người học trong các lớp tương đối đồng đều, có thể tăng dư thêm so với quy định để dự phòng trường hợp HS bỏ học giữa chừng. Vì vậy, sĩ số lớp đầu khóa học khá cao, có những lớp thuộc hệ giáo dục nghề nghiệp lên đến 70 HS. Đây là điều rất khó khăn khi giảng dạy tích hợp và QLĐT theo NLTH.

### *c) Chỉ đạo thực hiện*

Trong những năm gần đây, tuyển sinh học nghề trở thành vấn đề nóng của các trường CĐXD; vì vậy, công tác chỉ đạo thực hiện tuyển sinh đã được

lãnh đạo các trường đặc biệt quan tâm. Tất cả các chỉ đạo điều hành đều nhằm yêu cầu các bộ phận chủ động và bằng mọi biện pháp thu hút người học nghề. Mặc dù vậy, tính liên tục trong chỉ đạo không được duy trì mà thường chỉ tập trung cao độ vào tháng 2, tháng 3 hàng năm khi HS các trường phổ thông bắt đầu làm hồ sơ tuyển sinh. Việc chỉ đạo mở rộng nguồn tuyển sinh cũng ít được quan tâm nên kết quả tuyển sinh đang ngày càng giảm.

*d) Kiểm tra, đánh giá*

Trong những thời điểm cao độ của tuyển sinh, quá trình kiểm tra, đánh giá được thực hiện rất quyết liệt. Tuy nhiên, sau thời điểm này, công tác này dần chìm xuống, thậm chí cũng không có cả đánh giá tổng kết công tác tuyển sinh một cách chính thức.

*Tóm lại*, quản lý công tác tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề theo NLTH của các trường đang trong tình trạng bị động, thiếu kế hoạch tuyển sinh liên tục cho tất cả các đối tượng, trình độ trong cả năm; việc phân loại năng lực đầu vào của người học không thực hiện. Đây là hai cản trở lớn nhất để bắt đầu quá trình ĐTN Kỹ thuật xây dựng theo NLTH.

*2.5.1.2. Quản lý phát triển chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện*

Qua khảo sát điều tra, các trường CĐXD đều xây dựng CTĐT chi tiết trên cơ sở chương trình dạy nghề của Tổng cục dạy nghề ban hành. Tổng cục dạy nghề chỉ đạo xây dựng CTĐT theo phương pháp của nhiều nước tiên tiến đã áp dụng, dựa trên cơ sở phân tích nghề, đến hết năm 2011 đã ban hành CTĐT đối với 174 nghề ở trình độ CĐN, trung cấp nghề. Các CSĐT đã tiếp cận và trực tiếp tham gia với Tổng cục dạy nghề để xây dựng một số Tiêu chuẩn KNN quốc gia, chương trình dạy nghề trình độ CĐN, trung cấp nghề... nên các nghề đưa vào đào tạo đều được thống nhất, có đăng ký đào tạo đầy đủ và được triển khai theo hướng dẫn đã quy định. Mặc dù, không hẳn tất cả chương trình đã ban hành đều đáp ứng được thực tiễn nghề nghiệp nhưng nhờ

có “phần mềm” trong cấu trúc CTĐT có thể điều chỉnh được nên các trường đã triển khai linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của nghề và của CSĐT.

*a) Lập kế hoạch*

Qua khảo sát, việc lập kế hoạch phát triển CTĐT của các trường CĐXD thường không rõ ràng. Các trường ghép kế hoạch phát triển CTĐT vào kế hoạch chung của năm học và không triển khai xây dựng kế hoạch chi tiết để tổ chức thực hiện. Vì vậy, không ít nội dung trong các mô đun không còn phù hợp với thực tiễn sản xuất nhưng vẫn tồn tại, GV giảng dạy không biết bắt đầu thay đổi thế nào. Qua điều tra, chỉ có 40% các trường có kế hoạch và quy trình đầy đủ, còn lại đều mang tính nhất thời, cục bộ. Sau một thời gian (không cố định) các trường triển khai hiệu chỉnh toàn bộ CTĐT, lúc đó, một kế hoạch cụ thể mới được lập ra để thực hiện.

*b) Tổ chức thực hiện*

Các Khoa, Bộ môn liên quan được giao nhiệm vụ chủ trì việc hiệu chỉnh CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng. Khi tổ chức phát triển CTĐT, yêu cầu về kết cấu của CTĐT đều thiết kế 3 khối kiến thức, kỹ năng gồm: cơ bản, cơ sở và chuyên ngành.

- *Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản* gồm các môn học hoặc học phần có tỷ trọng lý thuyết nhiều hơn thực hành (Chính trị, Pháp luật,... học phần Tin học đại cương có thời gian thực hành trên máy tính chiếm chủ yếu; học phần Ngoại ngữ có thời gian thực hành các kỹ năng nghe, nói khá lớn).

- *Khối kiến thức, kỹ năng cơ sở* được xây dựng với tỷ trọng kỹ năng thực hành tăng dần gồm các môn học, học phần/mô đun làm tiền đề cho chuyên ngành.

- *Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành* hầu hết được xây dựng dưới dạng các mô đun để giảng dạy tích hợp với tỷ trọng kỹ năng thực hành rất cao (thời lượng phần lý thuyết chủ yếu là hướng dẫn, làm mẫu... để chuẩn bị cho thực hành, thực tập chuyên sâu).

Kết quả điều tra cho thấy cơ sở để tiến hành hiệu chỉnh CTĐT được thể hiện như bảng 2.9. Như vậy, các trường đều lấy căn cứ từ các điều kiện của nhà trường để tiến hành hiệu chỉnh CTĐT, trong đó có một phần chú ý đến sự tiến bộ của KHCN; tuy nhiên, căn cứ theo đề xuất của doanh nghiệp hay “đầu ra” của quá trình đào tạo thì rất ít trường quan tâm. Điều đó cũng giải thích cho câu hỏi “vì sao CTĐT vẫn chưa bám sát thực tiễn sản xuất?”. Khi đánh giá mức độ phù hợp của mục tiêu, CTĐT của nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH so với yêu cầu của sản xuất, kết quả điều tra cho thấy phần lớn đánh giá ở mức “trung bình”; mức phù hợp “tương đối cao” và “cao” có tỷ lệ lựa chọn khá thấp (xem bảng 2.10).

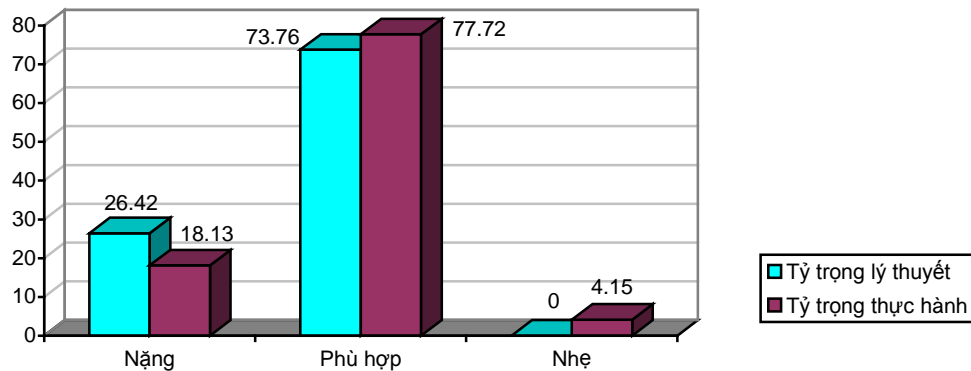
**Bảng 2.9: Cơ sở tiến hành hiệu chỉnh CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH**

	Số phiếu	Tỷ lệ %
1) Theo các điều kiện đáp ứng của nhà trường (GV, cơ sở vật chất...)	50	100
2) Theo đòi hỏi đầu ra của TTLĐ	10	20,00
3) Theo sự tiến bộ của KHCN	50	100
4) Theo đề xuất trực tiếp của các doanh nghiệp trong lĩnh vực liên quan	21	42,00
5) Theo sự đề xuất trực tiếp của Khoa, Bộ môn	50	100

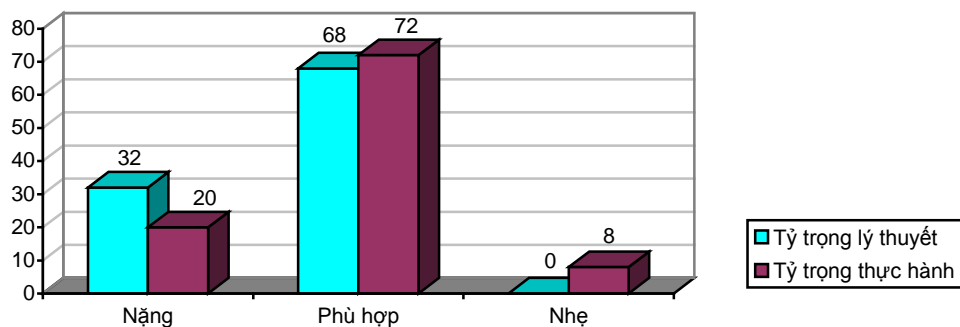
**Bảng 2.10: Đánh giá của CSĐT về mức độ phù hợp của mục tiêu, CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH so với yêu cầu của sản xuất**

Các tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá									
	Thấp		Tương đối thấp		Trung bình		Tương đối cao		Cao	
	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %
Về kiến thức	0	0	25	12,95	108	55,96	49	25,39	11	5,70
Về kỹ năng tay nghề	14	7,25	46	23,83	116	60,10	17	8,81	0	0
Về thái độ nghề nghiệp	0	0	18	9,33	150	77,72	14	7,25	11	5,70

Đánh giá về tỷ trọng lý thuyết và thực hành cũng cho thấy CTĐT cần được xem xét giảm tải lý thuyết, chú ý nhiều hơn đến kỹ năng thực hành (xem hình 2.3 và hình 2.4).



**Hình 2.3: Đánh giá của GV về tỉ trọng lý thuyết và thực hành trong CTĐT trình độ CDN nghề Kỹ thuật xây dựng (tính theo %)**



**Hình 2.4: Đánh giá của HS về tỉ trọng lý thuyết và thực hành trong CTĐT trình độ CDN nghề Kỹ thuật xây dựng (tính theo %)**

### c) Chỉ đạo thực hiện

Phát triển CTĐT nghề nói chung và nghề Kỹ thuật xây dựng được chỉ đạo bởi một Hội đồng độc lập do đại diện Ban Giám hiệu chủ trì và điều hành. Trong quá trình thực hiện tiến độ có thể điều chỉnh nhằm bảo đảm chất lượng CTĐT trước khi ban hành chính thức.

### d) Kiểm tra, đánh giá

Với việc thành lập Hội đồng độc lập, công tác kiểm tra, đánh giá được triển khai đúng quy định thông qua việc phân công trách nhiệm rõ ràng của các thành viên.

Tóm lại, quản lý phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH của các trường CDXD tồn tại vấn đề là: kế hoạch không được thiết lập theo chu kỳ thường xuyên; CTĐT đã được định hướng thiết kế theo NLTH nhưng



việc hiệu chỉnh (phát triển) CTĐT chưa bám sát vào thực tiễn sản xuất, chưa có sự tham vấn của doanh nghiệp và chỉ đáp ứng theo điều kiện nhà trường.

2.5.1.3. *Quản lý các điều kiện bảo đảm chất lượng đáp ứng yêu cầu của đào tạo theo năng lực thực hiện nghề Kỹ thuật xây dựng*

a) *Về đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý*

Đội ngũ GV phần lớn đều đã được các trường cho đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn theo quy định về chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm. Theo báo cáo của Bộ Xây dựng, đội ngũ GV dạy nghề của 25 CSĐT có dạy nghề thuộc ngành Xây dựng là 1229 người, trong đó GV cơ hữu là 1038 người (84,46%) và GV hợp đồng ngắn hạn là 191 người (15,54%).

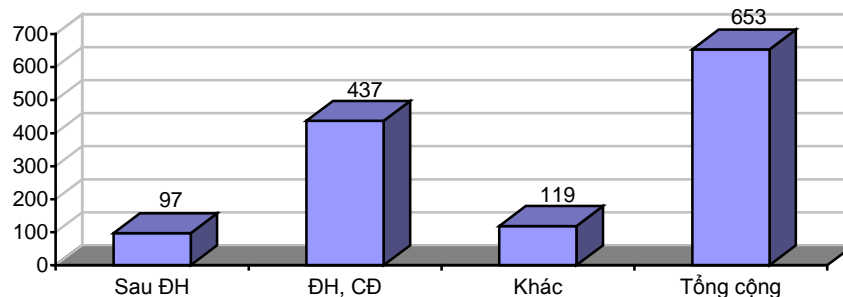
**Bảng 2.11: Số lượng GV dạy nghề cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn của các trường CĐXD (đến 30/6/2012)**

TT	Tên trường	Số lượng GV				Tổng
		Cơ hữu	Tỉ lệ (%)	Hợp đồng	Tỉ lệ (%)	
1	CĐXD số 1	13	100	0	0	13
2	CĐXD số 2	14	100	0	0	14
3	CĐXD công trình đô thị	41	100	0	0	41
4	CĐXD Nam Định	51	100	0	0	51
5	CĐN Việt Xô số 1	114	100	0	0	114
6	CĐN Lilama-1	63	63,6	36	36,4	99
7	CĐN Lilama-2	142	100	0	0	142
8	CĐN Sông Đà	80	100	0	0	80
9	CĐN Kỹ thuật Simco Sông Đà	40	90,9	4	9,1	44
10	CĐN Licogi	57	76,0	18	24,0	75
11	CĐN Viglacera	38	56,7	29	43,3	67
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>653</b>	<b>88,2</b>	<b>87</b>	<b>11,8</b>	<b>740</b>

*Nguồn: Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Xây dựng [56]*

Qua bảng 2.11 và hình 2.6 cho thấy, các trường CĐXD có tỉ lệ GV dạy nghề cơ hữu cao (88,2%); trong đó, tất cả số lượng GV dạy nghề của 4 trường cao đẳng và 3 trường CĐN có quy mô lớn của ngành Xây dựng đều là GV cơ

hữu. So với số liệu tuyển sinh ước đạt năm 2012 thì tỷ lệ HS trên GV cơ hữu là 23; tỷ lệ HS trên GV quy đổi xấp xỉ 20 (đạt chuẩn quy định về số lượng).



**Hình 2.5: Số lượng GV dạy nghề cơ hữu ở các trường CĐXD phân chia theo trình độ chuyên môn** (tính đến 30/6/2012)

Nguồn: Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Xây dựng [56]

Qua bảng 2.12 cho thấy trình độ chuyên môn của GV dạy nghề phần lớn đều là đại học, cao đẳng với 437/653 (66,9%) và theo báo cáo thì hầu hết GV đã đạt chuẩn. Một số trường có số lượng GV dạy nghề đạt trình độ sau đại học cao như CDN Lilama-1 đạt 28,6% và CDN Lilama-2 đạt 28,2%.

**Bảng 2.12: Số lượng GV dạy nghề cơ hữu của các trường CĐXD phân loại theo trình độ chuyên môn** (đến 30/6/2012)

TT	Tên trường	Trình độ GV dạy nghề						Tổng
		Sau đại học	Tỷ lệ (%)	Đại học, cao đẳng	Tỷ lệ (%)	Khác	Tỷ lệ (%)	
1	CĐXD số 1	0	0	12	92,3	1	7,7	13
2	CĐXD số 2	0	0	13	92,9	1	7,1	14
3	CĐXD công trình đô thị	0	0	30	73,2	11	26,8	41
4	CĐXD Nam Định	0	0	32	62,7	19	37,3	51
5	CDN Việt Xô số 1	8	7,0	80	70,2	26	22,8	114
6	CDN Lilama-1	18	28,6	44	69,8	1	1,6	63
7	CDN Lilama-2	40	28,2	78	54,9	24	16,9	142
8	CDN Sông Đà	7	8,8	46	57,5	27	33,7	80
9	CDN Kỹ thuật Simco Sông Đà	7	17,5	33	82,5	0	0	40
10	CDN Licogi	9	15,8	39	68,4	9	15,8	57
11	CDN Viglacera	8	21,1	30	78,9	0	0	38
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>97</b>	<b>14,9</b>	<b>437</b>	<b>66,9</b>	<b>119</b>	<b>18,2</b>	<b>653</b>

Nguồn: Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Xây dựng [56]

Tuy nhiên, theo ý kiến của CBQL và GV các trường CĐXD, việc đánh giá và xác nhận trình độ KNN của đội ngũ GV hiện nay ở tất cả các trường đều không rõ ràng và không có căn cứ cụ thể để xếp loại. Việc so sánh trình độ KNN giữa các GV chỉ là do đánh giá chủ quan mang tính thừa nhận của Bộ môn và giữa GV với nhau. Đây là một khiếm khuyết trong phát triển đội ngũ GV, nhất là GV dạy nghề.

Năm 2010, Bộ LĐTBXH đã ban hành chuẩn GV dạy nghề kèm theo thông tư số 30/2010/TT-BLĐTBXH ngày 29/9/2010, tuy nhiên, trước đó các trường CĐXD vẫn thường xuyên quan tâm đến các tiêu chí, tiêu chuẩn như thông tư quy định về trình độ chuyên môn, trình độ tay nghề của GV, trình độ sư phạm và các phẩm chất khác. Qua điều tra, 100% người được hỏi đều khẳng định việc sắp xếp, bố trí GV giảng dạy thực hiện linh hoạt, kể cả việc lấy từ nguồn GV giảng dạy các cấp trình độ cao hơn ngoài trường.

*\* Lập kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng GV và CBQL*

Do được định hướng và chỉ đạo thống nhất cao từ cấp ủy, Ban Giám hiệu nên kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng GV và CBQL được xây dựng chủ động và rõ ràng từ đầu năm. Theo khảo sát, có 80% các trường đã thông báo tuyển dụng và tổ chức thi tuyển đánh giá chuyên môn, KNN, nghiệp vụ sư phạm, trình độ tin học, ngoại ngữ trên cơ sở đề xuất nhu cầu từ các Bộ môn. Nhìn chung, việc lập kế hoạch tuyển dụng (khi cần thiết) và kế hoạch bồi dưỡng GV, CBQL đều được các trường CĐXD thực hiện bài bản, nghiêm túc.

*\* Tổ chức thực hiện tuyển dụng, bồi dưỡng GV và CBQL*

Hàng năm, tất cả các trường đều tổ chức Hội giảng từ cấp Bộ môn trở lên và tổ chức tham quan, tìm hiểu công nghệ ở các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp; 60% các trường đã tổ chức bồi dưỡng thực hành chuyên môn, kỹ năng sư phạm, cử GV tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ, tổ chức các hội thảo chuyên đề; 40% các trường đã tổ chức khảo sát đánh giá năng lực GV và CBQL, bồi dưỡng lý luận nghiệp vụ sư phạm, đào tạo lại...

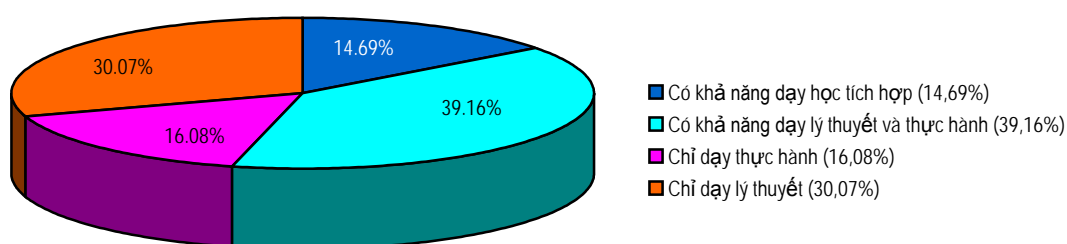
**Bảng 2.13: Đánh giá của CSĐT về quản lý chất lượng đội ngũ GV dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH** (thấp nhất là 1 và điểm tối đa là 5)

Các tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá									
	1		2		3		4		5	
	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %
1) Khảo sát đánh giá năng lực dạy học tích hợp theo NLTH của GV	0	0,00	0	0,00	38	19,69	85	44,04	70	36,27
2) Hội giảng các cấp từ Bộ môn	9	4,66	21	10,88	112	58,03	38	19,69	13	6,74
3) Bồi dưỡng lý thuyết chuyên môn	22	11,40	22	11,40	70	36,27	46	23,83	33	17,10
4) Bồi dưỡng thực hành chuyên môn	8	4,15	20	10,36	77	39,90	40	20,73	48	24,87
5) Bồi dưỡng lý luận nghiệp vụ sư phạm	20	10,36	23	11,93	72	37,31	51	26,42	27	13,99
6) Bồi dưỡng dạy học tích hợp theo NLTH	5	2,59	27	13,99	82	42,49	40	20,73	39	20,21
7) Bồi dưỡng phương pháp nghiên cứu khoa học	10	5,18	24	12,44	98	50,78	40	20,73	21	10,88
8) Bồi dưỡng ngoại ngữ	0		0		0		0		0	
9) Bồi dưỡng tin học	10	5,18	24	12,44	98	50,78	40	20,73	21	10,88
10) Đào tạo lại để chuyển đổi ngành nghề giảng dạy	9	4,66	38	19,69	82	42,49	41	21,24	23	11,92
11) Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn	10	5,18	41	21,24	74	38,34	47	24,35	21	10,88
12) Tổ chức thăm quan, tìm hiểu công nghệ ở các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp	0	0,00	9	4,66	69	35,75	85	44,04	30	15,54
13) Tổ chức hội thảo chuyên đề về dạy học tích hợp theo NLTH	14	7,25	19	9,84	85	44,04	47	24,35	28	14,51

Quy trình, cách thức đánh giá, nội dung đánh giá, thành lập các hội đồng chuyên môn, hội đồng sư phạm... phục vụ cho công tác tuyển dụng, bồi dưỡng GV đã được công khai, thực hiện nghiêm túc và hiệu quả.

Đánh giá về các hoạt động tổ chức nâng cao chất lượng đội ngũ GV dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH được thể hiện qua bảng 2.13 cho thấy, việc tổ chức nhiều hoạt động nhưng chất lượng chưa được đánh giá cao cũng là vấn đề cần xem xét khi thực hiện; đặc biệt là *Bồi dưỡng dạy học tích hợp theo NLTH* (chỉ có 40,94% đánh giá có chất lượng cao).

Về năng lực dạy học tích hợp theo NLTH của GV cũng là vấn đề nan giải đối với các CSĐT. Qua khảo sát, hầu hết GV các CSĐT vẫn đang “bị phân định” khá rõ về công việc giảng dạy, đó là *GV dạy lý thuyết* và *GV dạy thực hành*. Qua hình 2.6, tỷ lệ GV có khả năng dạy học tích hợp theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng không cao, trong khi GV chỉ dạy được lý thuyết chiếm tới hơn 30%. Có 39,16% GV có khả năng dạy tách rời lý thuyết và thực hành nhưng khi hỏi đến dạy học tích hợp thì chỉ có 14,69% có khả năng.



**Hình 2.6: Tỷ lệ GV có khả năng dạy học tích hợp theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng**

Nguyên nhân của kết quả trên cũng dễ nhận ra, đó là: do thói quen giảng dạy nhiều năm của GV và do trang thiết bị phục vụ dạy học tích hợp theo NLTH của các CSĐT chưa bảo đảm để các GV triển khai dạy học tích hợp. Phần lớn GV gặp khó khăn khi tiếp cận dạy học theo NLTH. GV vẫn lên lớp giảng dạy theo phương pháp truyền thống, lấy mục tiêu truyền tải kiến thức trong giới hạn thời gian lên lớp là chủ yếu chứ không phải lấy người học làm

trung tâm, không coi quá trình tự học, tự nghiên cứu của người học là một phần quan trọng của quá trình đào tạo.

**Bảng 2.14: Tự đánh giá của GV về điểm yếu của GV khi dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH**

<i>Nội dung tự đánh giá</i>	<i>Số phiếu</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
1) Lý thuyết nghề không tốt	26	18,18
2) Kỹ năng tay nghề không đáp ứng được sự phát triển thực tế của nghề	75	52,45
3) Sử dụng phương pháp dạy học không phù hợp với chương trình được mô đun hóa	100	69,93
4) Không phân loại được HS trong quá trình dạy học	41	28,67
5) Không xác định rõ mục tiêu, yêu cầu của hoạt động tự học cho HS	88	61,54
6) Không theo dõi có hệ thống sự biến đổi nhận thức, tay nghề, thái độ của từng người học trong quá trình dạy – học	73	51,05
7) Không thực hiện giảng dạy và quản lý HS theo năng lực của từng người học	125	87,41
8) Thói quen dạy học theo phương thức “một chiều” – người học hoàn toàn bị động	133	93,00
9) Năng lực phát triển CTĐT đáp ứng yêu cầu của đào tạo theo NLTH còn yếu	54	37,76
10) Năng lực biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo theo NLTH còn yếu	60	41,96
11) Chậm cập nhật và tiếp cận sự tiến bộ của KHCN	79	55,24
12) Khả năng dạy học tích hợp theo NLTH còn yếu	122	85,31

Kết quả bảng 2.14 cho thấy những hạn chế của đội ngũ GV khi dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH, chủ yếu là: Thói quen dạy học theo phương thức “một chiều” – người học hoàn toàn bị động (93%); Không thực hiện giảng dạy và quản lý HS theo năng lực của từng người học (87,41%); Khả năng dạy học tích hợp theo NLTH còn yếu (85,31%)...

Về đội ngũ cán bộ quản lý, giai đoạn 2010-2012, đội ngũ lãnh đạo của các trường CDXD đã được thay thế bằng một thế hệ hiệu trưởng mới được bổ nhiệm có tuổi đời khá trẻ. Đánh giá chung là họ có ưu thế về trình độ chuyên môn, sự linh hoạt, nhạy bén trong công tác; tuy nhiên, kinh nghiệm quản lý là điểm yếu không thể khắc phục ngay đối với họ. Đội ngũ CBQL của các

trường cũng được thay thế đan xen giữa những người có kinh nghiệm quản lý và những người trẻ có trình độ sử dụng công cụ quản lý hiện đại.

**Bảng 2.15: Mức độ hạn chế của đội ngũ CBQL khi tổ chức ĐTN Kỹ thuật xây dựng theo NLTH** (mức 1 là ít hạn chế, 4 là mức hạn chế cao)

<i>Tiêu chí đánh giá đội ngũ CBQL</i>	<i>Mức độ hạn chế</i>							
	<i>1</i>		<i>2</i>		<i>3</i>		<i>4</i>	
	<i>Số phiếu</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Số phiếu</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Số phiếu</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Số phiếu</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
1) Lập kế hoạch, tiến độ dạy và học theo NLTH	16	8,29	134	69,43	33	17,10	10	5,18
2) Quản lý việc thực hiện quy trình QLĐT theo NLTH	7	3,63	36	18,65	49	25,39	101	52,33
3) Quản lý mục tiêu, CTĐT theo NLTH, chuẩn đầu ra	26	13,47	134	69,43	18	9,33	15	7,77
4) Quản lý thực hiện kế hoạch và các hoạt động dạy – học theo NLTH	30	15,54	128	66,32	25	12,95	10	5,18
5) Quản lý các điều kiện bảo đảm chất lượng (GV, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy – học,...) đáp ứng dạy học tích hợp theo NLTH	7	3,63	12	6,22	119	61,66	55	28,50
6) Quản lý đánh giá kết quả học tập, tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ theo NLTH	66	34,20	92	47,67	31	16,06	4	2,07
7) Quản lý mối quan hệ nhà trường và doanh nghiệp	5	2,59	20	10,36	39	20,21	129	66,84
8) Quản lý các dữ liệu “hậu tốt nghiệp” trong vòng 12 tháng sau tốt nghiệp	0	0,00	0	0,00	27	13,99	166	86,01
9) Làm báo cáo, thống kê dữ liệu phục vụ QLĐT theo NLTH	77	39,90	54	27,98	41	21,24	21	10,88
10) Ứng dụng các phần mềm trên máy tính hỗ trợ QLĐT theo NLTH	11	5,70	27	13,99	44	22,80	111	57,51
11) Vận dụng văn bản pháp quy và xử lý các tình huống phát sinh trong QLĐT theo NLTH	9	4,66	28	14,51	98	50,78	58	30,05
12) Chủ động đề xuất các giải pháp hợp lý trong QLĐT nghề theo NLTH	4	2,07	13	6,74	29	15,03	147	76,17

Đánh giá của CBQL và GV về đội ngũ CBQL thể hiện trong bảng 2.15. Những hạn chế chủ yếu của đội ngũ CBQL đào tạo (mức 4) là: Quản lý các dữ liệu “hậu tốt nghiệp” trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp (86,01%);

Chủ động đề xuất các giải pháp, phương án hợp lý trong QLĐT theo NLTH (76,17%); Quản lý mối quan hệ nhà trường và doanh nghiệp (66,84%)...

*\* Chỉ đạo công tác tuyển dụng, bồi dưỡng GV và CBQL*

Các trường CDXD đều coi trọng vấn đề “con người” và công tác tổ chức cán bộ, vì vậy, việc chỉ đạo công tác tuyển dụng, bồi dưỡng GV và CBQL triển khai sát sao, nghiêm túc, công khai, dân chủ nhằm bảo đảm chất lượng đội ngũ GV dạy nghề và CBQL. Tuy nhiên, một số công việc vẫn diễn ra theo cung cách cũ, ít hiệu quả nhưng chưa được chỉ đạo và yêu cầu đổi mới.

*\* Kiểm tra, đánh giá công tác tuyển dụng, bồi dưỡng GV và CBQL*

Xác định đây là công tác khá nhạy cảm và dễ phát sinh tiêu cực hoặc khiếu kiện không cần thiết, vì vậy, các trường đều triển khai công tác kiểm tra, đánh giá nghiêm túc và thực hiện vai trò phân cấp quản lý rõ ràng nhằm phát hiện sớm những dấu hiệu yếu kém và điều chỉnh kịp thời các hoạt động của công tác tuyển dụng, bồi dưỡng GV và CBQL. Thực tế qua kiểm tra, đánh giá cho thấy, thế hệ GV đã có nhiều năm công tác, có kinh nghiệm, tận tụy với nghề, nhưng ngại bồi dưỡng để cập nhật kiến thức và công nghệ mới, hạn chế nhiều về trình độ tin học, ngoại ngữ; thế hệ GV trẻ đa số được đào tạo chính quy, có trình độ tin học, ngoại ngữ và năng động trong công việc nhưng hạn chế về KNN, lý luận và kỹ năng nghiệp vụ sư phạm. Vì vậy, cần có chính sách phù hợp, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ sư phạm và lòng yêu nghề cho đội ngũ GV.

*b) Về cải thiện trang thiết bị phục vụ đào tạo theo năng lực thực hiện nghề Kỹ thuật xây dựng*

Báo cáo của Vụ Tổ chức cán bộ (Bộ Xây dựng) năm 2012 chỉ rõ: Trong những năm qua, các trường đã được đầu tư trang thiết bị giảng dạy và học tập ngày càng hiện đại, đã tạo cho bộ mặt của các phòng học và các xưởng thực hành của các trường ngày càng khang trang... góp phần tích cực trong việc từng bước nâng cao chất lượng đào tạo nói chung và ĐTN nói riêng. [56]



*\* Lập kế hoạch cải thiện trang thiết bị dạy học*

Hằng năm, theo yêu cầu của đơn vị chủ quản, các trường CĐXD đều phải lập kế hoạch mục tiêu, chương trình và trang thiết bị dạy học làm căn cứ phê duyệt kinh phí đầu tư. Ngoài ra, qua khảo sát, các trường đều chủ động triển khai xây dựng kế hoạch cải thiện trang thiết bị dạy học trên cơ sở đề xuất từ các phòng, ban, khoa và bộ môn làm cơ sở thực hiện cải thiện trang thiết bị dạy học bằng nguồn kinh phí của nhà trường. Các kế hoạch này được phòng Quản trị đời sống hoặc Phòng thiết bị triển khai đúng quy định, có quy trình và chọn lọc ưu tiên đầu tư theo chủ điểm từng năm để nâng cao hiệu quả đầu tư.

*\* Tổ chức thực hiện cải thiện trang thiết bị dạy học*

Các trường đã đầu tư cơ bản hệ thống các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành KNN cho người học; tuy nhiên, mức độ hiện đại, khả năng tiếp cận công nghệ mới và hiệu quả sử dụng của hệ thống này còn là điểm yếu và là vấn đề lớn mà các trường phải tiếp tục tìm cách khắc phục.

Kết quả bảng 2.16 cho thấy, trang thiết bị dạy học lý thuyết là đủ đáp ứng, tuy nhiên, hầu hết các trường đều thiếu *Phòng thí nghiệm*; đặc biệt là thiếu *Phòng dạy - học tích hợp* - nền tảng quan trọng để có thể dạy học theo NLTH. Bảng 2.17 cho thấy mức độ hiện đại của trang thiết bị dạy học. Một số trường có *Phòng dạy - học tích hợp* được đầu tư hiện đại; tuy nhiên, *Phòng thí nghiệm* của các trường không được đánh giá cao về mức độ hiện đại.

Qua khảo sát thực tế, một số trường CĐXD có hệ thống phòng học, xưởng thực hành, thực tập, phòng thí nghiệm có chất lượng tốt là trường CDN Việt Xô số 1 (trường điểm của Bộ Xây dựng), trường CĐXD công trình đô thị (trường thu hút rất nhiều các dự án nước ngoài như dự án với Pháp, Đan Mạch, Nhật Bản, CHLB Đức và kết quả viện trợ chính là hệ thống trang thiết bị nhà xưởng, phòng thí nghiệm chuyên ngành), trường CDN Lilama-2.

**Bảng 2.16: Đánh giá về khả năng đáp ứng của cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH**

Nội dung đánh giá	Đối tượng	Đủ		Tương đối đủ		Thiếu	
		Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %
1) Phòng dạy - học tích hợp	CBQL,GV	0		0		193	100
	HS	0		0		168	100
2) Phòng học lý thuyết, chuyên môn	CBQL,GV	193	100	0		0	
	HS	168	100	0		0	
3) Xưởng thực hành	CBQL,GV	0		146	75,65	47	24,35
	HS	0		120	71,43	48	28,57
4) Phòng thí nghiệm	CBQL,GV	0		38	19,69	155	80,31
	HS	0		32	19,05	136	80,95
5) Phương tiện dạy học lý thuyết	CBQL,GV	35	18,13	158	81,87	0	
	HS	30	17,86	138	82,14	0	
6) Phương tiện thực hành	CBQL,GV	0		167	86,53	26	13,47
	HS	0		122	72,62	46	27,38
7) Phương tiện đồ dùng thí nghiệm	CBQL,GV	18	9,33	136	70,47	39	20,21
	HS	33	19,64	102	60,71	33	19,64
8) Tài liệu giáo trình phục vụ dạy học tích hợp	CBQL,GV	0		123	63,73	70	36,27
	HS	0		110	65,48	58	34,52
9) Các trang thiết bị, phương tiện, đồ dùng phục vụ khác	CBQL,GV	0		193	100	0	
	HS	0		168	100	0	

**Bảng 2.17: Đánh giá về mức độ hiện đại so với thực tế sản xuất của cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH**

Nội dung đánh giá	Đối tượng	Hiện đại		Tương đối hiện đại		Lạc hậu	
		Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %
1) Phòng dạy - học tích hợp	CBQL,GV	0		193	100	0	
	HS	0		168	100	0	
2) Xưởng thực hành	CBQL,GV	38	19,67	130	67,36	25	12,95
	HS	34	20,24	113	67,26	21	12,50
3) Phòng thí nghiệm	CBQL,GV	9	4,66	102	52,85	82	42,49
	HS	7	4,17	87	51,79	74	44,05
4) Phương tiện dạy học lý thuyết	CBQL,GV	152	78,76	41	21,24	0	
	HS	125	74,40	43	25,60	0	
5) Phương tiện thực hành	CBQL,GV	48	24,87	111	57,51	34	17,62
	HS	42	25,00	101	60,12	25	14,88
6) Phương tiện đồ dùng thí nghiệm	CBQL,GV	40	20,73	119	61,66	34	17,62
	HS	21	12,50	98	58,33	49	29,17
7) Các trang thiết bị, phương tiện, đồ dùng phục vụ khác	CBQL,GV	0		193	100	0	
	HS	0		168	100	0	

Tuy nhiên, việc vận hành hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo của các trường chưa đáp ứng theo đúng tiêu chuẩn. Thực tế, một ca thực hành tại các xưởng thực hành có thể phải gấp đôi, gấp ba số lượng tiêu chuẩn (16 – 20 HS); vật tư phục vụ cũng chưa được đáp ứng đầy đủ như yêu cầu, một ca thực hành mỗi người học có thể chỉ nhận được 50% số vật tư so với định mức; hoặc tận dụng vật tư của ca học trước đối với ca học sau dẫn đến chất lượng vật tư thực hành cũng giảm nhiều.

Qua điều tra, việc mua sắm, tăng cường cơ sở vật chất hàng năm chủ yếu dựa vào lưu lượng HS, nguồn vốn ngân sách hoặc cần đáp ứng cục bộ theo nhu cầu của doanh nghiệp; trong khi đó khi có thay đổi về CTĐT hoặc thay đổi về công nghệ thì việc tăng cường cơ sở vật chất để đáp ứng không theo kịp. Việc mua sắm, cung cấp vật tư, vật liệu phục vụ đào tạo đều được các trường thực hiện thông qua đề nghị từ GV giảng dạy trên cơ sở ước lượng số HS học tập; nghĩa là những quy định định mức về vật tư, vật liệu vẫn chưa được quy định rõ ràng, cụ thể trong CTĐT.

*\* Chỉ đạo công tác cải thiện trang thiết bị dạy học*

Công tác chỉ đạo được định hướng chủ yếu vào việc chọn lọc và ưu tiên cải thiện trang thiết bị theo chủ điểm và mức độ cần thiết để tránh dàn trải và nâng cao hiệu quả đầu tư. Theo đó, công tác quản lý trang thiết bị phải có các quy định, quy trình thống nhất; tuy nhiên, công cụ quản lý chưa được chỉ đạo đổi mới phù hợp theo hướng tin học hóa mà vẫn chủ yếu sử dụng giấy tờ văn bản (80%), một số ít có kết hợp cả giấy tờ văn bản với hệ thống mạng nội bộ của máy tính.

*\* Kiểm tra, đánh giá công tác cải thiện trang thiết bị dạy học*

Tất cả các trường CDXD đều phân cấp quản lý việc sử dụng thiết bị, phương tiện dạy học cho các Khoa. Trên cơ sở nhu cầu và mức độ sử dụng phương tiện dạy học của từng Khoa, Phòng Quản trị đời sống (hoặc Phòng Thiết bị) sẽ mua sắm, bàn giao và quản lý danh mục chung của toàn trường.

Qua trao đổi với CBQL các CSĐT, công tác kiểm tra, đánh giá trang thiết bị dạy học (việc mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa thay thế) đều được các trường giao cho Phòng Quản trị đời sống (hoặc Phòng Thiết bị) chịu trách nhiệm thông qua các quy định, hướng dẫn thực thi rõ ràng. Các bộ phận sử dụng trang thiết bị dạy học có báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng, tình trạng thiết bị... hoặc khi có bất kỳ một phát sinh liên quan đến trang thiết bị dạy học, các bộ phận đều dễ dàng phối hợp với Phòng Quản trị đời sống (hoặc Phòng Thiết bị) cùng khắc phục hoặc mua sắm thay thế mới. Hằng năm, Hội đồng kiểm kê tài sản họp định kỳ hai lần để tổng hợp, đánh giá tình hình cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường và đề xuất các biện pháp quản lý và cải thiện trang thiết bị phục vụ đào tạo theo nhu cầu của các đơn vị, bộ phận.

*Tóm lại*, quản lý các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu của đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH còn vấn đề phải giải quyết là: năng lực dạy học tích hợp theo NLTH của đội ngũ GV dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng và phòng dạy - học tích hợp cùng các trang thiết bị phục vụ ĐTN Kỹ thuật xây dựng theo NLTH chưa đủ, chưa đáp ứng chuẩn.

### ***2.5.2. Quản lý quá trình dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện***

#### ***2.5.2.1. Lập kế hoạch dạy học và đánh giá kết quả dạy học***

Việc lập kế hoạch dạy học và đánh giá kết quả dạy học ở các trường nhìn chung được thực hiện tương đối tốt với các kế hoạch, tiến độ đào tạo tương đối đầy đủ. Qua ý kiến của CBQL và GV các trường, việc lập kế hoạch đào tạo và triển khai kế hoạch dạy học được đánh giá là tốt nhất trong các hoạt động đào tạo, tất cả GV đều được nghiêm túc thực hiện (xem bảng 2.18).

Tuy nhiên, những kế hoạch trên đây hoàn toàn do phòng Đào tạo phối hợp với Khoa chuyên môn chủ động lập ra theo trình tự các môn học, mô đun đã quy định trong CTĐT và áp đặt cứng theo niên chế đối với tất cả các lớp. Như vậy, cách thức lập kế hoạch đào tạo vẫn mang tính truyền thống, không

phải theo NLTH; HS không được tham gia vào một bước nào của quy trình lập kế hoạch.

**Bảng 2.18: Các hoạt động về lập kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH**

	<i>Số phiếu</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
1) Lập kế hoạch, tiến độ năm học đối với từng lớp, khóa	193	100
2) Lập kế hoạch, tiến độ năm học đối với từng GV	113	58,55
3) Tổ chức các đoàn kiểm tra, đánh giá và giám sát chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch dạy - học đối với GV và HS	113	58,55
4) Kiểm tra sổ sách, giáo án, đề cương bài giảng,... của từng GV		
<i>theo kế hoạch đã duyệt</i>	193	100
<i>đột xuất (không thông báo trước)</i>	40	20,73
<i>không kiểm tra</i>	0	0,00
5) Kiểm tra thời gian thực hiện bài giảng		
<i>theo kế hoạch đã duyệt</i>	193	100
<i>đột xuất (không thông báo trước)</i>	40	20,73
<i>không kiểm tra</i>	0	0,00
6) Dự giờ đánh giá chất lượng bài giảng và mức độ hoàn thành mục tiêu bài giảng theo mẫu phiếu đánh giá	40	20,73
7) Tự đánh giá và làm báo cáo gửi bộ môn trực tiếp quản lý	40	20,73
8) Đánh giá chất lượng từng bài giảng	80	41,45

#### 2.5.2.2. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả dạy học

Theo kết quả khảo sát, 100% các trường không tổ chức cho HS đăng ký số lượng các môn học, mô đun theo học kỳ hay năm học. Các trường chưa có trường hợp HS đăng ký học vượt, và nếu giả sử có đăng ký học vượt thì HS phải chờ học cùng cả lớp theo niên chế vì không đủ điều kiện tổ chức học vượt. Hai lý do mà tất cả các trường đưa ra giải thích cho việc không thể tổ chức học vượt là: 1) CTĐT các khóa không giống nhau (vì có thể đã bị hiệu chỉnh theo năm học) nên không ghép được vào khóa trước; 2) Số lượng người học vượt không đủ mở lớp riêng. Ngược lại, nếu một HS yếu có đơn đăng ký hoãn học một số mô đun và kéo dài thời gian học tập thì các trường đều chung “đáp án” là “Động viên học theo lớp, nếu quá yếu chấp nhận lưu ban khóa sau”. Kết quả bảng 2.19 là minh chứng cho việc lập kế hoạch và tổ chức quá trình dạy học không đáp ứng yêu cầu của đào tạo theo NLTH.

**Bảng 2.19: Đánh giá của HS về tổ chức quá trình học các mô đun nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH**

	<i>Số phiếu</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
1) Các bài đơn giản thi luyện tập quá nhiều, không cần thiết	82	48,81
2) Các bài khó, kỹ năng phức tạp không đủ thời gian, không đủ vật tư học tập	102	60,71
3) Tất cả các bài đã học đều có kế hoạch phù hợp	10	5,95

Qua khảo sát, tất cả các trường tổ chức quản lý việc thực hiện nội dung dạy học theo phân cấp từ Bộ môn đến Khoa, Phòng đào tạo và Ban Giám hiệu với các kế hoạch đầy đủ, quy trình chi tiết và công khai, tổ chức thực hiện nghiêm túc và có điều chỉnh kịp thời khi cần thiết, có các bộ phận kiểm tra và giám sát đúng quy định. Tuy nhiên, trả lời cho câu hỏi “Việc tổ chức các mô đun nghề trong CTĐT thực hiện như thế nào?” thì có 341/361 (94,46%) trả lời “Dạy học riêng lý thuyết trên giảng đường, sau đó dạy học thực hành tại xưởng thực hành (do 2 GV dạy)”; chỉ có 20/361 ( 5,54%) trả lời “Lý thuyết và thực hành dạy tích hợp theo từng bài cụ thể”. Như vậy, việc tổ chức dạy học phần lớn đã không còn theo hình thức mô đun NLTH (dạy tích hợp lý thuyết và thực hành). Với câu hỏi “Nếu không tổ chức dạy học tích hợp thì NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng của HS có bảo đảm đúng mục tiêu đào tạo?”; kết quả trả lời của GV và HS như bảng 2.20; theo đó, tỷ lệ bảo đảm NLTH đúng mục tiêu đào tạo đối với từng HS là thấp, khoảng 40%.

**Bảng 2.20: Khả năng bảo đảm NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng của HS đúng mục tiêu đào tạo khi không tổ chức dạy học tích hợp**

	<i>GV</i>		<i>HS</i>	
	<i>Số phiếu</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Số phiếu</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
1) Bảo đảm đúng mục tiêu đào tạo với từng người học	83	43,00	62	36,90
2) Không bảo đảm do lớp/ nhóm quá đông	82	42,49	72	42,86
3) Không bảo đảm do vật tư cho người học quá ít	28	14,51	34	20,24

Đánh giá về hiệu quả sử dụng phương tiện, phương pháp giảng dạy đều do các Khoa, Bộ môn chịu trách nhiệm và không thống nhất theo một quy trình, quy định nào; chủ yếu do các Khoa, Bộ môn tự lựa chọn hình thức đánh giá trước khi thực hiện. Thực tế, 100% việc đánh giá là dựa trên giáo án, chứ không phải trực tiếp trên giờ giảng dạy.

**Bảng 2.21: Mức độ sử dụng các phương pháp dạy học trong đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH**

	<i>Số phiếu</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
1) Thuyết trình	143	100
2) Đàm thoại	143	100
3) Trực quan và phân tích hình vẽ	138	96,50
4) Nêu vấn đề	117	81,82
5) Làm thí nghiệm	7	4,90
6) Thực hành theo bài tại xưởng trường	75	52,45
7) Thực hành theo năng lực hành nghề của HS	75	52,45
8) Thực tập tại cơ sở sản xuất	143	100
9) Tham quan thực tế	28	19,58
10) Kèm cặp, truyền nghề	35	24,48
11) Tự nghiên cứu theo hướng dẫn của GV	143	100
12) Trắc nghiệm	27	18,88
13) Seminar	0	0,00
14) Làm việc nhóm	53	37,06
15) Dạy học tích hợp theo NLTH	21	14,69

Kết quả bảng 2.21 cho thấy hiện nay GV đang rất cố gắng vận dụng các phương pháp dạy học tích cực kết hợp với phương pháp dạy học truyền thống để thực hiện hoạt động dạy. Tất cả các GV đều sử dụng phương pháp *Thuyết trình* khi lên lớp, ngoài ra một số phương pháp cũng được sử dụng thường xuyên trong giảng dạy là *Trực quan và phân tích hình vẽ* (96,5%); *Nêu vấn đề* (81,82%); *Thực hành theo bài và theo năng lực của HS* (52,45%). Như vậy, phương pháp giảng dạy đã chú trọng nhiều hơn đến việc hình thành và luyện tập KNN chuyên môn. Tuy nhiên, việc sử dụng phương tiện dạy học như phim ảnh, video clips chưa được chú trọng (do đầu tư máy tính, máy chiếu khá tốn kém) nên người học ít được tiếp cận với thực tế sản xuất và tiến trình

phát triển công nghệ. Qua trao đổi với một số GV, trở ngại lớn nhất để đổi mới phương pháp dạy học là đầu tư công nghệ và bồi dưỡng về “công nghệ dạy học” cho GV. Một số GV trẻ rất muốn sử dụng máy tính, máy chiếu để phục vụ bài giảng nhưng không phải lúc nào cũng được đáp ứng. Ngược lại, một số GV luống tuổi việc tiếp cận máy tính, máy chiếu là khá khó khăn. Ngoài ra, phương pháp dạy học “*Làm việc nhóm*” cũng ít được sử dụng nên người học cũng không có điều kiện rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp công việc trong nhóm... Đó cũng là điểm yếu của người lao động hiện nay cần được khắc phục. Đặc biệt, *dạy học tích hợp theo NLTH* cũng rất ít GV sử dụng (14,69%).

Công tác quản lý HS gặp không ít khó khăn phát sinh, mặc dù các kế hoạch vẫn thường xuyên được triển khai. Qua khảo sát, số lượng HS học nghề chỉ ổn định từ năm thứ 2, khi mà việc ôn luyện thi lại đại học không thành. Ngoài ra, HS học nghề không có tính tự giác cao nên công tác quản lý rất khó khăn, nhất là khi nhà trường không có kế hoạch phối hợp tốt với địa phương và gia đình HS. Vì vậy, tỷ lệ HS lên lớp hàng ngày thường chỉ đạt 70% đến 80%. Hàng năm, theo báo cáo từ các trường, tỷ lệ HS bị buộc thôi học khoảng từ 7% đến 10%. Tất cả các trường CDXD đều đã cụ thể hóa các văn bản pháp quy của các Bộ liên quan về công tác quản lý HS bằng các quy định của các trường kèm theo các biểu mẫu quản lý và đánh giá kết quả. Tuy nhiên, khi khảo sát trực tiếp các văn bản và biểu mẫu của các trường thì tất cả chỉ phù hợp cho quản lý HS và hoạt động học tập theo phương thức đào tạo niên chế.

Kết quả bảng 2.22 cho thấy các trường đã triển khai và quản lý hoạt động học tập, rèn luyện của HS tương đối tốt; ví dụ: Hoạt động học tập, rèn luyện trong các buổi tham quan, đi thực địa... (86,53% đánh giá tốt); Hoạt động học tập, rèn luyện trong giờ học cả lý thuyết và thực hành (80,31% đánh giá tốt). Tuy nhiên, các nội dung khác (có các yếu tố bên ngoài tác động) thì mức độ đánh giá không cao, chỉ khoảng 50% trở xuống.



**Bảng 2.22: Đánh giá của CSĐT về chất lượng các hoạt động quản lý học tập và HS**

Nội dung quản lý	Mức đánh giá							
	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu kém	
	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %
1) Hoạt động học tập, rèn luyện trong giờ học trên lớp	155	80,31	20	10,36	10	5,18	8	4,15
2) Hoạt động học tập, rèn luyện trong giờ học ở phòng thí nghiệm, xưởng trường	155	80,31	20	10,36	10	5,18	8	4,15
3) Hoạt động học tập, rèn luyện trong giờ học thực tập ngoài doanh nghiệp	98	50,77	22	11,40	42	21,76	31	16,06
4) Hoạt động học tập, rèn luyện trong các buổi tham quan, thực địa...	167	86,53	25	12,95	1	0,50	0	0,00
5) Hoạt động học tập, rèn luyện ngoại khóa, đoàn thể... tại trường	93	48,19	82	42,49	10	5,18	8	4,15
6) Hoạt động học tập, rèn luyện ngoại khóa, đoàn thể... ngoài trường	67	34,72	78	40,41	27	13,99	21	10,88
7) Phối hợp nhà trường - gia đình - địa phương trong quản lý HS	97	50,26	65	33,68	20	10,36	11	5,70

**Bảng 2.23: Nguyên nhân dẫn đến năng lực tự học của HS không tốt**

Nguyên nhân dẫn đến năng lực tự học của HS không tốt	GV		HS	
	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %
1) Do GV chưa có phương pháp dạy học phù hợp	61/143	42,66	85/168	50,60
2) Do hệ thống thư viện, giáo trình tài liệu yếu kém, không đáp ứng được yêu cầu	143/143	100	168/168	100
3) Do GV buông lỏng quản lý quá trình tự học	70/143	48,95	99/168	58,93
4) Do ý thức tự học của HS kém	103/143	72,03	47/168	27,98
5) Do không có nơi rèn luyện kỹ năng ngoài giờ học	143/143	100	168/168	100

Về phía người học, qua đánh giá của GV, quá trình tự học của HS rất yếu mà ở đây nguyên nhân chủ yếu là ý thức bản thân chưa tốt. Những HS này phần nhiều là không nhận thức rõ mục đích học tập, học cái gì, học để làm gì, học như thế nào, học cho ai... Bảng 2.23 cho thấy rõ những nguyên nhân chính dẫn đến năng lực tự học của HS không tốt; trong đó nguyên nhân

chủ yếu là do những điều kiện quan trọng như môi trường tự học, hệ thống thư viện,... không đáp ứng được yêu cầu.

Việc lựa chọn hình thức đánh giá kết quả học tập phần lớn do GV tự đề xuất và thông qua Bộ môn, Khoa. Hình thức thi viết trên giấy vẫn là chủ yếu; ngoài ra, các GV thực hành có đánh giá kỹ năng qua bài thực hành (xem bảng 2.24). Việc kết hợp một số hình thức đủ để đánh giá NLTH của người học chỉ được áp dụng chưa đến 50%, như vậy, việc đánh giá và xác nhận các NLTH chưa được thực hiện một cách trọn vẹn theo yêu cầu của đào tạo theo NLTH. Kết quả bảng 2.25 cũng cho các CBQL và GV phải suy nghĩ về quá trình đào tạo nói chung và cách thức đánh giá kết quả học tập nói riêng; có hơn 50% HS cho rằng có khả năng hoàn thành trọn vẹn được một NLTH theo chuẩn, vậy gần 50% còn lại tại sao vẫn tiếp tục học tập và “phải tốt nghiệp”?

**Bảng 2.24: Các hình thức GV sử dụng đánh giá kết quả học tập của HS học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH**

Hình thức đánh giá kết quả học tập	Số phiếu	Tỷ lệ %
1) Tự luận (viết trên giấy)	143	100
2) Vấn đáp	30	20,98
3) Đánh giá KNN qua bài thực hành	75	52,45
4) Bài tập lớn	30	20,98
5) Trắc nghiệm khách quan	10	6,99
6) Kết hợp một số hình thức đủ để đánh giá NLTH của người học	70	48,95

**Bảng 2.25: Tự đánh giá của HS sau khi học xong một môn học, mô đun nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH**

	Số phiếu	Tỷ lệ %
1) Trình bày được những kiến thức lý thuyết cơ bản nhất	135	80,36
2) Không có khả năng trình bày những kiến thức lý thuyết khó	122	72,62
3) Thực hiện được một số kỹ năng ở mức độ trung bình	115	68,45
4) Thực hiện được tất cả các kỹ năng, một số ở mức độ trên trung bình	33	19,64
5) Chỉ có khả năng thực hiện kỹ năng ở mức đơn giản nhất	17	10,12
6) Không hiểu gì lý thuyết và không làm được thực hành	3	1,79
7) Có khả năng hoàn thành được trọn vẹn một NLTH theo chuẩn	85	50,60

Về đánh giá kết quả học tập và rèn luyện, tất cả các trường đã có quy định, biểu mẫu chung để thực hiện quản lý trên cả giấy tờ và máy tính. Qua khảo sát tại các trường, trong các biểu mẫu đánh giá điểm học tập của HS đều thể hiện các điểm thành phần là điểm kiểm tra thường xuyên (hoặc thi giữa kỳ), điểm chuyên cần, điểm thái độ với quy định cách thức phân chia tỷ trọng và hướng dẫn đánh giá.

#### *2.5.2.3. Chỉ đạo hoạt động dạy học và đánh giá kết quả dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện*

Theo phân cấp quản lý, công tác chỉ đạo hoạt động này được triển khai từ Ban Giám hiệu (thường do một Phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo) đến các Khoa và Bộ môn. Công tác chỉ đạo được triển khai thường xuyên, nghiêm túc và có những yêu cầu cụ thể với các cấp quản lý. Tuy nhiên, ở mỗi cấp quản lý việc tổ chức thực hiện và kết quả nhận được còn chung chung, không đồng đều nên hiệu quả chỉ đạo chưa đạt như mong muốn. Đặc biệt, việc chỉ đạo lập kế hoạch và tổ chức quá trình dạy học theo đúng yêu cầu của dạy học theo NLTH không được quyết liệt, thiếu trọng điểm nên kết quả không đáp ứng được yêu cầu.

#### *2.5.2.4. Kiểm tra quá trình dạy học và đánh giá kết quả dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện*

Kiểm tra quá trình dạy học được các trường triển khai thường xuyên, liên tục bảo đảm đúng kế hoạch và tiến độ. Tuy nhiên, việc kiểm tra công tác đánh giá kết quả dạy và học của GV và HS đang bị các trường buông lỏng. Tất cả các trường mới chỉ quan tâm thống kê số lượng giờ dạy chứ chưa đánh giá chất lượng giảng dạy của các GV. Bằng chứng duy nhất để đánh giá chất lượng giảng dạy là Hội giảng các cấp; tuy nhiên, chỉ có Hội giảng cấp Trường là có Hội đồng đánh giá tương đối chính xác và khách quan về bài giảng dự thi, còn Hội giảng cấp Khoa vẫn mang tính hình thức, kém chất lượng. Theo các CBQL và GV thì đôi chỗ trong quản lý đánh giá kết quả dạy vẫn mang

tính hình thức, chung chung; ví dụ như có kiểm tra thực hiện mục tiêu, nội dung dạy học nhưng đánh giá sơ sài, qua loa không có tiêu chí rõ ràng và hầu hết không có biên bản kết luận hoặc báo cáo tổng kết theo định kỳ về việc này; hay như GV vẫn cứ chuẩn bị bài, giáo án và lên lớp giảng dạy còn mục tiêu, nội dung chi tiết ghi trong giáo án cũng không ai đánh giá cụ thể (mặc dù Trường Bộ môn có trách nhiệm ký duyệt trước khi lên lớp) và kết thúc giảng dạy, việc đánh giá có đạt mục tiêu hay không hầu như bị thả nổi, buông lỏng, không ai quản lý. Theo kết quả điều tra, chỉ có 20,73% các phiếu trả lời nhà trường có tổ chức *Dự giờ đánh giá chất lượng bài giảng và mức độ hoàn thành mục tiêu bài giảng theo mẫu phiếu đánh giá* hoặc *GV tự đánh giá và làm báo cáo gửi bộ môn trực tiếp quản lý* (xem bảng 2.18). Đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nội dung dạy học hầu như dựa vào kết quả học tập của HS khi kết thúc học kỳ. Đó cũng chính là điểm yếu của hoạt động sinh hoạt bộ môn ở các trường CĐXD hiện nay. Kết quả điều tra bảng 2.26 cho thấy việc đánh giá kết quả học tập của HS không hẳn đã tuân thủ đúng mục tiêu của dạy học theo NLTH (tích hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ). Như vậy, cơ sở quan trọng nhất để đánh giá kết quả học tập của HS là các chuẩn NLTH thì không được sử dụng trong đánh giá.

**Bảng 2.26: Cơ sở để GV đánh giá kết quả học tập của HS học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH**

<i>Cơ sở đánh giá kết quả học tập</i>	<i>Số phiếu</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
1) Trên cơ sở mục tiêu, nội dung dạy học đã soạn trong giáo án		
- Đánh giá lý thuyết trên 6 cấp độ nhận thức	0	0,00
- Đánh giá thực hành trên 5 cấp độ kỹ năng	0	0,00
- Đánh giá thái độ trên 5 cấp độ	0	0,00
2) Theo 3 mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà không quan tâm đến các cấp độ cụ thể	40	27,97
3) Theo đánh giá của cá nhân đảm bảo đủ số đầu điểm quy định trong bảng điểm	103	72,03
4) Theo chuẩn NLTH đã quy định	0	0,00

*Tóm lại*, quản lý quá trình dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH dù đã có những đổi mới nhất định nhưng chưa đáp ứng yêu cầu của đào tạo theo NLTH.. Việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra kế hoạch đào tạo vẫn theo kiểu đào tạo niên chế với kế hoạch dạy học cứng hàng năm và hoàn toàn do nhà trường làm ra theo “trục thời gian” thay vì căn cứ trên cơ sở kế hoạch học tập do HS tự lập theo các môn học, mô đun NLTH. Quản lý công tác đánh giá kết quả dạy và học mang nặng tính hình thức, mặc dù đã có những định hướng để GV triển khai theo các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ nhưng việc tổ chức thực hiện thì các trường vẫn để cho GV và Bộ môn tự do, tùy chọn, không quy định cụ thể về cách thức, tiêu chuẩn đánh giá.

### **2.5.3. Quản lý đầu ra**

*2.5.3.1. Quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra theo năng lực thực hiện*

#### *a) Lập kế hoạch*

Đến năm 2012, tất cả các trường cao đẳng đã ban hành chuẩn đầu ra của các hệ đào tạo chuyên nghiệp; riêng các trình độ của ĐTN, do không có hướng dẫn cụ thể nên các trường không công bố mà ngầm hiểu toàn bộ phần mục tiêu và khung chương trình của Tổng cục dạy nghề ban hành coi như là chuẩn đầu ra. Đây là cơ sở quan trọng để các trường xây dựng kế hoạch và nội dung đánh giá đầu ra theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng. Kế hoạch này được lập rất cụ thể, phân công trách nhiệm, yêu cầu nội dung, tiến độ rõ ràng và công bố công khai sớm nên tạo điều kiện tốt cho việc tổ chức thực hiện.

#### *b) Tổ chức thực hiện*

Phòng Đào tạo thường là bộ phận thường trực và phối hợp với Khoa, Bộ môn liên quan để triển khai nghiêm túc kế hoạch đã phê duyệt; trong đó, tiểu ban nội dung, tiểu ban đánh giá, tiểu ban thư ký được thành lập và thực hiện nhiệm vụ đúng quy định và quy trình. Một trong những yêu cầu phải thay đổi hàng năm là nội dung đánh giá kết quả đầu ra (thi tốt nghiệp). Kết quả bảng

2.27 cho thấy, *KNN tốt, Thái độ làm việc tốt, Khả năng thích nghi nhanh với công việc và môi trường sản xuất* là những yếu tố rất được quan tâm khi của các doanh nghiệp đối với lao động kỹ thuật nghề Kỹ thuật xây dựng.

**Bảng 2.27: Mức độ quan tâm của doanh nghiệp đối với các yêu cầu cơ bản của lao động kỹ thuật nghề Kỹ thuật xây dựng**

Yêu cầu cơ bản	Mức độ quan tâm							
	Rất quan tâm		Quan tâm		Ít quan tâm		Không quan tâm	
	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %
1) Kiến thức chuyên môn tốt	68	49,63	68	49,63	1	0,73	0	
2) KNN tốt	137	100	0		0		0	
3) Thái độ làm việc tốt (Có ý thức tổ chức kỷ luật, Sự đam mê nghề, Tác phong làm việc công nghiệp, Bố trí nơi làm việc hợp lý, An toàn lao động)	96	70,07	41	29,93	0		0	
4) Khả năng tổ chức làm việc nhóm tốt	39	28,47	89	64,96	9	6,57	0	
5) Khả năng độc lập sáng tạo trong công việc	59	43,07	69	50,36	9	6,57	0	
6) Khả năng thích nghi nhanh với công việc và môi trường sản xuất	105	76,64	32	23,36	0		0	
7) Kỹ năng giao tiếp tốt	33	24,09	69	50,36	30	21,90	5	3,65
8) Ngoại ngữ đủ giao tiếp	0		15	10,95	37	27,01	85	62,04

So sánh bảng 2.27 và yêu cầu của chuẩn đầu ra nghề Kỹ thuật xây dựng ở các trường CĐXD cho thấy sự tiệm cận gần hơn giữa các tiêu chí đánh giá tốt nghiệp và các yêu cầu của doanh nghiệp. Đó là dấu hiệu tích cực trong quá trình đổi mới đánh giá kết quả đầu ra. Tuy nhiên, tất cả các trường khi tổ chức đánh giá kết quả đầu ra (thi tốt nghiệp) nghề Kỹ thuật xây dựng hệ chính quy đều thực hiện bởi chính các GV của nhà trường; khác với đào tạo ngắn hạn, tùy theo thỏa thuận với “khách hàng”, các trường có thể mời chuyên gia của doanh nghiệp cùng tham gia đánh giá.

*c) Chỉ đạo thực hiện*

Đánh giá kết quả đầu ra luôn được các trường coi là khâu quan trọng của quá trình đào tạo; vì vậy, một Hội đồng độc lập thường được thành lập để chỉ đạo hoạt động này bảo đảm khách quan, công bằng, hiệu quả. Một trong những chỉ đạo được đánh giá cao là HS phải được biết công khai toàn bộ các mục tiêu, nội dung, yêu cầu và mức độ cần đạt được khi tốt nghiệp về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ và các kỹ năng mềm khác. Riêng Trường CĐXD công trình đô thị còn thí điểm ban hành kèm theo bộ đề thi đánh giá kỹ năng tay nghề của HS tốt nghiệp cùng với chuẩn đầu ra (chỉnh sửa trên cơ sở mục tiêu, chương trình dạy nghề). Trên cơ sở đó, HS chủ động hơn trong quá trình học tập và tích lũy các điều kiện cần và đủ để được công nhận tốt nghiệp.

*d) Kiểm tra, đánh giá*

Những yêu cầu cao nhất khi triển khai kỳ thi đánh giá đầu ra là bảo đảm khách quan, công bằng, an toàn và đúng quy định. Vì vậy, công tác kiểm tra, giám sát trước, trong và sau kỳ đánh thi đánh giá đầu ra luôn được các trường thực hiện nghiêm ngặt và hiệu quả. Qua khảo sát, rất hiếm khi có sai sót khi tổ chức kỳ thi đánh giá; tuy nhiên, yêu cầu về một kỳ đánh giá đầu ra đúng theo NLTH thì các trường chưa đáp ứng được.

*2.5.3.2. Quản lý công tác cấp văn bằng, chứng chỉ nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện*

Quản lý công tác cấp văn bằng, chứng chỉ ở tất cả các trường đều có kế hoạch, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát một cách nghiêm túc, chính xác bằng văn bản, biểu mẫu kết hợp với máy tính nhằm tránh (gần như tuyệt đối) các sai sót; đặc biệt là văn bằng của đào tạo chính quy. Tuy nhiên, tất cả các trường đều không tổ chức cấp chứng chỉ hoàn thành một mô đun NLTH cho HS mà chỉ cấp bằng tốt nghiệp một lần sau kỳ thi tốt nghiệp cuối khóa. Như vậy, cách thức tiến hành cấp văn bằng, chứng chỉ nghề không được thực hiện đúng yêu cầu của đào tạo theo NLTH - tích lũy các chứng chỉ NLTH để có được văn bằng tốt nghiệp tương ứng với trình độ đào tạo.

### 2.5.3.3. Quản lý thông tin đầu ra nghề Kỹ thuật xây dựng

Quản lý thông tin đầu ra dạy nghề, trong đó có nghề Kỹ thuật xây dựng hiện là một nhiệm vụ không được triển khai thực hiện. Không có CSĐT nào triển khai đồng bộ một hệ thống quản lý thông tin đầu ra; vì vậy, không có bộ phận nào chịu trách nhiệm triển khai xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện hay kiểm tra, đánh giá về hoạt động này.

**Bảng 2.28: Mức độ phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp trong QLĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH**

Nội dung và hình thức phối hợp	Đối tượng	Mức độ phối hợp					
		Chưa		Đôi khi		Thường xuyên	
		Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %
1) Doanh nghiệp cung cấp thông tin cho CSĐT về nhu cầu và hình thức tuyển dụng lao động	CBQL,GV	19/193	9,84	125/193	64,77	49/193	25,39
	CBKT của doanh nghiệp	14/137	10,22	89/137	64,96	34/137	24,82
2) Doanh nghiệp cung cấp thông tin cho CSĐT về quá trình đổi mới trong sản xuất - kinh doanh và yêu cầu, nhu cầu lao động kỹ thuật mới	CBQL,GV	164/193	85,97	29/193	15,03	0	0,00
	CBKT của doanh nghiệp	109/137	79,56	28/137	20,44	0	0,00
3) Nhà trường cung cấp cho doanh nghiệp thông tin về HS sắp tốt nghiệp	CBQL,GV	62/193	32,12	131/193	67,88	0	0,00
	CBKT của doanh nghiệp	39/137	28,47	98/137	71,53	0	0,00
4) Chuyên gia của doanh nghiệp tham gia tư vấn và tuyển dụng HS tốt nghiệp tại CSĐT	CBQL,GV	0	0,00	151/193	78,24	42/193	21,76
	CBKT của doanh nghiệp	0	0,00	103/137	75,18	34/137	24,82
5) CBQL của CSĐT đến tìm hiểu nhu cầu sử dụng lao động nghề Kỹ thuật xây dựng tại doanh nghiệp	CBQL,GV	156/193	80,83	37/193	19,17	0	0,00
	CBKT của doanh nghiệp	137/137	100	0	0,00	0	0,00
6) Doanh nghiệp cử người lao động nghề Kỹ thuật xây dựng bồi dưỡng phát triển nghề nghiệp tại CSĐT	CBQL,GV	163/193	84,46	30/193	15,54	0	0,00
	CBKT của doanh nghiệp	137/137	100	0	0,00	0	0,00
7) Doanh nghiệp tham gia đánh giá kết quả đầu ra của HS theo NLTH kết hợp tuyển dụng lao động kỹ thuật nghề Kỹ thuật xây dựng	CBQL,GV	20/193	10,36	119/193	61,66	54/193	27,98
	CBKT của doanh nghiệp	82/137	59,85	29/137	21,17	26/137	18,98



Qua khảo sát, tất cả các trường đều không tổ chức hệ thống quản lý thông tin đa chiều (nhà trường, người học, doanh nghiệp, các chuyên gia khoa học, các liên đới khác...) nhằm khẳng định giá trị đầu ra của quá trình đào tạo, đó là NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng; vì vậy, đã không có cơ hội để tận dụng những lợi ích to lớn từ công tác này, ví dụ như: không thể tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học tốt nghiệp một cách có tổ chức, có hệ thống; không thể tranh thủ cơ hội quảng bá thương hiệu, hình ảnh của nhà trường và nghề Kỹ thuật xây dựng; không thể tận dụng sự hỗ trợ từ doanh nghiệp về mặt con người, trang thiết bị phục vụ đào tạo, tài chính...; không kịp điều chỉnh quá trình đào tạo thích ứng với những tác động của TTLĐ...

Kết quả điều tra ở bảng 2.28 cho thấy việc duy trì và phát triển mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp – vốn là một kênh phục vụ cho quản lý thông tin đầu ra – lại là một trong những điểm yếu trong QLĐT của các trường. Các nội dung phối hợp thường xuyên giữa hai bên rất ít mà nội dung phối hợp chủ yếu là tạo điều kiện cho GV và HS được tham quan, tìm hiểu thực tế sản xuất, dây chuyền công nghệ và thực tập tốt nghiệp.

Khi tìm hiểu về những khó khăn trong việc xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp, 100% phiếu trả lời do “*Chưa có cơ chế ưu đãi của Nhà nước cho doanh nghiệp tham gia quá trình đào tạo*”; ngoài ra, “*Cơ chế làm việc không phù hợp giữa hai bên*” và “*Khó xây dựng được các nội dung phối hợp thỏa mãn lợi ích của cả nhà trường và doanh nghiệp*” cũng là những khó khăn mà cả hai bên đều đưa ra với tỷ lệ cao, xem bảng 2.29.

Kết quả điều tra đã phản ánh chân thực mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp hiện nay, đó là quá trình phối hợp thiếu tính hệ thống, chỉ có tính cục bộ theo lợi ích của từng bên tại thời điểm phối hợp, không xác định sự phối hợp lâu dài và bền vững. Hệ thống đào tạo chưa thiết lập được mối quan hệ mật thiết với sản xuất và cũng chưa xây dựng được một hệ thống thông tin về TTLĐ. Điều đó dẫn đến môi trường làm việc của công tác quản

lý mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp không tốt, năng lực của CBQL trong lĩnh vực này đương nhiên sẽ bị ảnh hưởng không tốt.

**Bảng 2.29: Những khó khăn trong việc thiết lập và phát triển mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp trong phối hợp ĐTN Kỹ thuật xây dựng theo NLTH**

Những khó khăn	CBQL và GV		CBKT của doanh nghiệp	
	Số phiếu	Tỷ lệ %	Số phiếu	Tỷ lệ %
1) Chưa hiểu rõ lợi ích và tầm quan trọng của mối quan hệ	14/193	7,25	15/137	10,95
2) Nhà trường không sẵn sàng phối hợp	18/193	9,33	100/137	72,99
3) Chưa có phương pháp xây dựng mối quan hệ	126/193	65,28	88/137	64,23
4) Khó xây dựng được các nội dung phối hợp thỏa mãn lợi ích của cả nhà trường và doanh nghiệp	135/193	69,95	107/137	78,10
5) Doanh nghiệp không sẵn sàng tham gia	142/193	73,56	18/137	13,14
6) Cơ chế làm việc không phù hợp với hai bên	142/193	73,56	107/137	78,10
7) Chưa có cơ chế ưu đãi của nhà nước cho doanh nghiệp tham gia quá trình đào tạo	193/193	100	137/137	100

Hiện nay, các trường CĐXD đã nhận ra khiếm khuyết này và đã làm hồ sơ xin phép thành lập *Trung tâm hướng nghiệp và giới thiệu việc làm* nhằm giúp Ban Giám hiệu khắc phục những khoảng trống nêu trên, trước mắt góp phần cải thiện công tác tuyển sinh của nhà trường.

#### **2.5.4. Khả năng thích ứng với các yếu tố tác động của bối cảnh đến quản lý đào tạo theo năng lực thực hiện nghề Kỹ thuật xây dựng**

Kết quả khảo sát cho thấy, khả năng thích ứng với các yếu tố tác động của bối cảnh đến QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng như: thể chế, chính sách, dân cư, sự tiến bộ KHCN, hội nhập quốc tế, đối tác cạnh tranh, đầu tư cho dạy nghề... đều bắt đầu từ khả năng nhận thức của Ban Giám hiệu, sau đó có sự chỉ đạo các bộ phận liên quan nghiên cứu, đề xuất các phương án xử lý các vấn đề này. Nghĩa là, CSĐT có tận dụng tối đa được cơ hội hay chấp nhận những ảnh hưởng tiêu cực do thách thức mang đến từ các yếu tố bên ngoài tác động gần như phụ thuộc hoàn toàn vào năng lực quản lý của Ban Giám hiệu. Như vậy, việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra cũng

chỉ xuất hiện khi có chỉ đạo của lãnh đạo chứ không phải là một quá trình có tính hệ thống liên tục.

Đánh giá chủ quan của các CSĐT theo các báo cáo và nghị quyết hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm thì khả năng thích ứng với những tác động từ bên ngoài còn chậm, qua nhiều khâu phân tích mới có được phương án xử lý; nghĩa là, sự sẵn sàng đối mặt với những tác động từ bên ngoài của các CSĐT còn hạn chế. Tất cả các CSĐT đón nhận chỉ thị, chính sách từ trên xuống rồi triển khai các hoạt động liên quan theo kiểu “một chiều”, ít có phản hồi ngược hoặc sự chủ động đề xuất giải pháp. Ví dụ như các CSĐT đều có bộ phận đối ngoại độc lập nhưng việc tìm kiếm đối tác từ nước ngoài để hợp tác thì gần như không được thực hiện. Ngay như Trường CDXD công trình đô thị vốn có nhiều dự án với nước ngoài nhưng đều là được “thụ hưởng”, do Bộ Xây dựng giao nhiệm vụ thực hiện dự án mà Chính phủ đã ký thỏa thuận với Pháp, Nhật Bản, Đan Mạch; mới chỉ có duy nhất một dự án với CHLB Đức (về hợp tác đào tạo nghề xây dựng) hiện đang thực hiện là do bộ phận đối ngoại hoàn toàn chủ động tìm kiếm đối tác, đàm phán các thỏa thuận, sau đó đề nghị Bộ Xây dựng phê duyệt và hỗ trợ.

*Tóm lại*, khả năng thích ứng với các yếu tố tác động của bối cảnh đến QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng là quá trình “một chiều” và do lãnh đạo nhà trường tự nhận thức và quyết định. Điều này có ưu điểm về sự thống nhất chỉ đạo, nhưng nhược điểm là xuất hiện “độ trễ” (đôi khi không đáng có) trong quá trình thích ứng hoặc xuất hiện “lỗ hổng” do không thể bao quát hết từng nội dung cụ thể hoặc do năng lực của chủ thể quản lý khi đánh giá những yếu tố tác động chưa tốt.

## **2.6. Những yếu kém, nguyên nhân**

### ***2.6.1. Những yếu kém***

Việc dạy và học các NLTH; đánh giá kết quả dạy và học theo NLTH chưa được triển khai đúng yêu cầu nên chất lượng đào tạo và hiệu quả đào tạo

ngành Kỹ thuật xây dựng ở các trường CĐXD chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn sản xuất và nhu cầu của doanh nghiệp.

Quản lý đầu vào chủ yếu thực hiện các quy định, quy chế của các cơ quan quản lý nhà nước mà phần lớn những quy định này đã được ban hành từ lâu nên không còn phù hợp với cơ chế thị trường và cần được đổi mới. Các trường chưa quan tâm đến tư vấn hướng nghiệp chọn nghề và phân loại năng lực đầu vào; kế hoạch tuyển sinh thiếu tính hệ thống; hội đồng tuyển sinh chưa có sự tham gia tư vấn của các doanh nghiệp... nên quá trình tổ chức tuyển sinh học nghề lúng túng, bị động, không đa dạng về nguồn tiếp cận và đối tượng tuyển sinh mà yêu cầu của đào tạo theo NLTH đặt ra. Quản lý phát triển CTĐT mang tính chủ quan, một chiều, chỉ đáp ứng theo các điều kiện hiện có của nhà trường, chưa có sự gắn kết với doanh nghiệp nên chuẩn đầu ra và CTĐT chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn sản xuất. Quản lý các điều kiện bảo đảm chất lượng còn hình thức và chưa hiệu quả; năng lực dạy học tích hợp của đội ngũ GV và trang thiết bị phòng dạy học tích hợp chưa đáp ứng được yêu cầu của đào tạo theo NLTH ngành Kỹ thuật xây dựng.

Quản lý quá trình dạy và học vẫn theo kế hoạch niên chế cứng nhắc với “trục thời gian” thay vì kế hoạch theo môn học, mô đun dạy học; nghĩa là, chưa tổ chức dạy học theo NLTH. Quản lý hoạt động dạy học; đánh giá kết quả dạy học còn thiếu quy trình và tiêu chuẩn đánh giá. Cơ chế quản lý vẫn còn mang tính hành chính, sự vụ mà chưa quản lý theo chất lượng.

Quản lý đầu ra còn những phần bị buông lỏng. Công tác đánh giá kết quả đầu ra/thi tốt nghiệp vẫn thực hiện kiểu truyền thống, mang tính chủ quan do không lấy chuẩn NLTH làm cơ sở đánh giá, chưa có sự tham gia của các doanh nghiệp vào việc chuẩn hóa các NLTH và tham gia đánh giá các NLTH của HS. Quản lý thông tin đầu ra bị “ngừng trệ” hoặc thực hiện cục bộ, nhất thời nên CSĐT không có cơ hội tận dụng các lợi ích đi kèm, ví dụ như hoạt động tư vấn và giới thiệu việc làm cho HS tốt nghiệp gần như bị bỏ ngỏ, thiếu

tính hệ thống và không có bộ phận chuyên trách... Công tác duy trì và phát triển mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp chưa được chú trọng mở rộng về nội dung, hình thức phối hợp dẫn đến thông tin phản hồi giữa các bên gần như không có và không ai quản lý. Hệ thống đào tạo chưa thiết lập được mối quan hệ mật thiết với sản xuất cũng như chưa có hệ thống thông tin về TTLĐ, do vậy đào tạo vẫn chưa gắn kết với nhu cầu của TTLĐ.

Các yếu tố tác động của bối cảnh đến QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng trong nền kinh tế thị trường là rất đáng kể, nó mang đến cho CSĐT cả cơ hội và thách thức; tuy nhiên, việc đối mặt với những tác động này ở các CSĐT dường như chưa thường xuyên với mức độ sẵn sàng cao, chỉ đạo theo nhận thức của lãnh đạo... gây ra “độ trễ” trong sự thích ứng và “lỗ hổng” trong nội dung quản lý.

### **2.6.2. Nguyên nhân**

Tư duy của lãnh đạo chưa đổi mới, phương thức lãnh đạo vẫn lạc hậu, chỉ đạo thực hiện thiếu quyết liệt, công tác kiểm tra quan liêu, buông lỏng quản lý, thiếu cập nhật thông tin, không điều chỉnh kịp thời và hợp lý những vấn đề phát sinh trong quá trình đào tạo.

Các trường vẫn xây dựng kế hoạch đào tạo, triển khai thực hiện quá trình đào tạo theo hướng “cung” chứ không theo hướng “cầu”, nghĩa là vẫn chưa coi người học, người sử dụng lao động làm mục tiêu hướng đến của quá trình đào tạo. Nhà trường cứ nhận chỉ tiêu được giao (thậm chí không tuyển sinh đủ chỉ tiêu); cứ tiến hành đào tạo theo kế hoạch, chương trình cũ (không cần quan tâm nhiều đến các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình đào tạo); cứ “xuất xưởng những sản phẩm” sau khi kết thúc thời gian đào tạo mà không quan tâm “sản phẩm” có được người sử dụng lao động và xã hội chấp nhận hay không. Quản lý các yếu tố bảo đảm chất lượng chưa được quan tâm tương xứng với tầm quan trọng dẫn đến chuẩn đầu ra, mục tiêu, CTĐT chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tế sản xuất; đội ngũ GV chưa có nhiều điều kiện

để phát huy hết năng lực; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học không đáp ứng được yêu cầu của đổi mới theo phương thức đào tạo theo NLTH.

Quá trình quản lý thiếu đồng bộ, còn rời rạc. Hệ thống quản lý trong các trường gồm nhiều thành phần, nhiều bộ phận cấu thành nhưng khi vận hành hệ thống có những thành phần, những bộ phận hoạt động thiếu linh hoạt, kém hiệu quả, thậm chí không hoạt động.

Công cụ, phương pháp quản lý không đổi mới kịp quá trình phát triển của xã hội. Rất ít trường, ít bộ phận đã “tin học hóa” quá trình quản lý, phần lớn các trường vẫn chỉ sử dụng những công cụ quản lý thủ công, đơn giản, lạc hậu với những phương pháp cũ không linh hoạt, kém hiệu quả dẫn đến những khó khăn, phức tạp nảy sinh khi cơ chế, phương thức quản lý thay đổi.

## **Kết luận chương 2**

Từ kết quả khảo sát điều tra cho thấy thực trạng QLĐT theo NLTH ngành Kỹ thuật xây dựng ở các trường CĐXD chưa đổi mới và chưa theo cách thức quản lý hiện đại, đâu đó vẫn buông lỏng, thậm chí có những “khoảng trống” gây ảnh hưởng chung đến toàn bộ sự vận hành của hệ thống. Cụ thể là:

- Quản lý đầu vào gặp nhiều khó khăn: Tuyển sinh có dấu hiệu sụt giảm về số lượng dẫn đến việc các CSĐT không còn quan tâm đến việc đánh giá chất lượng đầu vào tuyển sinh; Việc phát triển CTĐT chưa đi vào chu trình, quy trình cụ thể, đặc biệt là phần lớn việc tổ chức vẫn mang tính “một chiều” do CSĐT tự thực hiện, tự công bố và không có sự tham gia của các doanh nghiệp dẫn đến CTĐT chưa đáp ứng chuẩn nghề nghiệp; Việc quản lý các điều kiện bảo đảm chất lượng vẫn mang tính hình thức, chưa đáp ứng theo yêu cầu của đào tạo theo NLTH cả về đội ngũ GV và CBQL cũng như hệ thống trang thiết bị dạy học.

- Quản lý quá trình dạy học triển khai theo cách thức cũ – quản lý hành chính kiểu niên chế, không lập kế hoạch và tổ chức thực hiện theo năng lực của HS.

- Quản lý đầu ra chưa lấy chuẩn NLTH làm cơ sở đánh giá, các CSĐT vẫn tiến hành thi tốt nghiệp theo cách thức cũ, không có sự tham gia của doanh nghiệp, đánh giá riêng biệt lý thuyết, thực hành và cấp văn bằng theo quy định; quản lý thông tin đầu ra không được coi trọng dẫn đến “khoảng trống” trong quản lý đầu ra.

- Khả năng thích ứng với các yếu tố tác động của bối cảnh đến QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng còn thấp, thiếu tính bao quát và mức độ liên tục sẵn sàng nên đã hình thành những “lỗ hổng” và “độ trễ” khi thích ứng với sự biến động của bối cảnh.

*Tóm lại*, thực trạng QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng ở các trường CDXD đang có nhiều vấn đề từ *quản lý đầu vào, quản lý quá trình dạy học, quản lý đầu ra và khả năng thích ứng với các yếu tố tác động của bối cảnh...* Những điểm cần tập trung giải quyết gồm:

- Tuyển sinh thiếu “bản đồ chỉ dẫn tổng thể”; đặc biệt là tổ chức tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH.

- Phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH cần có sự quản lý đồng bộ để CTĐT đáp ứng được chuẩn nghề nghiệp.

- Các điều kiện bảo đảm chất lượng cần được cải tiến cách thức quản lý với những quy định, quy trình đồng bộ, rõ ràng đáp ứng yêu cầu của đào tạo theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng.

- Quá trình dạy học cần có sự quản lý một cách khoa học để chuyển đổi cách thức tiến hành đúng yêu cầu của dạy học theo NLTH.

- Đánh giá kết quả đầu ra cần có sự quản lý chặt chẽ để “sản phẩm xuất xưởng” đáp ứng yêu cầu “khách hàng”.

- Coi nhà trường như một “doanh nghiệp đào tạo” trong nền kinh tế thị trường để triển khai có trách nhiệm việc “quản lý thông tin đầu ra” như một quá trình “bảo hành sản phẩm” nhằm chủ động tận dụng tối đa những lợi ích do nó mang lại.

**CHƯƠNG 3:**  
**GIẢI PHÁP QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO NĂNG LỰC THỰC HIỆN**  
**NGHỀ KỸ THUẬT XÂY DỰNG**

**3.1. Định hướng phát triển nhân lực ngành Xây dựng đến năm 2020**

Theo Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011 - 2020, một số chỉ tiêu chủ yếu có liên quan như sau:

**Bảng 3.1: Một số chỉ tiêu chủ yếu phát triển nhân lực thời kỳ 2011 - 2020**

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2020
1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%)	40,0	55,0	75,0
2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề (%)	25,0	40,0	55,0
3. Số sinh viên ĐH, CĐ trên 10.000 dân (sinh viên)	200	300	400
4. Số trường dạy nghề đạt đẳng cấp quốc tế (trường)	-	5	>10

*Nguồn:* Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011-2020 [7]

Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 [8] chỉ rõ mục tiêu: Nhân lực ngành xây dựng tăng từ 2,9 triệu người năm 2010 lên khoảng 5 triệu năm 2015 và khoảng 8 - 9 triệu người năm 2020... Trong lĩnh vực xây dựng, tỷ lệ nhân lực qua đào tạo tăng từ mức 41,0% năm 2010 lên khoảng 60,0% năm 2015 và khoảng 65,0% năm 2020; trong đó bậc sơ cấp nghề chiếm khoảng 68,5% năm 2015 và khoảng 68,0% năm 2020, bậc trung cấp chiếm khoảng 25,0% năm 2015 và khoảng 24,0% năm 2020, bậc cao đẳng chiếm khoảng 2,0% năm 2015 và khoảng 3,0% năm 2020, bậc đại học và trên đại học chiếm khoảng 4,5% năm 2015 và khoảng 5,0% năm 2020... Giai đoạn 2011 - 2020, đảm bảo có khoảng từ 40,0 - 45,0% tổng số nhân lực qua đào tạo ngành xây dựng được đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng làm việc.

Chiến lược phát triển dạy nghề thời kỳ 2011 - 2020 [9] cũng chỉ rõ: Gắn kết giữa dạy nghề với TTLĐ và sự tham gia của doanh nghiệp.



- Xây dựng các mối quan hệ chặt chẽ giữa dạy nghề với TTLĐ ở các cấp hướng vào việc đáp ứng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu của người sử dụng lao động và giải quyết việc làm.
- Doanh nghiệp có trách nhiệm chính trong việc tự tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho lao động, phối hợp với cơ sở dạy nghề để cùng đào tạo, đặt hàng đào tạo; có trách nhiệm đóng góp vào quỹ hỗ trợ học nghề; trực tiếp tham gia xây dựng tiêu chuẩn KNN, xác định danh mục nghề, xây dựng CTĐT, đánh giá kết quả học tập của HS học nghề...; cung cấp thông tin về nhu cầu việc làm và các chế độ cho người lao động, đồng thời thường xuyên có thông tin phản hồi về mức độ hài lòng với “sản phẩm” đào tạo của cơ sở dạy nghề.
- Cơ sở dạy nghề tổ chức theo dõi, thu thập thông tin về HS học nghề sau khi tốt nghiệp; tiếp nhận thông tin từ phía doanh nghiệp và thay đổi để thích ứng với nhu cầu doanh nghiệp.
- Phát triển hệ thống thông tin TTLĐ để gắn kết đào tạo và sử dụng lao động.

Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Xây dựng giai đoạn 2011 - 2020 [3] đặt định hướng và mục tiêu:

- Tăng nhanh tỷ lệ nhân lực qua đào tạo với cơ cấu hợp lý, gắn việc đào tạo với nhiệm vụ cụ thể của ngành Xây dựng, trong đó lấy đào tạo các bậc đại học, trung học chuyên nghiệp làm nền tảng; lấy ĐTN, đào tạo lao động kỹ thuật chất lượng cao, ĐTN chuyên biệt, nghề đặc thù, nghề có lợi thế so sánh làm khâu đột phá...
- Mục tiêu đề ra đến năm 2020 toàn ngành có khoảng 3.320 nghìn người đã qua ĐTN, đào tạo lao động kỹ thuật chất lượng cao, ĐTN chuyên biệt, ĐTN đặc thù, nghề có lợi thế. Tiếp tục quy hoạch xây dựng các trường nghề, mở rộng quy mô đào tạo ở các cơ sở hiện có, mở thêm các cơ sở mới phù hợp với các nhu cầu phát triển nhân lực được ĐTN của ngành Xây dựng; theo các bậc học sơ cấp nghề, trung cấp nghề, CDN; theo các cấp độ nghề cơ bản, nghề chất lượng cao, nghề chuyên biệt, đặc thù... Xây dựng chính sách hỗ trợ,

khuyến khích học nghề Xây dựng trình độ sơ cấp nghề, đào tạo ngắn hạn dưới 3 tháng cho những người chưa có nghề; có cơ chế chính sách khuyến khích ưu tiên đối với người học các nghề thuộc danh mục nghề có điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; triển khai ĐTN ngắn hạn gắn với ĐTN cho nông nghiệp, nông thôn... Xây dựng và chuẩn hóa chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, thợ bậc cao đạt chất lượng quốc gia, khu vực và quốc tế, thống nhất trong toàn bộ hệ thống các trường nghề. Xây dựng một số CSĐT nghề đạt tiêu chuẩn cấp khu vực và quốc tế thuộc Bộ Xây dựng và các Tập đoàn kinh tế...

Theo nghiên cứu từ Cục Việc làm, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, năm 2013 cơ cấu lao động tiếp tục chuyển dịch từ ngành nông lâm ngư nghiệp sang công nghiệp - xây dựng và dịch vụ - thương mại... TTLĐ vẫn có nhu cầu lớn với nhóm lao động chất lượng cao như kỹ thuật viên khoa học vật lý và kỹ thuật viên bậc trung trong lĩnh vực điện, kỹ thuật xây dựng, kỹ thuật cơ khí,... Theo bà Nguyễn Thị Hải Vân - Phó Cục trưởng Cục Việc làm, những nghề có nhu cầu tuyển dụng nhiều nhất trong năm 2013 phân bố ở các nhóm nghề lao động đơn giản như: thợ xây, thợ mộc, thợ nề; nhóm nghề khai thác mỏ, xây dựng...; nhóm công nghiệp, giao thông vận tải; nhóm nghề vận hành máy sản xuất nguyên liệu. [58]

Như vậy, ĐTN Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN cũng đã được định hướng trong chiến lược, quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam và ngành Xây dựng; đồng thời, TTLĐ cũng chứng minh nhu cầu cao về lao động kỹ thuật trình độ cao của nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN.

### **3.2. Nguyên tắc đề xuất các giải pháp quản lý đào tạo theo năng lực thực hiện nghề Kỹ thuật xây dựng**

Việc nghiên cứu, lựa chọn các giải pháp đổi mới QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng cần bảo đảm được các nguyên tắc chủ yếu là: tính đồng bộ, tính thực tiễn và tính khả thi.

### **3.2.1. Bảo đảm tính đồng bộ**

Yêu cầu này xuất phát từ thực trạng QLĐT ở các trường CĐXD nói chung và đối với nghề Kỹ thuật nói riêng. Trong QLĐT, bên cạnh những mặt mạnh vẫn còn các điểm yếu như: 1/ Sự tách rời giữa lý thuyết với thực hành trong quá trình đào tạo mà không phải là dạy học tích hợp; 2/ Sự tách biệt trong xây dựng CTĐT, cải thiện cơ sở vật chất và bồi dưỡng phương pháp dạy học tích hợp đối với GV trong quá trình chuẩn bị cho đào tạo theo NLTH; 3/ Một số bộ phận của hệ thống QLĐT đang hoạt động yếu kém, rời rạc hoặc bị bỏ trống. 4/ Các biện pháp tổ chức và QLĐT theo NLTH chưa được triển khai thực hiện đồng bộ. Việc QLĐT phải được thực hiện thông qua sự nỗ lực chủ quan của GV, CBQL cũng như HS, làm sao cho tất cả GV đều biết dạy tốt và HS phải học tốt. Ngoài ra, việc bảo đảm tính đồng bộ của các giải pháp quản lý còn được thể hiện ở các yếu tố tác động khác như quản lý hoạt động chuyên môn của đội ngũ GV và CBQL, quản lý trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, đồ dùng dạy học, quản lý quá trình dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo NLTH của HS. Chúng ta phải quan tâm đầy đủ đến các yếu tố, không thể xem nhẹ yếu tố nào khi tiến hành giải quyết các nhiệm vụ QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng ở các trường CĐXD.

### **3.2.2. Bảo đảm tính thực tiễn**

Đổi mới QLĐT phải cụ thể hoá được các chủ trương về GD&ĐT của Đảng, Nhà nước, của các Bộ ngành liên quan nhằm nâng cao năng lực cho HS học nghề Kỹ thuật xây dựng. Yêu cầu này trước hết xuất phát từ những định hướng chiến lược về đào tạo nguồn nhân lực. Đó là những chỉ dẫn quan trọng, những gợi ý cần thiết để đề xuất các giải pháp đổi mới QLĐT theo NLTH. Phải cụ thể hoá các chủ trương về ĐTN vào việc xác định mục tiêu cũng như nội dung, chương trình, phương pháp QLĐT sao cho sát thực với nhiệm vụ và đối tượng. Đổi mới QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng phải xuất phát từ thực tiễn đang đòi hỏi của ĐTN, phải nắm bắt được một cách tường minh

nhu cầu của các doanh nghiệp và năng lực đào tạo của các trường CĐXD. Từ đó, hoạch định các giải pháp quản lý cho phù hợp nhằm đem lại hiệu quả cao trong đào tạo.

### **3.2.3. Bảo đảm tính khả thi**

Yêu cầu này đòi hỏi nội dung của các đề xuất về đổi mới quản lý phải tương thích với mô hình quản lý đã lựa chọn theo các điều kiện khách quan, có khả năng ứng dụng vào thực tiễn ở các trường CĐXD một cách thuận lợi và hiệu quả cao. Việc đổi mới quản lý phải được xây dựng theo một quy trình chặt chẽ với các bước tiến hành cụ thể, rõ ràng và chuẩn mực. Các giải pháp quản lý phải được kiểm chứng theo nguyên tắc như có tính khoa học, tính khách quan và có tính khả thi cao. Các giải pháp phải được tổ chức thực hiện một cách rộng rãi và cải tiến thường xuyên để ngày càng hoàn thiện hơn.

## **3.3. Giải pháp quản lý đào tạo theo năng lực thực hiện nghề Kỹ thuật xây dựng**

### **3.3.1. Giải pháp 1: Quản lý công tác tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện**

#### *3.3.1.1. Mục đích của giải pháp*

- Khắc phục những khiếm khuyết của quản lý công tác tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH, đó là thiếu một “bản đồ chỉ dẫn tổng thể” và tổ chức các hoạt động còn lúng túng, bị động.
- Bảo đảm số lượng và chất lượng tuyển sinh đầu vào phù hợp với năng lực của cá nhân người học, năng lực của CSĐT và đáp ứng nhu cầu của người sử dụng lao động.
- Đáp ứng đặc thù cơ bản của lao động kỹ thuật ngành Xây dựng, đó là: thời điểm học tập bổ sung các NLTH có thể tiến hành khi các công trình trong giai đoạn giãn tiến độ; khi hoàn thành một hoặc một số chứng chỉ NLTH (tín chỉ) là có thể tham gia làm việc (không nhất thiết phải học tập trung 3 năm CĐN và chờ bằng tốt nghiệp như đào tạo truyền thống); tổ chức thực tập sản xuất

ngành Kỹ thuật xây dựng tại công trường thi công vừa đạt hiệu quả dạy học cao (do được tiếp cận trực tiếp với môi trường và công trình thật), vừa góp phần hỗ trợ lao động kỹ thuật của doanh nghiệp tăng năng suất lao động...

- Khẳng định uy tín, thương hiệu nhà trường và nghề đào tạo thông qua tổ chức hoạt động tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh bài bản, chuyên nghiệp; tạo nên sự đồng bộ với tổng thể QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng.

### *3.3.1.2. Nội dung của giải pháp*

Xây dựng “Kế hoạch phối hợp với doanh nghiệp trong tổ chức và quản lý tuyển sinh” làm cơ sở quan trọng để tiếp cận và mở đường “đón” các doanh nghiệp tham gia vào hoạt động cung ứng “khách hàng” (người học); đồng thời, tiếp nhận những tư vấn mang tính định hướng thị trường để điều chỉnh quá trình đào tạo theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng.

Căn cứ vào các văn bản pháp quy, kế hoạch dự kiến với các đối tác tiềm năng, nhà trường phải xây dựng một kế hoạch tổng thể về tuyển sinh trong năm thể hiện đầy đủ nội dung, đối tượng (các nguồn, kênh tuyển sinh), hình thức thực hiện, quy trình hướng dẫn, tiến độ thực hiện (theo tháng, quý), phân công trách nhiệm... để triển khai có hiệu quả hoạt động tuyển sinh mọi lúc, mọi nơi với hình thức đa dạng trong phạm vi cho phép bảo đảm số lượng và chất lượng (phân loại được năng lực đầu vào của người học). Luôn quán triệt quan điểm: tất cả người học đều phải hoàn thành khóa học theo các chuẩn NLTH giống nhau nhưng thời điểm bắt đầu nhập học và thời gian học tập cần thiết để hoàn thành các NLTH của mỗi người học có thể khác nhau (nhanh hoặc chậm) tùy vào năng lực và nguyện vọng từng người học. Vì vậy, phải sẵn sàng đáp ứng “khách hàng” mọi lúc, mọi nơi!

### *3.3.1.3. Cách thức tiến hành*

#### *a) Lập kế hoạch*

Lập kế hoạch tổng thể hoạt động tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề Kỹ thuật xây dựng trong cả năm làm cơ sở để cụ thể hóa bằng các kế

hoạch chi tiết cho từng nhóm công việc, từng thời điểm, từng đối tượng khác nhau bảo đảm các hoạt động được triển khai liên tục, mọi lúc, mọi nơi trong phạm vi cho phép. Tận dụng hệ thống “thông tin đầu ra” và các kênh thông tin khác để thiết lập danh mục các nguồn tuyển sinh có thể tiếp cận như: từ các trường phổ thông, từ các doanh nghiệp, từ các địa phương... Lưu ý, trong quy trình của hệ thống tuyển sinh *mở* (open entry), người học sẽ cung cấp thông tin theo yêu cầu của CSĐT, thông thường là hoàn thành một mẫu đơn đăng ký theo chuẩn của CSĐT. Ngoài ra, người học có thể phải có thêm các minh chứng kèm theo liên quan đến trình độ và kinh nghiệm học tập đã đạt được và phải đáp ứng các tiêu chuẩn tuyển sinh tối thiểu của khóa học. Người học có thể phải tham gia vào quá trình “sơ tuyển”, vốn đã được thiết kế để tối đa hóa sự phù hợp giữa lựa chọn của người học và các ngành nghề đang đào tạo, trong đó có nghề Kỹ thuật xây dựng. Các quy trình trên đây cũng là cơ sở để giúp cho CSĐT dễ dàng trong việc phân loại đầu vào của người học một cách tối ưu góp phần thực hiện đào tạo theo NLTH thành công. Như vậy, khi lập kế hoạch cần kế thừa các giá trị có sẵn và phát triển kế hoạch tuyển sinh như một “bản đồ chỉ dẫn tổng thể”.

#### *b) Tổ chức thực hiện*

Thành lập hội đồng tư vấn tuyển sinh học nghề Kỹ thuật xây dựng có sự tham gia của chuyên gia từ các doanh nghiệp uy tín trong lĩnh vực xây dựng. Trong hội đồng này có thể hình thành các tiểu ban chuyên môn phụ thuộc vào từng nhóm đối tượng, nguồn tuyển sinh, hoặc vùng tuyển sinh... Ví dụ có tiểu ban tư vấn hướng nghiệp chọn nghề cho HS phổ thông, tiểu ban tư vấn học nghề nâng cao và chuyển đổi nghề nghiệp,...

Cách thông thường mà các CSĐT thu hút người học là sử dụng phương tiện thông tin đại chúng (quảng cáo trên đài báo trung ương và địa phương). Hiện nay, nhiều CSĐT đã xây dựng những website riêng để chủ động quảng bá nhà trường thông qua mạng Internet với hệ thống đa phương tiện. Ngoài ra,

các CSĐT có thể tổ chức hoặc tham gia các sự kiện đặc biệt nhằm quảng bá và thu hút sự chú ý của công chúng tại các địa điểm như trung tâm mua sắm, diễn đàn, hội chợ việc làm... Họ cũng có thể phối hợp với trường phổ thông và các doanh nghiệp để thu hút người học.

Cách thức thu hút người học được lựa chọn nhiều và có hiệu quả hơn đó là sử dụng cán bộ tư vấn hướng nghiệp cho các đối tượng là HS năm cuối phổ thông lựa chọn ngành nghề phù hợp để học. Nội dung chính cần tư vấn cho người học là các kết quả của khóa học, các yêu cầu về học tập và đánh giá, tiến trình của khóa học và địa chỉ đầu ra sau tốt nghiệp.

Thông qua mối quan hệ với các ngành tại địa phương, với các hiệp hội ngành nghề, với các doanh nghiệp, CSĐT có thể tuyển sinh người học hiện đang làm việc; đặc biệt là khi chủ sử dụng lao động muốn nhân viên của họ có trình độ tay nghề cao hơn hoặc có thể sẵn sàng tài trợ cho việc bồi dưỡng nhân viên thường xuyên.

### *c) Chỉ đạo thực hiện*

Chỉ đạo triển khai kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp để thực hiện các nội dung hợp tác trong hoạt động tuyển sinh nghề Kỹ thuật xây dựng. Theo đó, nhà trường cần chủ động trong việc tiếp cận với doanh nghiệp, đề xuất các phương thức hợp tác, chuẩn bị những nội dung cơ bản và có thể tổ chức ký kết *Biên bản thỏa thuận* với doanh nghiệp trong phạm vi, lĩnh vực mà doanh nghiệp có thể mạnh và có khả năng tham gia với nhà trường. Thông qua các hội thảo có thể chỉ đạo định hướng cách thức triển khai tuyển sinh về nhân lực, vật lực, tài lực cũng như tư vấn các hình thức tiếp cận nguồn tuyển sinh, kênh tuyển sinh phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng thời điểm....

Đối với nghề Kỹ thuật xây dựng, việc tuyển sinh đào tạo theo hình thức tập trung có những thời điểm gặp khó khăn nhưng tuyển sinh ngắn hạn hoặc bồi dưỡng tay nghề cho người lao động của các doanh nghiệp trong lĩnh vực

xây dựng vẫn là những “đơn hàng” mà các CSĐT có thể khai thác; đặc biệt, tuyển sinh đào tạo ngắn hạn phục vụ xuất khẩu lao động. Đó cũng là hướng chỉ đạo mang tính thực tế, cần bám sát và có điều chỉnh kịp thời.

*d) Kiểm tra, đánh giá*

Triển khai công tác tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH có những đặc trưng cần chú ý đó là độ linh hoạt của nguồn đầu vào; vì vậy, hoạt động kiểm tra, đánh giá phải bảo đảm tính liên tục, thường xuyên với những báo cáo kết quả đánh giá chi tiết cả về chất và lượng cùng các yếu tố tác động đã ảnh hưởng đến trong quá trình triển khai ứng với từng giai đoạn, từng đối tượng, từng nguồn đầu vào... nhằm có những điều chỉnh kịp thời trong kế hoạch, chỉ đạo và tổ chức thực hiện để đạt mục tiêu và hiệu quả cao.

*3.3.1.4. Điều kiện để thực hiện*

- Cụ thể hóa cơ chế chính sách của nhà nước về khuyến khích các doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo của các trường. Sự liên kết trong tuyển sinh sẽ thiết thực và đạt hiệu quả cao khi doanh nghiệp và nhà trường có sự phối hợp trong việc đặt hàng đào tạo và cung ứng lao động chất lượng cao.
- “Văn bản hóa” các thủ tục làm cơ sở thực hiện thuận lợi và thống nhất trong toàn trường và trong các bộ môn giảng dạy nghề Kỹ thuật xây dựng.
- Phải có phương pháp thống nhất và chủ động để thực hiện các dịch vụ khách hàng, phương pháp này phải bảo đảm rằng người học đăng ký tuyển sinh sẽ được đáp ứng khóa học mà họ muốn, họ cần và họ có thể hoàn thành. Để người học lựa chọn, cần cung cấp các thông tin rõ ràng về hình thức tuyển sinh, thủ tục nhập học, học phí, lệ phí, các cơ chế hỗ trợ học tập,...
- Phải có đội ngũ CBQL vận hành được hệ thống máy tính, các phần mềm hỗ trợ quản lý nội bộ và quản lý trực tuyến trên mạng Internet (trong đó có tuyển sinh trực tuyến). Đầu tư trang thiết bị và đội ngũ CBQL đủ năng lực để triển khai công tác quản lý tuyển sinh; trong đó, chú ý hệ thống tuyển sinh trực



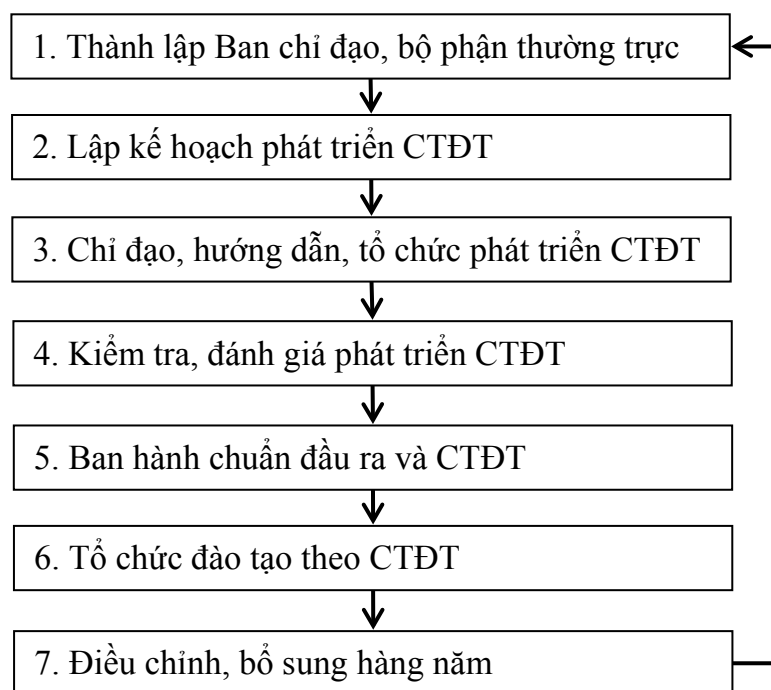
tuyển nhằm mở rộng phạm vi tuyển sinh, mặc dù cần một chi phí đầu tư tương đối cao; tuy nhiên, đó là cách quảng bá hình ảnh nhà trường và ngành nghề khá hữu hiệu trong thế giới thông tin hiện nay.

### **3.3.2. Giải pháp 2: Quản lý phát triển chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện đáp ứng chuẩn nghề nghiệp**

#### **3.3.2.1. Mục đích của giải pháp**

- Khắc phục điểm yếu trong quản lý phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH, đó là sự thiếu thống nhất, thiếu chỉ đạo đột phá để mở đường cho doanh nghiệp tham gia vào quá trình phát triển CTĐT nghề.
- Bảo đảm chuẩn đầu ra và CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH trình độ CDN đáp ứng chuẩn nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.
- Khẳng định cam kết về chất lượng đào tạo của CSĐT đối với khách hàng; đồng thời làm căn cứ cho công tác tự đánh giá, kiểm định chất lượng CSĐT.

#### **3.3.2.2. Nội dung của giải pháp**



**Hình 3.1: Chu trình quản lý phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH**

**Bảng 3.2: Quy trình quản lý hiệu chỉnh nội dung CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH đáp ứng chuẩn nghề nghiệp**

<i>TT</i>	<i>Hoạt động</i>	<i>Trách nhiệm</i>	<i>Mô tả nội dung thực hiện</i>	<i>Các thủ tục cần có</i>	<i>Sản phẩm</i>
1	Xác định những bất cập cần điều chỉnh, bổ sung đối với chuẩn đầu ra và CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng	Bộ phận thường trực và GV	Rà soát chuẩn đầu ra và CTĐT; Thu thập ý kiến chuyên gia và GV; Điều tra, khảo sát thực tế ở các Doanh nghiệp có uy tín trong lĩnh vực xây dựng	Quyết định phê duyệt kế hoạch điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và CTĐT của Hiệu trưởng kèm theo kế hoạch chi tiết	Báo cáo tổng quan về những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung
2	Lấy ý kiến chuyên gia	Bộ phận thường trực, GV và chuyên gia	Hội thảo chuyên đề ở Bộ môn và hội thảo tổng quan với sự tham gia của các chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng ở CSĐT và doanh nghiệp	Quyết định tổ chức hội thảo và Thư mời chuyên gia	Biên bản và các báo cáo tại hội thảo
3	Tiếp thu các ý kiến từ hội thảo và tham khảo thêm các tài liệu liên quan	Bộ phận thường trực và GV	Chỉnh sửa theo các ý kiến và tài liệu liên quan đến CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng	Kế hoạch chi tiết đã phê duyệt	Dự thảo điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và CTĐT
4	Thông qua đề xuất cần chỉnh sửa	Hội đồng sư phạm và khoa học	Họp hội đồng sư phạm và khoa học để xem xét thông qua các nội dung cần điều chỉnh, bổ sung trong Dự thảo	Kế hoạch chi tiết đã phê duyệt	Biên bản họp hội đồng sư phạm và khoa học
5	Hoàn thiện Dự thảo điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và CTĐT	Bộ phận thường trực và GV	Chỉnh sửa các nội dung theo ý kiến trong biên bản họp hội đồng sư phạm và khoa học	Kế hoạch chi tiết đã phê duyệt	Dự thảo đã hoàn thiện
6	Ký duyệt và ban hành	Hiệu trưởng	Trình duyệt, ký, ban hành và triển khai thực hiện	Quyết định phê duyệt ban hành	Chuẩn đầu ra và CTĐT

Quản lý phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH tiến hành theo chu trình hình 3.1, trong đó, phần cốt lõi là quản lý hiệu chỉnh nội dung

CTĐT (gồm bước 2, 3, 4, 5). Để thuận tiện trong quản lý hiệu chỉnh nội dung CTĐT cần thực hiện quy trình 6 bước tại bảng 3.2.

Từ chuẩn nghề nghiệp của nhóm nghề Xây dựng, các CSĐT phải kết hợp với các quy định trong khung CTĐT đối với cấp trình độ CĐN để quản lý phát triển CTĐT chi tiết đưa vào tổ chức và QLĐT. Mục tiêu, nhiệm vụ, công việc được thể hiện thành mục tiêu đào tạo và được cụ thể hóa thành chuẩn đầu ra của CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng phù hợp với yêu cầu sử dụng lao động của ngành Xây dựng và doanh nghiệp. Cần xây dựng “Kế hoạch phối hợp với doanh nghiệp trong phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng đáp ứng chuẩn nghề nghiệp” làm một trong những căn cứ để quản lý phát triển CTĐT.

### 3.3.2.3. Cách thức tiến hành

#### a) Lập kế hoạch

Trong kế hoạch hàng năm của nhà trường phải có nội dung phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH đáp ứng chuẩn nghề nghiệp. Lập kế hoạch thống nhất cho việc xây dựng, công bố, điều chỉnh chuẩn đầu ra và phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH; trong đó chú ý đến vai trò nòng cốt của GV chuyên ngành và chuyên gia từ các doanh nghiệp.

#### b) Tổ chức thực hiện

Thành lập hội đồng tư vấn phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH đáp ứng chuẩn nghề nghiệp có sự tham gia của các nhà khoa học, chuyên gia từ các doanh nghiệp. Hội đồng này là đầu mối chỉ đạo việc phát triển CTĐT đáp ứng những yêu cầu cơ bản nhất về các tiêu chí: 1) Bám sát yêu cầu thực tiễn của công nghệ sản xuất; 2) Cập nhật nhanh chóng những tiến bộ của KHCN xây dựng; 3) Phù hợp với năng lực đào tạo của CSĐT; 4) Khẳng định giá trị của đầu ra - NLTH.

Thành lập Ban chỉ đạo chung và bộ phận thường trực (hoặc hằng năm thành lập Ban chủ nhiệm thực hiện như một đề tài khoa học cấp Trường) để quản lý việc phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng. Việc quản lý này cần

thực hiện đủ 4 chức năng cơ bản; đặc biệt quan tâm phối hợp với các Khoa, Bộ môn liên quan để thường xuyên nắm bắt thông tin, xử lý các tình huống phát sinh trong tổ chức thực hiện để bảo đảm chuẩn đầu ra và CTĐT theo NLTH được quản lý đúng quy định.

Tổ chức rà soát, bổ sung, chỉnh sửa nội dung, CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng định kỳ và thường xuyên nhằm cập nhật công nghệ sản xuất mới, sát thực với yêu cầu sản xuất và đáp ứng nhu cầu người sử dụng lao động. Quá trình được tiến hành từ việc phân tích nghề, phân tích công việc và hoạt động của người tốt nghiệp trong quá trình làm việc tại doanh nghiệp. Trên cơ sở đó xác định hệ thống kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết mà nghề Kỹ thuật xây dựng đòi hỏi ở họ trong quá trình hành nghề để bảo đảm sau khi tốt nghiệp HS có thể đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn sản xuất, của doanh nghiệp và TTLĐ. Cấu trúc CTĐT được thể hiện theo kiểu tích hợp các mô đun NLTH hoàn chỉnh; từng mô đun NLTH được thiết kế với từng bài học cụ thể, phù hợp với dạy học tích hợp lý thuyết và thực hành; khi HS hoàn thành một bài học họ có được một hoặc một nhóm kỹ năng hoàn chỉnh để hoàn thành được một đơn nguyên công việc nhất định theo chuẩn nghề nghiệp đối với nghề Kỹ thuật xây dựng.

### *c) Chỉ đạo thực hiện*

Chỉ đạo triển khai kế hoạch phối hợp với doanh nghiệp trong phát triển CTĐT, trong đó, chú ý đến cách thức phối hợp để doanh nghiệp được tham gia vào quá trình phát triển CTĐT, tham dự các hội thảo khoa học, chuyên đề thỉnh giảng, chương trình tham quan thực tế... Đây là con đường cơ bản nhất để các trường kịp thời điều chỉnh CTĐT theo hướng ngày càng gắn với nhu cầu doanh nghiệp.

Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức phát triển CTĐT thống nhất và thông suốt từ Ban Giám hiệu, Phòng, Khoa, Bộ môn thông qua các văn bản quy định, quy chế và quy trình thực hiện kèm các biểu mẫu thống nhất.

*d) Kiểm tra, đánh giá*

Kiểm tra, đánh giá định kỳ công tác quản lý chuẩn đầu ra và phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH. Hàng năm cần tổ chức kiểm tra, đánh giá trực tiếp về CTĐT thông qua nhiều hình thức đối với GV và HS. Trong đó, vai trò của các Bộ môn chuyên ngành là rất quan trọng, bởi vì thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề hằng tháng, các vấn đề cần được điều chỉnh, bổ sung trong CTĐT theo các mô đun NLTH có thể được tiến hành một cách dễ dàng; nhất là khi người trực tiếp thực hiện CTĐT chính là các GV của các Bộ môn chuyên ngành. Tất cả các báo cáo kết thúc giảng dạy của mỗi GV tham gia dạy từng mô đun sẽ trở thành một phần minh chứng của kiểm tra, đánh giá; đồng thời, nó là căn cứ để phát triển CTĐT trong chu kỳ mới.

*3.3.2.4. Điều kiện để thực hiện*

- Phải bảo đảm hoàn thiện hệ thống văn bản quy định (có thể bổ sung các quy định nội bộ) để làm cơ sở thực hiện công tác quản lý. Trong mỗi quy trình đều cần phải có các biểu mẫu thống nhất, công khai và có hướng dẫn cụ thể để quá trình phối hợp thực hiện đạt hiệu quả và thuận tiện trong quản lý.
- Bám sát các nghị quyết, kế hoạch có liên quan; quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của Ngành; tiêu chuẩn KNN quốc gia, chương trình khung nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN.
- Tổ chức khảo sát thực tế để có thông tin phản hồi cần thiết cho việc xây dựng mới cũng như việc điều chỉnh nội dung CTĐT hiện hành.
- Thành lập hội đồng khoa học có sự tham gia của chuyên gia các doanh nghiệp uy tín trong lĩnh vực xây dựng để thẩm định chuẩn đầu ra và CTĐT.
- Thiết lập hệ thống “thông tin đầu ra” về tỉ lệ HS có việc làm, làm đúng nghề được đào tạo, hiệu quả và những khó khăn bất cập trong công việc của họ... để điều chỉnh chuẩn đầu ra và CTĐT.

### ***3.3.3. Giải pháp 3: Quản lý các điều kiện bảo đảm chất lượng đáp ứng yêu cầu đào tạo theo năng lực thực hiện nghề Kỹ thuật xây dựng***

#### *3.3.3.1. Mục đích của giải pháp*

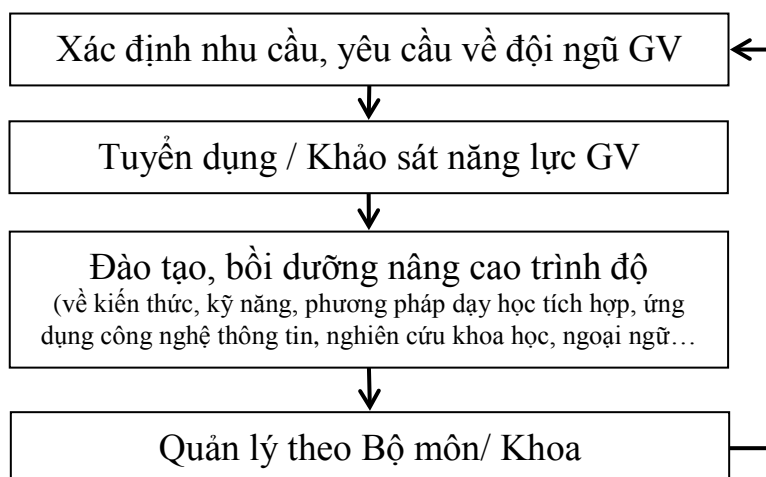
- Khắc phục điểm yếu trong quản lý các điều kiện bảo đảm chất lượng đáp ứng yêu cầu ĐTN Kỹ thuật xây dựng theo NLTH, đó là khâu tổ chức tuyển dụng, bồi dưỡng đội ngũ GV; tổ chức cải thiện (mua sắm, bảo trì,...) trang thiết bị dạy học tích hợp.

- Bảo đảm đội ngũ GV đủ về số lượng và năng lực dạy học tích hợp; hệ thống trang thiết bị dạy học đủ đáp ứng về số lượng và mức độ hiện đại phục vụ đào tạo theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng.

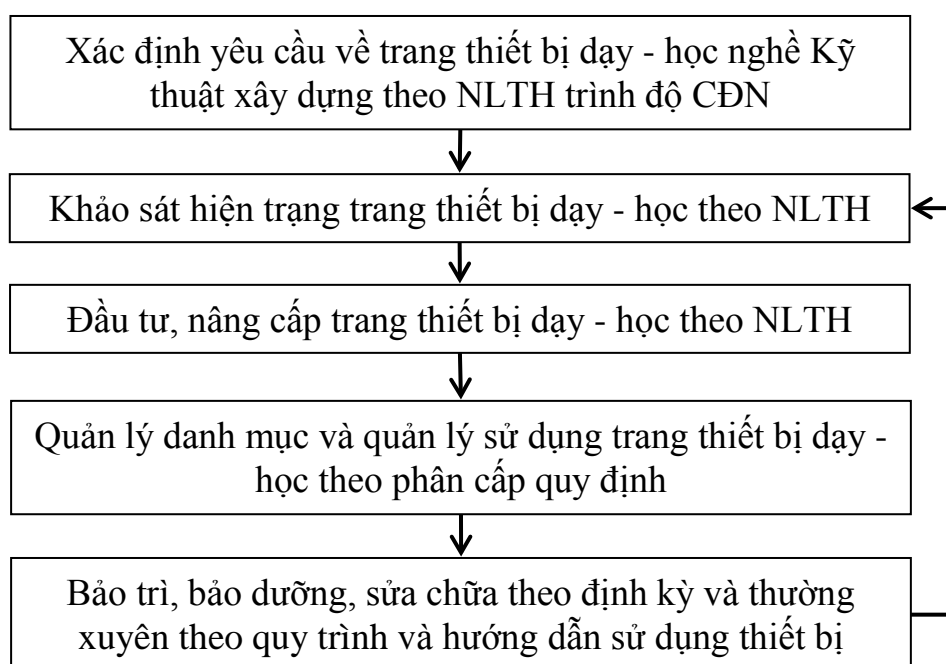
#### *3.3.3.2. Nội dung của giải pháp*

Xây dựng “Kế hoạch phối hợp với doanh nghiệp trong nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật, chuyên gia công nghệ tiên tiến đối với nghề Kỹ thuật xây dựng” làm cơ sở để đội ngũ GV có điều kiện tiếp cận, tìm hiểu và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực xây dựng và CSĐT có căn cứ thực tiễn khi đầu tư cải thiện hệ thống trang thiết bị phục vụ dạy học các mô đun chuyên nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH.

Tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV và CBQL bảo đảm đáp ứng được yêu cầu của ĐTN Kỹ thuật xây dựng theo NLTH. Những kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm có liên quan đến công tác quản lý, trình độ chuyên môn, công nghệ đào tạo, cập nhật kiến thức mới về phương pháp dạy học tích hợp, về ứng dụng phương tiện mới trong đào tạo và đánh giá kết quả theo NLTH là những nội dung của các khóa tập huấn, bồi dưỡng GV, CBQL hằng năm. Quản lý phát triển đội ngũ GV có thể thực hiện như chu trình hình 3.2. Đây là chu trình khép kín và vai trò của Bộ môn trong quá trình xác định nhu cầu, yêu cầu về đội ngũ GV của chính chuyên ngành là thực sự tự chủ, thay vì một số trường khi tuyển dụng không cần ý kiến từ Bộ môn chuyên ngành.



**Hình 3.2: Chu trình quản lý phát triển đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH**



**Hình 3.3: Chu trình quản lý trang thiết bị dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH**

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp và cải thiện trang thiết bị dạy học đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng và mức độ hiện đại nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng. Chú trọng đến việc phát triển các phòng học đa năng phục vụ dạy học tích hợp để tổ chức dạy học các mô đun NLTH

đúng hình thức và yêu cầu đặt ra. Thực hiện cách thức quản lý và cung ứng vật tư, nguyên vật liệu phục vụ đào tạo một cách có hệ thống, có quy trình và cần tin học hóa hoạt động quản lý này. Chu trình hình 3.3 là một đề xuất áp dụng trong quản lý trang thiết bị dạy học; trong đó, tất cả các bước đều phải bảo đảm đủ các chức năng quản lý.

### 3.3.3.3. Cách thức tiến hành

#### a) Lập kế hoạch

Để đáp ứng điều kiện về đội ngũ GV và CBQL, hàng năm nhà trường cần lập kế hoạch tuyển dụng (nếu cần) và bồi dưỡng đội ngũ GV và CBQL. Thông thường, kế hoạch do phòng Tổ chức - hành chính chịu trách nhiệm lập ra và bắt đầu hình thành từ nhu cầu của chính các Khoa, Bộ môn tham gia giảng dạy trực tiếp và từ các bộ phận phục vụ (phòng, ban) trong nhà trường. Một bước rất quan trọng trước khi lập kế hoạch là khảo sát năng lực GV, CBQL để vừa có đánh giá thực trạng chất lượng đội ngũ, vừa có định hướng phù hợp phát triển đội ngũ. Việc khảo sát năng lực GV phải thực hiện đồng bộ và toàn diện trên cơ sở chuẩn GV đã quy định và một số quy định đặc thù của nghề Kỹ thuật xây dựng. Trong kế hoạch, các đối tượng cần tuyển dụng hoặc bồi dưỡng; thời gian, địa điểm tổ chức; nội dung, yêu cầu và điều kiện để tổ chức tuyển dụng hoặc bồi dưỡng các chuyên đề cho đội ngũ; bộ phận chịu trách nhiệm, bộ phận phối hợp... cần được thể hiện đầy đủ. Lưu ý rằng, các hoạt động này không thể trùng với các điều kiện tổ chức đào tạo của HS và nên lấy ý kiến trước khi triển khai nhằm bảo đảm tính thống nhất.

Để đáp ứng điều kiện về trang thiết bị dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH, việc lập kế hoạch cải thiện các trang thiết bị dạy học cần được phòng Thiết bị phụ trách trên cơ sở định hướng phát triển chung của nhà trường và nhu cầu của các bộ phận trong nhà trường. Ngoài ra, khi xây dựng kế hoạch, các yếu tố như vốn đầu tư, thời gian thực hiện, hạng mục và mức độ ưu tiên,... cần được quan tâm để bảo đảm tính hài hòa và đáp ứng đúng yêu



cầu về chất và lượng phục vụ dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH. Kế hoạch phải thể hiện rõ các nội dung về khảo sát hiện trạng; đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị dạy học; định kỳ báo cáo về tình hình và hiệu quả sử dụng; về kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các trang thiết bị dạy học...

*b) Tổ chức thực hiện*

Căn cứ vào các kế hoạch đáp ứng điều kiện bảo đảm chất lượng dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH, bộ phận chức năng được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm chủ động tổ chức và phối hợp thực hiện với đầy đủ các khâu từ chuẩn bị các điều kiện cần thiết, tiến hành và tổng kết.

Trong tuyển dụng GV, cần xác định chính xác nhu cầu, thời điểm, quy trình, nội dung thi tuyển trên cơ sở các tiêu chí, yêu cầu cụ thể đối với người cần tuyển dụng. Đó là cơ sở để ra quyết định thành lập hội đồng tuyển dụng, ra thông báo tuyển dụng; tiếp nhận và phân loại hồ sơ; mời các ứng viên dự thi; thành lập hội đồng đánh giá; tổ chức các buổi thi tuyển; ra thông báo kết quả chính thức; tiến hành ký hợp đồng tuyển dụng.

Trong bồi dưỡng GV, việc xác định mục tiêu, nội dung và hình thức bồi dưỡng các chuyên đề cho GV có ý nghĩa quyết định đến chất lượng của khóa bồi dưỡng. Ngoài ra, cần chú ý từ việc hình thành danh sách GV tham gia khóa bồi dưỡng; lựa chọn thời điểm; mời chuyên gia đứng lớp phù hợp với mục tiêu của khóa tập huấn đến việc chuẩn bị các điều kiện tốt nhất để khóa bồi dưỡng được tổ chức chuyên nghiệp và hiệu quả cần được xem xét cẩn trọng. Để khắc phục những điểm yếu hiện nay của đội ngũ CBQL cần khai thác hệ thống thông tin đa chiều liên quan đến đào tạo và có chính sách bồi dưỡng để nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tiến dần tới việc tin học hóa toàn diện các hoạt động quản lý trong nhà trường.

Trong cải thiện trang thiết bị dạy học cần căn cứ vào các tiêu chuẩn quy định đối với cơ sở vật chất về diện tích, không gian, các khu vực phục vụ dạy học mô đun nghề Kỹ thuật xây dựng và phát triển năng lực, các khu vực hỗ

trợ học tập, rèn luyện... Để có cơ sở đầu tư trang thiết bị, phải xây dựng được “Danh mục thiết bị dạy nghề đối với nghề Kỹ thuật xây dựng” cho trình độ CĐN; xây dựng được “Bảng định mức vật tư, nguyên vật liệu đối với từng mô đun, bài học” mà mỗi HS cần phải có để hoàn thành các NLTH của nghề Kỹ thuật xây dựng. Tổ chức các hội đồng đánh giá hiện trạng trang thiết bị với các quy trình, tiêu chí đánh giá rõ ràng. Tổ chức ký các hợp đồng cung cấp, mua sắm trang thiết bị. Tổ chức tập huấn hướng dẫn sử dụng và ký bàn giao trang thiết bị cho bộ phận sử dụng. Tổ chức nhóm bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa theo định kỳ và thường xuyên các trang thiết bị dạy học theo đúng quy định của nhà sản xuất và nhu cầu của bộ phận sử dụng.

#### *c) Chỉ đạo thực hiện*

Chỉ đạo triển khai kế hoạch phối hợp với doanh nghiệp trong nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật, chuyển giao công nghệ tiên tiến đối với nghề Kỹ thuật xây dựng vừa thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu khoa học, tạo cơ hội cho GV tiếp cận với công nghệ sản xuất tiên tiến, vừa giúp doanh nghiệp tận dụng những kết quả, sản phẩm nghiên cứu của GV để áp dụng vào cải tiến kỹ thuật trong thực tiễn sản xuất có hiệu quả.

Chỉ đạo triển khai kế hoạch phối hợp với doanh nghiệp trong hỗ trợ trang thiết bị, vật tư, vật liệu, kinh phí... cho đào tạo theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng. Đây là cách để CSĐT có cơ hội tiếp nhận những gói tài trợ phục vụ ĐTN Kỹ thuật xây dựng (bằng trang thiết bị, máy móc,...) ; đồng thời tạo cơ hội quảng bá hình ảnh và sản phẩm của doanh nghiệp trong đào tạo.

#### *d) Kiểm tra, đánh giá*

Việc kiểm tra, giám sát và đánh giá các điều kiện bảo đảm chất lượng đáp ứng yêu cầu của ĐTN Kỹ thuật xây dựng theo NLTH phải thực hiện trên cơ sở kế hoạch hằng năm, hằng quý và hằng tháng; và phải có quy trình thống nhất, hướng dẫn đánh giá với các tiêu chí rõ ràng, tiêu chuẩn định tính và định lượng đầy đủ, tránh hình thức, chung chung.

Theo kế hoạch, các đoàn kiểm tra, giám sát phải tiến hành công việc đúng thời gian, quy trình và có biên bản đánh giá đầy đủ, chính xác.

#### *3.3.3.4. Điều kiện để thực hiện*

- Cụ thể hóa các chính sách của nhà nước về khuyến khích các doanh nghiệp tham gia hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học. Các khoản chi cho hỗ trợ đào tạo nhân lực và nghiên cứu khoa học được tính là chi phí sản xuất hợp lý.

- Phải xác định rõ các điều kiện về thời gian, nội dung, yêu cầu, trang thiết bị, phương tiện, chế độ chính sách đãi ngộ, khuyến khích, động viên thích đáng, kịp thời khi tổ chức các hoạt động tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV, CBQL; phải xóa đi ”sự độc tôn” của các GV là “chỉ dạy lý thuyết” và “chỉ dạy thực hành”.

- Thông thường, phòng học đa năng phục vụ dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng không quá khó khăn trong việc thiết kế, lắp đặt thiết bị... bởi vì trang thiết bị, dụng cụ dạy học của nghề Kỹ thuật xây dựng đã được đồng bộ hóa hoặc tương đối đơn giản. Vấn đề là không gian (diện tích và độ cao) thực hiện dạy học các mô đun NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng cần bảo đảm gần giống thực tế công trường để người học có thể phát huy tối đa năng lực học tập.

- Bộ phận quản lý cần phải tiếp tục nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin để tiến tới việc tin học hóa các hoạt động quản lý này, thay vì vẫn chỉ thực hiện thủ công trên giấy tờ. Bởi vì, khi đào tạo theo NLTH, việc phân công GV; quản trị và phân cấp trang thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu... cũng phải lập kế hoạch theo mô đun, môn học và nguyện vọng, nhịp độ, năng lực của HS; một quá trình “động” có thể điều chỉnh hàng ngày thay vì “đóng cứng” như kiểu truyền thống.

#### ***3.3.4. Giải pháp 4: Quản lý quá trình dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện***

##### *3.3.4.1. Mục đích của giải pháp*

- Khắc phục điểm yếu của quản lý quá trình dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH, đó là khâu lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra quá trình dạy học chưa đúng yêu cầu của đào tạo theo NLTH, mà vẫn tổ chức quá trình dạy học theo kiểu niên chế truyền thống áp đặt lên người học trong khoảng thời gian quy định giống nhau với tất cả người học.

- Tạo động lực để cả GV và HS đều vận động tích cực với vai trò của mỗi bên trong quá trình dạy và học. Theo đó, bảo đảm sự phát triển toàn diện (kiến thức, kỹ năng, thái độ) cho HS được tham gia vào quá trình dạy học theo đúng năng lực bản thân mà không phụ thuộc vào thời gian hoàn thành các NLTH; đồng thời, tạo điều kiện để GV đổi mới phương pháp dạy và đánh giá kết quả theo chuẩn NLTH.

#### 3.3.4.2. Nội dung của giải pháp

Lập kế hoạch năm và kế hoạch chi tiết để tổ chức quá trình dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng trên cơ sở tổ chức cho HS được đăng ký học tập các mô đun NLTH theo khả năng của từng người và tiến hành quá trình dạy học bám sát vào năng lực hoàn thành các NLTH theo các chuẩn quy định chứ không phải theo một khoảng thời gian ấn định. Kiểm tra, giám sát công tác đánh giá kết quả dạy học theo đúng các chuẩn đã quy định trong mục tiêu, CTĐT với hình thức khách quan, độc lập trên cơ sở đo lường kết quả *Thực hiện* của HS với chuẩn (tích hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ) chứ không phải đo lường theo cách so sánh giữa các HS với nhau.

Xây dựng “Kế hoạch phối hợp với doanh nghiệp trong tổ chức và quản lý quá trình dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH” để quá trình dạy học được triển khai đồng bộ, có hệ thống trong trường và ngoài doanh nghiệp.

#### 3.3.4.3. Cách thức tiến hành

##### a) Lập kế hoạch dạy học theo NLTH

Việc lập kế hoạch dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH được triển khai phối hợp trên cơ sở một quy trình thống nhất về tổ chức quá trình

dạy học với các mô đun NLTH để tất cả CBQL, GV và HS cùng thực hiện. Quy trình này cần xây dựng theo hướng đơn giản hóa các thủ tục để tạo điều kiện thuận lợi cho HS dễ dàng tham gia, GV dễ dàng phối hợp thực hiện trong quá trình quản lý của CBQL. Theo đó, kế hoạch dạy học chung được hình thành trên cơ sở kế hoạch học tập của từng HS (phiếu đăng ký học tập), sau đó, bộ phận chức năng sẽ hoàn thiện kế hoạch học kỳ và năm học với đầy đủ các thành phần theo quy định. Đồng thời, kế hoạch thanh tra, kiểm tra quá trình dạy học cũng sẽ được lập ra và phê duyệt.

*b) Tổ chức dạy học theo NLTH*

Thông thường, các môn học chung (mang tính lý thuyết) bố trí học tập trung đối với tất cả HS có thể sắp xếp giảng dạy ngay ở thời gian đầu tiên của khóa học. Trong thời gian này, việc tuyên truyền, phổ biến quy chế được tổ chức đan xen để HS làm quen với môi trường mới, với GV, với cách thức tổ chức quá trình dạy học theo NLTH; đồng thời, cũng là khoảng thời gian để cố vấn học tập có thể tư vấn, hỗ trợ HS về CTĐT, đăng ký học tập các mô đun NLTH, lựa chọn GV, địa điểm học tập để tiếp cận cách thức lập kế hoạch học tập của cá nhân trên cơ sở các môn học, mô đun NLTH dự kiến...

Sau thời gian học các môn học chung, việc hình thành các nhóm HS theo các mô đun NLTH cũng hoàn tất và HS bắt đầu tự chủ trong quá trình học tập của bản thân. Trong quá trình này, GV và cố vấn học tập trở thành người định hướng phương pháp rất quan trọng và giúp đỡ điều chỉnh các hoạt động của HS để hoàn thành các NLTH đạt chuẩn tùy theo nguyện vọng và năng lực của từng HS. Chắc chắn sẽ xuất hiện các tình huống HS có khả năng hoàn thành các NLTH sớm hơn so với CTĐT; ngược lại, những HS năng lực yếu hơn sẽ phải cần thêm thời gian để hoàn thành các NLTH theo chuẩn. Vì vậy, việc điều chỉnh quá trình dạy học sẽ thường xuyên xảy ra và đòi hỏi sự cập nhật, xử lý liên tục của CBQL và GV.

**Bảng 3.3: Quy trình tổ chức quá trình dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH**

<i>Bước</i>	<i>Trình tự thực hiện</i>	<i>Diễn giải</i>
1	Dự kiến các mô đun	<b>Phòng Đào tạo</b> dựa trên nhu cầu học tập, yêu cầu của Tổ bộ môn lập danh mục các mô đun sẽ học trong học kỳ
2	Đăng ký giảng dạy	<b>GV</b> đăng ký giảng dạy trên phần mềm quản lý dạy học hoặc phiếu đăng ký giảng dạy và gửi về Khoa quản lý mô đun
3	Kiểm tra	Các <b>Tổ bộ môn</b> kiểm tra đăng ký đúng các mô đun theo chuyên ngành đào tạo
4	Lập danh sách các lớp mô đun sẽ mở	<b>Phòng Đào tạo</b> dựa trên danh mục các mô đun đã đăng ký, nhu cầu học tập, phòng học... lập danh sách các lớp mô đun sẽ mở
5	Đăng ký học	<b>HSSV</b> đăng ký lớp mô đun
6	Kiểm tra	<b>Phòng Đào tạo</b> kiểm tra theo điều kiện mở lớp mô đun và ra các thông báo đăng ký lại các lớp môn học, mô đun (nếu có)
7	Danh mục lớp mô đun chính thức	<b>Phòng Đào tạo</b> lập danh mục các lớp mô đun chính thức
8	Dạy và học theo thời khoá biểu	<b>GV, HSSV và các các đơn vị liên quan</b> dạy và học theo quy trình dạy học
9	Đánh giá giảng dạy	<b>GV</b> tự tổ chức đánh giá QTDH

Các trường có thể vận dụng quy trình ở bảng 3.3 để quản lý quá trình dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH cho từng học kỳ. Hiện nay, công cụ tổ chức và quản lý quá trình dạy học theo NLTH là các phần mềm tin học ứng dụng trên công thông tin điện tử. HS là người chủ động lập kế hoạch học tập toàn khóa và từng học kỳ dưới sự hỗ trợ của một cố vấn học tập (do Ban Giám hiệu giao nhiệm vụ). Do kế hoạch học tập toàn khóa có thể thay đổi với những nguyên nhân khác nhau, nên trong quá trình thực hiện sẽ có những bước cần phải điều chỉnh.

*c) Chỉ đạo thực hiện*

Chỉ đạo triển khai kế hoạch phối hợp với doanh nghiệp để thực hiện các nội dung hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp trong dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng đối với từng môn học, mô đun. Điều này thể hiện trách nhiệm của nhà trường và doanh nghiệp trong tiến trình học tập, ấn định thời gian, địa điểm học tập các mô đun NLTH... và được công bố để HS đăng ký học tập.

Chỉ đạo các bộ phận phục vụ đào tạo tham gia vào quy trình tổ chức một cách bài bản, đúng trình tự các bước trên cơ sở công cụ quản lý quá trình dạy học đã được tin học hóa. Chỉ đạo việc xử lý các tình huống phát sinh ngoài mong muốn khi triển khai theo quy trình, qua đó có cơ sở để điều chỉnh quy trình một cách hợp lý và hiệu quả.

#### *d) Kiểm tra, đánh giá*

Trên cơ sở kế hoạch thanh tra, kiểm tra đã phê duyệt, bộ phận chức năng và ban thanh tra có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá hoạt động dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng bảo đảm đúng định kỳ và có đột xuất không trong kế hoạch nhằm có đánh giá chính xác và khách quan về trách nhiệm của GV và HS trong quá trình dạy và học. Kiểm tra, giám sát cũng cho phép phát hiện và xử lý kịp thời những tình huống phát sinh ngoài ý muốn hoặc do quy trình chưa tối ưu hoặc không còn phù hợp... Một bộ quy trình, biểu mẫu, tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm tra, đánh giá phải được công bố thống nhất. Các kết quả kiểm tra, đánh giá cần công khai, minh bạch.

#### *3.3.2.4. Điều kiện để thực hiện*

- Công bố chuẩn đầu ra và CTĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN. Ban hành một hệ thống văn bản quy định, các quy trình, biểu mẫu thống nhất trong điều hành quá trình dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH và mẫu báo cáo tổng kết công tác quản lý.
- Khảo sát, phân loại đầu vào để hình thành các lớp, nhóm HS có năng lực tương đối đồng đều; đồng thời làm cơ sở để GV và HS tự xác định hình thức và phương pháp dạy và học phù hợp cho từng lớp, nhóm và từng cá thể HS.

- Thiết lập cổng thông tin điện tử để hỗ trợ điều hành quá trình dạy học, trên cơ sở đó, mỗi HS được cung cấp một “tài khoản cá nhân” (accounts) để có thể dễ dàng lập kế hoạch hoặc đăng ký học tập thông qua cổng thông tin này. Thực tế, hiện nay các phần mềm trọn gói này đã và đang được các công ty phần mềm viết và quảng bá rất nhiều và được hỗ trợ kỹ thuật rất dễ dàng.

### ***3.3.5. Giải pháp 5: Quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện***

#### *3.3.5.1. Mục đích của giải pháp*

- Khắc phục điểm yếu của quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH, đó là sự buông lỏng quản lý, thiếu kiểm tra, giám sát nên tổ chức thực hiện không đúng quy trình và không theo chuẩn NLTH.

- Bảo đảm tính pháp lý, tính chính xác, tính khách quan và công bằng đối với kết quả đầu ra - NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng của mỗi HS; đồng thời, khẳng định giá trị đầu ra của “sản phẩm đào tạo”.

- Thống nhất cách thức tổ chức thực hiện quá trình kiểm tra, giám sát công tác đánh giá kết quả đầu ra làm cơ sở triển khai công tác cấp văn bằng, chứng chỉ phù hợp với phương thức đào tạo theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng.

#### *3.3.5.2. Nội dung của giải pháp*

Xây dựng một quy trình thống nhất và cụ thể làm công cụ phục vụ hoạt động quản lý đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ. Lưu ý, đánh giá kết quả đầu ra (NLTH) phải thực hiện toàn diện, không phải theo cách đánh giá riêng rẽ hai phần lý thuyết và thực hành như hiện nay. Từ chuẩn đầu ra và CTĐT đã ban hành, các bộ môn xây dựng các bộ đề thi để đưa vào hệ thống quản lý thống nhất dưới dạng các ngân hàng đề thi. Các đề thi phải bảo đảm đánh giá được toàn diện (kiến thức, kỹ năng, thái độ) đối với một NLTH cụ thể; bảo đảm khi HS vượt qua được kỳ thi họ có thể làm được một công việc cụ thể theo chuẩn NLTH như một lao động kỹ thuật tại doanh nghiệp.



Xây dựng “Kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp trong tổ chức và giám sát công tác đánh giá kết quả học tập và tốt nghiệp của HS nghề Kỹ thuật xây dựng” làm cơ sở thiết kế các tiêu chí, hình thức tổ chức đánh giá bảo đảm tính toàn diện gồm: 1/ Đánh giá kết quả của sự thực hiện; 2/ Đánh giá về an toàn lao động; 3/ Đánh giá năng suất lao động; 4/ Đánh giá về phối hợp hoạt động với người khác trong nhóm.

Thiết lập một hệ thống cấp văn bằng, chứng chỉ thống nhất; theo đó, mỗi một HS được nhận một chứng chỉ NLTH sau khi hoàn thành và vượt qua kỳ đánh giá đối với một mô đun NLTH. Cuối cùng, HS được nhận bằng tốt nghiệp sau khi họ tích lũy đủ số chứng chỉ theo quy định (bao gồm cả chứng chỉ mới hoàn thành và các chứng chỉ đã được thừa nhận). Như vậy, với mỗi chứng chỉ NLTH, người học đủ điều kiện để tham gia vào TTLĐ với một hoặc một số công việc đã được thừa nhận; khi nhận bằng tốt nghiệp, người học trở thành một lao động kỹ thuật có trình độ bậc thợ tương ứng trong hệ thống đào tạo chuẩn quốc gia và được TTLĐ thừa nhận.

### *3.3.5.3. Cách thức tiến hành*

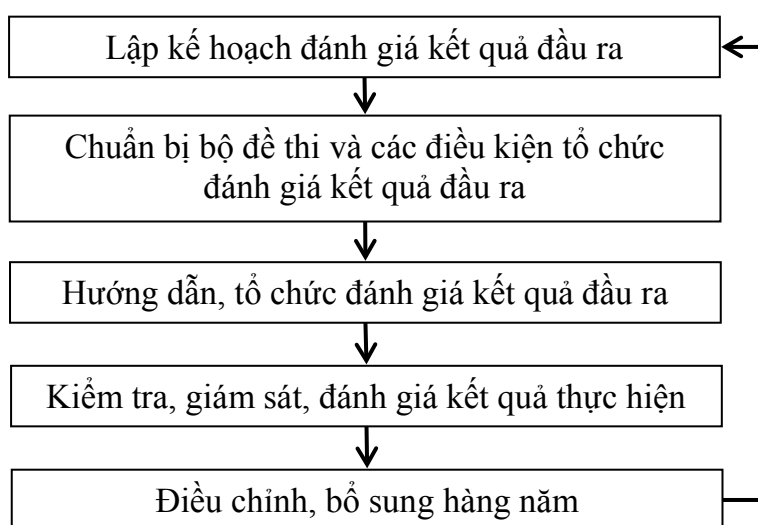
#### *a) Lập kế hoạch*

Khi lập kế hoạch đánh giá kết quả đầu ra cần căn cứ vào “Kế hoạch phối hợp với doanh nghiệp trong tổ chức và quản lý đánh giá kết quả học tập và tốt nghiệp của HS nghề Kỹ thuật xây dựng”; trong đó, quan tâm đến khả năng tham gia của chuyên gia từ các doanh nghiệp trong việc hỗ trợ xây dựng ngân hàng đề thi (qua các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá...) và khả năng mời chuyên gia tham gia trực tiếp đánh giá kết quả đầu ra của HS khi tổ chức kỳ thi. Vai trò của các bộ phận có liên quan trong chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức thực hiện và giám sát công tác đánh giá kết quả đầu ra phải được chỉ đạo thống nhất và đưa vào kế hoạch với trách nhiệm cụ thể, rõ ràng.

#### *b) Tổ chức thực hiện*

Giao nhiệm vụ cho bộ phận chức năng (phòng Đào tạo hoặc phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng) chủ trì triển khai kế hoạch đánh giá kết quả đầu ra (NLTH) theo các bước của chu trình quản lý như hình 3.4.

Việc chuẩn bị bộ đề thi đánh giá kết quả đầu ra – NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng là yếu tố tiên quyết để triển khai công việc. Hàng năm, một tiểu ban xây dựng bộ đề thi đánh giá NLTH được thành lập và có trách nhiệm thiết kế đề thi; điều chỉnh, bổ sung các đề thi đã có trong ngân hàng đề thi (nếu đã có ngân hàng). Bộ đề thi có ý nghĩa quyết định đối với công tác này, vì vậy phải có kế hoạch chi tiết để tổ chức xây dựng, phê duyệt bộ đề thi bảo đảm các yêu cầu về đánh giá theo chuẩn NLTH. Cần quản lý và sử dụng các đề thi bằng một phần mềm tin học phù hợp và thuận tiện.



**Hình 3.4: Chu trình quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra (NLTH) nghề Kỹ thuật xây dựng**

Theo hướng dẫn chi tiết trong bộ đề thi, bộ phận chức năng cụ thể hóa thành kế hoạch chi tiết gồm các nhiệm vụ, công việc và các đơn vị liên quan phối hợp chuẩn bị các điều kiện về con người, trang thiết bị, vật tư phục vụ tổ chức và đánh giá theo quy mô, số lượng HS tham gia kỳ thi. Ra quyết định cấp chứng chỉ cho các HS hoàn thành kỳ đánh giá kết quả đầu ra theo đúng quy định và cấp bằng tốt nghiệp khi bảo đảm tích lũy đủ số chứng chỉ.

*c) Chỉ đạo thực hiện*

Chỉ đạo việc tập huấn hướng dẫn cách thức tổ chức và cách thức đánh giá theo quy định đối với cả bộ phận thực hiện và HS tham gia kỳ thi bảo đảm công tác đánh giá kết quả đầu ra thực hiện đúng quy trình và chuẩn NLTH; nghiêm túc, công khai và an toàn tuyệt đối.

Chỉ đạo phòng Đào tạo hoặc Trung tâm chức năng (có giấy phép) cấp chứng chỉ hoàn thành NLTH trên cơ sở của kỳ thi đánh giá kết quả đầu ra khi HS hoàn thành mỗi kỳ thi đánh giá theo quy định và xem xét các điều kiện công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tương ứng với trình độ đào tạo; đồng thời, có phương án xử lý những trường hợp phát sinh trong quá trình tổ chức hợp lý, hiệu quả và đúng quy chế.

*d) Kiểm tra, đánh giá*

Tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện nhằm bảo đảm các hoạt động và kết quả đánh giá được triển khai chính xác, công bằng, đúng quy định; cần có đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm để các kỳ thi lần sau được tổ chức tốt hơn, hiệu quả hơn.

Ngoài việc tin học hóa quản lý ngân hàng đề thi, về mặt lâu dài, việc cấp văn bằng, chứng chỉ cũng cần tin học hóa để kiểm soát chặt chẽ các thủ tục, quy định liên quan đến cấp văn bằng, chứng chỉ tránh sai sót, nhầm lẫn và bảo đảm tính kịp thời cho người học đã hoàn thành các mô đun NLTH và tích lũy đủ số chứng chỉ nghề để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định. Một phần mềm hỗ trợ sẽ giúp cho CBQL và cả HS có thể biết số lượng các chứng chỉ nghề cần có để nhận được bằng tốt nghiệp; số lượng chứng chỉ nghề được thừa nhận và các thủ tục để thừa nhận; số lượng chứng chỉ nghề đang sở hữu và cần bổ sung... Tất cả các thông tin này được thiết lập như một “hồ sơ điện tử” đối với mỗi HS kèm theo mã số và tài khoản để có thể kết nối với mạng Internet. “Hồ sơ điện tử” này cung cấp thông tin tìm việc làm và phát triển nghề nghiệp tương lai cho HS tốt nghiệp.

#### 3.3.5.4. Điều kiện thực hiện

- Phải xây dựng, ban hành kế hoạch và cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các biện pháp phù hợp với điều kiện hiện có để làm căn cứ điều chỉnh kịp thời trong quá trình quản lý.
- Thống nhất các quy định về quản lý ngân hàng đề thi và quản lý văn bản, chứng chỉ. Cụ thể hóa được các chỉ số đánh giá ngân hàng đề thi và hiệu quả sử dụng ngân hàng đề thi, ví dụ như về số lượng câu hỏi thi trắc nghiệm, câu hỏi thi viết, bài thi kỹ năng... hoặc tần suất sử dụng câu hỏi thi... Cụ thể hóa các chỉ số kỹ thuật về vận hành hệ thống quản lý “hồ sơ điện tử” đối với từng HS... làm cơ sở cho ứng dụng phần mềm quản lý.
- Phải tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, dụng cụ phục vụ trong đo lường kết quả học tập (các sản phẩm vật thể) đảm bảo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật; ví dụ như các dụng cụ kỹ thuật phục vụ quan sát, phục vụ đo lường kích thước, cao độ... trong nghề Kỹ thuật xây dựng.
- Đầu tư hệ thống quản lý trên máy tính kèm các phần mềm quản lý phù hợp, tiện ích và thực sự hiệu quả trong sử dụng. Đầu tư hệ thống trang thiết bị và dụng cụ đủ và hiện đại để thử nghiệm ngân hàng đề thi, đặc biệt là thử nghiệm đề thi tay nghề trước khi đưa vào sử dụng ngân hàng đề thi.
- Tập huấn, bồi dưỡng các chuyên đề liên quan trực tiếp đến các kỹ năng xây dựng ngân hàng đề thi cho đội ngũ GV, chuyên gia và cách thức tổ chức kỳ thi đánh giá NLTH cho HS. Bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ CBQL đáp ứng được yêu cầu của tin học hóa.

#### 3.3.6. Giải pháp 6: Quản lý thông tin đầu ra nghề Kỹ thuật xây dựng

##### 3.3.6.1. Mục đích của giải pháp

Đào tạo theo NLTH có *định hướng đầu ra* là đặc trưng và cũng là xuất phát điểm cho việc tổ chức, phối hợp và quản lý các hoạt động liên quan; bởi vậy, quản lý thông tin đầu ra nhằm:

- Khắc phục “lỗ hổng” trong quản lý đầu ra mà nhiều năm nay các trường vẫn bỏ qua, ít quan tâm và không có bộ phận chuyên trách thực hiện.
- Làm cho chuẩn đầu ra và chuẩn nghề nghiệp tiệm cận gần nhau hơn để khẳng định giá trị đầu ra – NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng; qua đó quảng bá thương hiệu, hình ảnh của nhà trường và của nghề Kỹ thuật xây dựng.
- Góp phần duy trì và phát triển bền vững mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp.
- Hình thành được hệ thống thông tin đầu ra nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN có sự phối hợp của các doanh nghiệp để quản lý các thông tin, dữ liệu khách quan và chân thực nhằm đánh giá chính xác chất lượng đào tạo và hiệu quả đào tạo, qua đó có những điều chỉnh kịp thời trong quá trình đào tạo; đồng thời góp phần xác định nhu cầu đầu vào.
- Hợp pháp hóa, hệ thống hóa được hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học sau tốt nghiệp để tạo niềm tin đối với HS sắp tốt nghiệp, HS đang cần hướng nghiệp chọn nghề và HS đã tốt nghiệp có mối liên hệ phản hồi khi cần thiết.

### 3.3.6.2. Nội dung của giải pháp

Xây dựng “Kế hoạch phối hợp với doanh nghiệp xây dựng hệ thống thông tin đầu ra và giới thiệu việc làm” (trong đó có nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN). Phối hợp thường xuyên với các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng để có thể cập nhật được những thông tin liên quan đến nhu cầu tuyển dụng, nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp (có tham chiếu với TTLĐ nói chung) làm cơ sở cho công tác quản lý tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học sau tốt nghiệp; đồng thời, tiếp nhận và quản lý có hệ thống những thông tin phản hồi từ doanh nghiệp và người lao động tại doanh nghiệp (bao gồm cả những người đã tốt nghiệp tại chính CSĐT) về những vấn đề liên quan đến quá trình đào tạo của CSĐT. Như vậy, “hồ sơ điện tử” của người học sẽ tiếp

tục được “nối dài và phát triển” sau tốt nghiệp; khắc phục được điểm yếu trong QLĐT hiện nay về thông tin hậu tốt nghiệp.

Thiết lập một hệ thống thông tin đầu ra và việc làm (có kết nối với TTLĐ nói chung) thông qua ứng dụng các công cụ và phương tiện quản lý hiện đại, tin học hóa trên nền công nghệ thông tin để bảo đảm một quy trình thống nhất, thông tin được cập nhật thông suốt. Bồi dưỡng đội ngũ CBQL đủ năng lực quản lý và phân tích được một hệ thống cơ sở dữ liệu với nhiều thông tin liên quan lẫn nhau. Tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm (có thể trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các phương tiện thông tin được phép sử dụng) để bảo đảm người học có được việc làm như ý muốn (đúng ngành nghề, phù hợp trình độ, đáp ứng được thu nhập và một số điều kiện cá nhân khác); đồng thời, người sử dụng lao động tiếp nhận được lao động kỹ thuật đúng yêu cầu.

### *3.3.6.3. Cách thức tiến hành*

#### *a) Lập kế hoạch*

Cũng như kế hoạch tuyển sinh, ý nghĩa của bản kế hoạch tổng thể trong quản lý thông tin đầu ra rất quan trọng, bởi vì nó có tác động trực tiếp đến đầu ra của “sản phẩm đào tạo”. Tận dụng hệ thống kết nối thông tin với tất cả các nguồn, kênh thông tin khác nhau (từ CSĐT, từ HS, từ người học đã tốt nghiệp, từ người sử dụng lao động, từ TTLĐ, từ các yếu tố tác động của bối cảnh...) để hình thành được một bản kế hoạch tổng thể xuyên suốt trong cả năm, cả học kỳ bảo đảm quá trình kết nối thông tin được thông suốt, liên tục và thực sự hiệu quả. Việc chuẩn bị sẵn các biểu mẫu và cách thức, phương tiện để tiếp nhận thông tin một cách thuận lợi, dễ dàng (đặc biệt cho các đối tác tham gia) có vai trò lớn để đạt mục tiêu với hiệu quả cao.

#### *b) Tổ chức thực hiện*

Ký kết các biên bản thỏa thuận với các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng để thống nhất cách phối hợp tham gia, đặc biệt là phương thức cung cấp thông tin đào tạo, thông tin tuyển dụng và TTLĐ.

Thành lập một bộ phận chuyên trách thực hiện kết nối thông tin đa chiều về “đầu ra” nghề Kỹ thuật xây dựng, qua đó tổ chức và quản lý công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học sau tốt nghiệp; trong trường hợp có thể, nên thành lập một *Trung tâm tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu việc làm* trực thuộc Ban Giám hiệu với đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, bộ máy tổ chức, địa điểm làm việc, trang thiết bị phục vụ công việc... Trung tâm này có thể có tài khoản và con dấu riêng với mục tiêu kết nối thông tin đa chiều từ nhiều nguồn khác nhau để cung cấp thông tin cho lãnh đạo nhà trường chỉ đạo, điều hành các hoạt động của nhà trường; đồng thời hỗ trợ thông tin việc làm cho HS tốt nghiệp và có một phần lợi nhuận để hỗ trợ các hoạt động của đơn vị.

Xây dựng hệ thống văn bản các quy định, quy trình kèm biểu mẫu thống nhất phục vụ công tác quản lý. Trên cơ sở này, đầu tư xây dựng một hệ thống thông tin việc làm và TTLĐ trên mạng Internet và hệ thống SMS qua điện thoại di động với một phần mềm quản lý phù hợp và hiệu quả; bảo đảm giao diện dễ sử dụng với mọi người và phục vụ có hiệu quả trong việc thống kê, phân tích và xử lý cơ sở dữ liệu khi cần thiết.

Tổ chức các cuộc hội thảo chuyên đề, hội chợ thông tin tư vấn nghề nghiệp và giới thiệu việc làm, các chuyên khảo sát thực tế tại các khu vực trọng điểm thực hiện điều tra theo dấu vết để có được nguồn thông tin, dữ liệu phong phú cung cấp cho hệ thống quản lý thông tin đầu ra.

Tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ CBQL, nhân viên các kiến thức, kỹ năng phục vụ trong quản lý thông tin đầu ra và trực tiếp tư vấn hướng nghiệp, giới thiệu việc làm cho HS và doanh nghiệp.

### *c) Chỉ đạo thực hiện*

Chỉ đạo bộ phận chức năng có trách nhiệm bảo đảm hệ thống thông tin được vận hành thông suốt, liên tục với các dữ liệu đa dạng, phong phú. Chỉ đạo việc quản lý bảo đảm tính hệ thống, tính linh hoạt và tính năng động để kết nối thông tin đa chiều thực sự hiệu quả, trong đó chú ý đến việc phát triển

đội ngũ CBQL, thông tin viên, cộng tác viên và tăng cường đầu tư trang thiết bị (hệ thống máy tính, phần mềm) hiện đại đáp ứng yêu cầu công việc.

*d) Kiểm tra, đánh giá*

Thực hiện kiểm tra, đánh giá theo quy định, quy trình, biểu mẫu phù hợp, chính xác. Việc kiểm tra, đánh giá hệ thống kỹ thuật (máy tính, công nghệ thông tin điện tử,...) có thể sử dụng phần mềm thống kê, quản lý thông tin tương thích với các số liệu báo cáo định kỳ hoặc có thể truy xuất bất kỳ thời điểm nào. Định kỳ cần có báo cáo liên quan đến nhân sự (đội ngũ tham gia quản lý, cộng tác viên...) và những kết quả đạt được kèm theo cùng với việc đánh giá hiệu quả vận hành của hệ thống thông tin đa chiều.

*3.3.6.4. Điều kiện để thực hiện*

- Phải có hệ thống văn bản pháp quy đầy đủ, rõ ràng và công khai. Phải có bộ quy trình quản lý tối ưu thì việc “tin học hóa” mới có thể thực hiện được.
- Phải có bộ máy tổ chức ổn định, trang thiết bị đủ hiện đại để phục vụ quản lý có tính chất tin học hóa cao. Đội ngũ CBQL, cán bộ tham gia tư vấn hướng nghiệp, giới thiệu việc làm phải đủ mạnh về chuyên môn, nghiệp vụ và linh hoạt, năng động trong công tác; vừa có thể kết nối và phân tích thông tin đa chiều, vừa có thể tư vấn trực tuyến thông qua các phương tiện hỗ trợ, hoặc tư vấn trực tiếp với “khách hàng” có nhu cầu gặp mặt.

**3.4. Khảo sát lấy ý kiến chuyên gia và thử nghiệm một số giải pháp**

*3.4.1. Khảo sát lấy ý kiến chuyên gia*

*3.4.1.1. Mục đích khảo sát*

Nhằm thăm dò ý kiến đánh giá của nhà khoa học, chuyên gia và CBQL các trường CĐXD về tính thực tiễn, tính khả thi của các giải pháp đã đề xuất.

*3.4.1.2. Nội dung khảo sát*

Khảo sát đánh giá tính thực tiễn và tính khả thi của 6 giải pháp được NCS đề xuất.

*3.4.1.3. Phương pháp khảo sát*



NCS đã sử dụng phương pháp dùng phiếu hỏi để thăm dò ý kiến (xem phụ lục 7). Các ý kiến đánh giá bằng cách cho điểm theo thang điểm đánh giá từ 1 đến 5, cụ thể:

- Mức 1: Không thực tiễn / Không khả thi
- Mức 2: Ít thực tiễn / Ít khả thi
- Mức 3: Tương đối thực tiễn / Tương đối khả thi
- Mức 4: Thực tiễn / Khả thi
- Mức 5: Rất thực tiễn / Rất khả thi

#### 3.4.1.4. Kết quả khảo sát

**Bảng 3.4: Tổng hợp ý kiến đánh giá về tính thực tiễn và tính khả thi của các giải pháp** (Đơn vị tính: %)

Các giải pháp và nội dung đánh giá		Mức đánh giá				
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
<b>GP1:</b> Quản lý công tác tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH	<i>Thực tiễn</i>			4,41	25,00	70,59
	<i>Khả thi</i>			5,88	29,41	64,71
<b>GP2:</b> Quản lý phát triển chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH đáp ứng chuẩn nghề nghiệp	<i>Thực tiễn</i>			5,88	27,94	66,18
	<i>Khả thi</i>		4,41	8,82	33,82	52,94
<b>GP3:</b> Quản lý các điều kiện bảo đảm chất lượng đáp ứng yêu cầu đào tạo theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng	<i>Thực tiễn</i>			7,35	32,35	60,29
	<i>Khả thi</i>		2,94	4,41	30,88	61,76
<b>GP4:</b> Quản lý quá trình dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH	<i>Thực tiễn</i>			4,41	27,94	67,65
	<i>Khả thi</i>			19,12	51,47	29,41
<b>GP5:</b> Quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH	<i>Thực tiễn</i>			4,41	29,41	66,18
	<i>Khả thi</i>			4,41	25,00	70,59
<b>GP6:</b> Quản lý thông tin đầu ra nghề Kỹ thuật xây dựng	<i>Thực tiễn</i>			2,94	20,59	76,47
	<i>Khả thi</i>		2,94	11,76	51,47	33,82

Kết quả thăm dò ý kiến được tổng hợp ở bảng 3.4 với 68 phiếu trả lời bao gồm: 14 phiếu của các nhà khoa học về quản lý giáo dục; 7 phiếu của lãnh đạo, chuyên viên QLĐT ở Vụ Tổ chức cán bộ (Bộ Xây dựng), các Vụ của Bộ GD&ĐT và Tổng cục dạy nghề; 33 phiếu của lãnh đạo và CBQL của 11 trường CĐXD; 12 phiếu của lãnh đạo 6 doanh nghiệp cộng tác trong quá trình nghiên cứu.

#### 3.4.1.5. Phân tích, đánh giá kết quả khảo sát lấy ý kiến chuyên gia

Kết quả ở bảng 3.4 cho thấy đa số các ý kiến đều cho rằng giải pháp đưa ra là *thực tiễn* và *rất thực tiễn* (mức 4 và 5), với tỉ lệ đối tượng khảo sát đều đạt 90% trở lên. Kết quả trên cho thấy ý kiến của những người có kinh nghiệm lâu năm trong nghiên cứu và các nhà quản lý và lãnh đạo các trường CĐXD cho rằng trong thời kỳ mới đòi hỏi cấp thiết phải đổi mới về phương thức đào tạo và QLĐT nói chung và nghề Kỹ thuật xây dựng nói riêng; phải có sự chuyển đổi căn bản từ phương thức quản lý hành chính - tập trung sang quản lý hướng tới chất lượng.

Về tính khả thi của giải pháp hầu hết đều được đánh giá ở mức *khả thi* hoặc *rất khả thi* (mức 4 hoặc 5); tuy nhiên, nhìn chung tính khả thi của giải pháp được đánh giá thấp hơn tính thực tiễn, qua đó cho thấy sự khó khăn trong việc triển khai thực hiện giải pháp. Giải pháp 1 về “Quản lý công tác tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH” (94,12%); giải pháp 3 về “Quản lý các điều kiện bảo đảm chất lượng đáp ứng yêu cầu đào tạo theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng” (96,15%); giải pháp 5 về “Quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH” (95,59%) là những giải pháp được đánh giá với tính khả thi cao. Ba giải pháp này các trường có thể tổ chức và quản lý với sự chủ động cao trong điều kiện tiếp cận từng bước với phương thức đào tạo theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng nên kết quả nhận được trên đây cũng là điều dễ nhận ra. Ba giải pháp khác, giải pháp 2 về “Quản lý phát triển CTĐT

ngành Kỹ thuật xây dựng theo NLTH đáp ứng chuẩn nghề nghiệp” (86,76%); giải pháp 4 về “Quản lý quá trình dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH” (80,88%); giải pháp 6 về “Quản lý thông tin đầu ra nghề Kỹ thuật xây dựng” (85,29%) vẫn còn những băn khoăn của các nhà quản lý, chuyên gia bởi đó là những giải pháp cần sự phối hợp rất đồng bộ giữa nhà trường và doanh nghiệp hoặc cần có sự đầu tư mạnh về con người, về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và công cụ quản lý hiện đại...

### ***3.4.2. Thử nghiệm một số giải pháp đã đề xuất***

Căn cứ vào phạm vi nghiên cứu của luận án, điều kiện thực tế và thực trạng QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng, NCS không thể tổ chức thử nghiệm cho tất cả các giải pháp, mà thử nghiệm hai giải pháp là:

- Giải pháp 2: “Quản lý phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH đáp ứng chuẩn nghề nghiệp”.
- Giải pháp 5: “Quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH”.

#### ***3.4.2.1. Thử nghiệm giải pháp 2***

##### ***a) Mục đích thử nghiệm***

Đánh giá sự phù hợp và tính khả thi, sự cần thiết và tính hiệu quả của việc triển khai áp dụng giải pháp 2 nhằm minh chứng cho giả thuyết khoa học đã đề ra. Cụ thể, kiểm chứng tính khả thi, tính thực tiễn của giải pháp 2 về “Quản lý phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH đáp ứng chuẩn nghề nghiệp” thông qua triển khai chu trình quản lý hình 3.3 và thực hiện quy trình quản lý theo bảng 3.2 đã đề xuất trong giải pháp 2.

##### ***b) Giới hạn thử nghiệm***

- Về không gian thử nghiệm: Trường CĐXD công trình đô thị (Bộ Xây dựng).
- Về thời gian thử nghiệm: Xuất phát từ thực tế hoạt động đào tạo của nhà trường, để bảo đảm thời gian nghiên cứu, giải pháp thử nghiệm được triển khai trong vòng 4,5 tháng, từ 1/6/2012 đến 15/10/2012.

*c) Nội dung thử nghiệm*

Thực hiện phát triển CTĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN và điều chỉnh, bổ sung, đề xuất ban hành chuẩn đầu ra nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN trong bộ chuẩn đầu ra các ngành nghề của Trường CĐXD công trình đô thị theo chu trình và quy trình quản lý đề xuất.

*d) Phương pháp và tiến trình thử nghiệm*

\* Thống nhất ý kiến với Ban Giám hiệu Trường CĐXD công trình đô thị và các thành viên tham gia: NCS đã đăng ký một chương trình nghiên cứu khoa học cấp Trường và trực tiếp làm Chủ nhiệm chương trình xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN năm 2012. Như vậy, bộ phận thường trực trong quy trình thực hiện của giải pháp chính là Ban chủ nhiệm chương trình. Việc triển khai chương trình này được phép tiến hành thử nghiệm giải pháp quản lý phát triển CTĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng theo quy trình của luận án; đồng thời, sản phẩm cuối cùng của chương trình được đề xuất trình Hiệu trưởng ký quyết định ban hành. Trên cơ sở quyết định thành lập Ban chủ nhiệm (xem phụ lục 9) của Hiệu trưởng, NCS đã lập kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình. Phiên họp Ban chủ nhiệm đầu tiên, NCS đã trình bày về mục đích, nội dung, cách thức tiến hành và các điều kiện thực hiện. Thống nhất lựa chọn các tiêu chí đánh giá kết quả của giải pháp được lựa chọn thử nghiệm dựa trên các tiêu chí của phiếu khảo sát thực trạng chung của luận án và đề xuất thực tế của đơn vị để đánh giá hiệu quả của giải pháp sau thử nghiệm. Các tiêu chí này được đánh giá theo 5 mức:

- Mức 1: Không phù hợp; Không tốt; Không quan trọng;
- Mức 2: Chưa phù hợp; Chưa tốt; Ít quan trọng;
- Mức 3: Tương đối phù hợp; Tương đối tốt; Tương đối quan trọng;
- Mức 4: Phù hợp; Tốt; Quan trọng;
- Mức 5: Rất phù hợp; Rất tốt; Rất quan trọng.

NCS cùng với Ban chủ nhiệm triển khai cụ thể các nội dung, phương pháp và tiến trình thử nghiệm giải pháp đã thống nhất với những người làm công tác quản lý và những người trực tiếp tham gia thực hiện quy trình. Phần lớn các ý kiến nhất trí với các nội dung, phương pháp, biểu mẫu và tiến trình mà NCS đưa ra. Một số ý kiến góp ý về các thành phần tham gia trong mỗi bước và các biểu mẫu sử dụng trong quy trình. NCS đã lắng nghe, ghi nhận, xử lý các góp ý để hoàn thiện nội dung và các bước thực hiện hợp lý hơn.

\* Đối tượng thử nghiệm: Thử nghiệm được thực hiện bởi một nhóm điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và phát triển CTĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN. NCS chủ trì nhóm tham gia gồm Trưởng khoa Xây dựng, Trưởng khoa Đào tạo nghề và các GV bộ môn liên quan.

\* Cách thức đối chứng: Việc đối chứng được thực hiện bằng cách lấy ý kiến của các CBQL, GV cơ hữu của Trường CĐXD công trình đô thị và các CBKT của 6 doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng (những người được mời tham gia trực tiếp vào quá trình thử nghiệm các giải pháp) dựa trên các tiêu chí đã xác lập và được thực hiện ở 2 thời điểm trước và sau khi kết thúc hoạt động thử nghiệm 01 tháng. Sau đó đem so sánh 2 kết quả khảo sát này để rút ra kết luận sự cần thiết và hiệu quả của việc triển khai áp dụng giải pháp nhằm minh chứng cho giả thuyết khoa học đã đề ra. Cụ thể:

- Thời điểm trước thử nghiệm (TTN): khảo sát lấy ý kiến đánh giá của 30 CBQL, GV cơ hữu của Trường CĐXD công trình đô thị và 12 CBKT của 6 doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng.
- Thời điểm sau thử nghiệm (STN): tiếp tục khảo sát lấy ý kiến đánh giá của 30 CBQL, GV cơ hữu của Trường CĐXD công trình đô thị và 12 CBKT của 6 doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng.

\* Chuẩn bị các điều kiện để thử nghiệm: Để khẳng định tính pháp lý cho việc thử nghiệm giải pháp 2, NCS đã tiến hành các thủ tục sau đây:

- Tổ chức họp triển khai các hoạt động thử nghiệm: Ban chỉ đạo xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và phát triển CTĐT của nhà trường chủ trì cuộc họp; các thành viên tham dự gồm trưởng, phó và nhân viên phòng Đào tạo, phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng; trưởng phó khoa, các bộ môn; GV của các bộ môn liên quan tổ chức thực hiện các hoạt động thử nghiệm và NCS. Cuộc họp nhằm làm cho các cán bộ hiểu rõ mục đích, nắm vững nội dung quy trình, cách thức thực hiện cũng như các yêu cầu và sự cần thiết áp dụng giải pháp 2.

- Ban chỉ đạo giao nhiệm vụ cho các đơn vị thực hiện nghiêm túc nội dung, quy trình của giải pháp và báo cáo kết quả thử nghiệm đúng thời hạn theo kế hoạch tổng thể của Ban chủ nhiệm trình và Hiệu trưởng đã phê duyệt (xem phụ lục 10); việc triển khai các hoạt động được ủy quyền cho Chủ nhiệm chương trình xây dựng, điều chỉnh và bổ sung chuẩn đầu ra và phát triển CTĐT của nhà trường năm 2012; trong đó, cho phép thử nghiệm quản lý phát triển CTĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN.

\* Triển khai thử nghiệm giải pháp: Triển khai chung các nội dung sau:

- Phổ biến, làm rõ nội dung, các bước tiến hành tới tất cả CBQL, GV của nhà trường và CBKT của doanh nghiệp tham gia các hoạt động thử nghiệm.

- Gửi các tài liệu, biểu mẫu hướng dẫn thực hiện các hoạt động theo nội dung quy trình tới các bộ phận và người thực hiện.

- Giám sát chặt chẽ quá trình thử nghiệm để những người thực hiện không bỏ sót nội dung và các bước của quy trình thử nghiệm.

- Sau khi kết thúc các hoạt động thử nghiệm, các nhóm tham gia báo cáo kết quả thực hiện theo quy trình và các yêu cầu trong nhiệm vụ đã giao.

- Đo lường kết quả thử nghiệm các hoạt động thông qua phiếu hỏi thăm dò ý kiến của CBQL, GV nhà trường và CBKT doanh nghiệp kết hợp phỏng vấn trực tiếp đối với những ý kiến đánh giá chưa thống nhất (xem phụ lục 8).

Triển khai các bước cụ thể: NCS cùng với nhóm tham gia thử nghiệm tham khảo các văn bản nhà nước ban hành, cách làm của các CSĐT khác và thống nhất quy trình xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và CTĐT gồm các bước theo trình tự bảng 3.2, cụ thể như sau:

+ *Bước 1: Xác định những bất cập cần điều chỉnh, bổ sung đối với CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN và chuẩn đầu ra.* Từng GV tổng kết quá trình giảng dạy nghề Kỹ thuật xây dựng (đây là nhiệm vụ hàng năm của mỗi GV), nghiên cứu rà soát, thu thập ý kiến và tìm hiểu thực tế ở các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng để phân tích những bất cập của CTĐT; từ đó có văn bản đề nghị với Trưởng bộ môn đề nghị xem xét bổ sung, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp và thực tiễn sản xuất. Kết quả tổng hợp cho thấy, cần đưa thêm một mô đun “Xây dựng với gạch chung áp” vào CTĐT với lộ trình ban đầu là một mô đun tự chọn độc lập, sau đó, sẽ dần dần được chọn lọc đưa vào thay thế các nội dung cụ thể của mô đun bắt buộc (xem chương trình mô đun mới bổ sung tại phụ lục 14). Ngoài ra, những kiến thức, kỹ năng liên quan đến mô đun “Xây dựng với gạch chung áp” cũng được đề xuất bổ sung trong các môn học, mô đun khác có liên quan như vật liệu xây dựng, dự toán...

+ *Bước 2: Lấy ý kiến chuyên gia.* Trên cơ sở báo cáo tổng thể của khoa Xây dựng, chủ nhiệm tham dự các buổi sinh hoạt chuyên đề ở các bộ môn và tổ chức hội thảo tổng thể. Một số CBQL, GV của các trường đại học, cao đẳng thuộc Bộ Xây dựng (xem phụ lục 1) và 6 doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng (phụ lục 2) đã được mời tham dự và góp ý kiến tại hội thảo.

+ *Bước 3: Tiếp thu các ý kiến từ hội thảo và tham khảo thêm các tài liệu liên quan.* Chủ nhiệm đã giao cho nhóm tham gia thử nghiệm triển khai tham khảo tài liệu và xem xét, tiếp thu nghiêm túc các ý kiến góp ý từ hội thảo để chỉnh sửa CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN và chuẩn đầu ra.

+ *Bước 4: Thông qua đề xuất cần chỉnh sửa.* Chủ nhiệm chương trình đã trình bày báo cáo tổng kết tại hội đồng khoa học nghiệm thu cấp trường. Ghi nhận những đánh giá, phân tích của hội đồng về CTĐT và chuẩn đầu ra.

+ *Bước 5: Hoàn thiện dự thảo điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN.* Chủ nhiệm chỉ đạo nhóm tham gia thử nghiệm hoàn thiện dự thảo CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN và bộ chuẩn đầu ra theo ý kiến của hội đồng nghiệm thu cấp Trường.

+ *Bước 6: Ký duyệt và ban hành.* Sau khi hoàn thành bước 5 với “sản phẩm” cuối cùng của tất cả các ngành nghề (trong đó có CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN, xem phụ lục 12 về khung CTĐT và có thể so sánh với phụ lục 13), Chủ nhiệm chương trình đã bàn giao các bản dự thảo cho Trưởng phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng ký duyệt và ban hành áp dụng. Các sản phẩm của chương trình được áp dụng trong tổ chức đào tạo và sẽ tiếp tục thực hiện chu trình điều chỉnh, bổ sung định kỳ.

#### *e) Kết quả thử nghiệm*

Kết quả thử nghiệm và đối chứng hiệu quả của việc áp dụng giải pháp 2 về “Quản lý phát triển chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH đáp ứng chuẩn nghề nghiệp” được đánh giá theo 6 tiêu chí như bảng 3.5. Xem minh chứng và có thể so sánh sự khác biệt ở phụ lục 12, 13, 14. So sánh mức đánh giá sau khi đã áp dụng thử nghiệm giải pháp (STN) với trước khi thử nghiệm giải pháp (TTN) cho thấy hầu hết các tiêu chí đều được đánh giá theo hướng tích cực (mức 4 và mức 5) ở mức cao hơn. Cụ thể:

- Tiêu chí “Thực hiện chu trình và quy trình điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và phát triển CTĐT” có mức đánh giá *quan trọng và rất quan trọng* tăng từ 16,67% lên 73,34% (đối tượng CBQL, GV) và tăng từ 25% lên 91,67% (đối tượng CBKT). Đây là tiêu chí được đánh giá rất cao trong quá trình thử nghiệm giải pháp 2.



**Bảng 3.5: Tổng hợp ý kiến đánh giá về thực nghiệm giải pháp “Quản lý phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH đáp ứng chuẩn nghề nghiệp”**  
(Đơn vị tính: %)

Các yếu tố và đối tượng đánh giá			Mức đánh giá				
			Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
1) Thực hiện chu trình và quy trình điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và phát triển CTĐT	CBQL, GV	TTN	3,33	20,00	60,00	16,67	0,00
		STT	0,00	3,33	23,33	56,67	16,67
	CBKT	TTN	6,67	8,33	60,00	25,00	0,00
		STT	0,00	0,00	8,33	75,00	16,67
2) GV biên soạn; đề xuất điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và phát triển CTĐT	CBQL, GV	TTN	3,33	10,00	33,33	30,00	23,33
		STT	0,00	3,33	10,00	63,33	26,67
	CBKT	TTN	0,00	0,00	41,67	41,67	16,67
		STT	0,00	0,00	8,33	41,67	50,00
3) Chương trình có sự tham gia của doanh nghiệp	CBQL, GV	TTN	6,67	30,00	40,00	20,00	3,33
		STT	0,00	3,33	23,33	56,67	16,67
	CBKT	TTN	0,00	25,00	50,00	16,67	8,33
		STT	0,00	8,33	16,67	50,00	25,00
4) Khả năng tiếp cận của chuẩn đầu ra so với chuẩn nghề nghiệp	CBQL, GV	TTN	6,67	10,00	50,00	23,33	10,00
		STT	0,00	6,67	23,33	50,00	20,00
	CBKT	TTN	6,67	10,00	41,67	25,00	16,67
		STT	0,00	8,33	16,67	48,33	26,67
5) Mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra và khung CTĐT so với yêu cầu của doanh nghiệp và thực tiễn sản xuất	CBQL, GV	TTN	6,67	6,67	40,00	30,00	16,67
		STT	0,00	3,33	16,67	50,00	30,00
	CBKT	TTN	6,67	8,33	35,00	33,33	16,67
		STT	0,00	0,00	16,67	56,67	26,67
6) CTĐT được cấu trúc theo NLTH với chuẩn đầu ra	CBQL, GV	TTN	6,67	13,33	50,00	20,00	10,00
		STT	0,00	3,33	16,67	50,00	30,00
	CBKT	TTN	6,67	16,67	35,00	25,00	16,67
		STT	0,00	0,00	16,67	50,00	33,33

- Tiêu chí “Chương trình có sự tham gia của doanh nghiệp” có mức đánh giá *quan trọng và rất quan trọng* tăng từ 23,33% lên 73,34% (đối tượng CBQL, GV) và tăng từ 25% lên 75% (đối tượng CBKT). Như vậy, vai trò của doanh nghiệp trong quản lý phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng được nâng cao rõ rệt trong nhận thức và hiệu quả thử nghiệm.

- Tiêu chí “GV biên soạn; đề xuất điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và mục tiêu, CTĐT” có mức đánh giá *tốt và rất tốt* tăng từ 53,33% lên 90% (đối tượng CBQL, GV) và tăng từ 58,34% lên 91,67% (đối tượng CBKT).
- Tiêu chí “Khả năng tiếp cận của chuẩn đầu ra so với chuẩn nghề nghiệp” có mức đánh giá *tốt và rất tốt* tăng từ 33,33% lên 70% (đối tượng CBQL, GV) và tăng từ 41,67% lên 75% (đối tượng CBKT). Đây là điều khẳng định thêm cho nhận định khi doanh nghiệp tham gia vào quản lý cùng CSĐT thì chắc chắn khoảng cách giữa chuẩn đầu ra mà CSĐT mong muốn sẽ tiệm cận gần hơn với chuẩn nghề nghiệp mà các doanh nghiệp yêu cầu và mong chờ.
- Tiêu chí “Mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra và khung CTĐT so với yêu cầu của doanh nghiệp và thực tiễn sản xuất” có mức đánh giá *phù hợp và rất phù hợp* tăng từ 46,67% lên 80% (đối tượng CBQL, GV) và tăng từ 50% lên 83,34% (đối tượng CBKT). Tiêu chí này có mức độ dao động giữa kết quả đánh giá TTN và STT không quá cao nhưng theo xu hướng tích cực; qua đó cũng cho thấy tính ổn định của việc phát triển CTĐT đang thực hiện.
- Tiêu chí “CTĐT cấu trúc theo NLTH với chuẩn đầu ra” có mức đánh giá *phù hợp và rất phù hợp* tăng từ 30% lên 80% (đối tượng CBQL, GV) và tăng từ 41,67% lên 83,33% (đối tượng CBKT).

#### 3.4.2.2. Thử nghiệm giải pháp 5

##### a) Mục đích thử nghiệm

Đánh giá sự phù hợp và tính khả thi, sự cần thiết và tính hiệu quả của việc triển khai áp dụng giải pháp 5 nhằm minh chứng cho giả thuyết khoa học đã đề ra. Cụ thể, kiểm chứng tính khả thi, tính thực tiễn của giải pháp 5 về “Quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH” thông qua triển khai chu trình quản lý hình 3.4 đã đề xuất trong giải pháp 5.

##### b) Giới hạn thử nghiệm

- Về không gian thử nghiệm: Trường CDXD công trình đô thị (Bộ Xây dựng).

- Về thời gian thử nghiệm: Sau khi kết thúc thử nghiệm giải pháp 2 và có sản phẩm ban hành, giải pháp 5 được triển khai thử nghiệm trong vòng 2,5 tháng, từ 15/10/2012 đến 31/12/2012.

*c) Nội dung thử nghiệm*

Cùng với việc triển khai hiệu chỉnh CTĐT, NCS đã cùng Ban chủ nhiệm tổ chức biên soạn bộ đề thi đánh giá đầu ra phục vụ thử nghiệm giải pháp 5. NCS đăng ký thử nghiệm quy trình quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra (NLTH) đối với nghề Kỹ thuật xây dựng theo chuẩn đầu ra. Trong đó, lập kế hoạch và tổ chức thiết kế, trình duyệt bộ 25 đề thi thuộc nhóm nghề Kỹ thuật xây dựng theo các yêu cầu đánh giá NLTH, xin phép lãnh đạo nhà trường được sử dụng sản phẩm thử nghiệm trong kỳ thi đánh giá kết quả đầu ra, cấp chứng chỉ hoàn thành NLTH theo chuẩn đầu ra đối với SV lớp cao đẳng sư phạm kỹ thuật khóa 6 của nhà trường vào cuối tháng 12/2012.

*d) Phương pháp và tiến trình thử nghiệm*

\* Thông nhất ý kiến với Ban Giám hiệu Trường CĐXD công trình đô thị và các thành viên tham gia: Được sự cho phép của lãnh đạo nhà trường, NCS đã phối hợp với Trưởng phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng và Giám đốc Trung tâm Tư vấn xây dựng và xuất khẩu lao động (thuộc Trường CĐXD công trình đô thị) triển khai quy trình thử nghiệm, giám sát công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp chứng chỉ cho sinh viên lớp cao đẳng sư phạm kỹ thuật khóa 6. Trước đó, ngay từ đầu tháng 6/2012, định hướng về một kỳ thi đánh giá NLTH theo chuẩn đầu ra đã được Trưởng phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng và NCS triển khai đến GV và sinh viên lớp cao đẳng sư phạm kỹ thuật xây dựng khóa 6 để tổ chức quá trình dạy học các môn nghề Kỹ thuật xây dựng có liên quan nhằm chuẩn bị cho kỳ thi đánh giá kết quả đầu ra (NLTH) để cấp chứng chỉ theo chuẩn đầu ra đã ban hành.

\* Đối tượng thử nghiệm: NCS chỉ đạo nhóm thiết kế bộ đề thi đánh giá NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng theo biểu mẫu mới phục vụ đánh giá kết quả

đầu ra với các bước chuẩn bị trong thử nghiệm giải pháp 5. Ngoài ra, các bộ phận liên quan trực tiếp trong quản lý và tổ chức đánh giá kết quả đầu ra cũng là đối tượng tham gia trong quá trình thử nghiệm.

\* Cách thức đối chứng: Thực hiện tương tự như giải pháp 2, cụ thể:

- Thời điểm trước thử nghiệm (TTN): khảo sát lấy ý kiến đánh giá của 25 CBQL, GV cơ hữu của Trường CĐXD công trình đô thị về công tác đánh giá kết quả đầu ra (thi tốt nghiệp) theo cách thức cũ và cấp văn bằng, chứng chỉ.
- Thời điểm sau thử nghiệm (STN): tiếp tục khảo sát lấy ý kiến đánh giá của 25 CBQL, GV cơ hữu của Trường CĐXD công trình đô thị về quy trình quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ đã thử nghiệm.

\* Chuẩn bị các điều kiện để thử nghiệm:

- Tổ chức họp triển khai các hoạt động thử nghiệm: Các thành viên tham dự gồm trưởng, phó và nhân viên phòng Đào tạo, phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng; trưởng phó khoa, các bộ môn; GV của các bộ môn liên quan tổ chức thực hiện các hoạt động thử nghiệm và NCS. Cuộc họp nhằm làm cho các cán bộ hiểu rõ mục đích, nắm vững nội dung quy trình, cách thức thực hiện cũng như các yêu cầu và sự cần thiết áp dụng giải pháp 5.
- Chuẩn bị các điều kiện triển khai thử nghiệm quản lý, giám sát công tác đánh giá kết quả đầu ra (NLTH) nghề Kỹ thuật xây dựng đối với sinh viên của lớp cao đẳng sư phạm kỹ thuật xây dựng khóa 6 và giao cho Giám đốc Trung tâm Tư vấn xây dựng và xuất khẩu lao động (thuộc Trường CĐXD công trình đô thị) chủ trì tổ chức kỳ thi đánh giá theo đúng quy trình thử nghiệm và cấp chứng chỉ hoàn thành KNN theo chuẩn đầu ra.

\* Triển khai thử nghiệm giải pháp: Triển khai chung nội dung tương tự như thử nghiệm giải pháp 2. Triển khai các bước cụ thể như sau:

- NCS chỉ đạo nhóm GV thực hiện biên soạn bộ đề thi đánh giá NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng (xem một mẫu đề thi tại phụ lục 15). Sau khi hoàn thành

và bàn giao sản phẩm theo kế hoạch, bộ đề thi được phê duyệt, công bố công khai để đưa vào sử dụng.

- Trung tâm Tư vấn xây dựng và xuất khẩu lao động phối hợp các đơn vị chuẩn bị các điều kiện liên quan (đã quy định trong từng đề thi) để tổ chức kỳ thi bao gồm: trang thiết bị, dụng cụ, vật tư, nguyên vật liệu; thành lập ban thư ký, ban giám khảo đánh giá (có mời 2 đại diện doanh nghiệp tham gia) và ra thông báo chi tiết về kỳ thi. Vì đây là kỳ thi đánh giá NLTH đầu tiên, thể theo nguyện vọng của các thí sinh đăng ký và được sự đồng ý của lãnh đạo nhà trường, Trung tâm Tư vấn xây dựng và xuất khẩu lao động đã tổ chức cho các thí sinh được ôn luyện, làm quen trong vòng một tuần liên tục tại địa điểm dự kiến tổ chức thi; đồng thời cũng là dịp để chính ban tổ chức và giám khảo có điều kiện tập huấn thực tế và kiểm tra, thử nghiệm một số dụng cụ đo lường, đánh giá... trước khi tổ chức chính thức.

- Theo đúng kế hoạch, kỳ thi được triển khai để đánh giá kết quả đầu ra (NLTH) nghề Kỹ thuật xây dựng đối với sinh viên lớp cao đẳng sư phạm kỹ thuật xây dựng khóa 6 theo đúng hướng dẫn chi tiết trong bộ đề thi và có sự kiểm tra, giám sát của các bộ phận liên quan.

- Trên cơ sở kết quả đánh giá, Giám đốc Trung tâm Tư vấn xây dựng và xuất khẩu lao động đã ký quyết định công nhận kết quả và cấp chứng chỉ cho sinh viên hoàn thành các bài thi đánh giá NLTH theo quy định. Lần đầu tiên, một kỳ thi đánh giá cấp chứng chỉ theo chuẩn đầu ra đã được tổ chức và thử nghiệm theo một quy trình quản lý, giám sát thống nhất, cụ thể với bộ đề thi đánh giá NLTH được công bố công khai trước kỳ thi tại trường CĐXD công trình đô thị.

#### *e) Kết quả thử nghiệm*

Kết quả thử nghiệm và đối chứng hiệu quả của việc áp dụng giải pháp 5 về “Quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH” được đánh giá theo 6 tiêu chí ở bảng 3.6.

**Bảng 3.6: Tổng hợp ý kiến đánh giá về thực nghiệm giải pháp “Quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH” (Đơn vị tính: %)**

Các yếu tố đánh giá		Mức đánh giá				
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
1) Quy trình quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ	TTN	4,00	20,00	40,00	20,00	16,00
	STT	0,00	4,00	8,00	60,00	28,00
2) Cấu trúc bộ đề thi đáp ứng yêu cầu đánh giá theo NLTH	TTN	8,00	20,00	52,00	20,00	0,00
	STT	0,00	0,00	0,00	68,00	32,00
3) Việc tổ chức đánh giá được giao cho một bộ phận độc lập và có mời đại diện doanh nghiệp tham gia đánh giá	TTN	8,00	48,00	24,00	20,00	0,00
	STT	0,00	0,00	16,00	32,00	52,00
4) Khả năng đánh giá toàn diện (kiến thức, kỹ năng, thái độ) một NLTH của HS	TTN	8,00	16,00	44,00	24,00	8,00
	STT	0,00	4,00	8,00	64,00	24,00
5) Mức độ phù hợp của nội dung đánh giá NLTH so với yêu cầu của doanh nghiệp và thực tiễn sản xuất	TTN	8,00	16,00	20,00	40,00	16,00
	STT	0,00	8,00	12,00	48,00	32,00
6) Công tác đánh giá tổ chức khách quan, chính xác, công bằng	TTN	0,00	8,00	32,00	48,00	12,00
	STT	0,00	8,00	12,00	44,00	36,00

So sánh mức đánh giá sau khi đã áp dụng thử nghiệm giải pháp (STN) với trước khi thử nghiệm giải pháp (TTN) cho thấy tất cả các tiêu chí đều được đánh giá theo hướng tích cực (mức 4 và mức 5) ở mức cao hơn. Cụ thể:

- Tiêu chí “Quy trình quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ” đánh giá *phù hợp* và *rất phù hợp* tăng từ 36% lên 88%. Tiêu chí này được đánh giá cao bởi vì trước thực nghiệm, hoạt động quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra (thi tốt nghiệp) thường thiếu đồng bộ về quy trình, kế hoạch và tiến hành làm 2 bài thi độc lập: lý thuyết và thực hành.

- Tiêu chí về “Cấu trúc bộ đề thi đáp ứng yêu cầu đánh giá theo NLTH” được đánh giá *tốt* và *rất tốt* tăng từ 20% lên 100%. Đây là tiêu chí được đánh giá cao nhất bởi vì trước thực nghiệm, việc sử dụng một mẫu đề thi với một cấu

trúc có thể đánh giá toàn diện, đầy đủ các yếu tố liên quan và hướng dẫn thực hiện chi tiết ngay trong từng đề thi là không rõ ràng hoặc không có.

- Tiêu chí về “Việc tổ chức đánh giá được giao cho một bộ phận độc lập và có mời đại diện Doanh nghiệp tham gia đánh giá” được đánh giá *phù hợp* và *rất phù hợp* tăng từ 20% lên 84%. Trước thực nghiệm, việc chỉ đạo triển khai công tác đánh giá không thống nhất, chông chéo nhiều bộ phận và hầu như ít có sự góp mặt của doanh nghiệp. Khi thực nghiệm, Giám đốc Trung tâm Tư vấn xây dựng và xuất khẩu lao động đã mời 2 chuyên gia đại diện cho doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng cùng tham gia đánh giá kết quả.

- Tiêu chí về “Khả năng đánh giá toàn diện (kiến thức, kỹ năng, thái độ) một NLTH của HS” được đánh giá *tốt* và *rất tốt* tăng từ 32% lên 88%. Do cấu trúc đề thi khoa học, các tiêu chí và nội dung đánh giá được đưa ra cụ thể, rõ ràng, có chỉ số đo lường được kết quả kèm theo hướng dẫn đầy đủ, thuận tiện và chính xác khi thực hiện nên tiêu chí này được đánh giá cao.

- Tiêu chí về “Mức độ phù hợp của nội dung đánh giá NLTH so với yêu cầu của doanh nghiệp và thực tiễn sản xuất” được đánh giá *phù hợp* và *rất phù hợp* tăng từ 56% lên 80%. Trước thực nghiệm, tiêu chí này cũng đã được chỉ đạo tương đối tốt; tuy nhiên, khi đưa các yêu cầu cụ thể đáp ứng đúng cấu trúc bộ đề thi đánh giá NLTH thì nhiều phiếu trả lời đã đánh giá tích cực hơn.

- Tiêu chí về “Công tác đánh giá tổ chức khách quan, chính xác, công bằng” được đánh giá *tốt* và *rất tốt* tăng từ 60% lên 80%. Trước thực nghiệm, yêu cầu về tính nghiêm túc, khách quan trong đánh giá đã được chỉ đạo. Khi triển khai thử nghiệm với việc giao nhiệm vụ cho Trung tâm Tư vấn xây dựng và xuất khẩu lao động, một đơn vị độc lập vốn có nhiều kinh nghiệm trong triển khai tổ chức các khóa bồi dưỡng, đánh giá tay nghề của lao động kỹ thuật cho các doanh nghiệp thì tiêu chí này được lựa chọn đánh giá cao.

3.4.2.3. *Đánh giá chung về quá trình triển khai và kết quả thử nghiệm các giải pháp*

Trong quá trình thử nghiệm các giải pháp, CBQL, GV của CSĐT và CBKT các doanh nghiệp cũng như các bộ phận, bộ môn được giao nhiệm vụ đã tham gia nhiệt tình và thực hiện nghiêm túc quy trình thử nghiệm. Điều này chứng tỏ những người tham gia rất quan tâm và đồng tình với việc đổi mới QLĐT hướng tới chất lượng, thực hiện quản lý theo chu trình và quy trình cũng như đánh giá theo các chuẩn mực đã đề ra. Qua quan sát thực tế và trao đổi với những người thực hiện công việc trong các hoạt động, kết hợp với tổng hợp các ý kiến trả lời phiếu hỏi bảng 3.5 và 3.6 cho thấy việc áp dụng thử nghiệm các giải pháp vào hoạt động đã một phần làm thay đổi suy nghĩ về cách thức làm việc, bước đầu hình thành tư duy quản lý và phong cách làm việc theo quy trình, chuẩn mực nhất định. Sản phẩm của quá trình thực nghiệm giải pháp đã được ghi nhận (xem phụ lục 11, 12, 14, 15).

Kết quả đối chứng cho thấy sự cần thiết và hiệu quả của việc áp dụng giải pháp “Quản lý phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH đáp ứng chuẩn nghề nghiệp” và “Quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH” nhằm từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất và nhu cầu doanh nghiệp.

#### *3.4.2.4. Một số kết luận về áp dụng thử nghiệm giải pháp*

Áp dụng giải pháp “Quản lý phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH đáp ứng chuẩn nghề nghiệp” và giải pháp “Quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH” với những chuẩn mực và quy trình thực hiện khoa học sẽ nâng cao được chất lượng và hiệu quả quản lý của CSĐT nói chung, góp phần nâng cao chất lượng ĐTN Kỹ thuật xây dựng.

Công khai, thống nhất quy trình, chuẩn mực của các nhiệm vụ và công việc sẽ tạo thuận lợi cho việc quản lý và điều hành các hoạt động. CBQL đều chủ động và thể hiện rõ trách nhiệm trong công việc của mình, tránh được sự



chồng chéo, bị động và bước đầu tạo được tư duy và phong cách làm việc khoa học, hợp lý nhằm chuyên nghiệp hóa quá trình quản lý phát triển CTĐT và chuẩn đầu ra, quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra (NLTH) của HS cũng như các hoạt động khác của CSĐT. Các quy trình và chuẩn mực được NCS đề xuất là phù hợp chức năng nhiệm vụ của các bộ phận và cá nhân, phù hợp với tiến trình công việc và có thể nhân rộng trong thực tiễn QLĐT nghề hướng tới chất lượng ở các trường CĐXD.

### **Kết luận chương 3**

Trên cơ sở lý luận đã trình bày ở chương 1, cơ sở thực tiễn đã trình bày ở chương 2 và những định hướng phát triển nhân lực giai đoạn 2011 - 2020, tác giả đề xuất 6 giải pháp theo mô hình vận dụng CIPO trong QLĐT nhằm khắc phục những yếu kém hiện nay; đưa ra những nội dung và quy trình quản lý cụ thể để tổ chức QLĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH thuận lợi, hiệu quả và làm cơ sở tin học hóa quá trình quản lý, từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo ở các trường CĐXD.

- *Quản lý công tác tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh người học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH* nhằm vừa bảo đảm số lượng và chất lượng tuyển sinh đầu vào.
- *Quản lý phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH đáp ứng chuẩn nghề nghiệp* nhằm thống nhất chu trình, quy trình phát triển CTĐT.
- *Quản lý các điều kiện bảo đảm chất lượng đáp ứng yêu cầu đào tạo theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng* nhằm quy trình hóa cách thức tổ chức các hoạt động đúng theo phương thức quản lý hướng tới chất lượng với các quy trình đầy đủ và tiến tới tin học hóa quá trình quản lý thay cho quản lý hành chính.
- *Quản lý quá trình dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH* nhằm định hình cách thức tổ chức và quản lý quá trình dạy học thực sự theo năng lực của người học thay cho việc kế hoạch hóa như cách thức quản lý truyền thống.

- *Quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH* nhằm hình thành một quy trình quản lý phù hợp với công tác đánh giá theo hệ thống các chuẩn NLTH đã xác định; đồng thời đổi mới cách thức tổ chức, giám sát công tác cấp văn bằng, chứng chỉ nghề theo NLTH, tiến tới tin học hóa quá trình quản lý.

- *Quản lý thông tin đầu ra nghề Kỹ thuật xây dựng* nhằm khắc phục “độ trễ” và “lỗ hổng” trong hệ thống QLĐT, góp phần cung cấp kịp thời thông tin đa chiều trong tổ chức, điều hành các hoạt động QLĐT.

Kết quả lấy ý kiến các chuyên gia cho thấy các giải pháp đều phù hợp với thực tiễn, đều cấp thiết và khả thi. Tuy có một số ý kiến băn khoăn về tính khả thi của các giải pháp đã đề xuất, nhưng hầu hết ý kiến cho rằng phải đổi mới phương thức ĐTN Kỹ thuật xây dựng theo NLTH và đổi mới phương thức quản lý kiểu hành chính sang quản lý hướng tới chất lượng.

Kết quả thử nghiệm các giải pháp ở Trường CĐXD công trình đô thị cho thấy việc áp dụng giải pháp mà luận án đề xuất đã tạo thuận lợi cho việc quản lý, hình thành tư duy và phong cách làm việc theo quy trình và chuẩn mực, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất và nhu cầu doanh nghiệp; kết quả thử nghiệm cũng khẳng định tính phù hợp với cơ chế và quy trình quản lý, chứng minh được giả thuyết khoa học đã đề ra.

## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

**1.1.** Đào tạo theo NLTH khác biệt với đào tạo kiểu truyền thống ở mọi yếu tố từ *đầu vào, quá trình đến đầu ra* dưới tác động của *bối cảnh* kinh tế - xã hội. Ưu điểm lớn nhất của phương thức đào tạo này là “*đầu ra*” của quá trình đào tạo luôn được tiệm cận gần nhất với yêu cầu của thực tiễn sản xuất và nhu cầu sử dụng lao động, nghĩa là quá trình đào tạo hết sức linh hoạt, lấy người học làm trung tâm.

**1.2.** Đối với các CSĐT hiện nay, một số ngành nghề đã được đổi mới về nội dung CTĐT theo hướng tiếp cận NLTH, tuy nhiên, cách thức thực hiện chưa đồng bộ cũng như chưa có mô hình QLĐT nghề phù hợp. Mô hình CIPO được vận dụng trong QLĐT nghề theo NLTH cũng là một giải pháp để các CSĐT tham khảo, bởi cách tiếp cận trong mô hình vận dụng này là *tiếp cận theo quá trình, tiếp cận theo định hướng đầu ra và tiếp cận thị trường - hướng tới chất lượng*.

**1.3.** Thực trạng về QLĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH ở các trường CĐXD chưa đổi mới và tiếp cận với cách thức quản lý hiện đại, đầu đó vẫn buông lỏng, thậm chí có những “*khoảng trống*” gây ảnh hưởng chung đến toàn bộ sự vận hành của hệ thống. Quản lý đầu vào, quản lý quá trình, quản lý đầu ra đều tồn tại những bất cập, cần có sự thích ứng phù hợp với tác động của bối cảnh và cần những giải pháp khắc phục.

**1.4.** Những nguyên nhân chủ quan gây ra những yếu kém của QLĐT nghề Kỹ thuật xây dựng ở các trường CĐXD là: Tư duy của lãnh đạo chưa đổi mới, phương thức lãnh đạo vẫn lạc hậu, chỉ đạo thực hiện thiếu quyết liệt, công tác kiểm tra quan liêu, buông lỏng quản lý, thiếu cập nhật thông tin, không điều chỉnh kịp thời và hợp lý những vấn đề phát sinh trong quá trình đào tạo; Quản lý các điều kiện bảo đảm chất lượng chưa được quan tâm tương xứng với tầm quan trọng; quá trình quản lý thiếu đồng bộ, còn rời rạc, hoạt

động thiếu linh hoạt, kém hiệu quả; công cụ, phương pháp quản lý không đổi mới kịp quá trình phát triển của xã hội, rất ít trường đã “tin học hóa” quá trình quản lý.

**1.5.** Luận án đề xuất 6 giải pháp nhằm khắc phục những yếu kém, nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả quản lý. Các giải pháp đó là:

- Quản lý công tác tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH.
- Quản lý phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH đáp ứng chuẩn nghề nghiệp.
- Quản lý các điều kiện bảo đảm chất lượng đáp ứng yêu cầu đào tạo theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng.
- Quản lý quá trình dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH.
- Quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH.
- Quản lý thông tin đầu ra nghề Kỹ thuật xây dựng.

**1.6.** Kết quả lấy ý kiến các chuyên gia cho thấy các giải pháp đều phù hợp với thực tiễn, đều cấp thiết và khả thi. Tuy có một số ý kiến băn khoăn về tính khả thi của các giải pháp đã đề xuất, nhưng hầu hết ý kiến cho rằng phải đổi mới phương thức ĐTN nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH và đổi mới phương thức quản lý kiểu hành chính sang quản lý hướng tới chất lượng. Kết quả thử nghiệm các giải pháp cho thấy việc áp dụng các giải pháp mà luận án đề xuất đã tạo thuận lợi cho việc quản lý, hình thành tư duy và phong cách làm việc theo quy trình và chuẩn mực, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý; kết quả thử nghiệm chứng minh được giả thuyết khoa học đã đề ra.

## **2. Khuyến nghị**

### **2.1. Với Bộ ngành**

- Sửa đổi các quy định, hướng dẫn liên quan đến xây dựng, ban hành công khai chuẩn đầu ra và phát triển CTĐT các ngành nghề đào tạo để các chuẩn

đầu ra và CTĐT được CSĐT công khai bảo đảm về chất lượng, tính khả thi, tính thực tiễn và thực sự đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, của xã hội thay vì hiện nay rất nhiều chuẩn đầu ra và CTĐT bị đánh giá “công bố dễ, trở thực hiện” hoặc “công bố đủ, cất vào tủ”.

- Thê chế hóa việc hỗ trợ giải quyết việc làm cho người học sau đào tạo bằng các cơ chế chính sách cụ thể như: khuyến khích và có lộ trình bắt buộc các doanh nghiệp có trách nhiệm trực tiếp trong quá trình đào tạo nhân lực, có cơ chế để tạo sự phối hợp giữa doanh nghiệp và CSĐT trong cung ứng lao động hoặc đào tạo lại hoặc bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho người lao động.

- Trên cơ sở quy hoạch phát triển nhân lực, các Bộ ngành cần đầu tư thực hiện các đề án, dự án, chương trình nghiên cứu để xác định rõ ngành nghề trọng điểm và dự báo nhu cầu sử dụng nhân lực từng ngành nghề trong từng giai đoạn phát triển, qua đó các CSĐT sẽ dễ dàng định hướng phát triển, lựa chọn nghề đào tạo thích hợp, góp phần đáp ứng nguồn nhân lực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

- Tiếp tục đầu tư đúng mức cho các CSĐT để bảo đảm các điều kiện cần thiết khi tổ chức đào tạo và QLĐT nghề Kỹ thuật xây dựng nói riêng và ĐTN nói chung theo NLTH.

## ***2.2. Với các cơ sở đào tạo***

- Đổi mới tư duy quản lý của lãnh đạo nhà trường theo hướng coi nhà trường như một “doanh nghiệp đào tạo” trong nền kinh tế thị trường để tiếp cận nhanh chóng phương thức quản lý hướng tới chất lượng và thực sự tự chủ trong quản lý.

- Rà soát tổng thể hệ thống văn bản quy định liên quan đến QLĐT nghề tại CSĐT để điều chỉnh, thống nhất và hoàn thiện nhằm làm cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và QLĐT nghề theo NLTH đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất và nhu cầu doanh nghiệp.

- Triển khai các giải pháp QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng đã đề xuất trong luận án để từng bước nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả quản lý của đơn vị mình; đồng thời, lựa chọn cách nhân rộng đối với các nghề khác. Tập trung xây dựng chu trình, quy trình, biểu mẫu quản lý và cần được mã hóa thống nhất để quá trình quản lý được thuận lợi cho tất cả các đối tượng thuộc CSĐT và doanh nghiệp.
- Phát triển bền vững mối quan hệ với doanh nghiệp để phối hợp tổ chức dạy học các mô đun nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH tại khu vực sản xuất, công trường xây dựng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.
- Đầu tư hệ thống máy tính, mạng Internet, các phần mềm hữu dụng để tin học hóa quá trình quản lý, tiến tới một hệ thống quản lý điện tử tổng thể và chuyên nghiệp.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC  
ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ**

**I. Các bài báo khoa học liên quan đến luận án**

1. Đào Việt Hà (2012), *Nghiên cứu vận dụng mô hình CIPO vào quản lý đào tạo theo năng lực thực hiện*, Tạp chí Giáo dục số 292 (kỳ 2, tháng 8/2012), Hà Nội, tr.5,6,7.
2. Đào Việt Hà (2013), *Quản lý chuẩn đầu ra và mối quan hệ giữa nhà trường với doanh nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo*, Tạp chí Giáo dục số 306 (kỳ 2, tháng 3/2013), Hà Nội, tr.4,5,6.
3. Đào Việt Hà (2013), *Quản lý chất lượng đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu xã hội*, Tạp chí Giáo dục số 314 (kỳ 2, tháng 7/2013), Hà Nội, tr.5,6,7.
4. Đào Việt Hà (2013), *Nghiên cứu vận dụng mô hình quản lý đào tạo theo năng lực thực hiện và hai giải pháp chủ yếu*, Kỷ yếu Hội thảo nghiên cứu sinh, Viện KHGDVN, tháng 11/2013, Hà Nội, tr.85-102.
5. Đào Việt Hà (2014), *Thực trạng quản lý đào tạo theo năng lực thực hiện ở các trường cao đẳng xây dựng*, Tạp chí Giáo dục số 333 (kỳ 1, tháng 5/2014), Hà Nội, tr.10,11,12,13.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

1. Đặng Quốc Bảo (2006), *Vấn đề quản lý nhà trường nhận diện qua các sơ đồ*, Thông tin quản lý giáo dục số 2-2006 (42).
2. *Báo cáo tổng kết năm học 2010 - 2011, 2011 - 2012* của các trường CDXD ngành Xây dựng.
3. Bộ Xây dựng (2012), *Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Xây dựng giai đoạn 2011-2020*, quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 13/9/2012.
4. Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2005), *Lý luận đại cương về quản lý*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
5. Cao Danh Chính (2012), *Dạy học theo tiếp cận năng lực thực hiện ở các trường sư phạm kỹ thuật*, Luận án Tiến sĩ Lý luận và lịch sử giáo dục, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội.
6. Chính phủ (2004), *Báo cáo về tình hình giáo dục Việt Nam*, trình tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội XI ngày 15/11/2004.
7. Chính phủ (2011), *Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011 - 2020*, quyết định 579/QĐ-TTg ngày 19/4/2011.
8. Chính phủ (2011), *Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020*, quyết định 1216/QĐ-TTg ngày 22/7/2011.
9. Chính phủ (2012), *Chiến lược phát triển dạy nghề thời kỳ 2011 - 2020*, quyết định 630/QĐ-TTg ngày 29/5/2012.
10. Đỗ Minh Cương, Mạc Văn Tiến (2004), *Phát triển lao động kỹ thuật ở Việt Nam: lý luận và thực tiễn*, NXB Lao động-Xã hội, Hà Nội.
11. Dự án Giáo dục kỹ thuật và Dạy nghề (2004), *Một số thuật ngữ cơ bản thường dùng trong lĩnh vực dạy nghề*, Tài liệu hội thảo, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.



13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo*, tại Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, ngày ban hành 4/11/2013.
14. Trần Khánh Đức (2002), *Giáo dục kỹ thuật - nghề nghiệp và phát triển nguồn nhân lực*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
15. Trần Khánh Đức (2010), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
16. Nguyễn Minh Đường (1993), *Mô đun kỹ năng hành nghề - Phương pháp tiếp cận, hướng dẫn biên soạn và áp dụng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
17. Nguyễn Minh Đường, Nguyễn Tiến Dũng, Vũ Hữu Bài (1994), *Phương pháp đào tạo nghề theo Mô đun kỹ năng hành nghề*, Tài liệu bồi dưỡng giáo viên, Bộ GD&ĐT, Hà nội.
18. Nguyễn Minh Đường (1996), *Bồi dưỡng và đào tạo lại đội ngũ nhân lực trong điều kiện mới*, Chương trình KX-07-14.
19. Nguyễn Minh Đường (2004), *Đào tạo theo năng lực thực hiện*. Tài liệu bồi dưỡng giáo viên, Hà Nội.
20. Nguyễn Minh Đường, Phan Văn Kha (2006), *Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
21. Nguyễn Minh Đường, Nguyễn Đăng Trụ (2007), *Phát triển và quản lý chương trình đào tạo nghề*, Tài liệu tập huấn Dự án Giáo dục kỹ thuật và Dạy nghề.
22. Nguyễn Văn Giao (chủ biên) (2001), *Từ điển giáo dục học*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
23. Nguyễn Thanh Hà (2008), *Dạy học thực hành trang bị điện theo tiếp cận năng lực thực hiện trong đào tạo giáo viên dạy nghề hệ cao đẳng*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, ĐH Giáo dục.

24. Nguyễn Thị Hằng (2013), *Quản lý đào tạo nghề ở các trường dạy nghề theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục, ĐH Giáo dục.
25. Bùi Minh Hiền, Vũ Ngọc Hải, Đặng Quốc Bảo (2011), *Quản lý giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
26. Nguyễn Ngọc Hùng (2006), *Quản lý dạy thực hành theo tiếp cận năng lực trong đào tạo giáo viên tại trường SPKT*, Luận án Tiến sĩ, ĐH Quốc gia Hà Nội.
27. Vũ Xuân Hùng (2011), *Rèn luyện năng lực dạy học cho sinh viên đại học sư phạm kỹ thuật trong thực tập sư phạm theo tiếp cận NLTH*, Luận án Tiến sĩ Lý luận và lịch sử giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
28. Phan Văn Kha (2007), *Giáo trình quản lý nhà nước về giáo dục*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
29. Trần Kiểm (2006), *Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
30. Phan Long (2000), *Xây dựng chương trình giảng dạy nghiệp vụ sư phạm kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên kỹ thuật, dạy nghề đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước*, Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ B2000-19-20, Đại học SPKT Tp. Hồ Chí Minh.
31. Nguyễn Lộc (chủ biên) (2009), *Cơ sở lý luận quản lý trong tổ chức giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
32. Lê Thùy Linh (2013), *Dạy học giáo dục học ở đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực thực hiện*, Luận án Tiến sĩ Lý luận và lịch sử giáo dục, ĐH Thái Nguyên.
33. Quốc hội (2006), *Luật Dạy nghề*, số 76/2006/QH11 ngày 29/11/2006.
34. Nguyễn Việt Sự (2005), *Giáo dục nghề nghiệp – Những vấn đề và giải pháp*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

35. Phạm Minh Phương (2013), *Quản lý đào tạo nhân lực tại doanh nghiệp may Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục, ĐH Giáo dục.
36. Đào Thị Thanh Thủy (2012), *Quản lý đào tạo nhân lực kỹ thuật đáp ứng nhu cầu phát triển các khu công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm miền Trung*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục, ĐH Giáo dục.
37. Phan Chính Thức (2003), *Những giải pháp phát triển đào tạo nghề góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục.
38. Nguyễn Đức Tĩnh (2007), *Quản lý nhà nước về đầu tư phát triển đào tạo nghề ở nước ta – Thực trạng và giải pháp*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
39. Tổng cục Dạy nghề (1998), *Nghiên cứu đánh giá hệ thống các cơ sở đào tạo nghề, kiến nghị biện pháp nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về công tác dạy nghề*, Đề tài cấp Bộ, Hà Nội.
40. Tổng cục dạy nghề (2004), *Sổ tay về thiết kế và tổ chức khóa tập huấn kỹ năng giảng dạy*, Dự án SVTC, 10/2004.
41. Tổng cục dạy nghề (2004), *Sổ tay xây dựng chương trình*, Dự án SVTC, 10/2004.
42. Tổng cục Dạy nghề (2005), *Hệ thống dạy nghề của Việt Nam trong tiến trình hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới*, Đề tài cấp Bộ, Hà Nội.
43. Tổng cục dạy nghề (2011), *Báo cáo dạy nghề Việt Nam năm 2011*.
44. Tổ chức Lao động Quốc tế, Tổng cục dạy nghề (2011), *Kỹ năng dạy học - Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên và người dạy nghề*, NXB Thanh Niên, Hà Nội.

45. Nguyễn Đức Trí (1996), *Tiếp cận đào tạo nghề dựa trên năng lực thực hiện và xây dựng tiêu chuẩn nghề*, Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ B93-38-24, Trung tâm Nghiên cứu ĐH và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội.
46. Nguyễn Đức Trí (2000), *Xây dựng mô hình đào tạo giáo viên kỹ thuật ở trình độ đại học cho các trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề*, Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ B99-52-36, Viện Nghiên cứu phát triển giáo dục, Hà Nội.
47. Nguyễn Đức Trí (2003), *Khái quát về hệ thống tiêu chuẩn nghề, đánh giá và cấp văn bằng chứng chỉ trong GDKT&DN (tài liệu tập huấn)*, Dự án GDKT&DN, Bộ LĐTB&XH, Hà Nội.
48. Nguyễn Đức Trí (2010), *Giáo trình quản lý quá trình đào tạo trong nhà trường*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
49. Nguyễn Đức Trí (2010), *Quản lý quá trình đào tạo ở trường trung cấp chuyên nghiệp*, in trong cuốn *Những vấn đề cơ bản về công tác quản lý trường trung cấp chuyên nghiệp* (lưu hành nội bộ), Dự án phát triển giáo viên THPT và TCCN, Bộ GD&ĐT và Ngân hàng phát triển châu Á.
50. Nguyễn Đức Trí, Phan Chính Thức (2010), *Một số vấn đề về quản lý cơ sở dạy nghề*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
51. Hoàng Ngọc Trí (2005), *Nghiên cứu các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo công nhân kỹ thuật xây dựng ở Thủ đô Hà Nội*, Luận án tiến sĩ Lý luận và lịch sử sư phạm học, ĐH Sư phạm Hà Nội.
52. Nguyễn Chí Trường (2013), *Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến công tác dạy nghề Việt Nam: Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giai đoạn 2013 – 2020*, Luận án Tiến sĩ Quản trị kinh doanh, ĐH Thái Nguyên - Việt Nam và ĐH Southern Luzon –Philippines.
53. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên) (2001), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

54. Nguyễn Quang Việt (2006), *Kiểm tra đánh giá trong dạy học thực hành theo tiếp cận năng lực thực hiện*, Luận án Tiến sĩ Lý luận và lịch sử giáo dục, Đại học Sư phạm Hà Nội.
55. Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Xây dựng (2010), *Báo cáo xây dựng kế hoạch dạy nghề 2011 và giai đoạn 2011-2015*, số 323/BXD-TCCB, ngày 10/8/2010.
56. Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Xây dựng (2012), *Báo cáo xây dựng kế hoạch dạy nghề 2013*, số 320/BXD-TCCB, ngày 24/9/2012.
57. Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Xây dựng (2012), *Báo cáo chuyên đề điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng đội ngũ công nhân – lao động trong một số đơn vị thuộc Bộ Xây dựng*, dự án SNKT cấp Bộ 2012.
58. Website: <http://dantri.com.vn/nghe-nghiep/thi-truong-van-doi-lao-dong-ky-thuat-cao-710932.htm>
59. Website: [www.thongtintuyensinh.vn](http://www.thongtintuyensinh.vn)
60. Võ Thị Xuân (2003), *Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo kỹ năng Sư phạm kỹ thuật*, Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ B2003-19-28, ĐH SPKT TP.Hồ Chí Minh.

### **Tiếng nước ngoài**

61. Andrew Smith (1998), *Training and development in Australia*, Butterworth, New South Wales, Sydney, Australia.
62. Bob Mansfield (1989), *Competence and Standards*, Britain.
63. Bob Mansfield, Herman Schmidt (1999), *A Framework for Defining and Assessing Occupational and Training Standards in Developing Countries*, Turin, European Training Foundation.
64. Boyatzits, R.E., Cowen, S.S., Klob, D.A. et al (1995), *Innovation in Professional Education: Steps on Journey from Teaching to Learning*, Jossey-Bass, San Francisco, CA., USA.

65. Bruce Markenzie (1995), *Designing a Competency – Based Training Curriculum*, Homesglen College TAFE. Australia.
66. Competency-based traing, TAFE Queensland, 03 December, 2008, [http://www.tafe.qld.gov.au/courses/flexible\\_study/competency.html](http://www.tafe.qld.gov.au/courses/flexible_study/competency.html)
67. Curtis R.Finch, John R. Crunkilton: *Curriculum Development in Vocational and Technical Education*, Copyright 1993,1989,1984,1979 by Allyn and Bacon. A Division of Simon & Schuster, Inc. 160 Goul Street, Needham Heights, Massachusetts02194.
68. G. Debling (1989), *Standards, Program and VNEs, Implication for Education*, Britain.
69. Harris, R., Guthrie, H., Hobart, B., & Lundberg, D. (1995), *Competency-Based Education and Training: Between a Rock and a Whirlpool*. South Melbourne: Macmillan Education Australia.
70. Harold Koontz – Cyril O’Doanh nghiệpnell – Heinz Weihrich: *Essentials of Management*, Tata McGraw-Hill Publishing Company LTD, New Delhi. (Bản dịch: Vũ Thiều, Nguyễn Mạnh Quân, Nguyễn Đăng Dâu: *Những vấn đề cốt yếu của quản lý*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1994).
71. Heinz Mandl, Hans Gruber und Alexander renkl (2002), *Situiertes Lernen in multimedialen Lernumgebungen*, in: Ising L J, Klimsa(ed) information und Lernen mit Multimedia, 2 ueber. Auflage, Psychologie Verlages Union, Wenheim.
72. ILO, *Occupational Competencies: Identification, Training, Evaluation, Certification*, [www.cinterfor.org.uy](http://www.cinterfor.org.uy).
73. ILO (1980), *Module of Employable Skills*. Geneva.
74. InWEnt – CapacityBuilding International, Germany: *Technological Cooperation, System Development and Management in Vocational Training*, Division 4.01, Käthe-Kollwitz-Straße 15, 68169 Mannheim.

75. John Collum: *Các thể kỹ năng về phương pháp dạy học*, Swisscontact, 2000.
76. John W. Burke (1995), *Competency Based Education and Training*, The Falmer Press, London và New York.
77. Heinz Wehrich, Kai-Uwe Seidenfuss, Volker Goebel (1996), *Managing vocational training as a joint venture - can the German approach of cooperative education serve as a model for the United States and other countries?*, European Business Review, Vol. 96 Iss: 1, pp.31 – 40, MCB UP Ltd. <http://www.emeraldinsight.com/journals.htm?articleid=869066>
78. Kathleen Santopietro Weddel (2006), *Competency Based Education And Content Standards*, Northern Colorado Literacy Resource Center, USA.
79. Kerka, Sandra (1997), *Competency-based education and training: Myths and Realities. ERIC Clearinghouse on Adult, Career and Vocational Education, Columbus, OHIO*. [On-line]. Available: hyperlink <http://ericacve.org/docgen.asp?tbl=mr&ID=65>.
80. Leesa Wheelahan (2012), “The problem with competency-based training, Educating for the knowledge economy: critical perspectives?” *edited by Hugh Lauder, Michael Young, Harry Daniels, Maria Balarin and John Lowe*, Published: London và New York, England: Routledge, Taylor và Francis, pp.152 - 165.
81. Markus, Gerald A. Straka (2002), *Lebenslanges Lernen in der Arbeitswelt*, Universitaet Bremen, Bremen.
82. McLagan, P. A. (1997, May). *Competencies: the next generation. Training and Development*, 51 (5), 40-48.
83. Peter Baumgartner, Harmut Häfele, Kornelia Maier – Häfele (2002): *Auswahl von Lernplattformen*, Studien Verlag, München.

84. Rothwell, W. J. & Lindholm, J. E. (1999), *Competency identification, modeling and assessment in the USA. International Journal of Training and Development*, 3 (2), 90-105.
85. Rudolf Batliner, SFSP (Social Forestry Support Programme), April/2002, *Teaching Methodology Handbook*, Vaduz.
86. Rudolf Tippelt (2003), *Competency - based training*, Larissa Weigel, Heidelberg, Germany.
87. Schenk, John P. (2013), *The Life and Times of Victor Karlovich Della-Vos*, Retrieved 31 December 2013.
88. Shirley Fletcher (1995), *Competence - Based Assessment Techniques*, Kogan Page Ltd, Londoanh nghiệp.
89. Shirley Fletcher (1997), *Designing Competence - Based Training*, 2<sup>ND</sup> edition, Kogan Page Ltd, Londoanh nghiệp.
90. Taylor & Francis Groups (1994), *Competency Based Assessment in the Professions in Australia*, Assessment in Education: Principles, Policy & Practice, Volume 1, Issue 1.
91. Thomas D., Slilke H. (2011), Structures and functions of competency-based education and training (CBET): a comparative perspective, <http://star-www.inwent.org/dokumente/bib-2012/giz2012-0004en-competency-based-education-training.pdf>, date 12/12/2012.
92. Tian Ye (2011), “Competence development program (CDP) for Beijing vocational education and training teachers”, *International network on innovative apprenticeship, International conference, Foreign Language Teaching and Research Press, Beijing - China*, pp225 - 228.
93. Vladimir Gasskov (2000), *Managing vocational training systems*, International Labour Office, Geneva, Switzerland



94. William E.Blank (1982): *Handbook for Developing Competency-Based Training Programs*, Prentice-Hall, Inc. Englewood Cliffs, New Jersey 07632.
95. Whetten, D. A. and Cameron, K. S. (1995). *Developing Management Skills*, 3rd ed., Harper Collins, New York.
96. [www.engineersaustralia.org.au/sites/default/files/shado/ACED/ACED%20Submission%20to%20HEd%20Review%20final\\_doc.pdf](http://www.engineersaustralia.org.au/sites/default/files/shado/ACED/ACED%20Submission%20to%20HEd%20Review%20final_doc.pdf)

**PHỤ LỤC****Phụ lục 1:****CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO THỰC HIỆN KHẢO SÁT, ĐIỀU TRA**

<b><i>TT</i></b>	<b><i>Tên trường</i></b>	<b><i>Địa chỉ</i></b>	<b><i>Điện thoại, email liên hệ</i></b>	<b><i>Ghi chú</i></b>
1	Cao đẳng xây dựng số 1	Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội	(04) 62652629 ctc1@ctc1.edu.vn	Đơn vị gửi phiếu điều tra
2	Cao đẳng xây dựng số 2	190 Võ Văn Ngân, P.Bình Thọ, Q.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh	(08) 38960607 phongdaotao.cx2@moet.edu.vn	
3	Cao đẳng xây dựng Nam Định	Quốc lộ 10, P.Lộc Vượng, TP. Nam Định	(0350) 3682841 truong@cdxdnd.edu.vn	
4	Cao đẳng xây dựng công trình đô thị	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	(04) 36520944 cdxdctdothi@gmail.com	
5	Cao đẳng nghề Viglacera	Xã Đông Phong, huyện Yên Phong, Bắc Ninh	(0241) 3884588 viglaceravc@yahoo.com.vn	
6	Cao đẳng nghề Việt Xô số 1	Đường Phạm Văn Đồng, P.Xuân Hòa, Tx.Phúc Yên, Vĩnh Phúc	(0211) 3863056 truongvietxo@gmail.com	
7	Cao đẳng nghề Lilama 1	Đường Lê Hồng Phong, P.Đông Thành, Tx.Ninh Bình, Ninh Bình	(030) 3871015 dangsy09@gmail.com	
8	Đại học Xây dựng Miền trung	24 Nguyễn Du – Phường 7 – Tp. Tuy Hòa – Phú Yên	(057) 3823371 phongcntt.cx3@moet.edu.vn	
9	Đại học Xây dựng Miền tây	20B Phó Cơ Điều – Phường 3 – Tx. Vĩnh Long – Vĩnh Long	(70) 3825903 mtu@mut.edu.vn	

**Phụ lục 2:****CÁC DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN KHẢO SÁT, ĐIỀU TRA**

<i>TT</i>	<i>Tên doanh nghiệp</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Điện thoại, email liên hệ</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Công ty Lilama 69-1	17 Lý Thái Tổ, Tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh	(0241) 3820584 mail@lilama69-1.com.vn	Đơn vị gửi phiếu điều tra
2	Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng và dịch vụ thương mại Hà Nội	Tổ 7, Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	0913565175 minhquang1975@gmail.com	
3	Công ty CP Thương mại - dịch vụ xây dựng và môi trường công nghiệp	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	0912629935 minhcdxdctdt@gmail.com	
4	Công ty CP tư vấn đầu tư và xây dựng đô thị Việt Á	43 Lò Đúc, Hai Bà Trưng, Hà Nội	0916518579 info@vietahouse.com	
5	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Anpha Việt Nam	Đồng Nguyên, Từ Sơn, Bắc Ninh	0913522820 ngoquangvinhxd@gmail.com	
6	Công ty CP đầu tư và xây dựng HUD 1 (thuộc Tổng Công ty đầu tư và phát triển nhà – HUD)	168 đường Giải Phóng, Thanh Xuân, Hà Nội	(04) 38687557 hud1@hud1.vn	

**Phụ lục 3:**  
**PHIẾU ĐIỀU TRA**

*(Dành cho cán bộ quản lý của các cơ sở đào tạo)*

*Để có cơ sở đánh giá thực trạng đào tạo và quản lý đào tạo tại các trường đối với nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện (NLTH) kính mong Quý vị trả lời các câu hỏi trong Phiếu điều tra dưới đây. Tất cả các thông tin này chỉ nhằm phục vụ công tác nghiên cứu, không phục vụ vào mục đích nào khác!*

**Xin vui lòng điền một số thông tin cá nhân:**

**Họ và tên** (không bắt buộc):.....

**Thâm niên công tác:** .....năm

**Trình độ chuyên môn:** ..... **Chuyên ngành:** .....

**Chức vụ, Trường:** .....

**Câu 1: Nhà trường tuyển sinh theo NLTH bao nhiêu lần trong một năm?**

<i>Số lần tuyển sinh trong năm</i>	<i>Hệ đào tạo</i>	<i>Chính quy</i>	<i>Ngắn hạn</i>
1) Một lần		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2) Từ 2 lần trở lên		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3) Bất kỳ lúc nào nếu nhà trường đủ điều kiện thực hiện		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4) Bất kỳ lúc nào nếu người học có nhu cầu và đạt được thỏa thuận		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 2: Công tác tuyển sinh theo NLTH đang thực hiện theo hình thức nào?**

- 1) Quảng bá, thông báo tuyển sinh trên các phương tiện thông tin đại chúng
- 2) Gửi thông báo kèm chương trình đào tạo/ bồi dưỡng đến các doanh nghiệp
- 3) Tiếp nhận học viên theo nhu cầu doanh nghiệp (hoặc cá nhân)
- 4) Hướng nghiệp và tư vấn chọn nghề cho học sinh phổ thông
- 5) Khác (xin ghi cụ thể):

**Câu 3: Khi phân chia lớp/nhóm sau tuyển sinh, nhà trường tiến hành như thế nào?**

- 1) Phân loại dựa vào kết quả tốt nghiệp THPT
- 2) Phân loại thông qua một kỳ khảo sát theo năng lực do trường tổ chức
- 3) Phân chia đảm bảo số lượng HS trong một lớp/nhóm theo giới hạn quy định và tương đối đồng đều
- 4) Khác (xin ghi cụ thể):

**Câu 4: Việc phát triển và hiệu chỉnh CTĐT được thực hiện như thế nào?**

- 1) Thành lập Hội đồng độc lập do BGH chủ trì
- 2) Giao cho các Khoa chủ quan chủ trì theo quyết định và kế hoạch hằng năm
- 3) Cán bộ giảng dạy đề xuất trực tiếp từng môn học, mô đun và trình BGH ra quyết định thay thế từng môn học, mô đun sau mỗi kỳ giảng dạy
- 4) Khác (xin ghi cụ thể): ....

**Câu 5: Chu kỳ hiệu chỉnh CTĐT được thực hiện như thế nào?**

- 1) Theo năm học
- 2) Theo khóa đào tạo
- 3) Không quy định chu kỳ cụ thể

**Câu 6: Cơ sở để tiến hành hiệu chỉnh CTĐT của nhà trường là gì?**

- 1) Theo các điều kiện đáp ứng của nhà trường (giáo viên, cơ sở vật chất...)
- 2) Theo đòi hỏi đầu ra của thị trường lao động
- 3) Theo sự tiến bộ của KHCN
- 4) Theo sự đề xuất trực tiếp của các doanh nghiệp trong lĩnh vực liên quan
- 5) Theo sự đề xuất trực tiếp của Bộ môn
- 6) Khác (xin ghi cụ thể): ....

**Câu 7: Ông (Bà) hãy đánh giá mức độ phù hợp của mục tiêu, nội dung CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN so với yêu cầu của sản xuất?**

Các tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá				
	<i>Thấp</i>	<i>Tương đối thấp</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Tương đối cao</i>	<i>Cao</i>
Về kiến thức	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Về kỹ năng tay nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Về thái độ, tác phong nghề nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 8: Ông (Bà) hãy đánh giá về tỉ trọng lý thuyết và thực hành trong CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN.**

Các nội dung chất lượng	Mức đánh giá		
	<i>Nhẹ</i>	<i>Phù hợp</i>	<i>Nặng</i>
Về tỉ trọng lý thuyết	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Về tỉ trọng thực hành	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 9: Việc xây dựng mục tiêu, chương trình đào tạo/bồi dưỡng ngắn hạn nghề Kỹ thuật xây dựng được thực hiện như thế nào?**

- 1) Do giáo viên thực hiện theo quy trình từ xác định nhu cầu, phân tích nghề, phân tích công việc... đến sản phẩm cuối là các mô đun hoàn chỉnh
- 2) Có sự tham gia trực tiếp của các chuyên gia, cán bộ kỹ thuật của các doanh nghiệp
- 3) Sử dụng nguyên bản một số mô đun, môn học trong chương trình đào tạo chính quy hiện hành
- 4) Sử dụng nguyên bản chương trình đào tạo do doanh nghiệp cung cấp

**Câu 10: Việc tuyển dụng giáo viên mới được thực hiện như thế nào?**

- 1) Bộ môn đề xuất trên cơ sở nhu cầu và dự báo phát triển của nghề
- 2) Thông báo tuyển dụng và tổ chức thi tuyển đánh giá chuyên môn, kỹ năng nghề, khả năng sư phạm, trình độ tin học, ngoại ngữ
- 3) Không thông báo tuyển dụng rộng rãi, chỉ tiếp nhận theo giới thiệu và tổ chức bồi dưỡng các kỹ năng cần thiết sau
- 4) Khác (xin ghi cụ thể):

**Câu 11: Đánh giá chủ quan của Ông (Bà) về chất lượng các hoạt động nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên đã được tham gia? (thấp nhất là 1 và điểm tối đa là 5).**

Các tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá				
	1	2	3	4	5
1) Khảo sát đánh giá năng lực dạy học tích hợp của GV	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2) Hội giảng các cấp từ Bộ môn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3) Bồi dưỡng lý thuyết chuyên môn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4) Bồi dưỡng thực hành chuyên môn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5) Bồi dưỡng lý luận nghiệp vụ sư phạm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6) Bồi dưỡng năng lực dạy học tích hợp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7) Bồi dưỡng phương pháp nghiên cứu khoa học	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8) Bồi dưỡng ngoại ngữ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9) Bồi dưỡng tin học	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10) Đào tạo lại để chuyển đổi ngành nghề giảng dạy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11) Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
12) Tổ chức thăm quan, tìm hiểu công nghệ ở các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
13) Tổ chức hội thảo chuyên đề về dạy học tích hợp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
14) Cá nhân giáo viên có trách nhiệm tự bồi dưỡng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
15) Khác (xin ghi cụ thể):	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 12: Ông (Bà) hãy đánh giá cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH tại các cơ sở đào tạo theo khả năng đáp ứng.**

Nội dung đánh giá	Đủ	Tương đối đủ	Thiếu
1) Phòng dạy – học tích hợp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2) Phòng học lý thuyết, chuyên môn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3) Xưởng thực hành	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4) Phòng thí nghiệm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5) Phương tiện dạy học lý thuyết	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6) Phương tiện thực hành	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7) Phương tiện đồ dùng thí nghiệm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8) Tài liệu giáo trình	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9) Các trang thiết bị, phương tiện, đồ dùng phục vụ khác	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 13: Ông (Bà) hãy đánh giá cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH theo mức độ hiện đại so với thực tế sản xuất.**

Nội dung đánh giá	Hiện đại	Tương đối hiện đại	Lạc hậu
1) Phòng dạy – học tích hợp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2) Xưởng thực hành	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3) Phòng thí nghiệm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4) Phương tiện dạy học lý thuyết	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5) Phương tiện thực hành	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6) Phương tiện đồ dùng thí nghiệm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7) Các trang thiết bị, phương tiện, đồ dùng phục vụ khác	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 14: Việc tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng đáp ứng dạy học theo NLTH được thực hiện như thế nào?**

- 1) Thực hiện thường xuyên hàng năm trên cơ sở lưu lượng người học
- 2) Thực hiện thường xuyên hàng năm trên cơ sở thay đổi về chương trình đào tạo
- 3) Thực hiện thường xuyên hàng năm trên cơ sở thay đổi về công nghệ
- 4) Thực hiện khi có nguồn vốn nhà nước
- 5) Thực hiện khi cần đáp ứng cục bộ theo một nhu cầu của doanh nghiệp

**Câu 15: Nhà trường có ban hành quy định và các quy trình thống nhất công tác quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học theo NLTH?**

- 1) Có đầy đủ kế hoạch, quy trình và biểu mẫu thống nhất
- 2) Không có quy định chính thức
- 3) Khác (xin ghi cụ thể):

**Câu 16: Công cụ quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học là gì?**

- 1) Thực hiện thủ công trên các mẫu giấy tờ
- 2) Kết hợp thủ công và tin học hóa
- 3) Tin học hóa trên hệ thống mạng nội bộ

**Câu 17: Việc quản lý thực hiện mục tiêu, nội dung dạy học theo NLTH được thực hiện như thế nào?**

- 1) Lập kế hoạch đầy đủ, quy trình chi tiết và công khai
- 2) Có phân cấp quản lý từ Ban Giám hiệu đến từng Bộ môn, bộ phận liên quan
- 3) Tổ chức thực hiện nghiêm túc, có điều chỉnh kịp thời khi cần thiết
- 4) Có các bộ phận kiểm tra, giám sát đúng chức năng

**Câu 18: Nhà trường quản lý việc thực hiện kế hoạch dạy học nói chung và theo NLTH như thế nào?**

- 1) Lập kế hoạch, tiến độ năm học đối với từng lớp, khóa
- 2) Lập kế hoạch, tiến độ năm học đối với từng giáo viên
- 3) Tổ chức các đoàn kiểm tra, đánh giá và giám sát chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch dạy học đối với giáo viên và học sinh
- 4) Kiểm tra sổ sách, giáo án, đề cương bài giảng,... của từng giáo viên
  - theo kế hoạch đã duyệt*
  - đột xuất (không thông báo trước)*
  - không kiểm tra*
- 5) Kiểm tra thời gian thực hiện bài giảng
  - theo kế hoạch đã duyệt*
  - đột xuất (không thông báo trước)*
  - không kiểm tra*
- 6) Dự giờ đánh giá chất lượng bài giảng và mức độ hoàn thành mục tiêu bài giảng theo mẫu phiếu đánh giá
- 7) Tự đánh giá và làm báo cáo gửi bộ môn trực tiếp quản lý (GV thực hiện)
- 8) Đánh giá chất lượng từng bài giảng

**Câu 19: Nhà trường xử lý việc học sinh đăng ký học vượt như thế nào?**

- 1) Xem xét các điều kiện theo quy chế

- 2) Chưa có trường hợp nào đăng ký
- 3) Nếu có đăng ký học vượt thì học sinh phải chờ học cùng cả lớp theo niên chế vì không đủ điều kiện tổ chức học vượt

**Câu 20: Nhà trường không đủ điều kiện tổ chức học vượt vì lý do gì?**

- 1) Chương trình đào tạo các khóa không giống nhau (vì đã bị hiệu chỉnh theo năm học) nên không ghép được vào khóa trước
- 2) Điều kiện cơ sở vật chất không đảm bảo
- 3) Số lượng người học vượt không đủ mở lớp riêng
- 4) Khác (xin ghi rõ):

**Câu 21: Nhà trường tổ chức dạy các mô đun nghề Kỹ thuật xây dựng trong chương trình như thế nào?**

- 1) Học riêng lý thuyết học trên giảng đường, sau đó thực hành tại xưởng thực hành (do 2 giáo viên dạy)
- 2) Lý thuyết và thực hành dạy tích hợp theo từng bài cụ thể

**Câu 22: Nếu một học sinh không đủ năng lực học tập (tiếp thu chậm) có đơn đăng ký hoãn học một số mô đun và kéo dài thời gian học tập thì nhà trường xử lý thế nào?**

- 1) Động viên học theo lớp, nếu quá yếu chấp nhận lưu ban khóa sau
- 2) Cử giáo viên chuyên ngành hỗ trợ để giúp học sinh theo kịp lớp
- 3) Khác (xin ghi cụ thể):

**Câu 23: Nếu dạy học tách riêng lý thuyết và thực hành thì NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng của học sinh có bảo đảm đúng theo mục tiêu đào tạo?**

- 1) Đảm bảo đúng theo chương trình đào tạo đối với từng người học
- 2) Không đảm bảo do lớp/ nhóm quá đông
- 3) Không đảm bảo do vật tư tính theo đầu người học quá ít
- 4) Khác (xin ghi cụ thể):

**Câu 24: Nhà trường có ban hành quy định và các quy trình thống nhất công tác quản lý việc thực hiện kế hoạch dạy học theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng?**

- 1) Có đầy đủ kế hoạch và chi tiết các bước theo năm học
- 2) Không, các bộ phận tự tổ chức quản lý theo chức năng, nhiệm vụ

**Câu 25: Công tác quản lý việc sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng được nhà trường thực hiện như thế nào?**

- 1) Giao cho các Khoa quản lý theo nhóm ngành nghề đào tạo
- 2) Lập bộ phận chuyên trách riêng thuộc Phòng Đào tạo
- 3) Khác (xin ghi cụ thể): ...

**Câu 26: Việc đánh giá các phương pháp dạy học theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng của giáo viên do bộ phận nào thực hiện?**

- 1) Phòng Đào tạo
- 2) Các Bộ môn, Khoa chuyên ngành
- 3) Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
- 4) Một bộ phận chuyên trách thuộc Ban Giám hiệu
- 5) Không tổ chức đánh giá phương pháp dạy học

**Câu 27: Việc đánh giá kết quả dạy của giáo viên theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng**



**được thực hiện như thế nào?**

- 1) Được thống nhất theo một quy trình đảm bảo đánh giá kiến thức, kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm
- 2) Do bộ phận chuyên trách tự lựa chọn trước khi tiến hành đánh giá kết quả giảng dạy của giáo viên
- 3) Không đánh giá kết quả giảng dạy của giáo viên
- 4) Khác (xin ghi cụ thể):

**Câu 28: Đánh giá của Ông (Bà) về chất lượng các hoạt động quản lý học tập và HS**

<i>Nội dung quản lý</i>	<i>Mức đánh giá</i>			
	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Yếu kém</i>
1) Hoạt động học tập, rèn luyện trong giờ học lý thuyết trên lớp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2) Hoạt động học tập, rèn luyện trong giờ học thực hành ở phòng thí nghiệm, xưởng trường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3) Hoạt động học tập, rèn luyện trong giờ học thực hành, thực tập ngoài doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4) Hoạt động học tập, rèn luyện trong các buổi tham quan, đi thực địa...	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5) Hoạt động học tập, rèn luyện ngoại khóa, đoàn thể... tại trường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6) Hoạt động học tập, rèn luyện ngoại khóa, đoàn thể... ngoài trường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7) Phối hợp nhà trường - gia đình - địa phương trong quản lý HS	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 29: Ngoài quy định có liên quan theo văn bản Nhà nước, Nhà trường có ban hành quy định và các quy trình thông nhất công tác quản lý việc đánh giá kết quả học tập theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng không?**

- Có đầy đủ quy trình và biểu mẫu  Không có quy định nội bộ

**Câu 30: Các căn cứ để đánh giá kết quả học tập của mỗi mô đun nghề Kỹ thuật xây dựng là gì?**

- 1) Kết quả các bài thi/kiểm tra kiến thức lý thuyết
- 2) Kết quả các bài thi/kiểm tra thực hành kỹ năng
- 3) Kết quả đánh giá thái độ trong quá trình học tập
- 4) Kết quả đánh giá bài thi/kiểm tra tích hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ
- 5) Khác (xin ghi cụ thể):

**Câu 31: Cách thức đánh giá kết quả học tập theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng của người học được nhà trường quy định như thế nào?**

- 1) Được thống nhất trong chương trình đào tạo
- 2) Không quy định, do giáo viên tự lựa chọn
- 3) Do giáo viên tự lựa chọn và thông qua Khoa/Bộ môn
- 4) Được cụ thể hóa trong ngân hàng đề thi của Trường

**Câu 32: Ai tham gia đánh giá kết quả đầu ra/thi tốt nghiệp?**

- 1) Chỉ có giáo viên thuộc tiểu ban của Hội đồng tốt nghiệp
- 2) Có mời các chuyên gia, cán bộ kỹ thuật của doanh nghiệp tham gia đánh giá

**Câu 33: Quản lý công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho học sinh tốt nghiệp được**

**Trường giao cho bộ phận nào?**

- 1) Phòng Công tác học sinh – sinh viên
- 2) Các Khoa chuyên ngành
- 3) Một bộ phận chuyên trách thuộc Ban Giám hiệu
- 4) Trung tâm hướng nghiệp và giới thiệu việc làm của Trường
- 5) Không thực hiện việc này

**Câu 34: Ông (Bà) hãy đánh giá mức độ phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp trong tổ chức và quản lý đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH.**

<i>Nội dung và hình thức phối hợp</i>	<i>Mức độ phối hợp</i>		
	<i>Chưa</i>	<i>Đôi khi</i>	<i>Thường xuyên</i>
1) Doanh nghiệp cung cấp thông tin cho CSĐT về nhu cầu tuyển dụng và cách tuyển lao động	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2) Doanh nghiệp cung cấp thông tin cho CSĐT về quá trình đổi mới trong sản xuất – kinh doanh và yêu cầu, nhu cầu lao động kỹ thuật mới	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3) CSĐT cung cấp thông tin cho doanh nghiệp về học sinh, sinh viên sắp tốt nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4) Chuyên gia của doanh nghiệp tham gia giảng dạy và hướng dẫn thực tập cho học sinh, sinh viên	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5) Doanh nghiệp tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên tham quan, thực tập sản xuất	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6) Doanh nghiệp hỗ trợ về cơ sở vật chất, phương tiện dạy và học cho CSĐT	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7) Doanh nghiệp hỗ trợ kinh phí đào tạo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8) Doanh nghiệp tham gia xây dựng hoặc hiệu chỉnh chương trình đào tạo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7) Doanh nghiệp tham gia đánh giá kết quả đầu ra của HS theo NLTH kết hợp tuyển dụng lao động kỹ thuật nghề Kỹ thuật xây dựng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8) Chuyên gia của doanh nghiệp tham gia tư vấn và tuyển dụng HS tốt nghiệp tại CSĐT	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9) CBQL của CSĐT đến tìm hiểu nhu cầu sử dụng lao động nghề Kỹ thuật xây dựng tại doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10) Doanh nghiệp cử người lao động nghề Kỹ thuật xây dựng bồi dưỡng phát triển nghề nghiệp tại CSĐT	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11) Khác (xin ghi cụ thể):	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 35: Xin Ông (Bà) cho biết những khó khăn trong việc thiết lập và phát triển mối quan hệ giữa nhà trường với doanh nghiệp trong quản lý đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH.**

- 1) Chưa hiểu rõ lợi ích và tầm quan trọng của mối quan hệ
- 2) Nhà trường không sẵn sàng phối hợp
- 3) Chưa có phương pháp xây dựng mối quan hệ
- 4) Khó xây dựng được các nội dung phối hợp thỏa mãn lợi ích của cả nhà trường và doanh nghiệp
- 5) Doanh nghiệp không sẵn sàng tham gia

- 6) Cơ chế làm việc không phù hợp với hai bên
- 7) Chưa có cơ chế ưu đãi của nhà nước cho doanh nghiệp tham gia quá trình đào tạo
- 8) Khó khăn khác (ghi cụ thể)

**Câu 36: Theo đánh giá chủ quan của Ông (Bà) thì chất lượng đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN so với yêu cầu sử dụng nhân lực như thế nào?**

Các tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá				
	<i>Rất tốt</i>	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Kém</i>
Về kiến thức	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Về kỹ năng tay nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Về thái độ, tác phong nghề nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 37: Hàng năm, trong các báo cáo chính thức của nhà trường có các số liệu dưới đây không? Nếu có xin ghi giá trị (%) của năm học 2011-2012 vào cột tương ứng.**

	<i>Có</i>	<i>Nếu có (%)</i>	<i>Không</i>
1) Tỷ số giữa tổng số học sinh tốt nghiệp và tổng số chi phí của một khóa học (giá thành)	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
2) Tỷ lệ số HS, SV tốt nghiệp tìm được việc làm/tổng số HS, SV tốt nghiệp	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
3) Tỷ lệ số HS, SV tốt nghiệp có việc làm đúng ngành, nghề và trình độ đào tạo/tổng số HS, SV có việc làm	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>

**Câu 38: Xin Ông (Bà) cho biết ý kiến về mức độ hạn chế của đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo khi tổ chức và đào tạo theo NLTH (mức 1 là ít hạn chế, 4 là mức hạn chế cao).**

TT	Tiêu chí đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý	Mức độ hạn chế			
		<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
1	Lập kế hoạch, tiến độ dạy và học theo NLTH	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Thực hiện quy trình quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ hoặc theo NLTH	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Quản lý mục tiêu, chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra theo NLTH	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Quản lý thực hiện kế hoạch và các hoạt động dạy học theo NLTH	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Quản lý các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo theo NLTH (GV, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học,...)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Quản lý đánh giá kết quả học tập, tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ theo NLTH	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Quản lý mối quan hệ nhà trường và doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	Quản lý các dữ liệu “hậu tốt nghiệp” trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9	Làm báo cáo, thống kê dữ liệu đào tạo theo NLTH	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10	Ứng dụng các phần mềm trên máy tính hỗ trợ quản lý đào tạo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11	Vận dụng văn bản pháp quy và xử lý các tình huống phát sinh trong quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ hoặc theo NLTH	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
12	Chủ động đề xuất các giải pháp, phương án hợp lý trong quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ hoặc theo NLTH	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
13	Khác (xin nêu cụ thể)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 39: Xin Ông (Bà) cho biết những khó khăn hiện nay của các cơ sở đào tạo nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp.**

- 1) Tuyển sinh không đủ số lượng
- 2) Học sinh (đầu vào) có trình độ quá yếu
- 3) Nghề đang đào tạo không có sức hấp dẫn
- 4) Nội dung CTĐT không sát thực tế, ít cập nhật kiến thức, công nghệ mới
- 5) Đội ngũ giáo viên thiếu về số lượng và yếu về năng lực
- 6) Cơ sở vật chất thiếu và lạc hậu
- 7) Thời gian đào tạo quá dài
- 8) Học sinh ít được tiếp xúc với thực tế công việc
- 9) Phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp còn yếu
- 10) Ít hoặc không tham gia các Hội chợ việc làm, tư vấn hướng nghiệp, tuyển sinh...
- 11) Ít hoặc không có thông tin về thị trường lao động - việc làm
- 12) Nguồn kinh phí của trường cho đào tạo còn eo hẹp (ngân sách nhà nước, học phí, hỗ trợ doanh nghiệp, vốn vay...)
- 13) Khó khăn khác (ghi cụ thể)

***Xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của Quý vị!***

**Phụ lục 4:****PHIẾU ĐIỀU TRA***(Dành cho giáo viên trực tiếp giảng dạy nghề Kỹ thuật xây dựng)*

Để có cơ sở đánh giá thực trạng đào tạo và quản lý đào tạo tại các trường đối với nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện (NLTH), kính mong quý Thầy/Cô trả lời các câu hỏi trong Phiếu điều tra dưới đây. Tất cả các thông tin này chỉ nhằm phục vụ công tác nghiên cứu, không phục vụ vào mục đích nào khác!

**Xin vui lòng điền một số thông tin cá nhân:**

**Họ và tên**(không bắt buộc):.....

**Thâm niên công tác:** .....năm

**Trình độ chuyên môn:** ..... **Chuyên ngành:** .....

**Chức vụ, Trường:** .....

**Câu 1: Thầy (Cô) hãy đánh giá mức độ phù hợp của mục tiêu, nội dung CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN theo NLTH so với yêu cầu của sản xuất?**

Các tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá				
	<i>Thấp</i>	<i>Tương đối thấp</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Tương đối cao</i>	<i>Cao</i>
Về kiến thức	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Về kỹ năng tay nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Về thái độ, tác phong nghề nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 2: Thầy (Cô) hãy đánh giá về tỉ trọng lý thuyết và thực hành trong CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN.**

Các nội dung chất lượng	Mức đánh giá		
	<i>Nhẹ</i>	<i>Phù hợp</i>	<i>Nặng</i>
Về tỉ trọng lý thuyết	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Về tỉ trọng thực hành	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 3: Việc xây dựng mục tiêu, chương trình đào tạo/bồi dưỡng ngắn hạn nghề Kỹ thuật xây dựng được thực hiện như thế nào?**

- 1) Do giáo viên thực hiện theo quy trình từ xác định nhu cầu, phân tích nghề, phân tích công việc... đến sản phẩm cuối là các mô đun hoàn chỉnh
- 2) Có sự tham gia trực tiếp của các chuyên gia, cán bộ kỹ thuật của các doanh nghiệp
- 3) Sử dụng nguyên bản một số mô đun, môn học trong chương trình đào tạo chính quy hiện hành
- 4) Sử dụng nguyên bản chương trình đào tạo do doanh nghiệp cung cấp

**Câu 4: Điểm yếu của các giáo viên khi dạy học theo NLTH là gì?**

- 1) Lý thuyết nghề không tốt
- 2) Kỹ năng tay nghề không đáp ứng được sự phát triển thực tế của nghề
- 3) Sử dụng phương pháp dạy học không phù hợp với chương trình được mô đun hóa, tích hợp lý thuyết và thực hành

- 4) Không phân loại được học sinh trong quá trình dạy học
- 5) Không xác định rõ mục tiêu, yêu cầu của hoạt động tự học cho học sinh
- 6) Không theo dõi có hệ thống sự biến đổi nhận thức, tay nghề, thái độ của từng người học trong quá trình dạy – học
- 7) Không thực hiện giảng dạy và quản lý học sinh theo năng lực của từng người học
- 8) Thói quen dạy học theo phương thức “một chiều” – người học hoàn toàn bị động
- 9) Năng lực xây dựng, phát triển chương trình đào tạo theo NLTH yếu
- 10) Năng lực biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ dạy – học yếu
- 11) Chậm cập nhật và sự tiến bộ của KHCN
- 12) Năng lực dạy học tích hợp theo NLTH kém
- 13) Khác (xin ghi cụ thể):

**Câu 5: Đánh giá chủ quan của Thầy (Cô) về chất lượng các hoạt động nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên đã được tham gia? (thấp nhất là 1 và điểm tối đa là 5).**

Các tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá				
	1	2	3	4	5
1) Khảo sát đánh giá năng lực dạy học tích hợp của GV	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2) Hội giảng các cấp từ Bộ môn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3) Bồi dưỡng lý thuyết chuyên môn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4) Bồi dưỡng thực hành chuyên môn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5) Bồi dưỡng lý luận nghiệp vụ sư phạm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6) Bồi dưỡng năng lực dạy học tích hợp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7) Bồi dưỡng phương pháp nghiên cứu khoa học	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8) Bồi dưỡng ngoại ngữ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9) Bồi dưỡng tin học	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10) Đào tạo lại để chuyển đổi ngành nghề giảng dạy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11) Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
12) Tổ chức thăm quan, tìm hiểu công nghệ ở các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
13) Tổ chức hội thảo chuyên đề về dạy học tích hợp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
14) Cá nhân giáo viên có trách nhiệm tự bồi dưỡng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
15) Khác (xin ghi cụ thể):	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 6: Thầy (Cô) hãy đánh giá khả năng đáp ứng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH.**

Nội dung đánh giá	Đủ	Tương đối đủ	Thiếu
1) Phòng dạy – học tích hợp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2) Phòng học lý thuyết, chuyên môn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3) Xưởng thực hành	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4) Phòng thí nghiệm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5) Phương tiện dạy học lý thuyết	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6) Phương tiện thực hành	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7) Phương tiện đồ dùng thí nghiệm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8) Tài liệu giáo trình	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9) Các trang thiết bị, phương tiện, đồ dùng phục vụ khác	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 7: Thầy (Cô) hãy đánh giá mức độ hiện đại so với thực tế sản xuất về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng.**

<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Hiện đại</i>	<i>Tương đối hiện đại</i>	<i>Lạc hậu</i>
1) Phòng dạy – học tích hợp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2) Xưởng thực hành	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3) Phòng thí nghiệm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4) Phương tiện dạy học lý thuyết	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5) Phương tiện thực hành	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6) Phương tiện đồ dùng thí nghiệm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7) Các trang thiết bị, phương tiện, đồ dùng phục vụ khác	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 8: Việc tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH được thực hiện như thế nào?**

- 1) Thực hiện thường xuyên hàng năm trên cơ sở lưu lượng người học
- 2) Thực hiện thường xuyên hàng năm trên cơ sở thay đổi về chương trình đào tạo
- 3) Thực hiện thường xuyên hàng năm trên cơ sở thay đổi về công nghệ
- 4) Chỉ thực hiện khi có nguồn vốn nhà nước
- 5) Chỉ thực hiện khi cần đáp ứng cục bộ theo một nhu cầu của doanh nghiệp

**Câu 9: Việc cung cấp vật tư dạy và học thực hành được thực hiện như thế nào?**

- 1) Giáo viên giảng dạy đề nghị trên cơ sở số lượng người học, định mức quy định trong chương trình đào tạo
- 2) Một bộ phận chuyên trách thực hiện có tính ước lượng và phân phối theo đầu lớp học
- 3) Khác (xin ghi cụ thể):

**Câu 10: Quản lý thực hiện mục tiêu, nội dung dạy học theo NLTH được triển khai như thế nào?**

- 1) Lập kế hoạch đầy đủ, quy trình chi tiết và công khai
- 2) Có phân cấp quản lý từ Ban Giám hiệu đến từng Bộ môn, bộ phận liên quan
- 3) Tổ chức thực hiện nghiêm túc, có điều chỉnh kịp thời khi cần thiết
- 4) Có các bộ phận kiểm tra, giám sát đúng chức năng

**Câu 11: Nhà trường quản lý việc thực hiện kế hoạch dạy học theo NLTH như thế nào?**

- 1) Lập kế hoạch, tiến độ năm học đối với từng lớp, khóa
- 2) Lập kế hoạch, tiến độ năm học đối với từng giáo viên
- 3) Tổ chức các đoàn kiểm tra, đánh giá và giám sát chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch dạy học đối với giáo viên và học sinh
- 4) Kiểm tra sổ sách, giáo án, đề cương bài giảng, ... của từng giáo viên
  - theo kế hoạch đã duyệt*
  - đột xuất (không thông báo trước)*
  - không kiểm tra*
- 5) Kiểm tra thời gian thực hiện bài giảng
  - theo kế hoạch đã duyệt*
  - đột xuất (không thông báo trước)*
  - không kiểm tra*
- 6) Dự giờ đánh giá chất lượng bài giảng và mức độ hoàn thành mục tiêu bài giảng theo mẫu phiếu đánh giá

- 7) Tự đánh giá và làm báo cáo gửi bộ môn trực tiếp quản lý (GV thực hiện)
- 8) Đánh giá chất lượng từng bài giảng

**Câu 12: Nhà trường tổ chức dạy các mô đun nghề Kỹ thuật xây dựng trong chương trình như thế nào?**

- 1) Học riêng lý thuyết học trên giảng đường, sau đó thực hành tại xưởng thực hành (do 2 giáo viên dạy)
- 2) Lý thuyết và thực hành dạy tích hợp theo từng bài cụ thể

**Câu 13: Nếu một học sinh không đủ năng lực học tập (tiếp thu chậm) có đơn đăng ký hoãn học một số mô đun và kéo dài thời gian học tập thì nhà trường xử lý thế nào?**

- 1) Động viên học theo lớp, nếu quá yếu chấp nhận lưu ban khóa sau
- 2) Cử giáo viên chuyên ngành hỗ trợ để giúp học sinh theo kịp lớp
- 3) Khác (xin ghi cụ thể):

**Câu 14: Nếu dạy học tách riêng lý thuyết và thực hành thì NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng của học sinh có bảo đảm đúng theo mục tiêu đào tạo?**

- 1) Đảm bảo đúng theo chương trình đào tạo đối với từng người học
- 2) Không đảm bảo do lớp/ nhóm quá đông
- 3) Không đảm bảo do vật tư tính theo đầu người học quá ít
- 4) Khác (xin ghi cụ thể):

**Câu 15: Việc đánh giá các phương pháp dạy học theo NLTH của GV do bộ phận nào thực hiện?**

- 1) Phòng Đào tạo
- 2) Các Bộ môn, Khoa chuyên ngành
- 3) Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
- 4) Một bộ phận chuyên trách thuộc Ban Giám hiệu
- 5) Không tổ chức đánh giá phương pháp dạy học

**Câu 16: Việc đánh giá kết quả dạy của giáo viên theo NLTH được thực hiện như thế nào?**

- 1) Được thống nhất theo một quy trình đảm bảo đánh giá kiến thức, kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm
- 2) Do bộ phận chuyên trách tự lựa chọn trước khi tiến hành đánh giá kết quả giảng dạy của giáo viên
- 3) Không đánh giá kết quả giảng dạy của giáo viên
- 4) Khác (xin ghi cụ thể):

**Câu 17: Thầy (Cô) cho biết các phương pháp dạy học thường dùng trong dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH.**

- 1) Thuyết trình
- 2) Đàm thoại
- 3) Trực quan và phân tích (hình vẽ, mô hình, phim...)
- 4) Nêu vấn đề
- 5) Làm thí nghiệm
- 6) Thực hành theo bài tại xưởng trường
- 7) Thực hành theo năng lực hành nghề
- 8) Thực tập tại cơ sở sản xuất



- 9) Tham quan thực tế
- 10) Kèm cặp, truyền nghề
- 11) Tự nghiên cứu theo hướng dẫn của giáo viên
- 12) Trắc nghiệm
- 13) Seminar
- 14) Làm việc nhóm
- 15) Dạy học tích hợp theo NLTH
- 16) Phương pháp khác (xin ghi cụ thể):

**Câu 18: Đánh giá chủ quan của Thầy (Cô) về năng lực tự học của học sinh.**

Các tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá				
	<i>Rất kém</i>	<i>Kém</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Tốt</i>	<i>Rất tốt</i>
Về kiến thức	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Về kỹ năng tay nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Về thái độ, tác phong nghề nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 19: Theo Thầy (Cô) nguyên nhân dẫn đến năng lực tự học của HS không tốt.**

- 1) Do giáo viên chưa có phương pháp dạy học phù hợp
- 2) Do hệ thống thư viện, giáo trình tài liệu yếu kém, không đáp ứng được yêu cầu
- 3) Do giáo viên buông lỏng quản lý quá trình tự học
- 4) Do ý thức tự học của học sinh sinh viên kém
- 5) Do không có nơi rèn luyện kỹ năng ngoài giờ học
- 6) Khác (xin ghi rõ):

**Câu 21: Các hình thức đánh giá kết quả học tập theo NLTH của người học mà Thầy (Cô) thường sử dụng là:**

- 1) Tự luận (viết trên giấy)
- 2) Vấn đáp
- 3) Đánh giá kỹ năng nghề qua bài thực hành
- 4) Bài tập lớn
- 5) Trắc nghiệm khách quan
- 6) Kết hợp một số hình thức đủ để đánh giá NLTH của người học
- 7) Khác (xin ghi cụ thể nếu có tỷ lệ sử dụng  $\geq 50\%$ ):

**Câu 22: Thầy (Cô) đánh giá kết quả học tập theo NLTH của học sinh trên cơ sở nào?**

- 1) Trên cơ sở mục tiêu, nội dung dạy học đã soạn trong giáo án
- Đánh giá lý thuyết trên 6 cấp độ nhận thức
- Đánh giá thực hành trên 5 cấp độ kỹ năng
- Đánh giá thái độ trên 5 cấp độ
- 2) Theo hướng dẫn của trường với 3 mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà không quan tâm đến các cấp độ cụ thể
- 3) Theo cảm tính của cá nhân đảm bảo đủ số đầu điểm quy định trong bảng điểm

**Câu 23: Đánh giá của Thầy (Cô) về chất lượng các hoạt động quản lý học tập và HS**

<i>Nội dung quản lý</i>	<i>Mức đánh giá</i>			
	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Yếu kém</i>
1) Hoạt động học tập, rèn luyện trong giờ học lý thuyết trên lớp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2) Hoạt động học tập, rèn luyện trong giờ học thực hành ở phòng thí nghiệm, xưởng trường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3) Hoạt động học tập, rèn luyện trong giờ học thực hành, thực tập ngoài doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4) Hoạt động học tập, rèn luyện trong các buổi tham quan, đi thực địa...	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5) Hoạt động học tập, rèn luyện ngoại khóa, đoàn thể... tại trường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6) Hoạt động học tập, rèn luyện ngoại khóa, đoàn thể... ngoài trường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7) Phối hợp nhà trường - gia đình - địa phương trong quản lý HS	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 24: Xin Thầy (Cô) cho biết ý kiến về mức độ hạn chế của đội ngũ cán bộ quản lý khi tổ chức và quản lý đào tạo theo NLTH (mức 1 là ít hạn chế, 4 là mức hạn chế cao).**

<i>TT</i>	<i>Tiêu chí đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý</i>	<i>Mức độ hạn chế</i>			
		<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
1	Lập kế hoạch, tiến độ dạy và học theo NLTH	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Thực hiện quy trình quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ hoặc theo NLTH	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Quản lý mục tiêu, chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra theo NLTH	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Quản lý thực hiện kế hoạch và các hoạt động dạy học theo NLTH	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Quản lý các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo theo NLTH (GV, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học,...)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Quản lý đánh giá kết quả học tập, tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ theo NLTH	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Quản lý mối quan hệ nhà trường và doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	Quản lý các dữ liệu “hậu tốt nghiệp” trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9	Làm báo cáo, thống kê dữ liệu đào tạo theo NLTH	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10	Ứng dụng các phần mềm trên máy tính hỗ trợ quản lý đào tạo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11	Vận dụng văn bản pháp quy và xử lý các tình huống phát sinh trong quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ hoặc theo NLTH	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
12	Chủ động đề xuất các giải pháp, phương án hợp lý trong quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ hoặc theo NLTH	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
13	Khác (xin nêu cụ thể)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 25: Thầy (Cô) hãy đánh giá mức độ phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp trong tổ chức và quản lý đào tạo theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng.**

<i>Nội dung và hình thức phối hợp</i>	<i>Mức độ phối hợp</i>		
	<i>Chưa</i>	<i>Đôi khi</i>	<i>Thường xuyên</i>
1) Doanh nghiệp cung cấp thông tin cho CSĐT về nhu cầu tuyển dụng và cách tuyển lao động	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2) Doanh nghiệp cung cấp thông tin cho CSĐT về quá trình đổi mới trong sản xuất – kinh doanh và yêu cầu, nhu cầu lao động kỹ thuật mới	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

3) CSĐT cung cấp thông tin cho doanh nghiệp về học sinh, sinh viên sắp tốt nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4) Chuyên gia của doanh nghiệp tham gia giảng dạy và hướng dẫn thực tập cho học sinh, sinh viên	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5) Doanh nghiệp tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên tham quan, thực tập sản xuất	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6) Doanh nghiệp hỗ trợ về cơ sở vật chất, phương tiện dạy và học cho CSĐT	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7) Doanh nghiệp hỗ trợ kinh phí đào tạo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8) Doanh nghiệp tham gia xây dựng hoặc hiệu chỉnh chương trình đào tạo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7) Doanh nghiệp tham gia đánh giá kết quả đầu ra của HS theo NLTH kết hợp tuyển dụng lao động kỹ thuật nghề Kỹ thuật xây dựng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8) Chuyên gia của doanh nghiệp tham gia tư vấn và tuyển dụng HS tốt nghiệp tại CSĐT	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9) CBQL của CSĐT đến tìm hiểu nhu cầu sử dụng lao động nghề Kỹ thuật xây dựng tại doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10) Doanh nghiệp cử người lao động nghề Kỹ thuật xây dựng bồi dưỡng phát triển nghề nghiệp tại CSĐT	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11) Khác (xin ghi cụ thể):	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 26: Xin Thầy (Cô) cho biết những khó khăn trong việc thiết lập và phát triển mối quan hệ giữa nhà trường với doanh nghiệp trong quản lý đào tạo theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng.**

- 1) Chưa hiểu rõ lợi ích và tầm quan trọng của mối quan hệ
- 2) Nhà trường không sẵn sàng phối hợp
- 3) Chưa có phương pháp xây dựng mối quan hệ
- 4) Khó xây dựng được các nội dung phối hợp thỏa mãn lợi ích của cả nhà trường và doanh nghiệp
- 5) Doanh nghiệp không sẵn sàng tham gia
- 6) Cơ chế làm việc không phù hợp với hai bên
- 7) Chưa có cơ chế ưu đãi của nhà nước cho doanh nghiệp tham gia quá trình đào tạo
- 8) Khó khăn khác (ghi cụ thể)

**Câu 27: Theo đánh giá chủ quan của Thầy (Cô) thì chất lượng đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN so với nhu cầu sử dụng như thế nào?**

Các tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá				
	Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
Về kiến thức	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Về kỹ năng tay nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Về thái độ, tác phong nghề nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 28: Xin Thầy (Cô) cho biết những khó khăn hiện nay của các cơ sở đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp.**

- 1) Tuyển sinh không đủ số lượng
- 2) Học sinh (đầu vào) có trình độ quá yếu
- 3) Nghề đang đào tạo không có sức hấp dẫn

- 4) CTĐT không sát thực tế, ít cập nhật kiến thức, công nghệ mới
- 5) Đội ngũ giáo viên thiếu về số lượng và yếu về năng lực
- 6) Cơ sở vật chất thiếu và lạc hậu
- 7) Thời gian đào tạo quá dài
- 8) Học sinh ít được tiếp xúc với thực tế công việc
- 9) Phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp còn yếu
- 10) Ít/ không tham gia các Hội chợ việc làm, tư vấn hướng nghiệp
- 11) Ít hoặc không có thông tin về thị trường lao động - việc làm
- 12) Nguồn kinh phí của trường cho đào tạo còn eo hẹp (ngân sách nhà nước, học phí, hỗ trợ doanh nghiệp, vốn vay...)
- 13) Khó khăn khác (ghi cụ thể)

***Xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của quý Thầy (Cô)!***

**Phụ lục 5:****PHIẾU ĐIỀU TRA***(Dành cho học sinh nghề Kỹ thuật xây dựng của các cơ sở đào tạo)*

Để có cơ sở đánh giá thực trạng đào tạo và quản lý đào tạo tại các trường đối với nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện (NLTH), mong Anh/Chị trả lời các câu hỏi trong Phiếu điều tra dưới đây. Tất cả các thông tin này chỉ nhằm phục vụ công tác nghiên cứu, không phục vụ vào mục đích nào khác!

**Xin vui lòng điền một số thông tin cá nhân:**

**Họ và tên** (không bắt buộc): ..... **Lớp – Khóa:** .....

**Trường:** .....

**Câu 1: Anh (Chị) hãy đánh giá về tỉ trọng lý thuyết và thực hành trong chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN.**

Các nội dung chất lượng	Mức đánh giá		
	<i>Nhẹ</i>	<i>Phù hợp</i>	<i>Nặng</i>
Về tỉ trọng lý thuyết	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Về tỉ trọng thực hành	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 2: Anh (Chị) hãy đánh giá khả năng đáp ứng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH tại cơ sở đào tạo.**

<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Đủ</i>	<i>Tương đối đủ</i>	<i>Thiếu</i>
1) Phòng dạy – học tích hợp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2) Phòng học lý thuyết, chuyên môn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3) Xưởng thực hành	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4) Phòng thí nghiệm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5) Phương tiện dạy học lý thuyết	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6) Phương tiện thực hành	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7) Phương tiện đồ dùng thí nghiệm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8) Tài liệu giáo trình	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9) Các trang thiết bị, phương tiện, đồ dùng phục vụ khác	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 3: Anh (Chị) hãy đánh giá mức độ hiện đại so với thực tế sản xuất về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH.**

<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Hiện đại</i>	<i>Tương đối hiện đại</i>	<i>Lạc hậu</i>
1) Phòng dạy – học tích hợp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2) Xưởng thực hành	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3) Phòng thí nghiệm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4) Phương tiện dạy học lý thuyết	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

5) Phương tiện thực hành	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6) Phương tiện đồ dùng thí nghiệm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7) Các trang thiết bị, phương tiện, đồ dùng phục vụ khác	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 4: Nhà trường tổ chức dạy các mô đun nghề Kỹ thuật xây dựng trong chương trình như thế nào?**

- 1) Học riêng lý thuyết học trên giảng đường, sau đó thực hành tại xưởng thực hành
- (do 2 giáo viên dạy)
- 2) Lý thuyết và thực hành dạy tích hợp theo từng bài cụ thể

**Câu 5: Nếu một học sinh không đủ năng lực học tập (tiếp thu chậm) có đơn đăng ký hoãn học một số mô đun và kéo dài thời gian học tập thì nhà trường xử lý thế nào?**

- 1) Động viên học theo lớp, nếu quá yếu chấp nhận lưu ban khóa sau
- 2) Cử giáo viên chuyên ngành hỗ trợ để giúp học sinh theo kịp lớp
- 3) Khác (xin ghi cụ thể):

**Câu 6: Nếu dạy học tách riêng lý thuyết và thực hành thì NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng của học sinh có bảo đảm đúng theo mục tiêu đào tạo?**

- 1) Bảo đảm đúng theo chương trình đào tạo đối với từng người học
- 2) Không bảo đảm do lớp/ nhóm quá đông
- 3) Không bảo đảm do vật tư tính theo đầu người học quá ít
- 4) Khác (xin ghi cụ thể):

**Câu 7: Đánh giá chủ quan của Anh (Chị) về năng lực tự học của bản thân.**

Các tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá				
	<i>Rất kém</i>	<i>Kém</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Tốt</i>	<i>Rất tốt</i>
Về kiến thức	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Về kỹ năng tay nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Về thái độ, tác phong nghề nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 8: Theo Anh (Chị) nguyên nhân dẫn đến năng lực tự học của HS không tốt.**

- 1) Do giáo viên chưa có phương pháp dạy học phù hợp
- 2) Do hệ thống thư viện, giáo trình tài liệu yếu kém, không đáp ứng được yêu cầu
- 3) Do giáo viên buông lỏng quản lý quá trình tự học
- 4) Do ý thức tự học của học sinh sinh viên kém
- 5) Do không có nơi rèn luyện kỹ năng ngoài giờ học
- 6) Khác (xin ghi rõ):

**Câu 9: Trong quá trình học tập các mô đun nghề Kỹ thuật xây dựng, theo Anh (Chị) việc tổ chức quá trình học tập thực tế có phù hợp không?**

- 1) Các bài đơn giản thì luyện tập quá nhiều, không cần thiết
- 2) Các bài khó, kỹ năng phức tạp không đủ thời gian, không đủ vật tư học tập
- 3) Tất cả các bài đã học đều phù hợp
- 4) Khác (ghi cụ thể):

**Câu 10: Sau khi học xong một môn học, mô đun nghề Kỹ thuật xây dựng, Anh (Chị) tự nhận thấy có khả năng gì?**

- 1) Trình bày được những kiến thức lý thuyết cơ bản nhất

- 2) Không có khả năng trình bày những kiến thức lý thuyết khó
- 3) Thực hiện được một số kỹ năng ở mức độ trung bình
- 4) Thực hiện được tất cả các kỹ năng, một số ở mức độ trên trung bình
- 5) Chỉ có khả năng thực hiện kỹ năng ở mức đơn giản nhất
- 6) Không hiểu gì lý thuyết và không làm được thực hành
- 7) Có khả năng hoàn thành trọn vẹn một NLTH theo chuẩn nghề nghiệp

***Xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của Anh (Chị)!***

**Phụ lục 6:**  
**PHIẾU ĐIỀU TRA**

*(Dành cho cán bộ kỹ thuật và công nhân kỹ thuật của doanh nghiệp)*

*Để có cơ sở đánh giá thực trạng đào tạo và quản lý đào tạo tại các trường đối với nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện (NLTH), kính mong Quý vị trả lời các câu hỏi trong Phiếu điều tra dưới đây. Tất cả các thông tin này chỉ nhằm phục vụ công tác nghiên cứu, không phục vụ vào mục đích nào khác!*

**Xin vui lòng điền một số thông tin cá nhân:**

**Họ và tên** (không bắt buộc): ..... **Thâm niên công tác:** ..... năm

**Trình độ chuyên môn:** ..... **Chuyên ngành:** .....

**Chức vụ, Công ty:** .....

**Câu 1: Ông (Bà) hãy đánh giá mức độ phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp trong tổ chức và quản lý đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH.**

<i>Nội dung và hình thức phối hợp</i>	<i>Mức độ phối hợp</i>		
	<i>Chưa</i>	<i>Đôi khi</i>	<i>Thường xuyên</i>
1) Doanh nghiệp cung cấp thông tin cho CSĐT về nhu cầu tuyển dụng và cách tuyển lao động	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2) Doanh nghiệp cung cấp thông tin cho CSĐT về quá trình đổi mới trong sản xuất – kinh doanh và yêu cầu, nhu cầu lao động kỹ thuật mới	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3) CSĐT cung cấp thông tin cho doanh nghiệp về học sinh, sinh viên sắp tốt nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4) Chuyên gia của doanh nghiệp tham gia giảng dạy và hướng dẫn thực tập cho học sinh, sinh viên	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5) Doanh nghiệp tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên tham quan, thực tập sản xuất	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6) Doanh nghiệp hỗ trợ về cơ sở vật chất, phương tiện dạy và học cho CSĐT	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7) Doanh nghiệp hỗ trợ kinh phí đào tạo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8) Doanh nghiệp tham gia xây dựng hoặc hiệu chỉnh chương trình đào tạo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7) Doanh nghiệp tham gia đánh giá kết quả đầu ra của HS theo NLTH kết hợp tuyển dụng lao động kỹ thuật nghề Kỹ thuật xây dựng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8) Chuyên gia của doanh nghiệp tham gia tư vấn và tuyển dụng HS tốt nghiệp tại CSĐT	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9) CBQL của CSĐT đến tìm hiểu nhu cầu sử dụng lao động nghề Kỹ thuật xây dựng tại doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10) Doanh nghiệp cử người lao động nghề Kỹ thuật xây dựng bồi dưỡng phát triển nghề nghiệp tại CSĐT	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11) Khác (xin ghi cụ thể):	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>



**Câu 2: Xin Ông (Bà) cho biết những khó khăn trong việc thiết lập và xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường với doanh nghiệp.**

- 1) Chưa hiểu rõ lợi ích và tầm quan trọng của mối quan hệ
- 2) Nhà trường không sẵn sàng phối hợp
- 3) Chưa có phương pháp xây dựng mối quan hệ
- 4) Khó xây dựng được các nội dung phối hợp thỏa mãn lợi ích của cả nhà trường và doanh nghiệp
- 5) Doanh nghiệp không sẵn sàng tham gia
- 6) Cơ chế làm việc không phù hợp với hai bên
- 7) Chưa có cơ chế ưu đãi của nhà nước cho doanh nghiệp tham gia quá trình đào tạo
- 8) Khó khăn khác (ghi cụ thể)

**Câu 3: Theo đánh giá chủ quan của Ông (Bà) thì chất lượng đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ CĐN so với nhu cầu sử dụng như thế nào?**

Các tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá				
	<i>Rất tốt</i>	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Kém</i>
Về kiến thức	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Về kỹ năng tay nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Về thái độ, tác phong nghề nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 4: Ông (Bà) cho biết tình trạng việc làm sau khi tốt nghiệp nghề Kỹ thuật xây dựng.**

Tình trạng việc làm sau khi tốt nghiệp		Lựa chọn
1) Sau tốt nghiệp bao lâu thì có việc làm	Dưới 6 tháng	<input type="checkbox"/>
	6 – 12 tháng	<input type="checkbox"/>
	Trên 12 tháng	<input type="checkbox"/>
2) Việc làm có đúng với ngành/ngành đào tạo không	Hoàn toàn trái nghề	<input type="checkbox"/>
	Đúng một phần	<input type="checkbox"/>
	Hoàn toàn đúng nghề	<input type="checkbox"/>
3) Việc làm có phù hợp với trình độ đào tạo không	Thấp hơn	<input type="checkbox"/>
	Phù hợp	<input type="checkbox"/>
	Cao hơn	<input type="checkbox"/>

**Câu 5: Mức độ của những khó khăn mà Ông (Bà) gặp phải thời gian đầu làm việc tại doanh nghiệp là gì?**

Những khó khăn	Mức độ			
	<i>Rất khó khăn</i>	<i>Khó khăn</i>	<i>Ít khó khăn</i>	<i>Không khó khăn</i>
1) Môi trường làm việc khác nhiều so với môi trường học tập	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2) Kiến thức, kỹ năng ít so với thực tiễn sản xuất	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3) Khó khăn do kỹ thuật và công nghệ sản xuất hiện đại	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4) Khó khăn do quan hệ và hợp tác khi làm việc	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5) Đòi hỏi ý thức, tác phong làm việc quá cao	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6) Khó khăn khác (ghi cụ thể):	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 6: Xin Ông (Bà) đánh giá mức độ cần thiết đối với những yêu cầu cơ bản của lao động kỹ thuật nghề Kỹ thuật xây dựng được doanh nghiệp quan tâm.**

<i>TT</i>	<i>Yêu cầu cơ bản</i>	<i>Mức độ cần thiết</i>			
		<i>Rất cần thiết</i>	<i>Cần thiết</i>	<i>Ít cần thiết</i>	<i>Không cần thiết</i>
1	Kiến thức chuyên môn tốt	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Kỹ năng nghề tốt	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Thái độ tốt đối với công việc (Có ý thức tổ chức kỷ luật, Sự đam mê nghề, Tác phong làm việc công nghiệp, Bố trí nơi làm việc hợp lý, An toàn lao động)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Khả năng tổ chức làm việc nhóm tốt	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Khả năng độc lập sáng tạo trong công việc	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Khả năng thích nghi nhanh với công việc, môi trường sản xuất	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Kỹ năng giao tiếp tốt	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	Ngoại ngữ đủ giao tiếp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9	Khác (ghi cụ thể)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

*Xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của quý Ông (Bà)!*

**Phụ lục 7:****PHIẾU THĂM DÒ Ý KIẾN CHUYÊN GIA VỀ CÁC GIẢI PHÁP**

**Kính gửi Ông/Bà:** .....

Kính mong Ông/Bà cho ý kiến về các giải pháp quản lý đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện (NLTH) theo 2 tiêu chí sau: Tính thực tiễn và Tính khả thi. Xin Ông/Bà vui lòng đánh dấu X để cho điểm từ 1 đến 5 vào ô trống, điểm 1 là tối thiểu, điểm 5 là tối đa.

TT	Số mục	Nội dung giải pháp	Tính cấp thiết					Tính khả thi					
			1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	
1	3.3.1	<b>GP1:</b> Quản lý công tác tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH											
2	3.3.2	<b>GP2:</b> Quản lý phát triển chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH đáp ứng chuẩn nghề nghiệp											
3	3.3.3	<b>GP2:</b> Quản lý các điều kiện bảo đảm chất lượng đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH											
4	3.3.4	<b>GP4:</b> Quản lý quá trình dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH											
5	3.3.5	<b>GP5:</b> Quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH											
6	3.3.6	<b>GP6:</b> Quản lý thông tin đầu ra nghề Kỹ thuật xây dựng											

Ngoài những giải pháp đã nêu trên, Ông/Bà thấy cần bổ sung thêm giải pháp nào? Nếu có xin Ông/Bà ghi cụ thể và cho điểm bằng số trong ngoặc ngay cạnh nội dung bổ sung.

.....  
 .....

.....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

Ông/Bà có thể chỉnh sửa trực tiếp nội dung các giải pháp trên tài liệu gửi kèm theo phiếu. Xin đính kèm kết quả khảo sát, đánh giá thực trạng và các giải pháp của tác giả!

Xin Ông (Bà) vui lòng cho biết thông tin cá nhân:

- 1. Họ và tên** (Không bắt buộc): ..... **2. Giới tính:**  Nam;  Nữ
- 3. Trình độ chuyên môn:**  Thợ lành nghề;  Trung cấp;  Cao đẳng;  
 Đại học;  Thạc sĩ;  Tiến sĩ;  Tiến sĩ khoa học
- 4. Học hàm:**  Giáo sư;  Phó Giáo sư
- 5. Thâm niên công tác:**  1 – 3 năm;  3 – 7 năm;  Trên 7 năm
- 6. Chức trách:**  Lãnh đạo;  Cán bộ quản lý;  Cán bộ kiêm giáo viên;  
 Giáo viên;  Chuyên viên;  Cán bộ kỹ thuật  
 Nhà khoa học

**Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của quý Ông/Bà!**

**Phụ lục 8:****PHIẾU TRỪNG CẦU Ý KIẾN***(Đánh giá kết quả trước thử nghiệm và sau khi áp dụng các giải pháp thử nghiệm)***Dành cho lãnh đạo, cán bộ quản lý, giáo viên cơ hữu ở Trường CĐXD công trình đô thị và cán bộ kỹ thuật của doanh nghiệp****Kính thưa Quý vị,**

Nghiên cứu sinh đang triển khai nghiên cứu thử nghiệm giải pháp “Quản lý phát triển chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện đáp ứng chuẩn nghề nghiệp” và giải pháp “Quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện”. Để kiểm chứng tính cấp thiết và tính khả thi của các giải pháp này trong quá trình nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, nghiên cứu sinh rất mong nhận được sự hợp tác của Quý vị bằng cách cung cấp cho nghiên cứu sinh một số ý kiến có liên quan theo bảng hỏi dưới đây bằng cách chỉ đánh một dấu (X) duy nhất vào 01 trong số 04 ô ở mức đánh giá mà Quý vị cho là phù hợp nhất trong mỗi câu hỏi.

*Ghi chú:*

- Mức ①: được hiểu là **Không phù hợp / Không tốt / Không quan trọng**
- Mức ②: được hiểu là **Chưa phù hợp / Chưa tốt / Ít quan trọng**
- Mức ③: được hiểu là **Tương đối phù hợp / Tương đối tốt / Tương đối quan trọng**
- Mức ④: được hiểu là **Khá phù hợp / Khá tốt / Khá quan trọng**
- Mức ⑤: được hiểu là **Rất phù hợp / Rất tốt / Rất quan trọng**

Nghiên cứu sinh cam đoan các thông tin mà quý vị cung cấp không sử dụng vào mục đích gì khác ngoài phục vụ cho đề tài nghiên cứu.

**A. THÔNG TIN VỀ QUÝ VỊ:** (Đánh dấu X vào ô  thích hợp)

- 1. Họ và tên** (Không bắt buộc): ..... **2. Giới tính:**  Nam;  Nữ
- 3. Trình độ chuyên môn:**  Thợ lành nghề;  Trung cấp;  Cao đẳng;  
 Đại học;  Thạc sĩ;  Tiến sĩ;  Tiến sĩ khoa học
- 4. Thâm niên công tác:**  1 – 3 năm;  3 – 7 năm;  Trên 7 năm

- 5. Chức trách:**  Lãnh đạo;  Cán bộ quản lý;  Cán bộ kiêm giáo viên;  
 Giáo viên;  Cán bộ kỹ thuật

## B. Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ VỀ VIỆC THỬ NGHIỆM GIẢI PHÁP

**\* Đối với giải pháp về *Quản lý phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH đáp ứng chuẩn nghề nghiệp*** (dành cho CBQL, GV trong Ban chủ nhiệm và các bộ môn của nhà trường và CBKT của doanh nghiệp):

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Mức đánh giá</i>
1	Thực hiện chu trình và quy trình điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và phát triển CTĐT	① ② ③ ④ ⑤
2	Giáo viên biên soạn; đề xuất điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và phát triển CTĐT	① ② ③ ④ ⑤
3	Chương trình có sự tham gia của doanh nghiệp	① ② ③ ④ ⑤
4	Khả năng tiếp cận của chuẩn đầu ra so với chuẩn nghề nghiệp	① ② ③ ④ ⑤
5	Mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra và khung CTĐT so với yêu cầu của doanh nghiệp và thực tiễn sản xuất	① ② ③ ④ ⑤
6	CTĐT được cấu trúc theo NLTH với chuẩn đầu ra	① ② ③ ④ ⑤

**\* Đối với giải pháp *Quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH*** (dành cho CBQL, GV trong Ban chủ nhiệm và các bộ môn của nhà trường):

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Mức đánh giá</i>
1	Quy trình triển khai công tác đánh giá NLTH đối với HS học nghề Kỹ thuật xây dựng	① ② ③ ④ ⑤
2	Cấu trúc bộ đề thi đáp ứng yêu cầu đánh giá theo NLTH	① ② ③ ④ ⑤
3	Việc tổ chức đánh giá được giao cho một bộ phận độc lập và có mời đại diện doanh nghiệp tham gia đánh giá	① ② ③ ④ ⑤
4	Khả năng đánh giá toàn diện (kiến thức, kỹ năng, thái độ) một NLTH của HS	① ② ③ ④ ⑤
5	Mức độ phù hợp của nội dung đánh giá NLTH so với yêu cầu của doanh nghiệp và thực tiễn sản xuất	① ② ③ ④ ⑤
6	Công tác đánh giá tổ chức khách quan, chính xác, công bằng	① ② ③ ④ ⑤

***Nghiên cứu sinh chân thành cảm ơn sự cộng tác của Quý vị!***

**Phụ lục 9:**

**BỘ XÂY DỰNG  
TRƯỜNG CĐXDCT ĐÔ THỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 397A/QĐ-TCĐ

*Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2012*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng Chuẩn đầu ra và phát triển chương trình đào tạo các chuyên ngành đào tạo trình độ cao đẳng, TCCN và đào tạo nghề**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ**

Căn cứ quyết định số 685/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 16/02/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Xây dựng công trình đô thị;

Căn cứ thông tư 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Ban chủ nhiệm chương trình “Xây dựng Chuẩn đầu ra và phát triển chương trình đào tạo các chuyên ngành đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và đào tạo nghề” gồm 11 thành viên (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Ban chủ nhiệm có trách nhiệm lập kế hoạch, tổ chức xây dựng Chuẩn đầu ra cho tất cả các chuyên ngành đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và đào tạo nghề theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đồng thời cho phép áp dụng thử nghiệm các quy trình quản lý về phát triển chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ cao đẳng nghề và đánh giá kết quả đầu ra trên cơ sở biên soạn bộ đề thi đánh giá năng lực thực hiện theo yêu cầu của Chuẩn đầu ra của nghiên cứu sinh Đào Việt Hà đề xuất (kế hoạch được phê duyệt kèm theo) đối với nghề Kỹ thuật xây dựng. Thời gian thực hiện từ tháng 6/2012 đến hết tháng 12/2012.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng Phòng, Khoa, Trung tâm, Phân hiệu Thừa Thiên – Huế, các thành viên Ban chủ nhiệm và giảng viên, giáo viên nhà trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu (đề b/c);
- Ban chỉ đạo XD chuẩn đầu ra;
- Như điều 3;
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

**ThS. Bùi Hồng Huế**

**DANH SÁCH BAN CHỦ NHIỆM XÂY DỰNG CHUẨN ĐẦU RA VÀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TCCN VÀ ĐÀO TẠO NGHỀ**

*(Kèm theo quyết định số 397A/QĐ-TCD ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Hiệu trưởng trường CDXDCT đô thị)*

- 1) Thạc sĩ Đào Việt Hà – Giám đốc Trung tâm Đào tạo nghề xây dựng Việt – Đức, Chủ nhiệm chương trình.
- 2) Thạc sĩ Trần Khắc Liêm – Trưởng khoa Đào tạo nghề – Thành viên BCN.
- 3) Thạc sĩ Hoàng Quốc Liêm – Trưởng khoa Kỹ thuật đô thị, Trưởng Bộ môn Cấp thoát nước – Thành viên BCN.
- 4) Thạc sĩ Nguyễn Minh Quang – Phó Trưởng khoa phụ trách Khoa Xây dựng, Trưởng bộ môn Kiến trúc – Thành viên BCN.
- 5) Thạc sĩ Trần Thị Sinh – Trưởng Bộ môn Trắc địa, khoa Kỹ thuật đô thị – Thành viên BCN.
- 6) Kỹ sư Nguyễn Quốc Tâm – Phó Trưởng khoa phụ trách Khoa Kỹ thuật công nghệ, Trưởng Bộ môn Điện công trình – Thành viên BCN.
- 7) Thạc sĩ Ngô Quang Vinh – Trưởng bộ môn Thi công, khoa Xây dựng – Thành viên BCN.
- 8) Kỹ sư Hà Xuân Hải – Tổ trưởng Tổ Xây dựng, khoa Đào tạo nghề – Thành viên BCN.
- 9) Thạc sĩ Lê Xuân Hải – Trưởng bộ môn Điện – Tự động hóa, khoa Kỹ thuật công nghệ – Thành viên BCN.
- 10) Thạc sĩ Vũ Thị Hoài Ân – Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo ngành nước và môi trường – Thành viên BCN.
- 11) Kỹ sư Đặng Hoài Văn – Tổ trưởng Tổ Điện, Khoa Đào tạo nghề – Thành viên BCN.

Tổng số: 11 thành viên./.



**Phu lục 10:**

**TRƯỜNG CĐXDCT ĐÔ THỊ**  
**BAN CHỦ NHIỆM XÂY DỰNG CHUẨN ĐẦU RA VÀ PTCTĐT**

*Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2012*

**KẾ HOẠCH XÂY DỰNG, ĐIỀU CHỈNH CHUẨN ĐẦU RA VÀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TCCN VÀ ĐÀO TẠO NGHỀ**

Căn cứ quyết định số 397A/QĐ-TCĐ ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Hiệu trưởng trường CĐXDCT đô thị về việc thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chuẩn đầu ra và phát triển chương trình đào tạo các chuyên ngành đào tạo trình độ cao đẳng, TCCN và đào tạo nghề, Ban chủ nhiệm lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ thực hiện như sau:

<i>TT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Người thực hiện</i>	<i>Tiến độ hoàn thành</i>	<i>Ghi chú</i>
<b>I</b>	<b>Tổng hợp toàn bộ văn bản, tài liệu liên quan đến chuẩn đầu ra hiện hành</b>			
1.1	Tổng hợp, thiết kế mẫu thực hiện	Đào Việt Hà	01/6/2012	
1.2	Gửi mẫu hướng dẫn thực hiện đến các thành viên.	Đào Việt Hà	01/6/2012	Thành viên là Trưởng các khoa chuyên ngành để triển khai
<b>II</b>	<b>Các khoa, bộ môn chuyên ngành chỉnh sửa, bổ sung, xây dựng mới Chuẩn đầu ra và phát triển CTĐT các chuyên ngành trình độ cao đẳng, TCCN và ĐTN</b>			
2.1	Thống nhất cách làm; Chỉnh sửa, bổ sung, xây dựng mới các Chuẩn đầu ra theo mẫu	Thành viên BCN	20/8/2012	Xem quy trình kèm theo
2.2	Hội thảo, tổng hợp, hoàn thiện thành dự thảo bộ Chuẩn đầu ra	Chủ nhiệm	15/9/2012	Mời các chuyên gia từ trường khác và doanh nghiệp
2.3	Trao đổi, thống nhất dự thảo lần cuối	Ban chủ nhiệm	20/9/2012	

2.4	Trình Ban Giám hiệu dự thảo Chuẩn đầu ra gồm Quyết định ban hành, Phụ lục 1,2	Chủ nhiệm	1/10/2012	Bàn giao với Trưởng phòng đào tạo để trình ký
2.5	Lấy ý kiến về CDR và CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng thực hiện thử nghiệm theo giải pháp quản lý của Chủ nhiệm	Chủ nhiệm	11/10/2012	Thực hiện bằng mẫu phiếu hỏi do Chủ nhiệm cung cấp
2.6	Trình Ban Giám hiệu dự thảo CTĐT đã điều chỉnh	Chủ nhiệm	22/10/2012	Bàn giao với Trưởng phòng đào tạo để trình ký
<b>III</b>	<b>Biên soạn bộ đề thi đánh giá năng lực thực hiện theo yêu cầu của Chuẩn đầu ra</b>			
3.1	Xây dựng và gửi mẫu đề thi	Chủ nhiệm	05/7/2012	
3.2	Rà soát chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia để thống nhất các nội dung, hình thức đánh giá	Ban chủ nhiệm	15/10/2012	Thành viên là Trưởng các Bộ môn chủ trì triển khai tại các bộ môn chuyên ngành
3.3	Biên soạn bộ đề thi đánh giá kỹ năng nghề cho từng chuyên ngành theo yêu cầu của Chuẩn đầu ra (mỗi chuyên ngành có 10 - 15 đề thi hoàn chỉnh theo mẫu)	Ban chủ nhiệm	30/10/2012	Thành viên là Trưởng các Bộ môn chủ trì triển khai tại các bộ môn chuyên ngành
a)	Cấp thoát nước	Hoàng Quốc Liêm, Vũ Thị Hoài Ân Nguyễn Minh Quang, Nguyễn Quốc Tâm		Trong quá trình thực hiện cần khảo sát điều tra thực tế tại doanh nghiệp hoặc mời thêm chuyên gia từ doanh nghiệp hỗ trợ về mặt công nghệ...
b)	Kỹ thuật xây dựng	Trần Liêm, Ngô Vinh, Hà Xuân Hải		

c)	Kỹ thuật Trắc địa	Trần Thị Sinh		
d)	Điện, Điện tử	Nguyễn Quốc Tâm, Lê Xuân Hải, Đặng Hoài Văn		
3.4	Hoàn thiện các bộ đề thi tại các khoa và gửi cho chủ nhiệm	Hoàng Quốc Liêm, Nguyễn Minh Quang, Nguyễn Quốc Tâm	01/11/2012	Thành viên là Trưởng các Khoa chuyên ngành chủ trì hoàn thiện và gửi sản phẩm cuối cho chủ nhiệm qua email
<b>IV</b>	<b>Tổng hợp và hoàn thiện thành dự thảo bộ đề thi đánh giá năng lực thực hiện theo yêu cầu Chuẩn đầu ra</b>			
4.1	Tổng hợp các bộ đề thi	Chủ nhiệm	03/11/2012	
4.2	Hoàn thiện thành dự thảo trình Ban Giám hiệu và các Khoa xin ý kiến	Chủ nhiệm	05/11/2012	Chuyển qua email đến BGH, các thành viên trước
4.3	Nhận ý kiến phản hồi	Chủ nhiệm	10/11/2012	Qua email và trực tiếp
<b>V</b>	<b>Hoàn thiện và trình Dự thảo</b>			
5.1	Hoàn thiện và bàn giao dự thảo đề trình Ban Giám hiệu phê duyệt bộ đề thi đánh giá năng lực thực hiện theo Chuẩn đầu ra	Chủ nhiệm	20/11/2012	Bàn giao với Trưởng phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng đề trình Hiệu trưởng phê duyệt và công bố
5.2	Tổ chức thử nghiệm đánh giá năng lực thực hiện đối với SV lớp CD SPKT Xây dựng khóa 6 trên cơ sở bộ đề thi đánh giá kỹ năng nghề	Chủ nhiệm và Giám đốc Trung tâm Tư vấn xây dựng và xuất khẩu lao động	22/11/2012 đến 22/12/2012	Cho phép Giám đốc Trung tâm Tư vấn xây dựng và xuất khẩu lao động lập kế hoạch và thông báo cụ thể, lấy kết quả đánh giá làm cơ sở cấp chứng chỉ hoàn thành năng lực thực hiện chuyên môn nghề Kỹ thuật xây dựng theo CDR

**Ghi chú:**

- + Các thành viên Ban chủ nhiệm sử dụng chung một email trong suốt quá trình làm việc và các Trưởng bộ phận gửi thông tin yêu cầu đến email: [cuwc.htvb@gmail.com](mailto:cuwc.htvb@gmail.com); password: 0438780401. Kế hoạch và các biểu mẫu có thể download từ email này!
- + Tất cả các biểu mẫu, báo cáo, biên bản... đều lưu dạng file \*.doc với font chữ Times New Roman, cỡ chữ 14.
- + Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh lớn xin gửi báo cáo qua email hoặc có ý kiến trực tiếp với ông Đào Việt Hà (đt: 0912.119.007 hoặc 36720667) để xin ý kiến chỉ đạo trước khi xử lý.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Các thành viên BCN (để thực hiện).

**BAN GIÁM HIỆU****Hiệu trưởng**  
(đã ký)**BÙI HỒNG HUẾ****NGƯỜI LẬP****Chủ nhiệm**  
(đã ký)**ĐÀO VIỆT HÀ**

**Phụ lục 11:**

**BỘ XÂY DỰNG  
TRƯỜNG CĐXDCT ĐÔ THỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 430/QĐ-TCD

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2012

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều chỉnh, bổ sung Chuẩn đầu ra các chuyên ngành đào tạo**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ**

Căn cứ quyết định số 685/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 16/02/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Xây dựng công trình đô thị;

Căn cứ thông tư 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ công văn số 2196/BGDĐT-GDDH ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo;

Căn cứ thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học;

Căn cứ quyết định số 115/QĐ-TCD ngày 10 tháng 5 năm 2010 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Xây dựng công trình đô thị về việc ban hành Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này Chuẩn đầu ra của các chuyên ngành đào tạo đã điều chỉnh và bổ sung (*có các Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho các quyết định có liên quan trước đây. Chuẩn đầu ra này được áp dụng kể từ năm học 2012 – 2013 và được sử dụng trong trường Cao đẳng Xây dựng công trình đô thị.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng phòng, khoa, bộ môn, trung tâm, các giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý và học sinh, sinh viên nhà trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như điều 3;
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

**ThS. Bùi Hồng Huế**

**Phụ lục 12:**

*(Chuẩn đầu ra dạy nghề trình độ CDN điều chỉnh, bổ sung theo đề xuất của giải pháp thử nghiệm)*

**BỘ XÂY DỰNG  
TRƯỜNG CĐXDCT ĐÔ THỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**CHUẨN ĐẦU RA DẠY NGHỀ TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

*(Ban hành kèm theo quyết định số 430/QĐ-TCD ngày 9/10/2012 của Hiệu trưởng)*

**Tên nghề:** Kỹ thuật Xây dựng

**Mã nghề:** 50580201

**Trình độ đào tạo:** Cao đẳng nghề

**Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương;

**Số lượng môn học, mô đun đào tạo:** 29

**Bằng cấp sau khi tốt nghiệp:** Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề.

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

***1.1. Kiến thức chung***

- Chính trị, pháp luật:

+ Có hiểu biết một số kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lê nin và Hiến pháp, Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển xây dựng của địa phương, khu vực, vùng, miền;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa;

+ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp - Pháp luật.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Đủ sức khỏe theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;

+ Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất;

+ Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

- Vận dụng được kiến thức toán học và khoa học tự nhiên làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và làm nền tảng để học tập, nghiên cứu ở trình độ cao hơn.

### **1.2. Kiến thức chuyên ngành**

- Nêu được các quy định của bản vẽ thiết kế công trình xây dựng;

- Trình bày được phương pháp đọc một bản vẽ thiết kế;

- Trình bày được các kiến thức cơ bản và chuyên môn của các công việc của nghề Kỹ thuật xây dựng (đào móng, xây gạch, trát láng, ốp lát, lắp dựng và tháo dỡ cốp pha giàn giáo, gia công lắp đặt cốt thép, trộn đổ đầm bê tông, lắp đặt các cấu kiện loại nhỏ, lắp đặt thiết bị vệ sinh, bả ma tít, sơn vôi) nhằm phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm và hạ giá thành sản phẩm;

- Nêu được quy trình thi công các công việc được giao thực hiện;

- Nêu được ứng dụng một số thành tựu kỹ thuật - công nghệ, vật liệu mới ở một phạm vi nhất định vào thực tế nơi làm việc;

- Biết được cách thức tổ chức sản xuất và tìm kiếm việc làm;

- Nêu được trình tự, phương pháp lập dự toán các công việc của nghề;

- Áp dụng các kiến thức chuyên môn đảm nhiệm công việc chủ nhiệm, lập kế hoạch và quản lý các dự án nhóm B, C của các công trình dân dụng và công nghiệp;

- Áp dụng các kiến thức chuyên môn làm chủ trì thiết kế công trình cấp III, cấp IV của các công trình dân dụng và công nghiệp, trừ các công trình bắt buộc thực hiện kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn chịu lực theo quy định;

- Vận dụng các kiến thức đã học, đã thực tập đảm nhiệm vai trò chỉ huy trưởng công trình cấp II, III và IV và triển khai được các công việc: thiết kế, tổ chức thi công các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;

### **1.3. Kiến thức bổ trợ**

- Đạt trình độ TOEIC 350 điểm hoặc tương đương trình độ B tiếng Anh (theo quy định của Bộ GD&ĐT).

- Đạt trình độ Btin học ứng dụng chuyên ngành công nghệ kỹ thuật xây dựng với phần mềm AutoCAD.

- Đạt trình độ tay nghề 2/5 một nghề thuộc nhóm nghề kỹ thuật xây dựng.

## 2. Kỹ năng

### 2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Đọc được bản vẽ kỹ thuật và phát hiện được các lỗi thông thường của bản vẽ kỹ thuật;
- Sử dụng được các loại máy, dụng cụ và một số thiết bị chuyên dùng trong nghề xây dựng (đầm, máy cắt, uốn cốt thép, các loại máy trộn);
- Làm được các công việc của nghề kỹ thuật xây dựng như: đào móng, xây gạch, trát, lát, láng, ốp, gia công, lắp dựng và tháo dỡ cốp pha, giàn giáo, gia công lắp đặt cốt thép, trộn đổ đầm bê tông, lắp đặt các cấu kiện loại nhỏ, lắp đặt thiết bị vệ sinh, bả mát tít, sơn vôi;
- Lắp đặt được mạng điện sinh hoạt, lắp đặt đường ống cấp, thoát nước trong nhà;
- Tính được khối lượng, vật liệu, nhân công và tổ chức thi công các công việc của nghề;
- Sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc thực tế của nghề và xử lý được những vấn đề phức tạp của nghề nảy sinh trong quá trình làm việc;
- Đạt trình độ tay nghề 2/5 hoặc tương đương của một trong các năng lực hành nghề liên quan đến xây dựng như: xây gạch, trát, cốp pha, bê tông, cốt thép, ốp lát;
- Sử dụng, thiết kế tính toán các công việc cụ thể của công trình xây dựng cấp III thông qua các phần mềm chuyên dụng (tính toán kết cấu, tính dự toán, lập tiến độ thi công, thiết kế bản vẽ);
- Giám sát thi công được công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp cấp III.

### 2.2. Các kỹ năng khác có liên quan

- Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;
- Phát triển khả năng tự học tập, nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao trình độ;
- Phân tích và giải quyết được các vấn đề phát sinh trong thực tiễn liên quan đến ngành nghề.

## 3. Thái độ

- Đạo đức, tác phong công nghiệp:
  - + Có phẩm chất đạo đức tốt, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, trung thực và có tính kỷ luật cao, tỷ mỉ chính xác, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao ở các nhà máy, xí nghiệp sản xuất hoặc công ty kinh doanh về lĩnh vực điện;
  - + Yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp;



+ Có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc;

+ Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của công việc.

#### 4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Làm cán bộ kỹ thuật ở các doanh nghiệp xây dựng, các công ty tư vấn, đầu tư, cổ phần, TNHH xây dựng dân dụng và công nghiệp.

- Làm cán bộ tổ chức thi công và giám sát ở các đơn vị thi công xây lắp các công trình xây dựng.

- Làm cán bộ kỹ thuật ở các ban quản lý dự án các khu đô thị, các phường, quận trong các thành phố, thị xã và khu vực dân cư.

- Làm cán bộ ở các bộ phận quản lý chuyên môn thuộc cơ quan quản lý nhà nước các cấp theo quy định ở các vị trí: cán bộ địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn), cán bộ địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã).

- Làm thợ thực hiện các công việc thuộc lĩnh vực xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp thuộc các doanh nghiệp xây dựng;

- Tự tổ chức được tổ, nhóm thợ thực hiện các công việc của nghề xây dựng;

- Làm giáo viên trong các cơ sở đào tạo nghề.

## II. DANH MỤC MÔ ĐUN, MÔN HỌC ĐÀO TẠO, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên mô đun, môn học	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>450</b>	<b>220</b>	<b>200</b>	<b>30</b>
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng- An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
<b>II</b>	<b>Các mô đun, môn học đào tạo nghề</b>	<b>2900</b>	<b>588</b>	<b>2107</b>	<b>205</b>
<b>II.1</b>	<b>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</b>	<b>240</b>	<b>183</b>	<b>38</b>	<b>19</b>
MH 07	Vẽ kỹ thuật	90	45	38	7
MH 08	Bảo hộ lao động	30	27	0	3
MH 09	Điện kỹ thuật	30	27	0	3
MH 10	Vật liệu xây dựng	30	27	0	3
MH 11	Tổ chức quản lý	15	14	0	1
MH 29	Dự toán	45	43	0	2
<b>II.2</b>	<b>Các mô đun, môn học chuyên môn nghề</b>	<b>2660</b>	<b>405</b>	<b>2069</b>	<b>186</b>

MĐ 12	Đào móng	55	15	29	11
MĐ 13	Xây gạch	430	55	351	24
MĐ 14	Lắp đặt cầu kiện loại nhỏ	80	15	59	6
MĐ 15	Trát, láng	450	55	360	35
MĐ 16	Lát, ốp	135	20	109	6
MĐ 17	Bả mắt tít, sơn vôi	95	20	69	6
MĐ 18	Làm hoạ tiết trang trí	120	20	92	8
MĐ 19	Gia công, lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn, giàn giáo	155	25	114	16
MĐ 20	Gia công, lắp đặt cốt thép	190	30	141	19
MĐ 21	Hàn hồ quang	85	15	66	4
MĐ 22	Trộn, đổ, đầm bê tông	100	30	64	6
MĐ 23	Lắp đặt mạng điện sinh hoạt	150	30	112	8
MĐ 24	Lắp đặt đường ống cấp nước trong nhà	145	15	122	8
MĐ 25	Lắp đặt đường ống thoát nước khu vệ sinh	105	15	88	2
MĐ 26	Lắp đặt thiết bị vệ sinh	95	20	69	6
MĐ 27	Làm mái	60	10	46	4
MĐ 28	Trát vữa trộn đá	210	15	178	17
MĐ 30	Xây dựng với gạch chưng áp (AAC)	210	15	178	17
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3350</b>	<b>808</b>	<b>2307</b>	<b>235</b>

*Ghi chú:* Lựa chọn MĐ28 hoặc MĐ30 trong chương trình đào tạo. Mô đun MĐ30 được bổ sung theo đề xuất phát triển CTĐT.

### III. CHUẨN ĐẦU RA CÁC MÔ ĐUN CHUYÊN NGHỀ

MÔ ĐUN	Tóm tắt nội dung	Kiến thức thiết yếu	Kỹ năng cần đạt	Thái độ	Tiêu chí đánh giá
<b>MĐ12: ĐÀO MÓNG</b>	<p>Căn cứ bản vẽ biện pháp thi công để chuẩn bị, giác móng và đào móng đảm bảo đúng quy trình và các yêu cầu kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phục vụ cho công việc.</li> <li>- Giác móng: đúng vị trí, hình dáng, kích thước theo bản vẽ thiết kế.</li> <li>- Đào móng đúng bản vẽ biện pháp thi công.</li> <li>- Kiểm tra móng về các tiêu chí mà bản vẽ yêu cầu.</li> <li>- An toàn lao động và vệ sinh môi trường.</li> <li>- Thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc được bản vẽ xây dựng.</li> <li>- Nêu được phương pháp xác định vị trí cọc mốc đánh dấu đường trục móng; phương pháp định vị đường trục dọc, ngang móng; phương pháp xác định tim, cốt; phương pháp vạch dấu móng đào; phương pháp đào móng bằng thủ công; phương pháp kiểm tra, đánh giá của việc đào móng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và phân tích được bản vẽ xây dựng.</li> <li>- Truyền tim, cốt, đo kích thước.</li> <li>- Định vị đường trục dọc, ngang.</li> <li>- Xác định tim, cốt, gửi tim, cốt.</li> <li>- Vạch kích thước móng đào.</li> <li>- Đào bằng thủ công hoặc kết hợp máy.</li> <li>- Kiểm tra, đánh giá chất lượng việc đào móng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tính tự giác trong học tập, hợp tác tốt khi thực tập theo nhóm.</li> <li>- Tuân thủ thực hiện vệ sinh công nghiệp, có ý thức tiết kiệm vật liệu và bảo quản dụng cụ thực tập.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự đầy đủ của công tác chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phục vụ cho công việc.</li> <li>- Đánh giá theo TCXDVN chỉ số về độ chính xác của việc giác móng (vị trí, hình dáng, kích thước).</li> <li>- Đánh giá sự hợp lý trong thực hiện quy trình; tính nghiêm túc, trung thực của việc kiểm tra; việc đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường; thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</li> </ul>
<b>MĐ13: XÂY GẠCH</b>	<p>Căn cứ vào bản vẽ thi công và bản vẽ chi tiết để xác định kích thước và vị trí cần xây móng; xây tường phẳng, tường cong, tường thu hồi, tường trụ cửa; xây trụ chữ nhật, trụ tròn, trụ đa giác, trụ liền tường; xây gờ thẳng, gờ cong; xây vòm; xây bể bảo đảm đúng vị trí, kích thước hình học và các yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật theo các bước sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc các thông số kỹ thuật trên bản vẽ thi công đầy đủ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được các tính chất cơ lý của vữa xây dựng.</li> <li>- Phân biệt được các loại vữa để sử dụng hợp lý.</li> <li>- Trình bày được các yêu cầu kỹ thuật và cấu tạo của khối xây gạch.</li> <li>- Nêu được các chỉ tiêu đánh giá chất lượng của khối xây gạch.</li> <li>- Phân tích được định mức, nhân công, vật liệu trong công tác xây.</li> <li>- Trình bày được quy trình, thao tác xây và yêu cầu kỹ thuật ứng với từng đối tượng xây.</li> <li>- Trình bày được phương pháp xác định kích thước và cao độ của đối</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc và phân tích được bản vẽ thi công đối với từng đối tượng cần xây.</li> <li>- Tính toán được khối lượng, nhân công, vật liệu cho công tác xây.</li> <li>- Tính toán được liều lượng pha trộn vữa.</li> <li>- Trộn được các loại vữa xây dựng thông thường.</li> <li>- Vạch dấu kích thước và cao độ của đối tượng xây.</li> <li>- Làm được các công việc gồm: xây móng, xây tường, xây trụ, xây gờ, xây bậc, xây</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tính tự giác trong học tập, hợp tác tốt khi thực tập theo nhóm.</li> <li>- Tuân thủ thực hiện vệ sinh công nghiệp, có ý thức tiết kiệm vật liệu và bảo quản dụng cụ thực tập.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự đầy đủ của công tác chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phục vụ cho công việc.</li> <li>- Đánh giá theo TCXDVN các chỉ số về: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ chính xác vị trí, kích thước của các đối tượng xây.</li> <li>- Độ chính xác của cao độ đặt khối xây và cao độ kết thúc khối xây.</li> <li>- Độ đặc của mạch vữa, so le các mạch đứng, thẳng đứng, ngang bằng, phẳng mặt và vuông góc/tròn đều... của khối xây.</li> </ul> </li> </ul>

MÔ ĐUN	Tóm tắt nội dung	Kiến thức thiết yếu	Kỹ năng cần đạt	Thái độ	Tiêu chí đánh giá
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị mặt bằng, vật liệu, dụng cụ.</li> <li>- Vị trí, kích thước đối tượng cần xây đúng theo yêu cầu thiết kế.</li> <li>- Cao độ đặt khối xây và cao độ kết thúc khối xây móng đúng thiết kế.</li> <li>- Mạch vữa đặc chắc, so le các mạch đứng.</li> <li>- Khối xây thẳng đứng, ngang bằng, phẳng mặt và vuông góc/tròn đều... theo yêu cầu mỹ thuật.</li> <li>- Giàn giáo chắc chắn, ổn định và an toàn.</li> <li>- An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.</li> <li>- Thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>tượng xây.</li> <li>- Giải thích được nguyên nhân gây ra hiện tượng không thẳng đứng, không vuông góc hoặc không đạt yêu cầu mỹ thuật của khối xây.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>cuốn, xây vòm cong một chiều, xây bể.</li> <li>- Thực hiện được thao tác rải vữa, điều chỉnh viên gạch xây theo dây căng, miết mạch.</li> <li>- Phát hiện và xử lý được các sai hỏng khi thực hiện công việc.</li> <li>- Kiểm tra, đánh giá được chất lượng của khối xây.</li> <li>- Hợp tác, phối hợp làm việc nhóm trong quá trình xây.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ chắc chắn và ổn định của giáo xây.</li> <li>- Đánh giá sự hợp lý trong thực hiện quy trình; tính nghiêm túc, trung thực của việc kiểm tra; việc đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường; thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</li> </ul>
<b>MĐ14: LẮP ĐẶT CẤU KIẾN LOẠI NHỎ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ vào bản vẽ thiết kế để thực hiện các công việc lắp đặt lanh tô, ô văng; khuôn cửa; chân song, sen hoa; tấm đan bê tông cốt thép; panel theo trình tự:</li> <li>- Chuẩn bị mặt bằng, dụng cụ, các cấu kiện loại nhỏ, vữa chèn...</li> <li>- Lấy cốt, cao độ dài rộng theo hình dáng cấu kiện trong thiết kế</li> <li>- Lắp đặt các cấu kiện loại nhỏ đúng vị trí, chắc chắn, ổn định, đúng kỹ thuật, mỹ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được trình tự, các bước lắp đặt cấu kiện loại nhỏ.</li> <li>- Trình bày được phương pháp xác định cao độ, kích thước khi lắp đặt cấu kiện loại nhỏ.</li> <li>- Giải thích được nguyên nhân gây ra hiện tượng không ngang bằng, độ chênh lệch, cong vênh, không bảo đảm cốt thiết kế khi lắp đặt cấu kiện loại nhỏ.</li> <li>- Đưa ra được biện pháp khắc phục hiện tượng trên.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc được bản vẽ mặt bằng công trình và mặt bằng các cấu kiện, cấu tạo, chi tiết các cấu kiện loại nhỏ.</li> <li>- Nhận biết được các dụng cụ đo, kiểm tra trong khi lắp đặt.</li> <li>- Phân biệt được chất lượng của các cấu kiện trước khi lắp đặt.</li> <li>- Sử dụng được các loại thiết bị phục vụ cho việc lắp đặt cấu kiện.</li> <li>- Xác định được vị trí lắp đặt các cấu kiện trong công trình.</li> <li>- Lấy dấu và làm mốc theo</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tính tự giác trong học tập, hợp tác tốt khi thực tập theo nhóm.</li> <li>- Tuân thủ thực hiện vệ sinh công nghiệp, có ý thức tiết kiệm vật liệu và bảo quản dụng cụ thực tập.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy trình lắp đặt lanh tô ô văng; khuôn cửa; chân song, sen hoa; tấm đan; panel...</li> <li>- Thao tác cẩn thận chuẩn xác.</li> <li>- Độ chính xác của các kích thước khi lắp đặt.</li> <li>- Độ đặc, chắc, phẳng, của lớp vữa đệm.</li> <li>- Đánh giá sự hợp lý trong thực hiện quy trình; tính nghiêm túc, trung thực của việc kiểm tra; việc đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường; thời gian thực</li> </ul>

MÔ ĐUN	Tóm tắt nội dung	Kiến thức thiết yếu	Kỹ năng cần đạt	Thái độ	Tiêu chí đánh giá
	<p>thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra cao độ, bề mặt gác cầu kiện loại nhỏ theo thiết kế.</li> <li>- Giàn giáo chắc chắn, ổn định và an toàn.</li> <li>- An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.</li> <li>- Thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</li> </ul>		<p>cao độ thiết kế.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán phẳng vữa lót đều toàn bộ bề mặt gác các cầu kiện loại nhỏ.</li> <li>- Lắp đặt được cầu kiện loại nhỏ đạt yêu cầu kỹ thuật.</li> <li>- Hợp tác, phối hợp làm việc nhóm trong quá trình lắp đặt.</li> </ul>		<p>hiện theo định mức của doanh nghiệp.</p>
<b>MĐ15: TRÁT, LÁNG</b>	<p>Đối với trát:</p> <p>Căn cứ vào yêu cầu thiết kế thực hiện các công việc trát tường phẳng; trát cạnh góc; trát trụ; trát dầm; trát trần; trát hèm má cửa; trát phào, gờ, chỉ; trát vòm cong; vẩy gai, vẩy tổ mối bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật và an toàn lao động theo trình tự sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phù hợp với đối tượng trát.</li> <li>- Tạo độ sạch, độ ẩm, độ nhám của mặt trát đúng yêu cầu kỹ thuật.</li> <li>- Đắp mốc theo chiều dày lớp vữa trát thiết kế quy định.</li> <li>- Mặt trát đặc chắc, phẳng, nhẵn mịn.</li> <li>- Thao tác lên vữa, cán phẳng, xoa đều tay, chuẩn xác.</li> </ul> <p>Đối với láng:</p> <p>Căn cứ yêu cầu thiết kế thực</p>	<p>Đối với trát:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được các yêu cầu kỹ thuật và cấu tạo của lớp vữa trát.</li> <li>- Nêu được các chỉ tiêu đánh giá chất lượng của lớp vữa trát.</li> <li>- Phân tích được định mức, nhân công, vật liệu trong công tác trát.</li> <li>- Trình bày được quy trình và yêu cầu kỹ thuật của các đối tượng trát.</li> <li>- Trình bày được phương pháp làm mốc trát.</li> <li>- Giải thích được nguyên nhân hiện tượng vữa trát bị nứt, bong, rộp.</li> <li>- Đưa ra được biện pháp khắc phục xoa mặt trát ướt hoặc khô quá</li> </ul> <p>Đối với láng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được quy trình và yêu cầu kỹ thuật của láng nền, sàn.</li> <li>- Trình bày được phương pháp xác định cao độ và làm mốc láng.</li> <li>- Giải thích được nguyên nhân gây ra hiện tượng nứt, bong, rộp lớp vữa láng và bề mặt lớp láng.</li> </ul>	<p>Đối với trát:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính toán được khối lượng, nhân công, vật liệu cho công tác trát.</li> <li>- Tính toán được liều lượng pha trộn vữa.</li> <li>- Lên vữa phù hợp với các đối tượng trát.</li> <li>- Làm được các công việc: trát tường; trát dầm; trát trần; trát trụ; trát gờ, phào, chỉ; trát vòm cong; vẩy gai, vẩy tổ mối.</li> <li>- Điều chỉnh chiều dày lớp vữa trát.</li> <li>- Quan sát, đánh giá để cán phẳng, xoa nhẵn.</li> <li>- Phối kết hợp nhịp nhàng trong quá trình trát.</li> <li>- Sử dụng, điều chỉnh ni vô.</li> <li>- Phát hiện và xử lý được các sai hỏng khi thực hiện công việc trát.</li> <li>- Kiểm tra, đánh giá chất lượng các đối tượng trát.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tính tự giác trong học tập, hợp tác tốt khi thực tập theo nhóm.</li> <li>- Tuân thủ thực hiện vệ sinh công nghiệp, có ý thức tiết kiệm vật liệu và bảo quản dụng cụ thực tập.</li> </ul>	<p>Sự đầy đủ của công tác chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phục vụ cho công việc.</p> <p>Đánh giá theo yêu cầu thiết kế:</p> <p>Đối với trát:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ sạch, độ ẩm, độ nhám của mặt trát khi xử lý.</li> <li>- Đắp mốc theo thiết kế.</li> <li>- Độ đặc chắc, phẳng, nhẵn, mịn của mặt trát; độ thẳng cạnh, vuông góc, tròn đều, cong đều của khối trát.</li> <li>- Thao tác lên vữa, cán phẳng, xoa đều tay.</li> </ul> <p>Đối với láng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ sạch mặt nền, sàn trước khi láng.</li> <li>- Cao độ và độ dốc bề mặt láng theo thiết kế (sai số 1mm).</li> <li>- Độ đặc, chắc, phẳng, nhẵn của lớp vữa láng.</li> <li>- Độ chuẩn xác của các thao tác san, cán phẳng, xoa nhẵn.</li> </ul>

MÔ ĐUN	Tóm tắt nội dung	Kiến thức thiết yếu	Kỹ năng cần đạt	Thái độ	Tiêu chí đánh giá
	<p>hiện láng nền, sàn bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật và an toàn lao động theo trình tự sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị mặt bằng, dụng cụ, thiết bị phù hợp với láng nền, sàn.</li> <li>- Xử lý bề mặt nền, sàn trước khi láng đúng kỹ thuật.</li> <li>- Lấy cốt, đắp mốt lấy cao độ và độ dốc bề mặt láng theo thiết kế.</li> <li>- Lợp vữa láng đặc, chắc, phẳng, nhẵn.</li> <li>- Thao tác san, cán phẳng, xoa nhẵn chuẩn xác.</li> <li>- Bề mặt sau láng bóng, mịn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đưa ra được biện pháp khắc phục hiện tượng dính bàn xoa, khô bề mặt khi láng.</li> </ul>	<p>Đối với láng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính toán được khối lượng, nhân công, vật liệu cho công tác láng.</li> <li>- Tính toán được liều lượng pha trộn vữa.</li> <li>- Điều chỉnh ni vô thẳng bằng.</li> <li>- Lấy dấu và làm mốt theo cao độ thiết kế.</li> <li>- Cán phẳng, xoa nhẵn đồng đều toàn bộ bề mặt láng.</li> <li>- Phát hiện và xử lý được các sai hỏng khi thực hiện công việc láng.</li> <li>- Kiểm tra, đánh giá chất lượng các đối tượng láng.</li> <li>- Hợp tác, phối hợp làm việc nhóm trong quá trình láng.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ đồng đều của bề mặt sau hoàn thiện.</li> <li>- Đánh giá sự hợp lý trong thực hiện quy trình; tính nghiêm túc, trung thực của việc kiểm tra; việc đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường; thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</li> </ul>
<b>MĐ16: LÁT, ỐP</b>	<p>Căn cứ yêu cầu thiết kế thực hiện công việc lát gạch chỉ, gạch bê tông, gạch tráng men, gạch lá nem, gạch rỗng chống nóng, đá tấm theo trình tự và yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị mặt bằng, dụng cụ phù hợp với yêu cầu công việc.</li> <li>- Xử lý bề mặt nền, sàn trước khi lát đúng kỹ thuật.</li> <li>- Lấy cốt theo cao độ và độ dốc thiết kế.</li> <li>- Lát viên mô, hàng mô, lát các viên phía trong, làm mạch theo yêu cầu thiết kế.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được đặc điểm và phạm vi sử dụng của một số loại vật liệu lát, ốp.</li> <li>- Phân tích được khối lượng, nhân công, vật liệu phục vụ công tác lát, ốp.</li> <li>- Trình bày được quy trình và yêu cầu kỹ thuật khi lát hoặc ốp các loại gạch, đá.</li> <li>- Trình bày được phương pháp xác định cao độ và làm mô khi lát gạch, đá.</li> <li>- Giải thích được nguyên nhân gây ra hiện tượng, bong, rộp lớp vữa lát.</li> <li>- Đưa ra được biện pháp khắc phục</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính toán được khối lượng, nhân công, vật liệu phục vụ công tác lát, ốp.</li> <li>- Lấy dấu và bắt mô theo cao độ thiết kế.</li> <li>- Sử dụng được các loại máy cắt gạch, đá.</li> <li>- Lát, ốp được các loại vật liệu (gạch, đá) đạt yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật.</li> <li>- Cán phẳng vữa, đặt gạch, đá phẳng theo thiết kế.</li> <li>- Hợp tác, phối hợp làm việc nhóm trong quá trình lát</li> <li>- Làm việc độc lập.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỉ mỉ, cẩn thận và kiên trì trong khi luyện tập.</li> <li>- Tuân thủ mọi quy định về an toàn lao động của nghề và vệ sinh công nghiệp.</li> <li>- Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công</li> </ul>	<p>Sự đầy đủ của công tác chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phục vụ cho công việc.</p> <p>Đánh giá theo yêu cầu thiết kế:</p> <p>Đối với lát:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ sạch mặt nền, sàn trước khi lát.</li> <li>- Cao độ và độ dốc bề mặt lát theo thiết kế (sai số 1mm).</li> <li>- Lợp vữa lát đúng mác, đặc chắc.</li> <li>- Độ đặc, chắc, phẳng, nhẵn của bề mặt lát.</li> <li>- Độ gọn, bóng của mạch lát, mạch được chèn đầy, miết</li> </ul>

MÔ ĐUN	Tóm tắt nội dung	Kiến thức thiết yếu	Kỹ năng cần đạt	Thái độ	Tiêu chí đánh giá
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.</li> <li>- Thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</li> <li>Ốp gạch men, gạch trang trí, đá tẩm theo trình tự và yêu cầu kỹ thuật sau:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị vật liệu, mặt bằng, dụng cụ phù hợp với yêu cầu công việc.</li> <li>- Vệ sinh, xử lý bề mặt tường trước khi ốp đúng kỹ thuật.</li> <li>- Trộn vữa, ngâm gạch.</li> <li>- Bắt mỏ, ốp, làm mạch.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>hiện tượng bong rộp lớp lát.</li> <li>- Trình bày được phương pháp xác định cao độ khi ốp.</li> <li>- Giải thích được nguyên nhân của hiện tượng mặt ốp không phẳng, không đặc chắc mạch không đều, không thẳng.</li> <li>- Đưa ra biện pháp khắc phục hiện tượng trên.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>nghịệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>nhấn.</li> <li>- Thao tác lát chuẩn xác.</li> <li>Đối với ốp               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ phẳng, sạch của tường trước khi ốp.</li> <li>- Độ ẩm của gạch trước khi ốp.</li> <li>- Cao độ mặt ốp theo thiết kế.</li> <li>- Mạch ngang bằng, thẳng, đều 2 mm, được chèn đầy hồ xi măng, gọn, sạch.</li> <li>- Lớp vữa ốp đúng mức, đặc chắc.</li> <li>- Bề mặt ốp đều, phẳng, thẳng đứng, góc vuông.</li> <li>- Thao tác ốp chuẩn xác.</li> </ul> </li> <li>Đánh giá sự hợp lý trong thực hiện quy trình; tính nghiêm túc, trung thực của việc kiểm tra; việc đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường; thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</li> </ul>
<b>MĐ17: BẢ MA TIT, SON VÔI</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện quét vôi màu, lăn sơn, phun sơn, bả ma tit theo trình tự và yêu cầu sau:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phù hợp với công việc.</li> <li>- Làm sạch bề mặt tường trần quét vôi, lăn sơn, phun sơn hoặc bả ma tit.</li> <li>- Chọn màu vôi, sơn, pha sơn theo thiết kế.</li> <li>- Trộn vữa bả dẻo, đúng tỉ lệ.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được trình tự pha màu và quét, lăn, phun sơn, vôi.</li> <li>- Mô tả được tính năng tác dụng của từng loại sơn.</li> <li>- Nêu được các yêu cầu kỹ thuật của công việc quét, phun, lăn sơn, vôi.</li> <li>- Trình bày được quy trình và yêu cầu kỹ thuật khi quét vôi, lăn sơn, phun sơn, bả ma tit.</li> <li>- Giải thích được nguyên nhân gây</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra độ sạch, khô của mặt tường, trần trước khi quét vôi, lăn sơn, phun sơn, bả ma tit.</li> <li>- Chọn được màu đẹp đúng thiết kế, phù hợp với tính chất sử dụng.</li> <li>- Pha màu vôi cho hợp với màu của thiết kế.</li> <li>- Quét, phun, lăn sơn vôi đạt yêu cầu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ý thức làm việc sáng tạo, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp.</li> <li>- Tự giác trong học tập, hợp tác tốt khi thực tập theo nhóm.</li> <li>- Tuân thủ thực hiện vệ sinh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sự đầy đủ của công tác chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phục vụ cho công việc.</li> <li>Đánh giá theo yêu cầu thiết kế:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ sạch mặt tường trần khi quét vôi, sơn, bả.</li> <li>- Các lượt vôi cần quét theo thiết kế.</li> <li>- Độ đặc, chắc, phẳng, nhẵn, đồng đều của lớp sơn lăn, lớp</li> </ul> </li> </ul>

MÔ ĐUN	Tóm tắt nội dung	Kiến thức thiết yếu	Kỹ năng cần đạt	Thái độ	Tiêu chí đánh giá
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngụy pha sơn đều và đúng tỉ lệ.</li> <li>- Đánh giấy giáp nhẵn, phẳng.</li> <li>- Phun sơn từng lượt đều tay, đồng đều trên toàn bộ bề mặt bả.</li> <li>- An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.</li> <li>- Thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>ra hiện tượng không đồng màu khi quét vôi, lăn sơn, phun sơn.</li> <li>- Đưa ra được biện pháp khắc phục hiện tượng không đồng màu khi mặt vôi khô.</li> <li>- Giải thích được nguyên nhân gây ra hiện tượng nứt, bong, rộp lớp vữa bả, lớp sơn.</li> <li>- Đưa ra được biện pháp khắc phục hiện tượng dính bàn xoa, khô bề mặt khi bả; mặt sơn bị nứt khi lăn sơn, phun sơn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bả ma tít, đánh giấy nháp nhẵn đồng đều toàn bộ bề mặt bả.</li> <li>- Thử màu, các động tác lấy nước sơn vôi và đưa chổi sơn vôi lên mặt tường, trần.</li> <li>- Hướng quét và trình tự quét, lăn đối với trần, tường.</li> <li>- Hợp tác, phối hợp làm việc nhóm trong quá trình quét vôi, lăn sơn, phun sơn, bả ma tít.</li> </ul>	<p>công nghiệp, có ý thức tiết kiệm vật liệu và bảo quản dụng cụ thực tập.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>vữa bả.</li> <li>- Thao tác vào vữa, đánh giấy nháp chuẩn xác.</li> <li>- Thao tác quét vôi, lăn sơn, phun sơn, bả ma tít chuẩn xác.</li> <li>- Mặt sơn bóng mịn đồng màu toàn bộ bề mặt sơn.</li> <li>- Bả đủ độ dày, bóng mịn đồng đều toàn bộ bề mặt bả.</li> </ul> <p>Đánh giá sự hợp lý trong thực hiện quy trình; tính nghiêm túc, trung thực của việc kiểm tra; việc đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường; thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</p>
<p><b>MD18:</b> <b>LÀM HỌA TIẾT TRANG TRÍ</b></p>	<p>Làm họa tiết trang trí bằng thạch cao và vữa xi măng theo các khuôn mẫu hoa văn có sẵn hoặc lắp các họa tiết có sẵn với trình tự và yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phù hợp với công việc.</li> <li>- Làm sạch khuôn mẫu để đúc họa tiết.</li> <li>- Pha trộn thạch cao và màu theo thiết kế.</li> <li>- Lắp họa tiết lên vị trí đúng yêu cầu kỹ thuật bằng khoan và vít nở.</li> <li>- An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được những kiến thức về vẽ hình trang trí.</li> <li>- Mô tả được quy trình các bước đắp, gắn họa tiết trang trí và gia công họa tiết trang trí bằng thạch cao;</li> <li>- Nêu được các phương pháp pha màu, phối màu, tô màu trong trang trí;</li> <li>- Trình bày được yêu cầu kỹ mỹ thuật và các phương pháp trang trí.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ, sao chép, phóng to, thu nhỏ được một số mẫu hoa văn trang trí điển hình trong nghề;</li> <li>- Thi công đắp tạo được một số họa tiết trang trí như: họa tiết phẳng, họa tiết lõm trên nền phẳng, chữ nổi chữ lõm trên nền phẳng bằng chất liệu vữa xi măng;</li> <li>- Đắp và trang trí được đỉnh trụ và đế cột bằng chất liệu thạch cao và vữa xi măng;</li> <li>- Đúc, đổ được các loại họa tiết trang trí bằng chất liệu thạch cao và vữa xi măng;</li> <li>- Gắn được các loại họa tiết trang trí đúc sẵn;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc;</li> <li>- Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác;</li> <li>- Tinh thần trách nhiệm cao trong quá trình làm việc;</li> <li>- Có ý thức tổ chức, kỷ luật, tác phong công nghiệp.</li> </ul>	<p>Sự đầy đủ của công tác chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phục vụ cho công việc.</p> <p>Đánh giá theo yêu cầu thiết kế:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ sắc nét của họa tiết được đúc.</li> <li>- Màu họa tiết đúng thiết kế.</li> <li>- Các sai số cho phép trong khoảng 1mm.</li> <li>- Đúng vị trí lắp họa tiết và bảo đảm chắc chắn, đúng kỹ thuật.</li> </ul> <p>Đánh giá sự hợp lý trong thực hiện quy trình; tính nghiêm túc, trung thực của việc kiểm tra; việc đảm bảo</p>



MÔ ĐUN	Tóm tắt nội dung	Kiến thức thiết yếu	Kỹ năng cần đạt	Thái độ	Tiêu chí đánh giá
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tô được màu trang trí cho hoạ tiết.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>an toàn lao động và vệ sinh môi trường; thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</li> </ul>
<b>MĐ19:</b> <b>GIA CÔNG, LẮP DỰNG VÀ THÁO DỠ VÁN KHUÔN, GIÀN GIÁO</b>	<p>Căn cứ vào bản vẽ thi công, thực hiện gia công, lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn, giàn giáo cho móng cột; móng băng; cột chữ nhật; cột tròn; lanh tô ô văng; dầm liên sàn; khuôn cầu thang hai nhịp; khuôn tường; khuôn sênô theo trình tự và yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị vật liệu, dụng cụ, thiết bị phù hợp với công việc.</li> <li>- Đo, cắt, ghép cốp pha theo bản vẽ thiết kế.</li> <li>- Lắp dựng và tháo dỡ cốp pha, ván khuôn, giàn giáo đúng quy trình kỹ thuật của từng đối tượng cần thi công.</li> <li>- An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.</li> <li>- Thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</li> </ul>	<p>Trình bày được nguyên tắc, cấu tạo, yêu cầu kỹ thuật, trình tự các bước gia công sản xuất cốp pha gỗ, lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn, giàn giáo cho các cấu kiện bê tông. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được quy trình và yêu cầu kỹ thuật khi đo, cắt, gia công cốp pha.</li> <li>- Trình bày được phương pháp xác định kích thước hình dáng cốp pha.</li> <li>- Giải thích được nguyên nhân và đưa ra được biện pháp khắc phục hiện tượng cốp pha bị vỡ, lún giàn giáo.</li> <li>- Trình bày được quy trình và yêu cầu kỹ thuật khi lắp đặt cốt thép, ván khuôn.</li> <li>- Giải thích được nguyên nhân và đưa ra được biện pháp khắc phục hiện tượng lắp đặt cốt thép sai vị trí, đường kính...</li> <li>- Trình bày được quy trình và yêu cầu kỹ thuật khi tháo dỡ cốp pha</li> <li>- Trình bày được phương pháp xác định kích thước hình dáng cốp pha cần tháo dỡ</li> <li>- Giải thích được nguyên nhân và đưa ra được biện pháp khắc phục hiện tượng cốp pha khi tháo dỡ bị vỡ, khó tháo...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm được các công việc gia công sản xuất cốp pha gỗ và lắp dựng, bảo dưỡng, tháo dỡ được ván khuôn, giàn giáo đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật.</li> <li>- Tính toán được khối lượng, vật liệu, nhân công.</li> <li>- Lấy dấu và đo, cắt, ghép cốp pha chuẩn xác theo thiết kế.</li> <li>- Hợp tác, phối hợp làm việc nhóm trong quá trình gia công cốp pha; lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn, giàn giáo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, tiết kiệm vật liệu;</li> <li>- Chú ý an toàn lao động trong khi thi công cốp pha.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sự đầy đủ của công tác chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phục vụ cho công việc.</li> <li>Đánh giá theo yêu cầu thiết kế: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ dài rộng, hình dáng khi đo, cắt, ghép cốp pha theo thiết kế.</li> <li>- Thao tác khi đo cắt, ghép cốp pha chuẩn xác.</li> <li>- Độ dài rộng, hình dáng cốp pha khi tháo dỡ.</li> <li>- Thao tác khi lắp dựng và tháo dỡ cốp pha, ván khuôn, giàn giáo chuẩn xác.</li> </ul> </li> <li>Đánh giá sự hợp lý trong thực hiện quy trình; tính nghiêm túc, trung thực của việc kiểm tra; việc đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường; thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</li> </ul>

MÔ ĐUN	Tóm tắt nội dung	Kiến thức thiết yếu	Kỹ năng cần đạt	Thái độ	Tiêu chí đánh giá
<b>MĐ20:</b> <b>GIA CÔNG, LẮP ĐẶT CỐT THÉP</b>	<p>Gia công, lắp dựng cốt thép theo trình tự và yêu cầu kỹ thuật sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phù hợp với công việc.</li> <li>- Đo, cắt, uốn cốt thép theo bản vẽ thiết kế bằng thủ công và bằng máy chuyên dụng.</li> <li>- Tính chọn độ dài, đường kính thép, chủng loại thép theo đúng thiết kế.</li> <li>- An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.</li> <li>- Thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được các yêu cầu kỹ thuật và cấu tạo cốt thép trong cấu kiện bê tông.</li> <li>- Trình bày được phương pháp sử dụng các máy cắt, uốn cốt thép.</li> <li>- Nêu được trình tự lắp đặt cốt thép vào ván khuôn cho cấu kiện bê tông cốt thép đổ tại chỗ.</li> <li>- Phân tích được định mức vật liệu, nhân công trong công tác gia công, lắp đặt cốt thép.</li> </ul> <p>Trình bày được qui trình và yêu cầu kỹ thuật khi đo, cắt, làm thẳng uốn cốt thép.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được phương pháp xác định kích thước hình dáng cốt thép.</li> <li>- Giải thích được nguyên nhân và đưa ra được biện pháp khắc phục hiện tượng cốt thép khi gia công không đúng hình dáng kích thước thiết kế.</li> <li>- Mô tả được cấu tạo, phân loại panel.</li> <li>- Nêu được các yêu cầu kỹ thuật lắp đặt cốt thép panel.</li> <li>- Trình bày được trình tự, phương pháp lắp đặt cốt thép và cốt thép panel.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gia công được các loại cốt thép dùng trong kết cấu bê tông cốt thép.</li> <li>- Sử dụng được vạm và bàn vạm khi nắn thép.</li> <li>- Thao tác đánh búa an toàn.</li> <li>- Sử dụng thành thạo tời quay tay, tời điện và dụng cụ phụ trợ.</li> <li>- Vận hành được máy cắt đĩa và máy chuyên dụng.</li> <li>- Tính toán được chiều dài thực tùy thuộc và các góc uốn của cốt thép.</li> <li>- Tính toán được số thanh để cắt không bị lãng phí vật tư.</li> <li>- Đo kích thước sao cho không bị sai số kỹ thuật.</li> <li>- Lấy dấu và đo, cắt, làm thẳng uốn cốt thép chuẩn xác theo thiết kế.</li> <li>- Nắn thẳng được thép tròn, thép dạng cây, dạng cuộn thành sợi thép thẳng bằng thủ công và máy chuyên dụng</li> <li>- Uốn được các loại cốt thép đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.</li> <li>- Buộc được cốt thép bằng hai kiểu nút buộc.</li> <li>- Lắp đặt được các loại cốt thép trong kết cấu bê tông cốt thép theo yêu cầu.</li> <li>- Đặt được lưới cốt thép và khung cốt thép vào vị trí và ổn định.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ý thức làm việc sáng tạo, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp.</li> <li>- Tự giác trong học tập, hợp tác tốt khi thực tập theo nhóm.</li> <li>- Tuân thủ thực hiện vệ sinh công nghiệp, có ý thức tiết kiệm vật liệu và bảo quản dụng cụ thực tập.</li> </ul>	<p>Sự đầy đủ của công tác chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phục vụ cho công việc.</p> <p>Đánh giá theo yêu cầu thiết kế:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ thẳng, độ phân bố đều của cốt thép.</li> <li>- Dây buộc đều và đúng kỹ thuật.</li> <li>- Thao tác khi đo, cắt, làm thẳng, uốn cốt thép, lắp đặt cốt thép chuẩn xác.</li> <li>- Sử dụng máy chuyên dụng đúng quy trình và an toàn.</li> </ul> <p>Đánh giá sự hợp lý trong thực hiện quy trình; tính nghiêm túc, trung thực của việc kiểm tra; việc đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường; thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</p>

MÔ ĐUN	Tóm tắt nội dung	Kiến thức thiết yếu	Kỹ năng cần đạt	Thái độ	Tiêu chí đánh giá
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt được cốt thép sàn toàn khối bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật.</li> <li>- Gia công được cốt thép các bộ phận cầu thang</li> <li>- Lắp đặt được cốt thép panel bảo đảm đúng yêu cầu kỹ thuật.</li> </ul>		
<b>MĐ21: HÀN HỒ QUANG</b>	<p>Căn cứ vào bản vẽ thiết kế, thực hiện hàn hồ quang các chi tiết theo trình tự và yêu cầu kỹ thuật sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị dụng cụ, vật tư, máy hàn, chi tiết hàn.</li> <li>- Chọn chế độ hàn.</li> <li>- Hàn đúng định vị chi tiết cốt thép.</li> <li>- Tiến hành hàn.</li> <li>- Kiểm tra chất lượng mối hàn.</li> <li>- Bàn giao sản phẩm.</li> <li>- An toàn lao động và vệ sinh môi trường.</li> <li>- Thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liệt kê được các loại dụng cụ, thiết bị.</li> <li>- Trình bày được cấu tạo, nguyên lý làm việc của thiết bị.</li> <li>- Mô tả được cấu tạo, nguyên lý làm việc của máy hàn.</li> <li>- Nêu được phương pháp đấu và điều chỉnh nguồn điện vào máy hàn.</li> <li>- Nêu được các yêu cầu kỹ thuật của mối hàn hồ quang.</li> <li>- Trình bày được phương pháp gây hồ quang.</li> <li>- Biết cách bảo quản, xử lý sự cố máy hàn điện.</li> <li>- Trình bày được cách kiểm tra, đánh giá chất lượng mối hàn hồ quang.</li> <li>- Phân tích được khối lượng vật liệu nhân công trong công việc hàn hồ quang.</li> <li>- Nắm vững qui trình công nghệ khi tiến hành hàn bằng giáp mối hồ quang tay.</li> <li>- Nêu được nguyên lý cắt thép Các-Bon bằng que hàn có thuốc bọc</li> <li>- Trình bày được các yêu cầu kỹ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng dụng cụ và thiết bị đảm bảo an toàn.</li> <li>- Vận hành và sử dụng được máy hàn điện hồ quang.</li> <li>- Hàn nối được cốt thép theo yêu cầu thiết kế trong xây dựng.</li> <li>- Tính toán được khối lượng vật liệu nhân công trong công việc hàn hồ quang.</li> <li>- Hàn hoàn thiện mối hàn ở vị trí hàn theo yêu cầu kỹ thuật của bản vẽ.</li> <li>- Kiểm tra, đánh giá được chất lượng mối hàn.</li> <li>- Thực hiện được đường cắt thẳng, đường cắt cong trên phôi thép đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ý thức tổ chức kỷ luật, có tác phong công nghiệp.</li> <li>- Có tính cẩn thận, tỷ mỉ, chịu khó.</li> <li>- Tuân thủ các quy định an toàn lao động về điện khi sử dụng máy hàn.</li> </ul>	<p>Sự đầy đủ của công tác chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phục vụ cho công việc.</p> <p>Đánh giá theo yêu cầu thiết kế:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết bị hoạt động tốt, an toàn.</li> <li>- Chi tiết được gá lắp, hàn định vị chắc chắn.</li> <li>- Chế độ hàn hợp lý.</li> <li>- Mối hàn đạt yêu cầu kỹ thuật</li> <li>- Hình dạng, kích thước mối hàn đúng với yêu cầu kỹ thuật.</li> </ul> <p>Đánh giá sự hợp lý trong thực hiện quy trình; tính nghiêm túc, trung thực của việc kiểm tra; việc đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường; thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</p>

MÔ ĐUN	Tóm tắt nội dung	Kiến thức thiết yếu	Kỹ năng cần đạt	Thái độ	Tiêu chí đánh giá
		thuật cắt thép Các-Bon bằng que hàn có thuốc bọc. - Xác định được nguyên nhân hồ quang bị thổi lệch và các khuyết tật khác. - Đưa ra biện pháp khắc phục hiện tượng hồ quang bị thổi lệch và các khuyết tật khác.			
<b>MĐ22: TRỘN, ĐỔ, ĐÀM BÊ TÔNG</b>	Thực hiện trộn, đổ, đầm bê tông bằng phương pháp thủ công và máy theo trình tự và yêu cầu sau: - Chuẩn bị mặt bằng phù hợp với công việc. - Dụng cụ, phương tiện đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu công việc. - Kiểm tra cốt thép: đường kính, khoảng cách cốt thép, lớp bảo vệ cốt thép... - Kiểm tra cốt pha: độ sạch, độ ẩm... - Trộn, Đổ, Đầm bê tông đúng kỹ thuật. - An toàn lao động và vệ sinh môi trường. - Thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.	- Trình bày được vật liệu thành phần trong vữa bê tông. - Nêu được tính chất kỹ thuật của bê tông. - Nhận biết được liều lượng vật liệu cho cốt trộn bằng tay, bằng máy. - Mô tả được cấu tạo, tính năng tác dụng của các loại dụng cụ, phương tiện. - Trình bày được phương pháp trộn bằng tay, trộn bằng máy. - Nêu được phương pháp vận chuyển và đổ bê tông. - Nêu được cách xác định chiều dày lớp đổ bê tông. - Nêu được cách bố trí mạch ngừng. - Nêu được một số quy định trong quá trình đổ bê tông cho một số cấu kiện. - Nêu được kỹ thuật đầm bê tông bằng thủ công, bằng máy đầm dung. - Nêu được kỹ thuật kiểm tra, bảo dưỡng bê tông.	- Tính toán được liều lượng vật liệu cho cốt trộn bằng tay, bằng máy. - Trộn được hỗn hợp vữa bê tông đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. - Sử dụng hiệu quả, an toàn các loại dụng cụ của nghề trong công tác bê tông. - Thực hiện được các công việc như đổ, đầm, bảo dưỡng các cấu kiện bê tông đúng yêu cầu kỹ thuật, an toàn. - Phân lớp đổ bê tông hợp lý. - Đổ và đầm bê tông. - Làm phẳng bề mặt bê tông.. - Hợp tác, phối hợp với các nhóm khác.	- Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ chính xác, gọn gàng, tiết kiệm trong quá trình làm việc. - Có ý thức tổ chức kỷ luật, hợp tác tốt theo nhóm, tổ để thực hiện công việc.	Sự đầy đủ của công tác chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phục vụ cho công việc. Đánh giá theo yêu cầu thiết kế: - Tính toán liều lượng cốt trộn đúng mức bê tông theo thiết kế. - Đong vật liệu thành phần đổ vào thùng trộn, cốt trộn theo thứ tự trộn, đầy đủ, chính xác. - Thời gian trộn bê tông đảm bảo độ sụt của bê tông phù hợp với từng loại máy, và thời gian đổ bê tông. - Đổ bê tông ra khỏi thùng trộn vừa đủ, phù hợp với phương tiện vận chuyển bê tông. - Độ chính xác của đường kính, khoảng cách cốt thép, lớp bê tông bảo vệ. - Đổ bê tông đúng quy trình, kỹ thuật, đảm bảo chiều dày lớp đổ. - Độ an toàn điện và hoạt động tốt của máy đầm.

MÔ ĐUN	Tóm tắt nội dung	Kiến thức thiết yếu	Kỹ năng cần đạt	Thái độ	Tiêu chí đánh giá
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ phẳng tương đối so với cốt thiết kế khi san bê tông.</li> <li>- Bê tông đặc chắc, đồng đều sau đầm.</li> <li>- Bề mặt bê tông sau hoàn thiện phẳng, nhẵn sau hoàn thiện.</li> <li>- Lập phiếu bàn giao đúng yêu cầu.</li> </ul> <p>Đánh giá sự hợp lý trong thực hiện quy trình; tính nghiêm túc, trung thực của việc kiểm tra; việc đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường; thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</p>
<b>MĐ23: LẮP ĐẶT MẠNG ĐIỆN SINH HOẠT</b>	<p>Thực hiện lắp đặt các thiết bị điện dân dụng theo trình tự và yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc bản vẽ sơ đồ mặt bằng, sơ đồ mạch điện.</li> <li>- Phân tích bảng quy trình thực hiện.</li> <li>- Chuẩn bị dụng cụ, thiết bị và vật liệu cần cho công việc.</li> <li>- Lắp đặt mạch điện dân dụng ứng với từng đối tượng.</li> <li>- Kiểm tra không điện (nguội).</li> <li>- Vận hành và kiểm tra điện (nóng).</li> <li>- Nghiệm thu và bàn giao.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liệt kê được số lượng, mô tả được chất lượng các loại vật liệu và thiết bị sử dụng trong lắp đặt mạng điện sinh hoạt.</li> <li>- Trình bày được các bước trong lắp đặt mạng điện sinh hoạt</li> <li>- Nêu được các bước thực hiện và yêu cầu kỹ thuật lắp đặt dây dẫn đi trong ống nhựa nổi, ngầm trong tường, lắp đặt công tơ, các thiết bị trên bảng điện nổi, các loại đèn chiếu sáng, chuông báo, các loại quạt, máy bơm nước.</li> <li>- Giải thích được các sự cố về điện trong mạng điện sinh hoạt.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc được bản vẽ mặt bằng bố trí thiết bị điện, bản vẽ sơ đồ mạng điện sinh hoạt.</li> <li>- Sử dụng được các dụng cụ đo, lắp các thiết bị điện.</li> <li>- Kiểm tra, đánh giá được chất lượng các loại vật liệu và thiết bị sử dụng trong lắp đặt mạng điện sinh hoạt.</li> <li>- Sử dụng được đồng hồ đo điện và máy khoan bê tông dùng trong thi công.</li> <li>- Xác định được vị trí đặt dây và thiết bị.</li> <li>- Lắp đặt được dây dẫn đi trong ống nhựa nổi, ngầm trong tường, lắp đặt công tơ, bảng điện, chuông báo, đèn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm thận , chính xác, trong quá trình thực hiện công việc.</li> <li>- Hợp tác tốt theo nhóm, tổ để thực hiện công việc.</li> <li>- Tuân thủ các quy định về nội quy an toàn về điện.</li> </ul>	<p>Sự đầy đủ của công tác chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phục vụ cho công việc.</p> <p>Đánh giá theo yêu cầu thiết kế:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ chính xác của các thông số kỹ thuật, chủng loại theo mã, ký hiệu của các thiết bị, khí cụ và vật liệu được lựa chọn.</li> <li>- Mức độ chính xác của vị trí gá lắp các thiết bị và khí cụ.</li> <li>- Mức độ chắc chắn, an toàn và gọn gàng của mạch điện.</li> <li>- Mức độ kiểm tra chính xác và phù hợp khi vận hành thử nghiệm và vận hành có điện.</li> <li>- Nghiệm thu và bàn giao</li> </ul>

MÔ ĐUN	Tóm tắt nội dung	Kiến thức thiết yếu	Kỹ năng cần đạt	Thái độ	Tiêu chí đánh giá
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- An toàn lao động và vệ sinh môi trường.</li> <li>- Thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>chiếu sáng, quạt, máy bơm đúng quy trình và yêu cầu kỹ thuật.</li> <li>- Phát hiện và xử lý được các hư hỏng thông thường trong mạng điện sinh hoạt.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>đúng quy định.</li> <li>Đánh giá sự hợp lý trong thực hiện quy trình; tính nghiêm túc, trung thực của việc kiểm tra; việc đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường; thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</li> </ul>
<b>MD24: LẮP ĐẶT ĐƯỜNG ống CẤP NƯỚC TRONG NHÀ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện lắp đặt đường ống cấp nước trong nhà theo trình tự và yêu cầu sau:</li> <li>- Đọc bản vẽ sơ đồ mặt bằng, sơ đồ tuyến ống.</li> <li>- Phân tích bảng quy trình thực hiện.</li> <li>- Chuẩn bị dụng cụ, thiết bị và vật liệu cần cho công việc.</li> <li>- Gia công các đối tượng để lắp đặt.</li> <li>- Lắp đặt đường ống ứng với từng đối tượng.</li> <li>- Kiểm tra độ kín và áp lực tuyến ống.</li> <li>- Nghiệm thu và bàn giao.</li> <li>- An toàn lao động và vệ sinh môi trường.</li> <li>- Thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được cấu tạo của đường ống cấp nước trong nhà, đồng hồ đo nước.</li> <li>- Trình bày được cách thức bố trí hệ thống đường ống dẫn nước vào nhà.</li> <li>- Nhận biết được các loại ống dùng trong hệ thống cấp nước.</li> <li>- Mô tả được ưu, nhược điểm của từng loại vật liệu làm ống.</li> <li>- Nêu được trình tự sử dụng và tính năng của thiết bị dùng để lắp, nối ống.</li> <li>- Trình bày được phương pháp cắt ống, ren ống, nối ống bằng thủ công hoặc bằng máy.</li> <li>- Trình bày được cách định vị tuyến ống.</li> <li>- Mô tả được cách thử độ kín và độ chịu áp lực đường ống.</li> <li>- Biết cách nghiệm thu, bàn giao đưa đồng hồ vào sử dụng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê được số lượng và phân biệt được vật liệu làm ống, các loại thiết bị dùng để nối ống.</li> <li>- Xác định được vị trí chờ để lắp đặt các thiết bị, những vị trí đặc biệt khi lắp đặt, đường đi của tuyến ống, vị trí của ống đối với kết cấu xây dựng.</li> <li>- Thực hiện cắt ống, ren ống, nối ống bằng thủ công hoặc bằng máy theo yêu cầu kỹ thuật.</li> <li>- Định vị được tuyến ống.</li> <li>- Xác định được tim và cốt chuẩn đánh dấu được các kích thước cần thiết khác cho việc lắp ống.</li> <li>- Tạo được đường đặt ống bảo đảm yêu cầu kỹ thuật.</li> <li>- Nối được đường ống dẫn vào nhà với đường ống chính và đồng hồ đo nước.</li> <li>- Lắp đặt các thiết bị khác trên đường ống dẫn nước (van, vòi, bình...).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm thận, chính xác, trong quá trình thực hiện công việc.</li> <li>- Hợp tác tốt theo nhóm, tổ để thực hiện công việc.</li> <li>- Tuân thủ các quy định về nội quy an toàn lao động.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sự đầy đủ của công tác chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phục vụ cho công việc.</li> <li>Đánh giá theo yêu cầu thiết kế:</li> <li>- Mức độ chính xác của các thông số kỹ thuật, chủng loại theo mã, ký hiệu của các thiết bị và vật liệu được lựa chọn.</li> <li>- Độ chính xác của các thông số kỹ thuật của các bộ phận được gia công bằng thủ công hoặc bằng máy.</li> <li>- Mức độ chính xác của vị trí gá lắp các thiết bị.</li> <li>- Mức độ chắc chắn, an toàn và gọn gàng của đường ống.</li> <li>- Mức độ kiểm tra chính xác và phù hợp khi vận hành thử nghiệm và vận hành bàn giao.</li> <li>- Nghiệm thu và bàn giao đúng quy định.</li> <li>Đánh giá sự hợp lý trong thực hiện quy trình; tính nghiêm túc, trung thực của việc kiểm tra; việc đảm bảo</li> </ul>

MÔ ĐUN	Tóm tắt nội dung	Kiến thức thiết yếu	Kỹ năng cần đạt	Thái độ	Tiêu chí đánh giá
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra được độ kín và áp lực đường ống.</li> <li>- Vận hành đồng hồ đúng quy trình.</li> </ul>		<p>an toàn lao động và vệ sinh môi trường; thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</p>
<p><b>MĐ25: LẮP ĐẶT ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC KHU VỆ SINH</b></p>	<p>Thực hiện lắp đặt đường ống thoát nước trong nhà và khu vệ sinh theo trình tự và yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc bản vẽ sơ đồ mặt bằng, sơ đồ tuyến ống.</li> <li>- Phân tích bảng quy trình thực hiện.</li> <li>- Chuẩn bị dụng cụ, thiết bị và vật liệu cần cho công việc.</li> <li>- Gia công các đối tượng để lắp đặt.</li> <li>- Lắp đặt đường ống ứng với từng đối tượng.</li> <li>- Kiểm tra độ kín và áp lực tuyến ống.</li> <li>- Nghiệm thu và bàn giao.</li> <li>- An toàn lao động và vệ sinh môi trường.</li> <li>- Thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được cấu tạo của hệ thống đường ống thoát nước trong nhà và khu vệ sinh.</li> <li>- Trình bày được cách thức bố trí hệ thống đường ống thoát nước.</li> <li>- Nhận biết được các loại ống dùng trong hệ thống thoát nước.</li> <li>- Mô tả được ưu, nhược điểm của từng loại vật liệu làm ống.</li> <li>- Nêu được trình tự sử dụng và tính năng của thiết bị dùng để lắp, nối ống.</li> <li>- Trình bày được phương pháp cắt ống, ren ống, nối ống bằng thủ công hoặc bằng máy.</li> <li>- Trình bày được cách định vị tuyến ống.</li> <li>- Mô tả được cách thử độ kín và độ chịu áp lực đường ống.</li> <li>- Biết cách nghiệm thu, bàn giao đưa đồng hồ vào sử dụng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc được bản vẽ xây dựng, bản vẽ tuyến ống thoát nước, bản vẽ thoát nước khu vệ sinh.</li> <li>- Thống kê được đầy đủ, đúng chủng loại, các loại phụ tùng, vật liệu của đường ống.</li> <li>- Gia công đường ống thoát nước trong nhà và khu vệ sinh.</li> <li>- Xê được rãnh đặt ống đảm bảo đúng vị trí, kích thước và an toàn trong quá trình xê rãnh.</li> <li>- Lắp đặt đường ống thoát nước trong nhà và khu vệ sinh đảm bảo yêu cầu kỹ, mỹ thuật.</li> <li>- Kiểm tra được chất lượng của hệ thống đường ống thoát nước trong nhà và khu vệ sinh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm thận, chính xác, trong quá trình thực hiện công việc.</li> <li>- Hợp tác tốt theo nhóm, tổ để thực hiện công việc.</li> <li>- Tuân thủ các quy định về nội dung.</li> </ul>	<p>Sự đầy đủ của công tác chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phục vụ cho công việc.</p> <p>Đánh giá theo yêu cầu thiết kế:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ chính xác của các thông số kỹ thuật, chủng loại theo mã, ký hiệu của các thiết bị và vật liệu được lựa chọn.</li> <li>- Mức độ chính xác của vị trí gá lắp các thiết bị theo TCVN 4519- 1988.</li> <li>- Độ chính xác của các thông số kỹ thuật của các bộ phận được gia công bằng thủ công hoặc bằng máy.</li> <li>- Mức độ chắc chắn, an toàn và gọn gàng của đường ống.</li> <li>- Mức độ kiểm tra chính xác và phù hợp khi vận hành thử nghiệm và vận hành bàn giao.</li> <li>- Nghiệm thu và bàn giao đúng quy định.</li> </ul> <p>Đánh giá sự hợp lý trong thực hiện quy trình; tính nghiêm túc, trung thực của việc kiểm tra; việc đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường; thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</p>

MÔ ĐUN	Tóm tắt nội dung	Kiến thức thiết yếu	Kỹ năng cần đạt	Thái độ	Tiêu chí đánh giá
<b>MĐ26: LẮP ĐẶT THIẾT BỊ VỆ SINH</b>	<p>Thực hiện lắp đặt thiết bị vệ sinh gồm xí, máng tiêu, ga thu nước sàn, chậu rửa, bồn tắm, vòi sen,... theo trình tự và yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc bản vẽ.</li> <li>- Chuẩn bị dụng cụ, vật tư cần cho công việc.</li> <li>- Đo lấy dấu và xác định vị trí lắp đặt.</li> <li>- Lắp đặt các thiết bị.</li> <li>- Kiểm tra vận hành thử.</li> <li>- An toàn lao động và vệ sinh môi trường.</li> <li>- Thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được nguyên tắc cấu tạo của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.</li> <li>- Trình bày được các yêu cầu kỹ thuật đối với các bộ phận của hệ thống nước thải sinh hoạt như xí, máng tiêu, chậu rửa, ga thu nước sàn, bồn tắm...</li> <li>- Phân tích được định mức vật liệu, và nhân công phục vụ cho lắp đặt.</li> <li>- Nêu được trình tự sử dụng và tính năng của thiết bị dùng để lắp, nối ống.</li> <li>- Biết tỉ lệ nguyên liệu để trộn vữa phục vụ thi công.</li> <li>- Mô tả được cách thử độ kín của thiết bị nối.</li> <li>- Biết cách nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê và phân loại được các thiết bị, phụ tùng lắp đặt cho từng công việc.</li> <li>- Tính toán được khối lượng, nhân công, vật liệu phục vụ cho việc lắp đặt.</li> <li>- Thực hiện được các bước lắp đặt thiết bị thu nước bẩn.</li> <li>- Trộn được các loại vữa phục vụ cho xây, trát, ốp, lát, lắp đặt.</li> <li>- Làm được các công việc lắp đặt các thiết bị thu nước thải sinh hoạt.</li> <li>- Phát hiện được các sự cố kỹ thuật của hệ thống thu nước thải sinh hoạt.</li> <li>- Kiểm tra, đánh giá được chất lượng các công việc lắp đặt.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm thận, chính xác, trong quá trình thực hiện công việc.</li> <li>- Hợp tác tốt theo nhóm, tổ để thực hiện công việc.</li> <li>- Tuân thủ các quy định về nội quy an toàn lao động.</li> </ul>	<p>Sự đầy đủ của công tác chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phục vụ cho công việc.</p> <p>Đánh giá theo yêu cầu thiết kế:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lấy dấu nở định vị đúng vị trí, sai lệch kích thước <math>\pm 2</math>.</li> <li>- Mối ghép ren chắc, ren không bị mẻ, cháy; các mối nối kín không rò rỉ khi thử thiết bị; vòi cấp nước chắc chắn, cân đối không nghiêng; van xả nước đóng, mở êm nhẹ nhàng; các mối nối kín không thấm nước.</li> <li>- Đối chiếu với TCVN 4474-1987 về kích thước.</li> </ul> <p>Đánh giá sự hợp lý trong thực hiện quy trình; tính nghiêm túc, trung thực của việc kiểm tra; việc đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường; thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</p>
<b>MĐ27: LÀM MÁI</b>	<p>Thực hiện lợp mái với ngói, tôn, fibơ rô xi măng... theo trình tự và yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc bản vẽ.</li> <li>- Chuẩn bị dụng cụ, vật tư cần cho công việc.</li> <li>- Đo lấy dấu và xác định vị trí đặt ngói, tấm mái.</li> <li>- Lợp mái theo thiết kế.</li> <li>- Kiểm tra độ chắc, kín.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được trình tự các bước và các yêu cầu kỹ thuật của công việc lợp mái tôn, mái ngói 22 viên/1m<sup>2</sup>, mái fibơ rô xi măng, mái lợp ngói vẩy cá.</li> <li>- Mô tả được đặc điểm và phạm vi sử dụng của một số loại ngói lợp, fibơ rô xi măng thông dụng.</li> <li>- Biết những lỗi thông thường và cách xử lý khi lợp mái.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được độ dốc của mái.</li> <li>- Tính toán được số viên ngói, số tấm lợp cho một mái dốc.</li> <li>- Sử dụng được một số loại máy cắt để cắt ngói.</li> <li>- Lợp được một số loại mái tôn, mái fibơ rô xi măng, mái ngói đạt các yêu cầu kỹ, mỹ thuật.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ý thức tổ chức, kỷ luật, tác phong công nghiệp.</li> <li>- Có tinh thần trách nhiệm trong quá trình làm việc độc lập và theo nhóm.</li> <li>- Chăm thận,</li> </ul>	<p>Sự đầy đủ của công tác chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phục vụ cho công việc.</p> <p>Đánh giá theo yêu cầu thiết kế:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lấy dấu định vị đúng vị trí, sai lệch kích thước <math>\pm 5</math>.</li> <li>- Cao độ và độ dốc bề mặt mái theo thiết kế.</li> <li>- Độ chắc chắn, kín khí,</li> </ul>



MÔ ĐUN	Tóm tắt nội dung	Kiến thức thiết yếu	Kỹ năng cần đạt	Thái độ	Tiêu chí đánh giá
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- An toàn lao động và vệ sinh môi trường.</li> <li>- Thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết neo buộc các viên ngói, tấm tôn, fibơrô xi măng vào ni tô, xà gồ; liên kết các viên ngói, tấm tôn, fibơrô xi măng vào sườn mái.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>chính xác, gọn gàng.</li> <li>- Thực hiện được các yêu cầu an toàn trong khi làm việc và vệ sinh công nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>thẳng đều của ngói, tấm mái.</li> <li>Đánh giá sự hợp lý trong thực hiện quy trình; tính nghiêm túc, trung thực của việc kiểm tra; việc đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường; thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</li> </ul>
<b>MĐ28:</b> <b>TRÁT</b> <b>VỮA</b> <b>TRỘN ĐÁ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện trát vữa trộn đá theo trình tự và các yêu cầu sau:</li> <li>- Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, mặt bằng, xử lý bề mặt.</li> <li>- Tạo độ sạch, độ ẩm, độ nhám của mặt trát đúng yêu cầu kỹ thuật.</li> <li>- Xác định kích thước, chia ô đúng thiết kế.</li> <li>- Đắp mốc, lên vữa, cán phẳng, vỗ đều</li> <li>- Rửa đá hoặc mài đá hoặc băm đá... theo yêu cầu thiết kế</li> <li>- Đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và an toàn lao động.</li> <li>- Thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm, các yêu cầu kỹ thuật của vữa trộn đá.</li> <li>- Trình bày được trình tự và phương pháp pha trộn vữa đá.</li> <li>- Mô tả được cấu tạo, phạm vi sử dụng, các yêu cầu kỹ thuật của mặt trát granitô, mặt trát granitê, mặt trát granitin, mặt láng granitô.</li> <li>- Trình bày được trình tự và cách thực hiện các loại mặt trát.</li> <li>- Nêu được các sai phạm thường gặp trong quá trình trộn vữa.</li> <li>- Giải thích được nguyên nhân và đưa ra được biện pháp khắc phục hiện tượng vữa trát bị nứt, bong rộp, hiện tượng mặt trát đá lộ không đều, không đồng màu thiết kế.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Pha trộn được vữa đá đúng định mức.</li> <li>- Phân loại được chất lượng của vữa đá.</li> <li>- Điều chỉnh độ dẻo của vữa.</li> <li>- Lên vữa, cán vữa theo yêu cầu các loại mặt trát.</li> <li>- Điều chỉnh chiều dày lớp vữa trát.</li> <li>- Quan sát, đánh giá để cán phẳng, xoa nhẵn.</li> <li>- Nhận biết độ đồng đều của bề mặt.</li> <li>- Kiểm tra, đánh giá chất lượng các loại mặt trát.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cẩn thận, tỷ mỉ chính xác.</li> <li>- Biết phối hợp theo nhóm thợ để thực hiện công việc.</li> <li>- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sự đầy đủ của công tác chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phục vụ cho công việc.</li> <li>Đánh giá theo yêu cầu thiết kế:</li> <li>- Độ sạch, độ ẩm của mặt trát.</li> <li>- Độ chính xác kích thước các ô trát theo thiết kế.</li> <li>- Độ đặc chắc, phẳng, đá lộ đều, chân bám chắc.</li> <li>- Thao tác lên vữa, lao thước, vỗ bề mặt đều tay, chuẩn xác.</li> <li>- Độ chắc chắn và ổn định của giáo trát.</li> <li>Đánh giá sự hợp lý trong thực hiện quy trình; tính nghiêm túc, trung thực của việc kiểm tra; việc đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường; thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</li> </ul>
<b>MĐ30:</b> <b>XÂY</b> <b>DỰNG</b> <b>VỚI</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Căn cứ vào bản vẽ thi công và bản vẽ chi tiết để xác định kích thước và vị trí cần xây móng; xây tường phẳng,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được các tính chất cơ lý của vữa (keo) xây dựng; gạch chung áp AAC (gạch nhẹ)</li> <li>- Trình bày được các yêu cầu kỹ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc và phân tích được bản vẽ thi công đối với từng đối tượng cần xây.</li> <li>- Tính toán được khối lượng,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tính tự giác trong học tập, hợp tác tốt khi thực tập theo</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sự đầy đủ của công tác chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phục vụ cho công việc.</li> <li>Đánh giá theo TCXDVN</li> </ul>

MÔ ĐUN	Tóm tắt nội dung	Kiến thức thiết yếu	Kỹ năng cần đạt	Thái độ	Tiêu chí đánh giá
<b>GẠCH CHUNG ÁP (AAC)</b>	<p>tường cong, tường thu hồi, tường trụ cửa; xây trụ chữ nhật, trụ tròn, trụ đa giác, trụ liền tường; xây gờ thẳng, gờ cong; xây vòm; xây bê bảo đảm đúng vị trí, kích thước hình học và các yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật theo các bước sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc các thông số kỹ thuật trên bản vẽ thi công đầy đủ.</li> <li>- Chuẩn bị mặt bằng, vật liệu, dụng cụ.</li> <li>- Vị trí, kích thước đối tượng cần xây đúng theo yêu cầu thiết kế.</li> <li>- Cao độ đặt khối xây và cao độ kết thúc khối xây móng đúng thiết kế.</li> <li>- Mạch vữa mỏng đều, chắc, so le các mạch đứng.</li> <li>- Khối xây thẳng đứng, ngang bằng, phẳng mặt và vuông góc/tròn đều... theo yêu cầu mỹ thuật.</li> <li>- Giàn giáo chắc chắn, ổn định và an toàn.</li> <li>- An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.</li> <li>- Thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</li> </ul>	<p>thuật và cấu tạo của khối xây gạch.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được các chỉ tiêu đánh giá chất lượng của khối xây gạch.</li> <li>- Phân tích được định mức, nhân công, vật liệu trong công tác xây.</li> <li>- Trình bày được quy trình, thao tác xây và yêu cầu kỹ thuật ứng với từng đối tượng xây.</li> <li>- Trình bày được phương pháp xác định kích thước và cao độ của đối tượng xây.</li> <li>- Trình bày được quy trình, cách lắp dựng panel AAC cho tường và trần.</li> <li>- Giải thích được nguyên nhân gây ra hiện tượng không thẳng đứng, không vuông góc hoặc không đạt yêu cầu mỹ thuật của khối xây.</li> </ul>	<p>nhân công, vật liệu cho công tác xây.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính toán được liều lượng pha trộn vữa (keo).</li> <li>- Trộn vữa (keo) xây dựng AAC bằng máy quấy.</li> <li>- Vạch dấu kích thước và cao độ của đối tượng xây.</li> <li>- Làm được các công việc gồm: xây móng, xây tường, xây trụ, xây gờ, xây bậc, xây cuốn, xây vòm cong một chiều, xây bê.</li> <li>- Thực hiện được thao tác rải vữa (keo), điều chỉnh viên gạch xây theo dây căng, miết mạch.</li> <li>- Phát hiện và xử lý được các sai hỏng khi thực hiện công việc.</li> <li>- Kiểm tra, đánh giá được chất lượng của khối xây.</li> <li>- Hợp tác, phối hợp làm việc nhóm trong quá trình xây.</li> </ul>	<p>nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuân thủ thực hiện vệ sinh công nghiệp, có ý thức tiết kiệm vật liệu và bảo quản dụng cụ thực tập.</li> </ul>	<p>các chỉ số về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ chính xác vị trí, kích thước của các đối tượng xây.</li> <li>- Độ chính xác của cao độ đặt khối xây và cao độ kết thúc khối xây.</li> <li>- Độ đặc của mạch vữa, so le các mạch đứng, thẳng đứng, ngang bằng, phẳng mặt và vuông góc/tròn đều... của khối xây. Mạch dày &lt; 3mm.</li> <li>- Độ chắc chắn và ổn định của giáo xây.</li> </ul> <p>Đánh giá sự hợp lý trong thực hiện quy trình; tính nghiêm túc, trung thực của việc kiểm tra; việc đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường; thời gian thực hiện theo định mức của doanh nghiệp.</p>

**Phụ lục 13:***(trích dẫn)*

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI  
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHƯƠNG TRÌNH DẠY NGHỀ TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 761/QĐ-TCDN  
ngày 11 tháng 12 năm 2012 của Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề)*

**Tên nghề:** Kỹ thuật Xây dựng**Mã nghề:** 50580201**Trình độ đào tạo:** Cao đẳng nghề**Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương;**Số lượng môn học, mô đun đào tạo:** 29**Bằng cấp sau khi tốt nghiệp:** Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,**I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO***1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:***- Kiến thức:**

- + Nêu được các quy định của bản vẽ thiết kế công trình xây dựng;
- + Trình bày được phương pháp đọc một bản vẽ thiết kế;
- + Trình bày được các kiến thức cơ bản và chuyên môn của các công việc của nghề Kỹ thuật xây dựng (đào móng, xây gạch, trát, lát, láng, ốp, gia công, lắp dựng và tháo dỡ cốp pha, giàn giáo, gia công lắp đặt cốt thép, trộn đổ đầm bê tông, lắp đặt các cấu kiện loại nhỏ, lắp đặt thiết bị vệ sinh, bả ma tít, sơn vôi ) nhằm phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm và hạ giá thành sản phẩm;
- + Nêu được quy trình thi công các công việc được giao thực hiện;
- + Nêu được ứng dụng một số thành tựu kỹ thuật - công nghệ, vật liệu mới ở một phạm vi nhất định vào thực tế nơi làm việc;
- + Biết được cách thức tổ chức sản xuất và tìm kiếm việc làm;
- + Nêu được trình tự, phương pháp lập dự toán các công việc của nghề.

**- Kỹ năng:**

- + Đọc được bản vẽ kỹ thuật và phát hiện được các lỗi thông thường của bản vẽ kỹ thuật;
- + Sử dụng được các loại máy, dụng cụ và một số thiết bị chuyên dùng trong nghề xây dựng;
- + Làm được các công việc của nghề kỹ thuật xây dựng như: đào móng, xây gạch, trát, lát, láng, ốp, gia công, lắp dựng và tháo dỡ cốp pha, giàn giáo, gia công lắp đặt cốt thép, trộn đổ đầm bê tông, lắp đặt các cấu kiện loại nhỏ, lắp đặt thiết bị vệ sinh, bả mát tít, sơn vôi;
- + Lắp đặt được mạng điện sinh hoạt, lắp đặt đường ống cấp, thoát nước trong nhà;
- + Làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm;
- + Tính được khối lượng, vật liệu, nhân công và tổ chức thi công các công việc của nghề;
- + Sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc thực tế của nghề và xử lý được những vấn đề phức tạp của nghề nảy sinh trong quá trình làm việc.

## 2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

### - Chính trị, pháp luật:

- + Có hiểu biết một số kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lê nin và Hiến pháp, Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- + Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển xây dựng của địa phương, khu vực, vùng, miền;
- + Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa;
- + Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp - Pháp luật.

### - Đạo đức, tác phong công nghiệp:

- + Có phẩm chất đạo đức tốt, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, trung thực và có tính kỷ luật cao, tử mỹ chính xác, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao ở các nhà máy, xí nghiệp sản xuất hoặc công ty kinh doanh về lĩnh vực điện;
- + Yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp;
- + Có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc;
- + Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

- + Đủ sức khoẻ theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;
- + Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất;
- + Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;
- + Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm (các vị trí làm việc trong tương lai):

Sau khi tốt nghiệp cao đẳng nghề, sinh viên sẽ:

- Làm thợ thực hiện các công việc thuộc lĩnh vực xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp thuộc các doanh nghiệp xây dựng;
- Tự tổ chức được tổ, nhóm thợ thực hiện các công việc của nghề xây dựng;
- Làm giáo viên trong các cơ sở đào tạo nghề.

## II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học:

- Thời gian đào tạo: 2,5 năm
- Thời gian học tập: 108 tuần
- Thời gian thực học: 3350 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết mô đun, môn học và thi tốt nghiệp: 320 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 80 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học:

- Thời gian học các môn học chung: 450 giờ
- Thời gian học các mô đun, môn học đào tạo nghề: 2900 giờ
- Thời gian học lý thuyết: 607 giờ; Thời gian học thực hành: 2293 giờ

## III. DANH MỤC MÔ ĐUN, MÔN HỌC ĐÀO TẠO, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MD	Tên mô đun, môn học	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>450</b>	<b>220</b>	<b>200</b>	<b>30</b>
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng- An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10

<b>II</b>	<b>Các mô đun, môn học đào tạo nghề</b>	<b>2900</b>	<b>588</b>	<b>2107</b>	<b>205</b>
<b>II.1</b>	<b>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</b>	<b>240</b>	<b>183</b>	<b>38</b>	<b>19</b>
MH 07	Vẽ kỹ thuật	90	45	38	7
MH 08	Bảo hộ lao động	30	27	0	3
MH 09	Điện kỹ thuật	30	27	0	3
MH 10	Vật liệu xây dựng	30	27	0	3
MH 11	Tổ chức quản lý	15	14	0	1
MH 29	Dự toán	45	43	0	2
<b>II.2</b>	<b>Các mô đun, môn học chuyên môn nghề</b>	<b>2660</b>	<b>405</b>	<b>2069</b>	<b>186</b>
MĐ 12	Đào móng	55	15	29	11
MĐ 13	Xây gạch	430	55	351	24
MĐ 14	Lắp đặt cầu kiện loại nhỏ	80	15	59	6
MĐ 15	Trát, lán	450	55	360	35
MĐ 16	Lát, ốp	135	20	109	6
MĐ 17	Bả mắt tít, sơn vôi	95	20	69	6
MĐ 18	Làm hoạ tiết trang trí	120	20	92	8
MĐ 19	Gia công, lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn, giàn giáo	155	25	114	16
MĐ 20	Gia công, lắp đặt cốt thép	190	30	141	19
MĐ 21	Hàn hồ quang	85	15	66	4
MĐ 22	Trộn, đổ, đầm bê tông	100	30	64	6
MĐ 23	Lắp đặt mạng điện sinh hoạt	150	30	112	8
MĐ 24	Lắp đặt đường ống cấp nước trong nhà	145	15	122	8
MĐ 25	Lắp đặt đường ống thoát nước khu vệ sinh	105	15	88	2
MĐ 26	Lắp đặt thiết bị vệ sinh	95	20	69	6
MĐ 27	Làm mái	60	10	46	4
MĐ 28	Trát vữa trộn đá	210	15	178	17
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3350</b>	<b>808</b>	<b>2307</b>	<b>235</b>

**Phụ lục 14:**

*(Trích dẫn nội dung một mô đun mới bổ sung sau khi phát triển CTĐT)*

**CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN: XÂY DỰNG VỚI GẠCH CHUNG ÁP**

**Mã số của Mô đun:** MĐ30

**Thời gian của Mô đun:** 210 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành: 178 giờ; Kiểm tra: 17 giờ)

**I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN**

1. *Vị trí:* Mô đun MĐ30 được bố trí sau khi sinh viên đã học xong các môn học chung, các môn học kỹ thuật cơ sở và MĐ12.

2. *Tính chất:* Là mô đun chuyên môn nghề có nội dung, kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu của sự thay đổi công nghệ hoặc đặc thù về sử dụng lao động của ngành, vùng, miền. Mô đun này có thể học thay thế cho mô đun MĐ28.

**II. MỤC TIÊU CỦA MÔ ĐUN***1. Kiến thức*

- Trình bày được các tính chất cơ lý của vữa (keo) xây dựng với gạch chung áp (AAC).
- Trình bày được cấu tạo và các yêu cầu kỹ thuật của khối xây gạch AAC các loại.
- Nêu được các chỉ tiêu đánh giá chất lượng của khối xây gạch AAC.
- Phân tích được định mức, nhân công, vật liệu trong công tác xây gạch AAC.

*2. Kỹ năng*

- Tính toán được liều lượng pha trộn vữa (keo).
- Trộn được các loại vữa (keo) đúng quy định xây dựng AAC.
- Làm được các công việc; xây móng, xây tường, xây trụ, xây gờ, xây bậc, xây cuốn, xây vòm cong một chiều đối với gạch AAC.
- Phát hiện và xử lý được các sai hỏng khi thực hiện công việc xây gạch AAC.
- Làm được việc kiểm tra, đánh giá chất lượng các công việc xây gạch AAC.
- Tính toán được khối lượng, nhân công, vật liệu cho công tác xây gạch AAC.

*3. Thái độ*

- Có tính tự giác trong học tập, hợp tác tốt khi thực tập theo nhóm.

- Tuân thủ thực hiện vệ sinh công nghiệp, có ý thức tiết kiệm vật liệu và bảo quản dụng cụ thực tập.

### III. NỘI DUNG CỦA MÔ ĐUN

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra*
1	Trộn vữa (keo) xây dựng cho gạch AAC	1	0,5	0,5	
2	Xây tường $\geq 200$ ; $\leq 100$	15	1	12	2
3	Xây mỏ	4	0,5	3,5	
4	Xây tường trừ cửa	4	0,5	3,5	
5	Xây tường thu hồi	4	0,5	3,5	
6	Xây tường chèn khung	8	0,5	5,5	2
7	Xây móng	12	1	9	2
8	Xây trụ độc lập tiết diện chữ nhật	12	0,5	11,5	
9	Xây trụ liền tường	12	0,5	9,5	2
10	Xây trụ tròn, trụ đa giác đều	24	1	21	2
11	Xây gờ thẳng	7	0,5	6,5	
12	Xây gờ cong	13	1	10	2
13	Xây bậc tam cấp, bậc cầu thang	24	1	21	2
14	Xây cuốn cung tròn đối xứng	24	1	21	2
15	Xây tường cong	12	1	11	
16	Xây vòm	16	1	13	2
17	Lắp ghép panel AAC cỡ trung bình và lớn	16	1	14	1
18	Tính khối lượng, vật liệu, nhân công	2	2		
	<b>Cộng</b>	<b>210</b>	<b>15</b>	<b>178</b>	<b>17</b>

\* Ghi chú:

- Thời gian kiểm tra được tích hợp giữa lý thuyết với thực hành được tính vào giờ thực hành và kiểm tra tất cả các nội dung đã học nhưng chưa kiểm tra trước đó.

- Trình độ Trung cấp nghề học các bài: 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 11; 12; 13; 15; 17; 18.

- Trình độ Cao đẳng nghề học từ bài 1 đến bài 18.

- Đối với học sinh đã có bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề, học các bài 10; 14; 16.

2. Nội dung chi tiết: bao gồm mục tiêu kiến thức, kỹ năng, yêu cầu, nội dung của từng bài học (trương đương một NLTH).



#### IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

##### 1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng

- Phòng học tích hợp (lý thuyết + thực hành).
- Mô hình xây dựng với vật liệu bê tông khí chưng áp AAC.

##### 2. Trang thiết bị máy móc

- Xe cải tiến, máy trộn vữa, máy cắt gạch,...

##### 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Dụng cụ của cá nhân: Dao xây, bay làm mạch, ni vô quả dọi, thước tầm, thước đo độ dài, thước vuông,...
- Dụng cụ dùng chung: Xô tôn, hộc đựng vữa, cuốc bàn, xẻng,
- Gạch AAC, tấm panel AAC, vữa (keo) chuyên dụng.
- Tài liệu hướng dẫn xây dựng với vật liệu AAC và giáo trình liên quan.
- Bản vẽ phóng thể hiện cấu tạo các bộ phận kết cấu xây bằng gạch, bản vẽ phóng nêu trình tự thực hiện các công việc.

#### V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

##### 1. Nội dung

- *Về kiến thức:* cấu tạo, các yêu cầu kỹ thuật, trình tự và phương pháp thực hiện các công việc; cấu tạo khối xây gạch, xây mỏ, xây tường thu hồi, xây móng, xây trụ độc lập tiết diện chữ nhật, xây bậc tam cấp, bậc cầu thang, xây gạch trần, tính khối lượng vật liệu, nhân công trong công tác xây.
- *Về kỹ năng:* xây mỏ, xây tường thu hồi, xây móng, xây trụ độc lập tiết diện chữ nhật, xây tụ tròn, trụ đa giác đều, xây bậc tam cấp, bậc cầu thang, xây gạch trần
- *Về thái độ:* Được đánh giá trong quá trình học tập lấy kết quả để nhận xét, đánh giá về sự phấn đấu, rèn luyện của sinh viên

##### 2. Phương pháp

- *Kiến thức:* Được đánh giá bằng một bài kiểm tra lý thuyết hoặc vấn đáp một sản phẩm đã hoàn thành.
- *Kỹ năng:* Được đánh giá thông qua quan sát thực hiện bài thực hành được tổ chức theo nhóm hoặc thực hiện độc lập.
- *Thái độ:* Được đánh giá qua thời gian học mô đun và phối hợp theo nhóm.

#### VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

1. *Phạm vi áp dụng của mô đun:* Mô đun được áp dụng để giảng dạy cho các cơ sở đào tạo trình độ Cao đẳng nghề Kỹ thuật Xây dựng.

2. *Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy mô đun:*

- Phần học lý thuyết là các nội dung cơ bản có vai trò hướng dẫn, làm mẫu được thực hiện tại phòng học tích hợp và cần có bản vẽ phóng, máy chiếu... để minh họa

- Phần học thực hành được tổ chức tại phòng (xưởng) học tích hợp hoặc trên mô hình học tập.

- Phương pháp dạy:

+ Phần lý thuyết dùng phương pháp thuyết trình, trực quan...

+ Phần thực hành giảng giải, thao tác mẫu, hướng dẫn thực hành trong quá trình.

+ Phần hướng dẫn thường xuyên: giáo viên bao quát để hướng dẫn hỗ trợ, uốn nắn các lỗi trong thao tác.

3. *Trọng tâm của mô đun:* Cấu tạo khối xây, trình tự và phương pháp xây mỏ, xây tường thu hồi, xây trụ tròn, trụ đa giác đều, xây bậc tam cấp, bậc cầu thang, xây gạch trần

4. *Tài liệu cần tham khảo*

- Tài liệu hướng dẫn xây dựng với gạch (bê tông khí) chung áp AAC, Trung tâm đào tạo nghề xây dựng Việt-Đức (CUWC).

- Giáo trình Kỹ thuật Nền theo phương pháp mô đun Tập thể giáo viên Trường Trung học Xây dựng – Bộ Xây dựng - Nhà xuất bản Xây dựng năm 2000.

- Giáo trình Kỹ thuật thi công - Nhà xuất bản Xây dựng năm 2000.

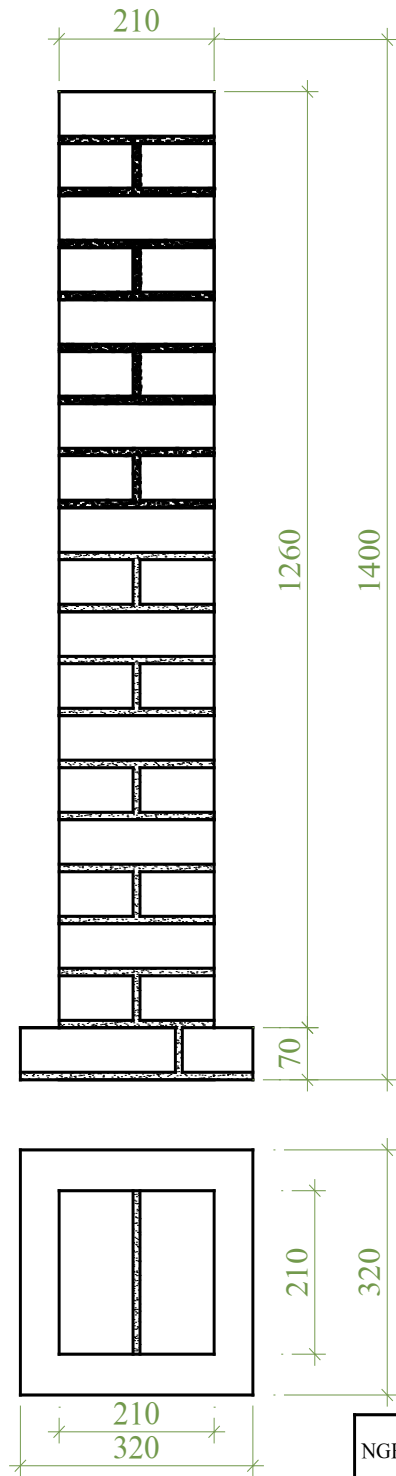
- Cấu tạo Kiến trúc - Nhà xuất bản xây dựng năm 1996.

**Phụ lục 15:***(Mẫu đề thi số 1 nghề Kỹ thuật xây dựng)*

<b>BỘ XÂY DỰNG TRƯỜNG CĐXDCT ĐÔ THỊ</b>	<b>KỲ THI ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THEO CHUẨN ĐẦU RA</b>
<b>BÀI THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC THỰC HIỆN</b>	
CHUYÊN NGÀNH	CNKT XÂY DỰNG
TÊN NGHỀ	Xây gạch
BẬC TRÌNH ĐỘ	Tương đương bậc 2/5
Thời gian thi	180 phút
Mã số bài thi	CDR-CKX-001

**TÊN BÀI THI: XÂY TRỤ ĐỘC LẬP****I. NỘI DUNG BÀI THI VÀ BẢN VẼ**

<i>TT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Thời gian (phút)</i>	<i>Điểm</i>
1	Sử dụng các dụng cụ chuyên dùng để xây trụ độc lập kích thước 210*210*1260 đảm bảo đúng các yêu cầu kỹ thuật theo bản vẽ.	180	100
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>180</b>	<b>100</b>



XÂY TRU

NGHỀ: NỀ HOÀN THIÊN	BÀI THI THỰC HÀNH KĨ NĂNG NGHỀ (CHUẨN ĐẦU RA)	
Người vẽ:		
Duyệt	BẢN VẼ XÂY TRU ĐỘC LẬP	
Ngày ....tháng ....năm .....		BẢN VẼ SỐ :01

## II. MÔ TẢ KỸ THUẬT CỦA BÀI THI

### 2.1. Phạm vi đề thi:

- Đề thi dành cho HSSV đã học tập các học phần/mô đun liên quan đến nghề Kỹ thuật xây dựng.
- Đề thi phù hợp cho cả đối tượng nam và nữ dự thi.
- Đề thi thực hiện cho một học sinh.

### 2.2. Mô tả kỹ thuật bài thi:

#### - *Vật liệu sử dụng:*

- + Vữa khô trộn sẵn đóng bao;
- + Gạch chỉ kích thước 210\*100\*60.

#### - *Các kỹ năng cần thiết:*

- + Đọc và nghiên cứu bản vẽ xác định vị trí kích thước;
- + Tính toán số lượng vật liệu tối thiểu theo yêu cầu;
- + Chuẩn bị mặt bằng cần thiết trong công việc xây tự độc lập;
- + Xây tự độc lập theo đúng bản vẽ kỹ thuật;
- + Xây tự độc lập theo đúng trình tự;
- + An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.

## III. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ

### 3.1. Tiêu chí đánh giá và yêu cầu thực hiện:

#### 3.1.1. Tiêu chí đánh giá:

- Đánh giá về việc chấp hành thời gian theo đề thi (đánh giá sau khi kết thúc làm bài thi).
- Đánh giá về việc sử dụng nguyên vật liệu, thiết bị cho bài thi (đánh giá trong quá trình làm bài thi).
- Đánh giá về vệ sinh công nghiệp (đánh giá sau kết thúc làm bài thi).
- Đánh giá sau mỗi bước hoàn thành và đánh giá hoàn thiện sản phẩm theo bản vẽ.
- Đánh giá sự chính xác kích thước theo đề thi.
- Đánh giá về an toàn lao động trong quá trình thực hiện bài thi (đánh giá trong quá trình làm bài thi).
- Bài thi đạt yêu cầu có tổng số điểm đánh giá từ 50 điểm trở lên.

#### 3.1.2. Yêu cầu thực hiện:

- Đo tính toán và lấy dấu kích thước tự cần xây;
- Xây lớp thứ 1;
- Xây lớp thứ 2;
- Xây lớp thứ 3;
- Xây các lớp trên.
- Kiểm tra, hoàn thiện, vệ sinh tự đã xây;
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công;

- Chùi rửa cát dụng cụ đúng tại nơi quy định.
- An toàn lao động trong thi công .

**3.2. Hướng dẫn chấm điểm:** Sử dụng phương pháp trừ điểm, đó là cố định số điểm mà người dự thi có từ đầu, số điểm sẽ bị trừ tùy theo lỗi, điểm sau cùng sẽ là số điểm có từ đầu trừ đi số điểm bị trừ.

<b>TT</b>	<b>Nội dung đánh giá</b>	<b>Tổng điểm</b>	<b>Điểm trừ</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1</b>	<b>Thời gian</b>	<b><u>5</u></b>		
1.1	Quá thời gian chuẩn đến 5 phút		2	
1.2	Quá thời gian chuẩn trên 5 đến 10 phút		3	
1.3	Quá thời gian chuẩn lớn hơn 10 phút		5	Dừng bài thi
<b>2</b>	<b>Trình tự thực hiện</b>	<b><u>18</u></b>		
2.1	Đo tính toán và lấy dấu kích thước trụ cần xây .		3	Dừng thi và không chấm bài thi nếu thiếu từ 3 bước trở lên
2.2	Xây lớp thứ 1		3	
2.3	Xây lớp thứ 2		3	
2.4	Xây lớp thứ 3		3	
2.5	Xây các lớp trên		3	
2.6	Kiểm tra , hoàn thiện		3	
<b>3</b>	<b>Sử dụng vật liệu</b>	<b><u>6</u></b>		
3.1	Sử dụng thêm một phần tử vật liệu		3	
3.2	Sử dụng thêm hai phần tử vật liệu ( <i>chỉ được thêm 2 lần</i> )		6	
<b>4</b>	<b>Chất lượng sản phẩm</b>	<b><u>50</u></b>		
4.1	Kích thước mặt trước của trụ	4		Sai số 1mm trừ 0.5 điểm
4.2	Kích thước mặt bên của trụ	4		
4.3	Kích thước chiều cao từ chân đến đỉnh trụ	5		
4.4	Thẳng đứng mặt trước của trụ	5		
4.5	Thẳng đứng mặt bên của trụ	8		
4.6	Phẳng mặt mặt trước của trụ	8		
4.7	Phẳng mặt mặt bên của trụ	4		
4.8	Góc dưới chân trụ	3		
4.9	Góc trên đỉnh trụ	3		
4.10	Ngang bằng mặt trên của trụ	3		
4.11	Độ đặc chắc đạt được 90%	3		
	Đạt được 80%	2.5		
	Đạt được 70%	2.0		
	Đạt được 60%	1.5		
	Đạt được 50%	1		
	Đạt được <50%	0		
<b>5</b>	<b>Vệ sinh công nghiệp:</b>	<b><u>6</u></b>		
5.1	Không dọn dẹp sạch sẽ vị trí thi		2	

5.2	Không xếp gọn các dụng cụ và trang thiết bị vào đúng nơi quy định		2	
5.3	Không đổ rác đúng nơi quy định		2	
<b>6</b>	<b>An toàn lao động:</b> <i>Nếu không đội mũ bảo hộ, mặc quần áo bảo hộ và đeo găng tay bảo hộ, lần đầu tiên nhắc nhở, lần tiếp theo:</i>	<b>15</b>		
6.1	Không đội mũ và không đi giày bảo hộ		2	
6.2	Không mặc đủ quần áo bảo hộ		2	
6.3	Không đeo găng tay bảo hộ		2	
6.4	Làm bị thương bản thân hoặc người khác		5	
6.5	Làm hư hỏng dụng cụ, thiết bị của mình hoặc của người khác		4	
	<b>Tổng điểm:</b>	<b>100</b>		

#### IV. DANH MỤC DỤNG CỤ, THIẾT BỊ, VẬT TƯ

##### 4.1. Danh mục dụng cụ, thiết bị:

<i>TT</i>	<i>Tên dụng cụ, thiết bị</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Thông số kỹ thuật</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Thước tầm	cái	01	1.6m	
2	Thước vuông	cái	01	30x50cm	
3	Tấm gỗ phẳng	tấm	01	1,2x1,2m	
4	Xô	cái	01	20 lít	
5	Hộc	cái	01		
6	Chổi tre	cái	01		
7	Gông thép	cái	02	d8	
8	Thước vuông	cái	01	40x60cm	
9	Ni vô	cái	01	1,2m	
10	Thước mét	cái	01	Loại 5m	
11	Quả dọi	cái	01		Thí sinh chuẩn bị
12	Bút lấy dấu	cái	01		
13	Bay	cái	01		
14	Dao xây	cái	01		
15	Giày bảo hộ lao động	Đôi	1		
16	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	1		
17	Găng tay bảo hộ lao động	Đôi	1	Loại cotton	
18	Mũ bảo hộ lao động	Cái	1		

##### 4.2. Danh mục vật tư:

<i>TT</i>	<i>Tên vật tư</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Thông số kỹ thuật</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Vữa khô đông bao	kg	50		
2	Gạch chỉ 210*100*60	viên	45		

## V. HƯỚNG DẪN DÀNH CHO THÍ SINH DỰ THI

- Thí sinh nhận thẻ dự thi từ Trung tâm đánh giá kỹ năng nghề và phải đối chiếu các thông tin về bản thân một cách chính xác.
- Nhận tài liệu và nghe phổ biến nội qui thi tại điểm thi.
- Chuẩn bị các dụng cụ vật tư theo bảng danh mục dành cho thí sinh.
- Trước khi bắt đầu thi: kiểm tra tên và số lượng về loại vật liệu, thiết bị được cung cấp theo đề thi. Nếu tìm thấy loại vật liệu và thiết bị được cung cấp có sự sai khác so với đề thi thì đề nghị thay thế.
- Không được đề nghị thay thế loại vật liệu, thiết bị khi bài thi bắt đầu. Nếu xin thêm vật liệu, thiết bị sẽ bị trừ điểm theo qui định.
- Chỉ được sử dụng các loại dụng cụ, thiết bị, vật tư theo quy định đề thi.
- Không được sử dụng bất cứ loại vật liệu, thiết bị, sản phẩm lắp đặt trước mang từ bên ngoài vào.
- Khi thực hiện bài thi phải mặc quần áo bảo hộ, đi giày, mũ bảo hộ và găng tay phù hợp, an toàn với công việc. Nếu không sẽ bị trừ điểm theo qui định.
- Nếu không thực hiện xong bài thi theo thời gian qui định sẽ bị trừ điểm theo qui định về thời gian.
- Không được viết trước ra giấy, không được thảo luận với người khác, cấm sử dụng điện thoại hoặc các thiết bị có tính năng ghi âm, ghi hình ... liên quan đến bài thi trong quá trình thi.
- Bài thi của người dự thi sẽ không được đánh giá nếu: đem sản phẩm từ bên ngoài vào, sử dụng vật liệu bên ngoài, chưa lắp dựng và bài thi sẽ bị dừng ngay nếu nhận thấy vấn đề an toàn lao động ở mức độ nguy hiểm.
- Bài thi của người dự thi sẽ không được đánh giá nếu thí sinh lấy vật liệu, hoặc thiết bị cho bài thi của thí sinh khác trong cùng ca thi.
- Nếu cần xin thêm vật tư thiết bị trong quá trình thi thì phải báo với giám khảo hoặc cán bộ coi thi giải quyết.
- Phản ánh kịp thời tới Hội đồng thi nếu phát hiện các giám khảo, thí sinh khác có biểu hiện tiêu cực trong kỳ thi.
- Gửi Hội đồng thi các đồ dùng không nằm trong danh mục nguyên vật liệu qui định của bài thi và nhận lại khi hoàn thành bài thi.

### 4. MẪU PHIẾU CHẤM ĐIỂM:

#### PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI THI: XÂY TRỤ ĐỘC LẬP

Họ và tên người dự thi: .....

Ngày thi: ..... / ..... / 20.....

Vị trí thi số: .....

Điểm đạt được là ... điểm, số điểm bị trừ ... điểm.



TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Nội dung đánh giá	Kết quả/ giá trị yêu cầu	Kết quả/ giá trị thực tế	Điểm	Ghi chú
1	Thời gian	5	Hoàn thành trước hoặc đúng thời gian	5			
		3	Chậm đến 5 phút				
		2	Chậm trên 5 đến 10 phút				
		0	Chậm từ 10 phút trở lên				
2	Quy trình thực hiện	18	Đúng trình tự các bước và đảm bảo an toàn	18			
		3	Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ, vật tư làm việc				
		3	Đeo, lấy dấu xác định kích thước trụ cần trát				
		3	Trát các lớp				
		3	Cán phẳng				
		3	Xoa nhẵn				
		3	Sửa cạnh				
3	Sử dụng vật liệu	6	Không lấy thêm vật liệu	6			
		3	Sử dụng thêm một phần từ vật liệu				
		0	Sử dụng thêm hai phần từ vật liệu				
4	Chất lượng sản phẩm	50	Kích thước mặt trước của trụ	50			Sai số 1mm trừ 0,5 điểm
		4	Kích thước mặt bên của trụ				
		4	Kích thước chiều cao từ chân đến đỉnh trụ				
		5	Thẳng đứng mặt trước của trụ				
		5	Thẳng đứng mặt bên của trụ				
		8	Phẳng mặt mặt trước của trụ				
		8	Phẳng mặt mặt bên của trụ				
		3	Góc dưới chân trụ				
		3	Góc trên đỉnh trụ				
		3	Ngang bằng mặt trên của trụ				
		3	Độ đặc chắc đạt được 90%				
		2.5	Đạt được 80%				
		2	Đạt được 70%				
		1.5	Đạt được 60%				
		1	Đạt được 50%				
0	Đạt được <50%						
5	Vệ sinh công nghiệp	6	Vệ sinh sạch sẽ, gọn gàng, đúng quy định	6			
		2	Dọn dẹp sạch sẽ vị trí thi				
		2	Xếp gọn các dụng cụ và trang thiết bị vào đúng nơi quy định				
		2	Đồ rác đúng nơi quy định				
6	An toàn lao động	15	Thực hiện đúng quy định an toàn LĐ	15			
		2	Đội mũ bảo hộ, đi giày bảo hộ				
		2	Mặc đủ quần áo bảo hộ				
		2	Đeo găng tay bảo hộ				
		5	Không làm bị thương bản thân hoặc người khác				
		4	Không làm hư hỏng dụng cụ, thiết bị của mình hoặc của người khác				

*Họ tên và chữ ký của người tham gia đánh giá:*

**Hội đồng thi tay nghề**

**Trưởng ban đánh giá**